

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN VĂN VIỆT

NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI – 2024

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN VĂN VIỆT

**NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI HIỆN NAY**

Ngành : Chính trị học

Chuyên ngành: Công tác tư tưởng

Mã số: 9 31 02 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS, TS. Nguyễn Chí Mỹ

2: PGS, TS. Mai Đức Ngọc

HÀ NỘI – 2024

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CAND:	Công an nhân dân
CNH,HĐH :	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH:	Chủ nghĩa xã hội
KHXXH&NV:	Khoa học xã hội và nhân văn
LLCT:	Lý luận chính trị
NSC:	Nghiên cứu sinh
NXB:	Nhà xuất bản
PVS:	Phỏng vấn sâu
TTCT:	Thông tin chính trị

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả của luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Nguyễn Văn Việt

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	10
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	10
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY	32
1.1. Thông tin và nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên	32
1.2. Cấu trúc và vai trò nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên.....	49
1.3. Các yếu tố tác động đến nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên....	59
Chương 2: NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	73
2.1. Khái quát về các trường đại học và đặc điểm sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát của luận án	73
2.2. Thực trạng nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát.....	81
2.3. Đánh giá chung và những vấn đề đặt ra	102
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỊNH HƯỚNG, ĐÁP ỨNG NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY	124
3.1. Quan điểm định hướng, đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.....	124
3.2. Giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên.....	133
KẾT LUẬN	165
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	168
TÀI LIỆU THAM KHẢO	169
PHỤ LỤC	179

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Mức độ theo dõi chương trình thời sự của sinh viên	81
Biểu đồ 2.2: Mức độ hiểu biết của sinh viên về Đại hội Đảng lần thứ XIII...	85
Biểu đồ 2.4: Thái độ của sinh viên khi học tập các môn LLCT trên giảng đường	94
Biểu đồ 2.3: Đánh giá của sinh viên về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường....	95
Biểu đồ 2.5: Thái độ của sinh viên khi tham gia sinh hoạt chính trị	97
Biểu đồ 2.6: Thái độ của sinh viên khi tham gia các hoạt động ngoại khóa ..	99
Biểu đồ 2.7: Đánh giá của sinh viên về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT	101

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thông tin chính trị (TTCT) có vai trò quan trọng nó ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày, quyền lợi và trách nhiệm của người dân, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi mà “nguồn lực con người là quan trọng nhất”[39, t.2, tr.325]. TTCT là yếu tố quan trọng trong hình thành ý kiến, thái độ chính trị của con người “giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ” [38, tr.162] hiện nay.

Sinh viên, nguồn lực quan trọng bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Vì thế Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, bồi dưỡng nhân cách và bản lĩnh chính trị cho sinh viên. Sinh viên không chỉ là người hưởng thụ giáo dục mà còn là lực lượng lao động và trí thức trong tương lai, sinh viên còn là người có trình độ và học vấn tốt có khả năng tiếp cận thông tin một cách dễ dàng. Việc cung cấp TTCT sẽ đem lại lợi ích vô cùng quan trọng cho sinh viên, giúp các em tích cực hơn khi tham gia hoạt động xã hội, hoạt động chính trị từ đó củng cố niềm tin vào chế độ xã hội.

TTCT đem đến cho sinh viên thuận lợi lớn trong quá trình học tập, nâng cao hiểu biết xã hội, đồng thời tạo cho họ cơ hội để tìm chỗ đứng trong cuộc sống, giúp họ phát triển nhân cách để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giáo dục chính trị giúp sinh viên vững vàng về bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định đường lối đổi mới của Đảng, vì độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, con người hạnh phúc. Để giữ vững định hướng XHCN, để đào tạo, giáo dục sinh viên trở thành con người phát triển toàn diện, không thể thiếu nhu cầu và định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên vì hiện nay có không ít sinh viên “nhặt Đảng, phai Đoàn, khô chính trị”, tức là nhu cầu TTCT còn rất hạn chế.

Trên địa bàn Hà Nội hiện nay có nhiều trường đại học với đội ngũ sinh viên vô cùng đông đảo, họ luôn khao khát và mong muốn được tiếp nhận thông tin để thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh thế giới. Tuy nhiên thực tế, TTCT không phải là nhu cầu cần thiết đối với nhiều sinh viên, hoặc họ có nhu cầu tiếp nhận chỉ vì sự hiếu kỳ, không phân biệt được đâu là TTCT đúng đắn, chính đáng, bổ ích cho đời sống tâm hồn, cần được tiếp nhận. Một bộ phận sinh viên có nhu cầu về TTCT và mong muốn được đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu chính đáng đó. Nhưng TTCT đến từ nhiều nguồn, tác động đa chiều đến nhận thức, dẫn đến tình trạng một bộ phận sinh viên bị tác động, thay đổi hành vi, lối sống, xuống cấp về đạo đức, phai nhạt về lý tưởng, thờ ơ với những vấn đề chính trị xã hội của đất nước. Một số tiếp nhận TTCT không tích cực trên các mạng xã hội, vô tình tiếp tay cho các thế lực thù địch xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng ta, phủ nhận con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Nghiên cứu đánh giá về nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội để tăng cường sự hiểu biết và ý thức của mọi người quyền và trách nhiệm công dân, từ đó thúc đẩy sự tham gia tích cực hơn vào hoạt động chính trị. Ngoài ra trong bối cảnh hiện nay, thông tin thật – giả, thông tin giả, thông tin sai sự thật lan truyền.. Việc nghiên cứu nhu cầu thông tin chính trị có thể giúp tìm ra giải pháp nhằm đảm bảo tính chính xác và tin cậy của thông tin. Từ đó dễ dàng đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị chính đáng của sinh viên hiện nay.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh vấn đề “bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân” ”[39, t.1, tr.51], góp phần xây dựng con người toàn diện, “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”[39, t.2, tr.326]. Thực tiễn đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên để “không chỉ hóa giải các nguy cơ, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch COVID-19” [39, t.2, tr.93].

Chính vì những lý do trên, NCS chọn vấn đề **“Nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay”** cho luận án Tiến sĩ chuyên ngành Công tác tư tưởng của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên, luận án *đề xuất các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.*

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án có các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án.
- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về nhu cầu TTCT của sinh viên, xây dựng khung lý thuyết cho luận án.
- Nghiên cứu, phân tích thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, nhận diện vấn đề đặt ra cần giải quyết.
- Đề xuất quan điểm và giải pháp đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi đối tượng:* Luận án nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên các Trường đại học trên địa bàn Hà Nội, cụ thể là sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Trong luận án, nội dung đối tượng nhu cầu TTCT chủ yếu được giới hạn trong các vấn đề về thể chế chính trị, thiết chế chính trị và thực tiễn chính trị Việt Nam hiện nay.

- *Phạm vi không gian, thời gian:* Luận án nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội từ năm 2016 đến 2021, gắn với khoảng thời gian giữa hai kỳ Đại hội Đảng lần thứ XII và XIII. Đặc biệt đánh giá ảnh hưởng của Covid 19 sau 2021 đến nay.

4. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Sự cần thiết phải nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay ?

- Thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội và các yếu tố tác động đến thực trạng này ?

- Những vấn đề đặt ra từ thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền; Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội ?

- Những quan điểm và giải pháp cụ thể để đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội thời gian tới?

4.2. Giả thuyết khoa học

Nhu cầu về TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội về cơ bản còn thấp, thậm chí có ý kiến cho rằng sinh viên hoặc không có nhu cầu TTCT, hoặc mơ hồ trong tiếp nhận TTCT, không phân biệt được đâu là thông tin đúng đắn, đâu là thông tin giả mạo, suy diễn. Vì thế cần phân tích thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, đánh giá mặt tích cực và hạn chế trong thực trạng nhu cầu và đáp ứng nhu cầu TTCT, tìm ra nguyên nhân làm cơ sở đề xuất quan điểm và giải pháp đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học thời gian tới, góp phần thực hiện quan điểm giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận án là dựa trên các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của của Đảng, Nhà nước ta về chính trị và giáo dục lý luận chính trị nói chung, nhu cầu TTCT cho sinh viên nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận nghiên cứu đề tài: Đề tài dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

- *Phương pháp nghiên cứu tiếp cận liên ngành*, sử dụng các phương pháp nghiên cứu của ngành chính trị học, xã hội học, văn hóa học, tâm lý học... để nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội hiện nay.

- *Phương pháp nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn*: là phương pháp quan trọng trong nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra một số nhiệm vụ: “Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Gắn kết tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với định hướng chính sách” [39, t.1, tr.181-182]. Luận án dựa trên tư duy khoa học với phương pháp biện chứng duy vật làm cơ sở để tổng kết thực tiễn, phân tích, đánh giá thực tiễn nhu cầu TTCT của sinh viên nhằm kiểm tra sự đúng sai của lý luận, bổ sung, hoàn thiện, phát triển lý luận và rút ra những bài học kinh nghiệm tổ chức thực tiễn và hoạt động lý luận tiếp theo, gắn với định hướng nghiên cứu lý luận và định hướng chính sách như Đại hội XIII của Đảng yêu cầu. Đây là phương pháp được sử dụng tạo tính liên kết nội dung lý luận về nhu cầu TTCT của sinh viên, thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên và định hướng, giải pháp kích thích, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp*: nghiên cứu, kế thừa những thông tin có sẵn trong tài liệu để rút ra những thông tin cần thiết cho một vấn đề nhất định. Để phục vụ cho luận án, NCS đã tiến hành tìm kiếm và phân tích một số nguồn tài liệu sau: Một số báo cáo có liên quan đến sinh viên, nhu cầu TTCT của sinh viên từ Trung ương Đoàn Thanh niên, Ban Tuyên giáo Trung ương, các nghị quyết của Đảng về sinh viên và công tác sinh viên; Các Luận án, luận văn, đề tài khoa học, bài viết trên báo và các tạp chí có liên quan đến chính trị và nhu cầu TTCT của sinh viên. Tổng hợp và phân tích các nguồn tài liệu liên quan nhằm xem xét, đánh giá, phân tích các lý thuyết, các quan điểm nghiên cứu có liên quan đến đối tượng nghiên cứu của luận án. Nguồn tài liệu nghiên cứu đi trước được NCS tìm hiểu theo các vấn đề liên quan đến nhu cầu TTCT của sinh

viên. Từ những nguồn tư liệu đó, NCS phân tích và đúc rút ra những thông tin cần thiết nhằm phục vụ cho đề tài.

- *Phương pháp lịch sử và logic*: phương pháp lịch sử được sử dụng khi nghiên cứu về nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên ở các giai đoạn khác nhau, đặc biệt giai đoạn 2016 – 2021 mà luận án nghiên cứu. Phương pháp logic được sử dụng để tổng hợp, khái quát các tài liệu, kinh nghiệm trong việc đáp ứng nhu cầu nói chung của sinh viên, nhu cầu thông tin chính trị nói riêng và rút ra ý nghĩa nhằm định hướng và đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*: Để đảm bảo tính chính xác, khách quan của các thông tin thu thập được nhằm làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu, NCS sử dụng cách tiếp cận của xã hội học, thu thập các số liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu làm cơ sở để đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong nhu cầu TTCT của sinh viên. Đây là một trong những phương pháp được NCS vận dụng và triển khai theo quy trình phù hợp với chuyên ngành công tác tư tưởng. Luận án chọn đối tượng sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ ba tại các trường đại học vì sinh viên đã qua một thời gian học ở trường, đã tham gia học chính trị đầu tuần, đã được phổ biến Quy chế nhà trường, đã biết các quy định trong Sổ tay công tác sinh viên. Các bạn sinh viên đã có môi trường học tập trong và ngoài giảng đường, đã xác lập giao tiếp xã hội. Họ đang trong quá trình nhận thức về nhu cầu TTCT, những đánh giá của họ cho NCS có cơ sở nhận định về thang bậc trong tháp nhu cầu. Sinh viên đã có tri thức văn hóa chính trị, đã nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, đã có kỹ năng phân tích độc lập, giao tiếp xã hội rộng rãi. Nhiều sinh viên đã đi làm thêm vì sinh kế, vì đề thâm nhập thực tế, định hướng nghề nghiệp cho mình. Sinh viên năm thứ ba là những người đã có nhận thức chuyên sâu về kiến thức chuyên ngành và ở bậc cao trong tháp nhu cầu, trong đó có nhu cầu TTCT là nhu cầu xã hội cao. Họ có xu hướng tiếp nhận theo phân tích đánh giá kết hợp trải nghiệm bản thân.

NCS đã tiến hành điều tra xã hội học với sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tại các Khoa Triết học, khoa Tuyên truyền và Khoa Xã hội học

và phát triển. Số phiếu phát ra là 300, số phiếu thu về là 291 phiếu. Với sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội, NCS chọn sinh viên các khoa Kinh tế Quản lý, khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông, khoa Điện tử Viễn thông. Tổng số phiếu phát ra là 300, số phiếu thu về là 286 phiếu. NCS chọn sinh viên của Đại học Phòng cháy chữa cháy thuộc các chuyên ngành Chỉ huy chữa cháy, Quản lý phương tiện - thiết bị PCCC và chuyên ngành Cứu nạn cứu hộ. Số phiếu phát ra là 300, thu về là 289 phiếu. Với Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, NCS chọn sinh viên khoa Cơ điện tử và khoa Công nghệ thông tin, khoa Công nghệ kỹ thuật môi trường. Số phiếu phát ra là 300, số phiếu thu về là 277 phiếu. Tổng số phiếu điều tra phát ra là 1200, số phiếu thu về là 1143 phiếu, có 653 nam, 490 nữ. Có 376 sinh viên đang ở Hà Nội, còn lại là đến từ khắp mọi miền đất nước, có bạn đến từ Điện Biên, Hà Giang, Đắk Lắk, Gia Lai...

Câu hỏi nghiên cứu được xây dựng có hai loại gồm: câu hỏi mở và câu hỏi đóng. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên, luận án thấy được cơ hội, thách thức trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Đây là cơ sở quan trọng về mặt thực tiễn để NCS đề xuất giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay.

- *Phương pháp so sánh*: Phương pháp so sánh được sử dụng để thực hiện so sánh giữa nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học: Học viện Báo chí và tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Qua đó tìm ra đặc điểm nhu cầu TTCT của sinh viên mỗi trường, làm căn cứ đề xuất quan điểm và giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Ý kiến tư vấn của chuyên gia và trao đổi trực tiếp của sinh viên cũng là một kênh quan trọng để NCS đưa ra giải pháp định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới. Phương pháp phỏng vấn sâu thu thập thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu, giúp tìm hiểu sâu về các đặc tính, tính chất của đối tượng nghiên cứu dựa trên những nhận định đánh giá của người được phỏng vấn, tranh thủ được trí tuệ chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu của luận

án. Nghiên cứu đã tiến hành với cả nghiên cứu định tính với các câu hỏi phỏng vấn sâu, dành cho cả sinh viên và các khách thể nghiên cứu có liên quan khác như cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng, chính quyền, trong nhà trường. Trong luận án của mình, NCS đã phỏng vấn 15 người (Phụ lục 2).

6. Đóng góp của luận án

Nghiên cứu về nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội đưa ra khung lý thuyết cơ bản để có cách nhìn khách quan, đánh giá thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay. Đây có thể nói là đóng góp cho khoa học chuyên ngành công tác tư tưởng.

Luận án là công trình trực tiếp nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống về nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong thời điểm hiện tại. Luận án đã phát hiện những vấn đề đặt ra từ thực trạng, kiến nghị các giải pháp kích thích nhu cầu TTCT cho sinh viên, vừa định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT chính đáng cho sinh viên.

Luận án góp phần làm tài liệu tham khảo mang tính ứng dụng tốt đối với các nhà quản lý giáo dục, các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý giáo dục và các trường đại học thẩm định, kiểm tra điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, có định hướng và điều chỉnh các điều kiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn, phù hợp với thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

7.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án là công trình nghiên cứu lý luận về công tác tư tưởng chuyên sâu và có hệ thống về nhu cầu thông tin chính trị nói chung, nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên nói riêng; góp phần hoàn thiện khung lý thuyết củ công tác tư tưởng về nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên ở Hà Nội và cả nước

- Cung cấp luận cứ khoa học cho chủ thể công tác tư tưởng, các cơ quan quản lý nhà nước, các trường đại học, học viện nhằm đề ra chủ trương, giải pháp trong định hướng và đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên Hà Nội nói riêng, sinh viên cả nước nói chung trong thời gian tới.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Cung cấp cơ sở để hoạch định chủ trương, chính sách về công tác tư tưởng đối với hoạt động đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên Việt Nam.
- Là tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành Công tác tư tưởng, truyền thông chính sách và các đơn vị giáo dục đại học.
- Là tài liệu tham khảo cho các cơ quan Đảng, cơ quan tham mưu, cơ quan quản lý nhà nước, các trường đại học, cao đẳng hiện nay.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của Luận án được cấu trúc gồm 3 chương, 8 tiết.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Thông tin là đối tượng nghiên cứu của nhiều công trình khoa học, nhưng thông tin chính trị (TTCT) và nhu cầu TTCT của sinh viên là vấn đề chưa được nghiên cứu nhiều. Trong quá trình tiền khai nhiệm vụ nghiên cứu, NCS xin tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến đề tài như sau:

1. Các công trình nghiên cứu về thông tin lý luận chính trị

Thông tin lý luận chính trị (LLCT) là một loại hình thông tin, được đề cập đến trong nhiều công trình khoa học. Luận án *Nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng mạng thông tin số ở Việt Nam* [84] của Nguyễn Hoài Nam đã phân tích khá kỹ về thông tin và mạng thông tin số ở Việt Nam, thực trạng khai thác và biện pháp nâng cao chất lượng mạng thông tin số ở Việt Nam khi công nghệ số đang đem đến xã hội thông tin làm thay đổi tư duy, lối sống, xác định cơ sở lý luận của mạng thông tin, tính chất của hệ thống thông tin CD/CDMA. Kết quả nghiên cứu trên cũng là một trong những tư liệu quan trọng để tác giả luận án tiếp tục nghiên cứu của mình. Trong luận án *Phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam*, tác giả Trương Đại Lượng [80] phân tích, đánh giá vấn đề xây dựng, cung cấp thông tin cho sinh viên đại học, ảnh hưởng của thông tin nói chung và thông tin LLCT nói riêng đến hoạt động của sinh viên đại học; nêu đặc điểm của giáo dục đại học ở Việt Nam; phân tích vai trò của thông tin với sinh viên; đề xuất các giải pháp để đáp ứng nhu cầu thông tin cũng như phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam. Luận án *Hành vi tìm kiếm thông tin của nhóm độc giả các tạp chí, bản tin của Học viện Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh* của Nguyễn Thị Phương Thảo [100], nghiên cứu và làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài, các khái niệm công cụ được sử dụng trong luận án, phân tích các nhóm hành vi cụ thể trong hoạt động tìm kiếm thông tin LLCT, những cơ sở lý luận được soi chiếu theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về báo chí cách mạng. Luận án *Giáo dục lý luận Mác - Lênin với việc hình thành nhân cách ở sinh viên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay* của Hoàng Anh [4] đã trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn, hiệu quả giáo dục

lý luận Mác - Lênin trong việc hình thành nhân cách ở sinh viên; những nhân tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách ở sinh viên; phân tích vai trò của giáo dục lý luận Mác - Lênin trong việc hình thành nhân cách ở sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và những vấn đề đặt ra cần giải quyết. Tác giả đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục lý luận Mác - Lênin góp phần hình thành nhân cách ở sinh viên. Luận án của Đỗ Minh Tuấn: *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường Đại học ở Hà Nội hiện nay* [116] đã phân tích kỹ lưỡng các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác giáo dục LLCT cho sinh viên các trường Đại học ở Hà Nội. *Quản lý đào tạo giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu thời kỳ đổi mới hiện nay* [109] là luận án của Nguyễn Thị Thu Thủy, phân tích khá sâu về vai trò của TTCT trong hoạt động giảng dạy LLCT và quản lý hoạt động này trong bối cảnh hiện nay. Luận án *Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong học viên các Học viện quân sự ở nước ta hiện nay* [124] của Lương Ngọc Vĩnh phân tích cơ sở lý luận và khảo sát thực trạng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong các Học viện quân sự ở nước ta, các TTCT được dẫn đưa như những luận cứ khoa học minh chứng nội dung giáo dục chính trị - tư tưởng cho các học viên các Học viện quân sự. Đó là những nội dung hấp dẫn, thiết thực với hướng nghiên cứu của NCS.

Một số đề tài khoa học, bài nghiên cứu về vấn đề thông tin LLCT cũng được NCS quan tâm. Đề tài khoa học *Thông tin lý luận chính trị đối với công tác giảng dạy ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư* (2018), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh do Đoàn Thị Thanh Thúy [106] làm chủ nhiệm đề tài đã phân tích, khái lược, nhận diện thực trạng về thông tin LLCT đối với công tác giảng dạy tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đánh giá chung và đưa ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin LLCT phục vụ công tác giảng dạy tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Trong Hội thảo khoa học Quốc gia, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (2015), bài viết *Vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị tại các trường đại học* của tác giả Nguyễn Thị Kim Chung [23] khái quát để nâng cao hiệu

qua giảng dạy LLCT ngoài việc đổi mới phương pháp, nội dung đòi hỏi giảng viên phải nắm bắt nhận thức thực tế của sinh viên về LLCT, đây là điều kiện cơ bản để giúp sinh viên thỏa mãn nhu cầu nhận thức của mình, ngoài ra giảng viên cần thực hiện nghiêm túc một số nguyên tắc sau: đảm bảo sự thống nhất tính khoa học, tính giáo dục và định hướng chính trị trong dạy - học LLCT; thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng; đảm bảo tính vững chắc của tri thức lý luận và tính mềm dẻo của tư duy; đảm bảo sự thống nhất trong quá trình dạy học LLCT; đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của giảng viên với vai trò tự giác, tích cực của sinh viên.

Trong bài viết *Thông tin những vấn đề lý luận* (phục vụ lãnh đạo), Tạp chí số 9, 10 năm 2013 [93], Trình Phú, Dư Bân đã khái quát, khoa học về chủ nghĩa Mác. Tác giả phân tích và luận giải 4 vấn đề cơ bản: (1) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác cần được tiếp tục kiên trì lâu dài; (2) Những phán đoán lý luận chủ nghĩa Mác cần được phát triển; (3) Những lý giải giáo điều về chủ nghĩa Mác cần được loại bỏ; (4) Những quan điểm sai lầm chủ nghĩa Mác cần được làm rõ. Những luận giải trên vừa là cách thông tin cho đối tượng, ngoài ra còn lý giải, dẫn chứng cụ thể về những luận điểm gốc của C.Mác, những luận điểm do các nhà lý luận Trung Quốc phát triển trên nền tảng chủ nghĩa Mác. Trong bài viết *Nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên trong kỷ nguyên số* (2018), Tạp chí thông tin và tư liệu, Đỗ Văn Hùng [68] đã phân tích, khái quát và chỉ ra các nội dung của năng lực thông tin dựa trên mô hình 7 trụ cột của SCONUL và năng lực số dựa trên 7 mô hình của JISC, qua đó lý giải tầm quan trọng của năng lực thông tin đối với con người. Dựa trên cơ sở đó đánh giá các yếu tố tác động trực tiếp đến năng lực thông tin của sinh viên, nghiên cứu đưa ra đề xuất khung chương trình cốt lõi để tạo năng lực thông tin cho sinh viên hiện nay.

Thông tin LLCT là nội dung được đề cập chủ yếu thông qua nội dung giáo dục LLCT hoặc trong nội dung công tác tư tưởng. Tác phẩm *Một số vấn đề về công tác tư tưởng* của tác giả Đào Duy Tùng [117] đã khẳng định rất rõ vị trí của thông tin LLCT có vai trò, nhiệm vụ lớn lao của công tác tư tưởng, những bài học kinh nghiệm và phương châm chỉ đạo công tác tư tưởng, những nội dung và biện pháp giáo dục công tác chính trị tư tưởng, tổng kết thực tiễn;

phòng, chống những ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, phong kiến, tiểu tư sản, nhằm nâng cao chất lượng công tác tư tưởng. Tác phẩm *Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới* của tác giả Hữu Thọ - Đào Duy Quát [105] đã đi sâu phân tích việc đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới, trong đó chú trọng thông tin LLCT để công tác tư tưởng bám sát thực tiễn, hướng về cơ sở. Tác phẩm *Đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng* tác giả Hà Học Hợi, Ngô Văn Thạo [55] đã phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới và đổi mới công tác tư tưởng trong bối cảnh những thập niên đầu của thế kỷ XXI, yêu cầu đổi mới, chủ động sáng tạo đổi mới để từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng. Tác phẩm *Nguyên lý công tác tư tưởng* của tác giả Lương Khắc Hiếu [48] đã đề cập tới những vấn đề chung nhất, khái quát nhất của công tác tư tưởng như: mục đích, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, chủ thể, đối tượng, nguyên tắc, phương châm hoạt động của công tác tư tưởng. Tác phẩm cũng đã trình bày những nội dung cơ bản, quan trọng của công tác tư tưởng như thông tin LLCT, giáo dục chính trị tư tưởng, công tác tuyên truyền, cổ động, các phương tiện thông tin đại chúng, phương pháp, hình thức, phương tiện... khi tiến hành công tác tư tưởng.

Trong tác phẩm *Về công tác giáo dục lý luận chính trị* của Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh [13], các nhà khoa học đã tổng thuật một số bài viết và bài nói quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được tuyển chọn, chắt lọc đã làm cơ sở định hướng cho hoạt động của ngành giáo dục LLCT của Đảng ta trong những năm qua. Xác định rõ vị trí, vai trò, nội dung, nhiệm vụ học tập nâng cao trình độ nhận thức LLCT, tư tưởng đường lối, chính sách của Đảng nhằm rèn luyện năng lực lãnh đạo, quản lý của người cán bộ, đảng viên, nhận thức trách nhiệm của người cán bộ đảng viên trong việc truyền bá, thông tin LLCT, đường lối chính sách tới nhân dân, góp phần xây dựng Đảng ta trong sạch vững mạnh, đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam không ngừng vững bước tiến lên theo mục tiêu và con đường đã chọn. Trong cuốn *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại* của tác giả Nguyễn Duy Bắc [6], vấn đề này được phân tích, đánh giá khá kỹ lưỡng. Cuốn sách đã tập hợp các bài viết tiêu biểu của các nhà nghiên cứu lý

luận chuyên sâu, tập trung đánh giá, phân tích chất lượng dạy và học các môn LLCT. Các nhà khoa học thống nhất cho rằng nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin và chất lượng học tập các môn học này làm nên bức tranh tổng thể chất lượng đào tạo các môn LLCT nhằm cung cấp thông tin cho sinh viên nước ta hiện nay. Ngô Văn Thọ trong công trình *Phương pháp giảng dạy lý luận chính trị* (chương trình bồi dưỡng chuyên đề dành cho giảng viên giảng dạy các chương trình lý luận chính trị tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện) [101] đã khái quát chung về LLCT và giáo dục LLCT; một số vấn đề cơ bản về tâm lý và giáo dục học trong giảng dạy học LLCT, phẩm chất nghề nghiệp, nghệ thuật diễn giảng, công tác kiểm tra, đánh giá trong dạy học LLCT.

Cuốn sách *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)* [12] của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích khá kỹ nội dung các thông tin LLCT gắn liền với thực tiễn công tác giáo dục LLCT của Đảng ta 30 năm qua, dù không đưa ra khái niệm và tiêu chí nhận dạng TTCT. Công trình đề cập đến nội dung TTCT như là phần quan trọng trong công tác giáo dục LLCT của Đảng ta, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là thể chế chính trị, thiết chế chính trị. Phạm Huy Kỳ trong cuốn sách *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị* [75] trình bày một số vấn đề lý luận và phương pháp của công tác nghiên cứu, giáo dục LLCT và công tác nghiên cứu, biên soạn, giáo trình lịch sử đảng bộ địa phương. Ở phần lý luận và phương pháp giáo dục LLCT, tác giả tập trung trình bày lý luận và phương pháp dạy học LLCT - nội dung hoạt động chủ yếu trong hệ thống giáo dục LLCT của Đảng ta hiện nay. Tác giả Trần Thị Anh Đào trong cuốn sách *Công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên Việt Nam hiện nay* [40] cũng đã phân tích TTCT như là nội dung giáo dục LLCT, nhận diện các nội dung cụ thể của TTCT được vận dụng trong công tác giáo dục LLCT cho sinh viên Việt Nam. *Thể chế chính trị Việt Nam – Lịch sử hình thành và phát triển* [2] là cuốn sách của tác giả Lưu Văn An, tác giả đã phân tích về thể chế chính trị Việt Nam, đề cập đến TTCT như là minh chứng cho đặc trưng thể chế chính trị Việt Nam. Giáo trình *Soạn thảo văn bản về công tác tư tưởng* của Mai Đức Ngọc [89] đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến công tác tư tưởng và soạn thảo văn bản về

công tác tư tưởng, trong đó có nội dung về TTCT như là nội dung của các văn bản liên quan đến công tác tư tưởng. Cuốn sách *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam* [49] của tác giả Lương Khắc Hiếu đề cập đến TTCT như là biểu hiện sinh động của thực tiễn chính trị trong công tác tư tưởng của Đảng ta. Những phân tích của các nhà khoa học giúp NCS tham khảo hữu ích trong luận án của mình.

2. Các công trình nghiên cứu về nhu cầu và nhu cầu của sinh viên

2.1. Các công trình nghiên cứu về nhu cầu

Nhu cầu nói chung đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu, biên dịch. Trong phạm vi bao quát của NCS, đó là các công trình như *Hoạt động ý thức nhân cách* [126] của A.N. Lêônchep, được dịch bởi nhóm tác giả Phạm Minh Hạc, Phạm Hoàng Gia, Phạm Huy Châu; công trình *Học tập cũng cần chiến lược* [128] của E. Landsberger, được dịch bởi Nguyễn Thanh Hương, Đào Tú Anh...

Các nhà khoa học Việt Nam cũng quan tâm đến vấn đề nhu cầu. Cuốn sách *Về động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội* [98] của Lê Hữu Tầng đã lý giải nhu cầu như là động lực của sự phát triển, nhu cầu kích thích sản xuất, tiêu dùng những giá trị vật chất và tinh thần trong đời sống xã hội. *Tuyển tập tâm lý học* [46] là công trình khoa học của tác giả Phạm Minh Hạc, tập hợp những bài viết của tác giả về nhu cầu dưới góc nhìn của tâm lý học, phân tích về cấu trúc, tầng bậc của nhu cầu. Phạm Minh Lăng trong cuốn *Freud và phân tâm học* [77] đã phân tích khá sâu về nội dung học thuyết của Freud, đặc biệt vấn đề nhu cầu bản năng của con người được tác giả phân tích kỹ. Theo tác giả, con người luôn có nhu cầu như một thuộc tính, một biểu hiện của sinh tồn. Tác phẩm *Niềm tin của nhân dân về chủ nghĩa xã hội và đổi mới công tác tuyên truyền* [83] của tác giả Nguyễn Chí Mỹ đã trình bày một số vấn đề lý luận về công tác tuyên truyền, nhất là đề xuất tiêu chí đánh giá niềm tin của nhân dân về CNXH; đã phân tích ảnh hưởng của bối cảnh quốc tế, trong nước tác động đến công tác tuyên truyền, thực trạng công tác tuyên truyền và những vấn đề đặt ra từ thực trạng, đề cập đến xây dựng niềm tin như một nhu cầu tâm lý, chi phối hành vi. Đề tài nghiên cứu *Nghiên cứu nhu cầu tin và khả năng đáp ứng nhu cầu thông tin tại thư viện trường Đại học Phương Đông* của tác giả Nguyễn Thị Chi [22] đã chỉ ra đặc điểm của người dùng thông tin, thực trạng nhu cầu thông tin của người dùng tin tại Thư viện

trường Đại học Phương Đông; đi sâu phân tích đặc điểm hoạt động thông tin tại Thư viện; nghiên cứu, đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu tin của người dùng tin, đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu tin và đảm bảo thông tin cho người cá nhân dùng tin. Đề tài khoa học cấp Bộ *Điều tra, khảo sát nhu cầu về đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp tại các vùng kinh tế trọng điểm* (2017), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh do tác giả Tạ Văn Nam [85] làm chủ nhiệm, qua phân tích, đánh giá tổng thể về nhu cầu và thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của công nhân các khu công nghiệp trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta, tác giả đề xuất các quan điểm, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao đời sống văn hóa cho công nhân ở các khu công nghiệp để thỏa mãn nhu cầu về đời sống văn hóa của họ.

Luận án *Nhu cầu tin của người khiếm thị tại Việt Nam* của tác giả Trần Thị Thanh Vân [119] phân tích nhu cầu thông tin của con người nói chung trong xã hội, đặc biệt là người khiếm thính lại vô cùng quan trọng, nhu cầu tin có xu hướng ngày càng phát triển theo quy luật chung của sự phát triển. Đây là vấn đề cấp bách cần được thỏa mãn ở con người, tác giả khảo sát nhu cầu tin ở người khiếm thính, qua đó tác giả đề xuất các giải pháp nhằm kích thích và thỏa mãn tin ở người khiếm thính, tạo điều kiện cho họ có điều kiện tiếp nhận thông tin nói chung một cách tốt nhất. Luận án *Nhu cầu giải trí của thanh niên (nghiên cứu khuôn mẫu giải trí của thanh niên và đáp ứng nhu cầu giải trí tại Hà Nội)* của Đinh Thị Vân Chi [21] lý luận về giải trí và nhu cầu giải trí của thanh niên, nhu cầu giải trí của thanh niên Hà Nội hiện nay và sự đáp ứng của xã hội với nhu cầu đó. Tác giả phân tích, đánh giá xu hướng biến đổi trong nhu cầu của thanh niên, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả đáp ứng nhu cầu giải trí cho thanh niên. Luận án *Nhu cầu và điều kiện tiếp nhận thông tin phát thanh của công chúng nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay* [111] của Phạm Thị Thanh Tịnh đã luận giải khá rõ nét về mối quan hệ giữa nhu cầu và điều kiện trong việc tiếp nhận thông tin của công chúng. Nhiều thông tin có giá trị tức thời trên báo chí nói chung và phát thanh nói riêng là của cộng tác viên và một bộ phận công chúng. Từ những đánh giá khá sát về thực trạng, khảo sát, phân tích tác giả có nêu ra các giải pháp tương ứng chủ yếu nhằm tạo lập các điều kiện để phát triển và đáp ứng nhu cầu thông tin phát thanh của công chúng nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện

nay.

2.2. Các công trình nghiên cứu về nhu cầu của sinh viên

Nhu cầu của sinh viên được đề cập nhiều trong các luận án. Luận án *Nhu cầu học tập của sinh viên sư phạm* của tác giả Hoàng Thị Thu Hà [43], nghiên cứu nhu cầu học tập của sinh viên sư phạm. Tuy chưa bàn đến điều kiện, kết quả cũng như phương pháp kích thích nhu cầu học tập nhưng luận án đã rút ra một số kết luận quan trọng về nhu cầu học tập của sinh viên theo cách tiếp cận của tâm lý học. Luận án đã phân tích sâu về nhu cầu học tập của sinh viên gắn với môi trường đặc biệt, đó là môi trường sư phạm. Sinh viên sư phạm có nhu cầu tự học cao, để rèn luyện phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu giáo dục. Những kết quả nghiên cứu trên là tư liệu hữu ích để NCS tiếp tục nghiên cứu của mình. Trong luận án *Nghiên cứu nhu cầu điện ảnh của sinh viên* [26], Hoàng Trần Doãn đã xây dựng cơ sở lý luận về nhu cầu và nhu cầu điện ảnh của sinh viên như biểu hiện của đời sống tinh thần không thể thiếu. Nhu cầu điện ảnh là nhu cầu thông tin- giải trí, làm phong phú cho đời sống của sinh viên nên cần được đáp ứng, thỏa mãn. Luận án đã đưa ra những khái niệm cơ bản, đánh giá thực trạng nhu cầu điện ảnh của sinh viên trong giai đoạn hiện nay và tác giả chỉ ra một số nguyên nhân khách quan, chủ quan tác động đến nhu cầu điện ảnh của sinh viên, qua đó tác giả đề xuất một số biện pháp tác động nhằm biến đổi nhu cầu điện ảnh của họ theo hướng nâng cao cấp độ và phương thức thỏa mãn. Luận án *Nhu cầu tự khẳng định của sinh viên* của Nguyễn Thị Thùy [107] nghiên cứu về sinh viên và nhu cầu thể hiện, khẳng định bản thân, tác giả khảo sát thực trạng hoạt động của sinh viên, đánh giá nhận thức, mong muốn, nguyện vọng và mức độ thể hiện ở nhu cầu cá nhân thông qua hoạt động thực tiễn, qua đó tác giả chỉ ra: Nhu cầu tự khẳng định của sinh viên là sự đòi hỏi mạnh mẽ của sinh viên cần thỏa mãn về việc mong muốn được công nhận mình và được thể hiện mình trước người khác để học tập, giao tiếp và hoạt động đoàn thể xã hội. Nhu cầu tự khẳng định của sinh viên gồm có 02 biểu hiện: Nhu cầu được công nhận mình và nhu cầu được thể hiện mình. Nhu cầu được công nhận mình biểu thị qua những mong muốn, khát vọng được công nhận năng lực, được yêu thương và được tôn trọng trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội. Nhu cầu được thể hiện mình biểu thị qua những mong muốn như: thể hiện năng lực, được sáng tạo và được quyết định

trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội. Nhu cầu tự khẳng định của sinh viên được đánh giá qua 03 tiêu chí (Tính bức xúc, tính thúc đẩy, tính hài lòng) và 05 mức độ cụ thể (Rất cao, cao, trung bình, thấp và rất thấp). Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tự khẳng định của sinh viên gồm các yếu tố: Gia đình - nhà trường -nhóm bạn, niềm tin và quyết tâm. Trần Thị Thìn có luận án *Động cơ học tập của sinh viên sư phạm - Thực trạng và phương pháp giáo dục* [104], đề cập đến động cơ trong nhu cầu học tập của sinh viên và điều kiện đáp ứng nhu cầu đó. Luận án *Nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của trí thức trẻ* của Lã Thị Thu Thủy [108] tác giả đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận: thành đạt, nhu cầu thành đạt, nhu cầu thành đạt nghề nghiệp, các yếu tố tác động đến nhu cầu thành đạt nghề nghiệp. Nghiên cứu thực tiễn nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của trí thức trẻ, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nhằm góp phần nâng cao nhu cầu thành đạt nghề nghiệp cho đội ngũ trí thức trẻ.

Luận án *Tìm hiểu nhu cầu thông tin của khách thể tuyên truyền* của Hà Thị Bình Hòa [52], tác giả đã hệ thống hóa một số khái niệm về nhu cầu thông tin và và nhu cầu thông tin của khách thể tuyên truyền mà sinh viên là một đối tượng, phân tích, đánh giá, khái quát và thể nghiệm bằng biện pháp tăng cường nhu cầu thông tin của khách thể trong hoạt động tuyên truyền. Các nhu cầu TTCT được phân tích là tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục đáp ứng nhu cầu thông tin của khách thể tuyên truyền, vai trò của thông tin nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu giáo dục bản lĩnh chính trị, xây dựng niềm tin chính trị cho khách thể. Tác giả đã đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của khách thể tuyên truyền trong công tác tư tưởng của Đảng. Nhiều luận án đề cập đến nhu cầu của sinh viên từ các cấp độ. Luận án *Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay* [87] của Ngô Thị Thu Nga nghiên cứu nhiều vấn đề như giá trị và giá trị đạo đức, giá trị đạo đức truyền thống và việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ, trong đó có giải pháp cung cấp thông tin cho sinh viên nhằm thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu giá trị đạo đức. Luận án *Hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp* của Trần Hùng [70], tác giả đã trình bày có hệ thống cơ sở khoa học về hiệu quả giáo dục LLCT cho sinh viên và các tiêu chí đánh giá hiệu quả đó. Tác giả khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục LLCT cho sinh viên các trường đại

học tại thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đưa ra phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục LLCT cho sinh viên. Luận án *Những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến tư tưởng chính trị của sinh viên, thực trạng và giải pháp* của Nguyễn Đình Đức [41], đi sâu vào làm rõ lý luận tư tưởng chính trị và vai trò của tư tưởng chính trị, đặc biệt là công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên hiện nay. Tác giả đã khảo sát thực trạng tư tưởng chính trị của sinh viên, từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên, cung cấp TTCT đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Luận án *Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay* [69] của Quang Hùng phân tích khái niệm niềm tin chính trị, biểu hiện của niềm tin chính trị, thực trạng niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam và giải pháp xây dựng niềm tin chính trị cho sinh viên là đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Luận án *Ý thức chính trị của sinh viên nước ta hiện nay - thực trạng và những vấn đề đặt ra* [73] của Phạm Đình Khuê đã phân tích kỹ về cơ sở lý luận và thực trạng ý thức chính trị của sinh viên nước ta, xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết, trong đó có vấn đề ngại học LLCT của sinh viên, thiếu TTCT nên sinh viên thiếu ý thức chính trị. Luận án *Động cơ học tập của sinh viên* của Dương Thị Kim Oanh [91] đã tìm hiểu, nghiên cứu quá trình hoạt động học tập của sinh viên được thúc đẩy bởi động cơ nào, trong các động cơ ấy, động cơ nào giữ vị trí chủ đạo, sự ảnh hưởng của động cơ tác động thế nào đến chất lượng tiếp thu tri thức và hình thành nhân cách cá nhân, vì xét cho cùng, động cơ thường xuất phát từ nhu cầu cá nhân. Tác giả đã phân tích rõ thực trạng hoạt động học tập của sinh viên, đánh giá các yếu tố tác động đến động cơ học tập từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản để tạo lập động cơ, đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Nhiều công trình khoa học đề cập đến nhu cầu của sinh viên từ nhiều góc độ. Hoàng Thúc Lân có cuốn *Phát triển năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên Việt Nam hiện nay* [76], trong đó tác giả phân tích khá kỹ về nhu cầu của sinh viên về các phương diện: nhu cầu được tiếp nhận thông tin, tiếp nhận tri thức, nhu cầu được sáng tạo và khám phá, nhu cầu được thể hiện năng lực tư duy... Những nhu cầu này cần được đáp ứng, kích thích để phát triển năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên Việt Nam. Đề tài khoa học *Đánh giá nhu cầu của học viên đối với nội dung chương trình cao cấp lý luận chính trị*, Học viện Chính trị khu vực IV [5] do Phan Văn Ba làm chủ nhiệm, qua phân tích, đánh giá đã

đưa ra một số cơ sở lý luận về nhu cầu của học viên đối với nội dung chương trình cao cấp LLCT theo Đề án 1677. Tác giả đã phân tích thực trạng vấn đề này trên địa bàn các tỉnh thành vùng Tây Nam Bộ hiện nay, đề xuất giải pháp nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu của học viên đối với nội dung chương trình này trên địa bàn các tỉnh thành vùng Tây Nam Bộ trong giai đoạn tiếp theo. Trong Kỳ yếu Hội thảo khoa học 35 năm khoa Tâm lý giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội: *Nhu cầu và vấn đề điều khiển hành vi* (2001), tác giả Nguyễn Bá Minh [81] đã nhận định: bất cứ hoạt động nào của con người cũng là nhằm thỏa mãn một nhu cầu nào đó của bản thân. Nhưng nhu cầu với tư cách là một điều kiện bên trong, là trạng thái thiếu thốn của cơ thể – trạng thái này tự nó không gây ra bất kỳ một hoạt động nào có định hướng nhất định. Chức năng này chỉ giới hạn trong việc phát động những chức năng sinh lý tương ứng đối với lĩnh vực vận dụng biểu hiện thành những cử động tìm tòi không có phương hướng. Chỉ khi gặp được đối tượng đáp ứng thì khi đó nhu cầu mới trở thành có năng lực hướng dẫn và điều chỉnh hoạt động. Sự việc nhu cầu gặp được đối tượng là sự việc đặc biệt lúc đó như cầu được đối tượng hóa làm cho nhu cầu chứa đầy nội dung rút ra từ thế giới xung quanh. Bài viết *Nghiên cứu nhu cầu thông tin của sinh viên Đại học khoa học Xã hội và nhân văn Hà Nội* (2013) trên Tạp chí Thư viện Việt Nam, tác giả Nguyễn Thị Kim Dung [28] đã trình bày khái quát về việc nghiên cứu nhu cầu thông tin của sinh viên trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn và những đề xuất giúp cho việc đáp ứng nhu cầu thông tin của sinh viên, nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập và nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong trường đại học ở Việt Nam.

Đề tài khoa học *Nghiên cứu nhu cầu tiếp nhận truyền hình của sinh viên Hà Nội khảo sát các chương trình truyền hình trên sóng VTV1, VTV2, VTV3 - Đài truyền hình Việt Nam* (2005) của Vũ Phương Dung [29], tác giả đã chỉ ra nhu cầu của sinh viên đối với truyền hình, thực trạng đáp ứng nhu cầu đó và những tác động, ảnh hưởng của các chương trình truyền hình đến đối tượng công chúng là sinh viên. Ngoài ra, tác giả cũng chỉ rõ tính đa dạng và phong phú trong nhu cầu của đối tượng là sinh viên, giúp các nhà báo truyền hình biết cách định hướng xây dựng các chuyên mục, các chương trình đa dạng với nhiều nội dung phong phú, cụ thể, thiết thực, hình thức hấp dẫn đáp ứng tâm lý lứa tuổi vì

chính nhu cầu của sinh viên là yếu tố quyết định đến việc lựa chọn đề tài cho mỗi chương trình truyền hình. Trần Thị Minh Ngọc trong đề tài khoa học *Nhu cầu và thái độ học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay* [90] đã đi sâu nghiên cứu về nhu cầu và thái độ học tập, xác định rõ vai trò của LLCT trong các trường đại học; khảo sát thực trạng nhu cầu, thái độ học tập LLCT của sinh viên, tác giả đã đưa ra một số phương pháp nhằm đáp ứng nhu cầu, nâng cao thái độ học tập các môn LLCT cho sinh viên ở Việt Nam hiện nay.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tổ chức Hội thảo *Đổi mới phương pháp giảng dạy và học các môn chuyên ngành giáo dục chính trị ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền* [54], bàn về nhiều nội dung trong đó có vấn đề quan trọng là đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn LLCT cho sinh viên để tạo ra nhu cầu cho sinh viên thông qua hoạt động dạy và học, vì một trong những cách thức đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên chính là thông qua học tập các môn LLCT. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia: *Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay* [17]. Các nhà khoa học đã có nhiều tham luận về các vấn đề: nội dung giáo dục LLCT, phương thức giáo dục, năng lực của đội ngũ giảng viên, hứng thú và nhu cầu của sinh viên trong học tập LLCT, điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên LLCT ở Việt Nam hiện nay. Hội thảo khoa học Quốc gia: *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Tuyên giáo trong giai đoạn hiện nay*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội năm 2017 [56] đã hội tụ các nhà nghiên cứu và giảng dạy có uy tín trong và ngoài học viện bàn thảo về bối cảnh hiện nay và những vấn đề đặt ra về công tác tuyên giáo và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo. Hội thảo đã tập trung đánh giá thực trạng; đề xuất các giải pháp tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo trong giai đoạn hiện nay. Ngày 10/11/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức hội thảo, tập huấn trực tuyến công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh, sinh viên năm học 2017 – 2018 [19]. Hội thảo đã khẳng định, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho sinh viên luôn được Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm. Bên cạnh kết quả đạt được, Bộ

Giáo dục và Đào tạo cũng chỉ rõ thực trạng một bộ phận sinh viên có biểu hiện sa sút về đạo đức, lối sống, thiếu trung thực. Tình trạng đáng lo ngại nhất là hàng năm sinh viên ở một số trường Đại học, Cao đẳng bị cảnh báo có nguy cơ buộc phải thôi học do lười học; một số sa vào cờ bạc, lô đề, rượu chè...thậm chí có sinh viên bị các phần tử xấu lôi kéo. Hội thảo tập trung phân tích rõ các nguyên nhân và kiến nghị các giải pháp để ngăn chặn, khắc phục tình trạng sa sút lý tưởng cách mạng của sinh viên. Liên quan đến luận án, một số bài báo được NCS quan tâm vì có những chỉ dẫn liên quan đến đề tài: *Tăng cường giáo dục tư tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên*, Báo Thanh niên, 25/3/2015; Những định hướng lớn trong công tác đoàn, phong trào đoàn, Báo Thanh niên, 28/8/2017; *Lý tưởng từ những điều bình dị*, Tuổi trẻ online 11/7/2017; *Xây dựng niềm tin cho thanh niên*, Tuổi trẻ online, 8/2/2018

3. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến nhu cầu TTCT của sinh viên trên địa bàn Hà Nội

Tác giả Nguyễn Chí Mỹ có bài *Nghĩ về phai nhạt lý tưởng cách mạng* [82] nhận định: Trong quá trình hoạt động cách mạng, nếu phai nhạt lý tưởng cách mạng, dao động, mơ hồ, hoài nghi, không còn tin vào mục tiêu, lý tưởng cách mạng, vào nền tảng tư tưởng của Đảng, thì “khoảng không giá trị” sẽ xuất hiện đưa đến “khủng hoảng giá trị”, mất phương hướng. Đây là biểu hiện đầu tiên trong 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị đã được chỉ ra trong Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, vì vậy cần đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Đề tài khoa học *Ý thức chính trị của sinh viên các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn Hà Nội* của tác giả Dương Trung Ý [125], Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Giáo dục ý thức chính trị là một bộ phận quan trọng của giáo dục và đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng, là yêu cầu khách quan nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên; có tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, ý thức, đạo đức và khả năng thực hành công việc của mỗi sinh viên trong thực tiễn cuộc sống. Điều đó lại càng quan trọng hơn khi tình hình trong nước và quốc tế thời gian gần đây đang có những diễn biến vô cùng phức tạp, nhiều vấn đề trong quá trình xây dựng CNXH, về xác định con đường đi lên CNXH ở nước ta cần được làm sáng tỏ thêm về mặt lý

luận. Vì vậy, việc giáo dục ý thức chính trị, lý luận cách mạng cho sinh viên để đáp ứng thực được với tiền cách mạng nước ta hiện nay là một yêu cầu hết sức cấp thiết. Vấn đề cốt yếu nhất trong giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên nước ta hiện nay là thông qua LLCT giáo dục lý tưởng XHCN, xây dựng con người Việt Nam mới có nhân cách sống cao đẹp, có ý thức xây dựng và bảo vệ giai cấp công nhân, nhân dân lao động, bảo vệ những thành quả cách mạng. Vấn đề nhu cầu TTCT của sinh viên để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn được đặt ra.

Luận án *Xây dựng đội ngũ đảng viên là thanh niên sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời kỳ mới* của Nguyễn Thị Mỹ Trang [112] đã đưa ra quan điểm của chủ nghĩa Mác –Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của sinh viên trong sự nghiệp cách mạng; vai trò, vị trí của công tác xây dựng Đảng trong nhà trường; qua đó phân tích thực trạng và đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng hiện nay. Luận án *Vấn đề chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay* [18] của tác giả Vũ Thanh Bình đề cập đến chất lượng đội ngũ giảng viên LLCT, thực trạng chất lượng đội ngũ giảng viên LLCT ở trong các trường đại học, cao đẳng nước ta và giải pháp nâng nhằm cao chất lượng đội ngũ giảng viên LLCT trong các trường đại học, cao đẳng thời gian tới. Những phân tích của tác giả được NCS kế thừa khi phân tích nội dung và phương thức tiếp nhận TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Luận án *Nhu cầu và điều kiện học tập lý luận chính trị của sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay* (2016) của Nguyễn Thanh Thảo [99] đã phân tích, đánh giá thực trạng nhu cầu và điều kiện học tập các môn LLCT của sinh viên, xác định và phát hiện các mâu thuẫn, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong nhu cầu và điều kiện học tập LLCT của sinh viên. Tác giả đưa ra hệ thống các giải pháp tác động nhằm đáp ứng nhu cầu và điều kiện học tập LLCT, có liên quan chặt chẽ với việc khắc phục hạn chế về nhu cầu và điều kiện học tập LLCT. Tác giả còn đề cập đến các giải pháp nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập LLCT cho sinh viên như: khuyến khích nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ chế trong đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên... Trong các công trình trên, nhu cầu thông tin LLCT của sinh viên được phân tích khá kỹ, đây là những nội dung

quan trọng trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên hiện nay của NCS.

Đảng ủy khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội cũng luôn quan tâm đến vấn đề giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Đề tài cấp Bộ *Phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng Hà Nội – Thực trạng và giải pháp* do Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội thuộc Thành ủy Hà Nội chủ trì, Nguyễn Thanh Sơn làm chủ nhiệm đề tài [97], công trình đã khái quát bức tranh thực trạng phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng thuộc Khối; chỉ ra những kết quả, hạn chế, những vấn đề đặt ra từ thực trạng và kiến nghị giải pháp tiếp tục phát triển đảng viên trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng thuộc Khối. Đề tài khoa học *Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội hiện nay*, mã số: 01X-11-2018-2 năm 2020 do Vũ Tuấn Dũng làm Chủ nhiệm, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội là cơ quan chủ trì [31] là nguồn tư liệu quý giúp NCS triển khai nghiên cứu của mình, vì giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên đạt hiệu quả hay không phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó có nhu cầu TTCT của sinh viên. Đề tài đã nhận định: sinh viên hiện nay có lòng yêu nước nồng nàn, luôn phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp của các thế hệ cha, anh, khẳng định niềm tin vào mục tiêu lý tưởng cách mạng và sự lãnh đạo của Đảng, có nhận thức và thái độ chính trị đúng đắn, kiên quyết, kiên trì chống lại những biểu hiện sai trái, xuyên tạc của các thế lực phản động, thù địch. Tuy nhiên, “tình hình hiện nay vẫn còn không ít sinh viên không có chí hướng rõ ràng, chưa hiểu biết đầy đủ truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, ít quan tâm đến tình hình của đất nước. Một bộ phận thanh niên, sinh viên “nhạt Đảng, phai Đoàn, chán chính trị”, không có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện, có những sinh viên giảm sút niềm tin, bản lĩnh non kém, thậm chí bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật” [31,tr.9]. Đề tài khoa học tuy không bàn trực tiếp đến TTCT nhưng có nhiều nội dung liên quan đến nhu cầu TTCT của sinh viên nhằm “nắm bắt kịp thời tình hình, tư tưởng sinh viên, giải quyết kịp thời những bức xúc nhất là những bức xúc về tư tưởng nảy sinh trong quá trình phát triển của thực tiễn học tập và nghiên cứu, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở nhà trường” [31,tr.184] được đặt ra.

4. Những vấn đề đã được nghiên cứu và vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên

4.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu

4.1.1. Tổng quan các công trình khoa học cho thấy trong thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu xung quanh vấn đề *công tác tư tưởng, giáo dục LLCT, giáo dục lý tưởng cho sinh viên*. Đây là những nội dung đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ:

- Các công trình đã đề cập vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, và sự cần thiết phát triển phải tiến hành công tác tư tưởng, giáo dục LLCT, giáo dục tư tưởng cho sinh viên. Các công trình đã đề cập vai trò của sinh viên, bộ phận ưu tú trong lớp trẻ, tri thức tương lai của đất nước, góp phần quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

- Các công trình đã đánh giá thực trạng việc giáo dục lớp trẻ về lý tưởng, niềm tin chính trị, đồng thời ở khía cạnh này, khía cạnh khác, mức độ này, mức độ khác đã phát hiện một số vấn đề về lý tưởng, về giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa trước tình hình hiện nay.

- Các công trình dưới các mức độ khác nhau đã đề xuất một số giải pháp để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục LLCT, giáo dục lý tưởng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Trong nội dung giải pháp, các công trình khoa học đã đề cập đến một số vấn đề liên quan đến xung quanh thông tin và LLCT như: nghiên cứu về thông tin, nghiên cứu LLCT...

- Các nhà khoa học đã thống nhất nhận định về thông tin, thông tin LLCT. Thông tin là những thông báo, trao đổi, giải thích về một đối tượng cụ thể nào đó và được thể hiện thông qua các dạng tín hiệu như âm thanh, chữ số, chữ viết nhằm mang lại một sự hiểu biết nhất định nào đó cho đối tượng nhận tin. Thông tin LLCT được dẫn dắt liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp trong xã hội mà cốt lõi của nó là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước, sự tham gia vào công việc của Nhà nước; sự xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Nhà nước. Trong điều kiện xây dựng CNXH ở Việt Nam, chính trị trước hết bảo đảm tốt vai trò lãnh đạo và hiệu lực quản lý của Nhà nước, Đảng Cộng sản, quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Mối liên hệ giữa TTCT chủ yếu được cung cấp qua giáo dục LLCT với công tác tư tưởng đã được phân tích khá kỹ, đó là các thông tin về hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị và chính trị xã hội: Nhà nước, đảng chính trị, những tổ chức chính trị – xã hội hợp pháp được liên kết với nhau. Thông tin về thể chế chính trị là hệ thống các định chế hợp lại thành một chế độ chính trị, hình thức thể hiện các thành phần của hệ thống chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng trong xã hội. Chúng gồm có: mặt trận Tổ quốc, nhà nước; đảng phái chính trị và các tổ chức xã hội khác, có vai trò và sự ảnh hưởng lẫn nhau của chúng trong hệ thống chính trị. Tổ chức chính trị xã hội là một trong các tổ chức xã hội góp phần vào công việc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, là những tổ chức đại diện cho ý chí của nhiều tầng lớp trong xã hội, mang màu sắc chính trị trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

4.1.2. Vấn đề *nhu cầu và nhu cầu của sinh viên* đã được nghiên cứu khá nhiều từ nhiều góc độ, gắn với giáo dục LLCT:

- Các công trình khoa học trong phạm vi bao quát của NCS đã nghiên cứu về nhu cầu trên nhiều phương diện: nghiên cứu tâm lý, ý thức, nhu cầu của con người trong hoạt động xã hội; nghiên cứu về quá trình nhận thức, học tập của con người; nghiên cứu động cơ học tập; vai trò của chủ thể truyền thông chuyển tải thông tin đến đối tượng nhằm đáp ứng nhu cầu; nghiên cứu chiến lược học tập của con người nói chung và mỗi cá nhân nói riêng...

- Các công trình nghiên cứu đến tổ chất chính trị của sinh viên và khả năng hình thành các tổ chất chính trị đó trong hoạt động; đảm bảo quá trình tổ chức, nghiên cứu và xây dựng các biện pháp giáo dục chính trị hiệu quả theo những đòi hỏi của nhu cầu. Nhiều công trình nghiên cứu về học tập; động cơ; kỹ năng, phương pháp học tập LLCT; nghiên cứu về thông tin và thông tin của sinh viên trong học tập; nghiên cứu về chính trị; kiến thức thông tin; kỹ năng học tập, động cơ học tập, tính tích cực trong học tập LLCT... Có thể thấy các công trình đã phân tích, đánh giá, khái quát, nhìn nhận vai trò, vị trí của nhu cầu, học tập, thông tin, kiến thức thông tin, sinh viên, LLCT của sinh viên. Những phân tích của các nhà khoa học đã đặt cơ sở cho vấn đề nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay.

- Các công trình nghiên cứu đã bàn về những vấn đề cơ bản và cụ thể như:

khái niệm nhu cầu, vai trò của tư duy trong nhu cầu học tập, yếu tố tâm lý trong nhu cầu học tập LLCT, tháp nhu cầu và điều kiện thỏa mãn; các yếu tố tác động đến nhu cầu học tập LLCT của sinh viên; mối quan hệ giữa nhu cầu học tập LLCT với kết quả rèn luyện nhân cách của sinh viên trong các trường đại học; vai trò của giáo dục LLCT trong đáp ứng nhu cầu thông tin của sinh viên; một số giải pháp đáp ứng nhu cầu tham vấn, nhu cầu khẳng định, nhu cầu tiếp nhận thông tin của sinh viên.

- Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến các yếu tố liên quan như: Phương pháp nghiên cứu; phương pháp học, đọc; nhu cầu học tập của sinh viên; động cơ học tập; về tính tích cực học tập của sinh viên; nhu cầu tiếp nhận thông tin giải trí của sinh viên; nhu cầu thông tin của người dùng tin; nhu cầu và điều kiện học tập lý luận chính trị; động cơ và các yếu tố tác động đến động cơ học tập của sinh viên; giáo dục lý luận chính trị để phát triển nhân cách.

- Các công trình trong phạm vi bao quát của NCS đã bàn nhiều đến giáo dục LLCT, đến nhu cầu học tập của sinh viên và các vấn đề liên quan. Nhiều hội thảo khoa học đã thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý giáo dục với các tham luận bàn sâu về đổi mới phương pháp giáo dục LLCT như một điều kiện đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tri thức LLCT của sinh viên trong các trường đại học hiện nay.

4.2. Những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu

4.2.1. Trong các công trình khoa học trên, *vấn đề chưa được nghiên cứu kỹ là TTCT: nội hàm, yếu tố cấu trúc, vai trò của TTCT trong đời sống chính trị xã hội...* Đây là khoảng trống mà các nhà khoa học đi trước còn để lại, là vấn đề cần được nghiên cứu sâu. Các công trình khoa học chủ yếu bàn đến nội dung giáo dục LLCT, giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên, sử dụng nội dung TTCT để giáo dục LLCT mà chưa nghiên cứu TTCT với tư cách là đối tượng khoa học. Các cuốn sách, công trình, luận án, đề án, bài báo... mới phản ánh ở từng khía cạnh cụ thể của TTCT theo các góc độ tiếp cận, nghiên cứu nhất định, mà chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống về đề tài này.

4.2.2. Vấn đề *nhu cầu TTCT của sinh viên và tầm quan trọng của việc đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên* cũng chưa được nghiên cứu kỹ. Các đề tài trong phạm vi bao quát của NCS chủ yếu bàn đến hiệu quả giáo dục LLCT, nhất là hiệu quả giáo dục lý luận cách mạng cho sinh viên. Vấn đề nhu cầu TTCT của

sinh viên đang rất khiêm tốn, thực sự chưa có công trình chuyên sâu tập trung vào một cách toàn diện, hệ thống và hiệu quả về vấn đề nhu cầu TTCT của sinh viên và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học. Nhu cầu TTCT của sinh viên có vai trò vô cùng quan trọng, nó góp phần trang bị cho sinh viên thể giới quan và phương pháp luận khoa học, xây dựng nên nhân sinh quan, lý tưởng cách mạng, gia cố niềm tin của sinh viên đối với vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước.

4.2.3. *Những vấn đề đặt ra trong nhu cầu TTCT của sinh viên, đáp ứng nhu cầu đó để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trong giai đoạn hiện nay cũng chưa được nghiên cứu sâu.* Đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên là quá trình bồi dưỡng, giáo dục bằng cách thông tin, giải thích, tuyên truyền những nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước... nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chính trị- pháp luật cơ bản, quan trọng, nòng cốt, từ đó giúp cho sinh viên xây dựng cơ sở khoa học cho nhận thức và niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH và chủ nghĩa cộng sản; hình thành và nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng; hướng đến xây dựng những thế hệ sinh viên có nhân cách trong sáng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có những hành động chính trị - xã hội tích cực, nhân văn và tiến bộ, đáp ứng tốt những đòi hỏi ngày càng cao của quá trình hội nhập và phát triển đất nước. Để hoàn thành được sứ mệnh to lớn của mình, đòi hỏi sinh viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn sâu và có lý tưởng cách mạng trong sáng, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên CNXH mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn; có niềm tin thắng lợi vào công cuộc đổi mới mà Đảng và Nhân dân ta đang thực hiện. Vì vậy, việc đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên là góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Tuy nhiên các kết quả nghiên cứu của các đề tài, đề án cũng chưa đủ cơ sở và luận cứ khoa học để kiến nghị với các cơ quan chức năng trong việc hoạch định, điều chỉnh, bổ sung, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực này cũng như việc đề xuất các kiến nghị, giải pháp trọng tâm nhằm định hướng, đáp ứng

nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

4.2.4. Những vấn đề đặt ra trong *nhu cầu TTCT của sinh viên, đáp ứng nhu cầu đó của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội* chưa được nghiên cứu, trong khi đây là vấn đề liên quan đến cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng. Hiện nay, các thế lực thù địch không ngừng sử dụng nhiều hình thức, phương pháp tinh vi, ráo riết tuyên truyền bằng các luận điệu xuyên tạc, không ngừng tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong đó, sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội là nhóm đối tượng dễ bị các thế lực chống phá tăng cường tuyên truyền các quan điểm sai trái, thù địch với mục đích gây nhiễu loạn thông tin, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô. Do đó, phải tăng cường thông tin nhằm trang bị xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục cho sinh viên thấm nhuần và thực hiện tốt đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Phải định hướng đúng đắn cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, hình thành và hoàn thiện nhân cách, xây dựng lý tưởng sống cho sinh viên. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của sinh viên về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; giúp sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội nhận diện rõ biểu hiện, những thủ đoạn của các thế lực thù địch để đề phòng và tham gia phản bác, chống lại các âm mưu, luận điệu xuyên tạc, chống phá.

- Tuy nhiên, trong phạm vi bao quát của NCS, chưa có công trình nào *nghiên cứu về TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội*, chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp về nhu cầu TTCT của sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội trong bối cảnh hiện nay, đó là bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với những tác động đa chiều đến nhu cầu TTCT và định hướng, đáp ứng nhu cầu đó cho sinh viên.

4.2.5. *Những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, làm rõ*

- NCS có nhiệm vụ xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài của mình, đó là xác

định hệ thống khái niệm có liên quan đến nội dung nghiên cứu: nội hàm, yếu tố cấu trúc, vai trò của TTCT trong đời sống chính trị xã hội nói chung, đối với sinh viên nói riêng. Nhận thức mới về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của sinh viên và nhu cầu TTCT của sinh viên để định hướng đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

- Xác định tiêu chí đánh giá thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học; phân tích các yếu tố tác động đa chiều tới nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay: các yếu tố khách quan, các yếu tố chủ quan...

- NCS khảo sát, phân tích nhu cầu TTCT của sinh viên một số trường nằm trong phạm vi nghiên cứu, đó là Học viện Báo chí và tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. NCS phân tích thực trạng đáp ứng nhu cầu của các trường đại học cho sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội thông qua điều tra xã hội học, xử lý số liệu thực trạng.

- NCS sẽ đánh giá những kết quả, hạn chế, nguyên nhân, kinh nghiệm từ khảo sát, đánh giá thực trạng nhu cầu và đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên một số trường trong phạm vi nghiên cứu gắn với bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn, NCS nhận diện những vấn đề đặt ra cần giải quyết, xác định mâu thuẫn giữa yêu cầu về mặt lý luận và mức độ đáp ứng của thực tiễn.

- NCS xác định quan điểm và đề xuất các giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trong phạm vi nghiên cứu trên cơ sở luận chứng nguyên tắc đề xuất giải pháp. Trong bối cảnh hiện nay, cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác những luận điệu xuyên tạc, những quan điểm sai trái, thù địch ngày càng diễn biến phức tạp, việc đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên là nhiệm vụ bức thiết nhằm xây dựng thế hệ sinh viên có tri thức khoa học, có nền tảng tư tưởng chính trị, vững vàng, tham gia đấu tranh chống lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đây là những vấn đề đang đặt ra cả về lý luận và thực tiễn với việc định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, cũng là những vấn đề NCS cần tiếp tục triển khai trong công trình nghiên

cứu của mình, đáp ứng yêu cầu: “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước” [39, t.2, tr.329-330].

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

1.1. Thông tin và nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên

1.1.1. *Thông tin và thông tin chính trị*

1.1.1.1. *Thông tin*

Thông tin là khái niệm cơ bản của xã hội. Mọi tri thức đều bắt nguồn bằng một thông tin về những điều đã diễn ra, về những cái người ta đã biết, đã nói và đã làm. Điều đó xác định bản chất và chất lượng của những mối quan hệ của con người. Nhờ thông tin, con người mới tạo cho mình khả năng đi từ “vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do” [127, t.20, tr.393]. Khoa học công nghệ phát triển đến trình độ cao, trong các lĩnh vực khoa học khác nhau, thuật ngữ thông tin cũng có những cách hiểu khác nhau khi con người sử dụng đến nó. Theo quan điểm triết học, thông tin là sự phản ánh của tự nhiên và xã hội bằng ngôn từ, ký hiệu, hình ảnh...hay nói rộng hơn bằng tất cả các phương tiện tác động lên giác quan của con người, phụ thuộc và vật phản ánh và vật được phản ánh. Cùng sử dụng thuật ngữ thông tin, nhưng khái niệm thông tin mà các nhà báo sử dụng lại hoàn toàn khác với khái niệm thông tin mà các nhà kỹ thuật viễn thông xử lý hoặc thông tin mà các nhà tin học chế tạo. Trong lĩnh vực viễn thông, thông tin là toàn bộ hoạt động nhằm mục đích vận chuyển, đảm bảo tính chính xác của các thông điệp. Trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, thông tin chủ yếu được hiểu là nội dung của các thông điệp, nhất là khi tiếp xúc với công chúng. Trong lĩnh vực báo chí, thông tin được dùng để nói đến chất liệu ngôn ngữ sống, sự miêu tả câu chuyện, bằng chứng, chỉ cần nó thể hiện một nhân tố của thực tại, thông tin là mục tiêu để họ sáng tạo không ngừng.

Trong cuốn “Bùng nổ truyền thông”[131], từ Latin “Informatio”, gốc của từ hiện đại “Information” (thông tin) cho rằng, thuật ngữ thông tin có thể hiểu theo hai nghĩa: một là, thông tin là nói về một hành động cụ thể để tạo ra một hình dạng; hai là, thông tin tức là nói về sự truyền đạt một ý tưởng, một khái niệm hay một biểu tượng. Hai hướng nghĩa này cùng tồn tại, một nhằm vào sự tạo lập cụ thể, một nhằm vào sự tạo lập kiến thức và truyền đạt. Tuy nhiên, cùng

sự phát triển của xã hội, khái niệm thông tin cũng phát triển theo. Có người cho rằng thông tin là điều mà người ta đánh giá hoặc nói đến; là tri thức, tin tức. Ý kiến khác đồng nhất thông tin với kiến thức, là điều mà người ta biết, hoặc là sự chuyển giao tri thức làm tăng thêm sự hiểu biết của con người.

Thông tin hình thành trong quá trình giao tiếp: một người có thể nhận thông tin trực tiếp từ người khác thông qua một loạt các phương tiện truyền thông, từ các ngân hàng dữ liệu, hoặc từ tất cả các hiện tượng quan sát được trong môi trường xung quanh. Trong trường hợp này, thông tin được hiểu như một danh từ. Ở chiều khác thông tin được dùng như một động từ, là “truyền tin, báo tin cho người khác biết...; sự truyền đạt, sự phản ánh tri thức dưới các hình thức khác nhau...” [87, tr.1226]. Thông tin được hiểu như là sự thông báo, trao đổi, giải thích về một vấn đề nào đó và thường được thể hiện dưới dạng các tín hiệu như chữ số, chữ viết, âm thanh, dòng điện... Khái niệm thông tin có ý nghĩa khác nhau trong các bối cảnh khác nhau. Thông tin được liên kết với dữ liệu, vì dữ liệu đại diện cho các giá trị được quy cho các tham số và thông tin là dữ liệu theo ngữ cảnh và có ý nghĩa kèm theo. Thông tin cũng liên quan đến tri thức, vì tri thức biểu thị sự hiểu biết về một khái niệm trừu tượng hoặc cụ thể. Về mặt truyền thông, thông tin được thể hiện dưới dạng nội dung của tin nhắn hoặc thông qua quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp. Cái được nhận thức có thể được hiểu là một thông điệp theo đúng nghĩa của nó, vì thông tin luôn được truyền tải như nội dung của một thông điệp. Thông tin có thể được mã hóa thành nhiều dạng để truyền và giải thích, thành một chuỗi các dấu hiệu, hoặc được truyền qua tín hiệu, được mã hóa để lưu trữ và liên lạc an toàn.

Để phù hợp với định hướng nghiên cứu, trong luận án này, thông tin được hiểu là *cái đa dạng được phản ánh, được đem lại sự hiểu biết cho con người qua văn bản, lời nói hoặc truyền tải qua tín hiệu, mã hóa..*

Thông tin được tổ chức tuân theo một số quan hệ logic nhất định, trở thành một bộ phận của tri thức, đòi hỏi phải được khai thác và nghiên cứu một cách hệ thống. Thông tin có đặc trưng cần nhận diện, đó là:

- *Tính linh hoạt trong tiếp cận, sử dụng*: Con người nhận thông tin thông qua các giác quan: âm thanh qua thính giác; hình ảnh và văn bản qua thị giác; trạng thái, nhiệt độ, cảm xúc qua xúc giác; mùi vị qua khứu giác. Với công nghệ thông tin hiện đại, thông tin được biểu diễn dựa trên kỹ thuật số.

- *Tính đa dạng, phong phú*: thông tin tiềm tàng khắp nơi trong xã hội. Đó là các nguồn thông tin về lao động, đất đai, tài nguyên, môi trường; thông tin về các tổ chức và các hoạt động kinh tế, xã hội; thông tin về khoa học và công nghệ; thông tin về sản xuất, kinh doanh ...Để phân biệt nội dung thông tin cần truyền đi và cách thức chuyển giao thông tin, người ta tách nội dung thông tin ra khỏi hình thức biểu hiện như ký hiệu, dấu hiệu, hình ảnh là hữu hạn, nhưng nội dung của thông tin thì vô hạn.

- *Tính riêng biệt và tính dự báo cao*: Thông tin có giá trị là những thông tin có tính chất riêng biệt và thông tin có tính chất dự báo. Tính riêng biệt làm cho thông tin phù hợp với yêu cầu của người sử dụng. Tính dự báo cho phép người ta có thể lựa chọn một quyết định trong nhiều khả năng cho phép. Trên một ý nghĩa rộng hơn, giá trị của thông tin nằm trong quyền lực tổ chức của nó.

- *Tính lan truyền và phát triển*: Hiện nay, thông tin được xem là một nguồn tài nguyên, càng sử dụng càng tăng giá trị. Việc sở hữu, sử dụng và khai thác thông tin có thể đem lại hiệu quả cho nhiều hoạt động xã hội, vì thông tin có thể mở rộng, lan truyền và phát triển không ngừng và hầu như chỉ bị hạn chế bởi thời gian và khả năng nhận thức của con người. Khả năng mở rộng này thể hiện ở các thuộc tính của thông tin là lan truyền một cách tự nhiên, phát triển nhanh chóng thông qua các phương tiện truyền thông, từ truyền miệng đến sử dụng khoa học công nghệ, sử dụng mạng xã hội...

- *Thông tin đóng vai trò quan trọng trong đời sống cá nhân và xã hội*. Thông tin mang lại những kiến thức, tri thức hiệu quả, giúp chúng ta nhận thức sâu sắc về thế giới chúng ta đang sống. Sinh viên càng cần trang bị cho mình những kỹ năng và kiến thức để hiểu rõ và làm chủ thế giới thông tin, tức là rèn luyện kỹ năng nhận dạng nhu cầu thông tin, định vị nguồn thông tin phù hợp với những nhu cầu đó, tổ chức nguồn thông tin tìm được một cách hợp lý, thẩm định nguồn thông tin và sử dụng thông tin hiệu quả. Thông tin chính là chìa khóa quan trọng mở ra cơ hội tri thức và nghề nghiệp cho mỗi người, thúc đẩy sự phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục của đất nước, thông tin gắn liền với khả năng nghiên cứu độc lập và học tập suốt đời. Người biết khai thác và sử dụng thông tin là người có kiến thức thông tin, là người đã học được cách thức để học. Họ biết cách học, nắm được phương thức tổ chức tri thức, tìm kiếm thông tin và

sử dụng thông tin, do đó những người khác có thể học tập được từ họ. Họ là những người đã được chuẩn bị cho khả năng học tập suốt đời, họ luôn tìm được thông tin cần thiết cho bất kỳ nhiệm vụ hoặc quyết định nào một cách chủ động.

1.1.1.2. *Thông tin chính trị*

Chính trị là khái niệm được sử dụng phổ biến ngày nay, trở thành đối tượng nghiên cứu của chính trị học và nhiều ngành khoa học khác nghiên cứu. Cơ cấu xã hội được cấu thành từ 4 lĩnh vực cơ bản, đó là kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Như vậy chính trị là một trong các lĩnh vực cơ bản của xã hội, là lĩnh vực phức tạp bao hàm nhiều quan hệ, khía cạnh khác nhau. Mỗi một học thuyết chính trị, mỗi nhà tư tưởng chính trị đều có cách tiếp cận khác nhau về chính trị trên các cơ sở lợi ích, mục đích và trình độ tư duy của mỗi người. Theo tác giả Đào Duy Anh thì “chính” là thích đáng, ngay thẳng; việc của nhà nước; quy tắc để làm việc; chủ trì [3, tr.171], “trị” là việc đương làm; sửa sang công việc; trừng phạt [3, tr.488]. Chính trị là cách “gọi chung những việc sắp đặt và thi hành để sửa trị một nước” [3, tr.174].

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, chính trị thực chất là vấn đề quyền lực, vấn đề giai cấp và lợi ích giai cấp mà trước hết là quyền lực nhà nước. Các biểu hiện của chính trị đều phản ánh những vấn đề kinh tế, tất yếu kinh tế quy định tất yếu chính trị, các cuộc đấu tranh chính trị bao giờ cũng hướng tới giải quyết mục tiêu lợi ích kinh tế. Chính trị và kinh tế có quan hệ biện chứng với nhau. Kinh tế quyết định chính trị nhưng chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế và được ưu tiên so với kinh tế. Quan điểm này cho thấy quan hệ kinh tế, quan hệ giai cấp là vấn đề chi phối đến chính trị và vấn đề then chốt trong chính trị là quyền lực nhà nước. Chính trị “là quan hệ giữa các giai cấp, các quốc gia, các dân tộc, các lực lượng xã hội trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước” [53, tr.8]. Theo Từ điển Tiếng Việt, chính trị là “1. những vấn đề về tổ chức và điều khiển bộ máy nhà nước, hoặc những hoạt động của một giai cấp, một chính đảng nhằm giành hoặc duy trì quyền điều khiển bộ máy nhà nước. Ví dụ: *đường lối chính trị, tổ chức chính trị, tình hình chính trị trong nước*. 2. những hiểu biết hoặc những hoạt động để nâng cao hiểu biết về mục đích, đường lối, nhiệm vụ đấu tranh của một giai cấp, một chính đảng nhằm giành hoặc duy trì quyền điều khiển bộ máy nhà nước” [87, tr.223].

NCS đồng tình với cách hiểu: “Chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng bao gồm hệ tư tưởng chính trị, nhà nước, các đảng phái, xuất hiện khi xã hội phân chia thành các giai cấp dựa trên cơ sở hạ tầng kinh tế. Chính trị *“là sự biểu hiện tập trung nhất của kinh tế”* (Lênin), đồng thời chính trị có vị trí độc lập và có tác dụng to lớn đối với kinh tế... Chính trị nó còn là sự biểu hiện tập trung của nền văn minh, là hoạt động sáng tạo, của sự giải phóng. Trong điều kiện xây dựng CNXH, nói tới chính trị trước hết là đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, hiệu lực quản lý của nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”[61, t.1, tr.603]. Cách hiểu này cho thấy cấu trúc của chính trị bao gồm thể chế chính trị; thiết chế chính trị; thực tiễn chính trị. Ba yếu tố này có mối quan hệ tương tác, quyết định nhau trong thể thống nhất.

Từ quan niệm của các nhà khoa học đã phân tích, có thể hiểu: *TTCT là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị, đó là các thông tin về nội dung chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thông tin về hoạt động lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tình hình chính trị trong nước và quốc tế... TTCT là tính đa dạng trong sự phản ánh thực tiễn chính trị, giúp con người nhận thức, hiểu biết, thúc đẩy con người hành động vì mục tiêu, lý tưởng của hệ tư tưởng chính trị.*

Nói đến TTCT thường là nói đến: (1) thông tin về nội dung chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; (2) thông tin về hoạt động của hệ thống chính trị, hoạt động lãnh đạo của Đảng, Nhà nước trong đời sống chính trị; (3) thông tin về các sự kiện chính trị xã hội, về tình hình chính trị trong nước và quốc tế.

Đặc điểm TTCT: Như đã phân tích, TTCT là một dạng cụ thể của thông tin, là sự phản ánh sự vật, sự việc, hiện tượng của thế giới khách quan, các hoạt động của con người trong đời sống chính trị được con người tiếp nhận để tăng hiểu biết cho mình và tiến hành những hoạt động có ích cho cộng đồng. TTCT cũng mang những đặc điểm chung của thông tin. Ngoài ra TTCT còn một số đặc điểm khác cần lưu ý, đó là:

- *Tính thời sự:* TTCT cần được truyền đạt đến người nhận đúng lúc họ cần, ngược lại, thông tin đó có thể không còn nguyên giá trị. Vì vậy, đặc điểm đầu tiên của TTCT chính là tính thời sự. Có thể thấy, toàn bộ sự việc ít nhiều

quan trọng vừa mới xảy ra, được nhiều người quan tâm: theo dõi thời sự - nghe thời sự quốc tế; vấn đề có tính thời sự được nhiều người chú ý quan tâm... Đó là những sự kiện công chúng muốn biết, cần biết nhưng chưa biết, hoặc sự kiện cần thông tin cho công chúng để thực hiện mục đích chính trị của mình; sự kiện đã xảy ra từ lâu, nhưng nay mới biết, hoặc xảy ra đã lâu nhưng nay mang ý nghĩa thời sự.

- *Tính định hướng*: như đã phân tích trên đây, TTCT liên quan đến sự kiện, nhưng sự kiện gì là lý do để TTCT cần có tính định hướng. Không phải sự kiện nào cũng được thông tin, nhất là TTCT. Muốn khơi dậy tiềm năng TTCT của sự kiện thì thông tin phải có tính định hướng. Cần nắm bắt được môi trường văn hóa xã hội, biến động chính trị cũng như các quan hệ chính trị liên quan đến thông tin; cần hiểu công chúng và phán đoán được thông tin tác động vào những mối quan hệ nào, vào nhóm đối tượng nào và hiệu ứng xã hội khi thông tin được truyền đi, tránh tình trạng TTCT có thể gây hiểu nhầm hoặc bị hiểu sai.

- *Tính đầy đủ, công khai* : TTCT cần thể hiện sự bao quát các vấn đề đáp ứng yêu cầu của đối tượng. Thông tin cần đầy đủ và công khai thì mới tin cậy. Thông tin phải rõ nguồn, đảm bảo không bị nhiễu trong quá trình chuyển tải. Nguồn thông tin phải đảm bảo không bị suy luận tùy tiện trong lĩnh vực chính trị, thông tin có độ tin cậy thấp sẽ gây nên hậu quả xấu cho cá nhân và cộng đồng. Tính đầy đủ, công khai là đặc điểm cần đảm bảo để TTCT định hướng dư luận, đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân về các sự kiện chính trị diễn ra.

1.1.2. Nhu cầu và nhu cầu TTCT

1.1.2.1. Nhu cầu

Nhu cầu là đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học. Tùy theo mục đích, điều kiện và góc độ tiếp cận, quan niệm về nhu cầu có thể khác nhau. Có người hiểu nhu cầu là một hiện tượng tâm lý của con người; người khác cho rằng nhu cầu là những đòi hỏi, mong muốn của con người về vật chất hoặc tinh thần để tồn tại và phát triển. Tùy theo trình độ nhận thức, môi trường sống, những đặc điểm tâm sinh lý, mỗi người có những nhu cầu khác nhau. Người thì luôn có nhu cầu được ăn ngon, mặc đẹp, mong muốn được hưởng thụ giá trị vật chất. Người khác lại luôn có nhu cầu hưởng thụ giá trị tinh thần.

David Barash cho rằng *nhu cầu* là tính chất của cơ thể sống, biểu hiện trạng

thái thiếu hụt của chính cá thể đó và do đó phân biệt nó với môi trường sống. Nhu cầu tối thiểu nhất, hay còn gọi là nhu yếu tuyệt đối, đã được lập trình qua quá trình rất lâu dài tồn tại, phát triển và tiến hóa. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cũng đã tập trung nhấn mạnh vai trò của nhu cầu con người, một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Những nhu cầu đó được phản ánh vào trong bộ óc của con người và làm cho con người có ý thức với chính những nhu cầu của bản thân họ [122]. Theo Phạm Minh Lăng, trong lý thuyết phân tâm của mình, S. Freud đã đề cập đến vấn đề nhu cầu của cơ thể. Phân tâm học coi trọng nhu cầu tự do cá nhân như các nhu cầu tự nhiên, đặc biệt là nhu cầu tính dục: khát thì muốn uống, đói thì có nhu cầu ăn... Những mong muốn này nếu được thoả mãn sẽ đem lại cho con người khoái cảm đặc biệt và sẽ tạo ra trạng thái tâm lý sung sướng, khoan khoái, dễ chịu. Khi một khát vọng nào đó chưa được thoả mãn thì sự căng thẳng về mặt tâm lý lên đến tột đỉnh [72].

Đầu thế kỷ XX, K.Lewin quan niệm: nhân tố thúc đẩy mọi hoạt động của con người không chỉ là những nhu cầu cơ thể (xung năng) mà có cả nhu cầu xã hội. K.Lewin, H.Murray khẳng định: nhu cầu có tác dụng hướng dẫn và thúc đẩy hành vi. Xét trên phương diện từng cá nhân, nhu cầu của mỗi người khác nhau về mức độ, cường độ; đồng thời các loại nhu cầu chiếm ưu thế cũng khác nhau ở mỗi cá nhân. Các nhà tâm lý học Xô Viết cho rằng: nhu cầu là yếu tố bên trong, quan trọng đầu tiên thúc đẩy con người hoạt động. Nghiên cứu nhu cầu của con người, D.N.Uznatze đã phát hiện ra mối liên hệ giữa nhu cầu với hành vi của con người, tương ứng với mỗi kiểu hành vi là một loại nhu cầu cơ bản và nhu cầu là thể hiện sinh động nhất sự tồn tại của một cơ thể sống đang phát triển. Tiếp cận nhu cầu của một nhóm người trong xã hội, A.G.Covalip nhận định: nhu cầu là sự đòi hỏi của cá nhân hay của nhóm xã hội muốn có những điều kiện nhất định để sống và phát triển. Theo A.N.Leonchiev (1903-1979), nhu cầu là một trạng thái của con người, cần một cái gì đó cho cơ thể nói riêng và cho con người nói chung sống và hoạt động. Nhu cầu có vai trò định hướng, đồng thời là động lực bên trong kích thích hoạt động của con người [121].

Nhiều nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu nhu cầu của con người và đưa ra những khái niệm khác nhau. Theo tác giả Lê Hữu Tầng: “*Nhu cầu là những đòi hỏi của con người, của từng cá nhân, của từng nhóm xã hội khác nhau hay*

của toàn bộ xã hội muốn có những điều kiện nhất định để tồn tại và phát triển”[93, tr. 31]. Như vậy nói về nhu cầu là đề cập đến một nội dung cụ thể, tức là *đòi hỏi của con người, của từng cá nhân, của từng nhóm xã hội khác nhau hay của toàn bộ xã hội*. Nhu cầu thôi thúc sự gặp gỡ giữa chủ thể và khách thể trong *những điều kiện nhất định để tồn tại và phát triển*. Các tiếp cận này cho thấy nhu cầu là thành tố quan trọng tạo nên nhân cách của cá nhân, cùng với các thành tố khác như hứng thú, niềm tin, thế giới quan, lý tưởng. Nhu cầu là sự bộc lộ ra bên ngoài của xu hướng. Cùng quan điểm này là ý kiến của nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Viện khi ông xem nhu cầu là *“điều cần thiết để đảm bảo tồn tại và phát triển. Được thỏa mãn thì dễ chịu, thiếu hụt thì khó chịu, căng thẳng, ảm ức. Có nhu cầu của cá nhân, có nhu cầu của chung của tập thể, khi hòa hợp, khi mâu thuẫn; có nhu cầu cơ bản, thiết yếu, có nhu cầu thứ yếu, giả tạo. Nhu cầu do trình độ phát triển của xã hội mà biến đổi”*[117, tr.200]. Nhu cầu là yếu tố quyết định tạo ra tính năng động, xác định xu hướng và tính chất của hành vi. Theo tác giả Lương Khắc Hiếu, nhu cầu được hiểu là *“những đòi hỏi của từng cá nhân, của nhóm xã hội hay của toàn xã hội muốn có những điều kiện nhất định để tồn tại và phát triển”* [49, tr.146], gắn liền với lợi ích, trở thành động lực thúc đẩy con người hành động.

Theo Từ điển Bách khoa, nhu cầu là *“sự phản ánh một cách khách quan các đòi hỏi về vật chất, tinh thần và xã hội của đời sống con người phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Nhu cầu hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử. Mức độ nhu cầu và phương thức nhằm thỏa mãn nhu cầu về cơ bản phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội, trước hết là trình độ phát triển kinh tế. Nhu cầu là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất và toàn xã hội phát triển.”* [66, t3, tr. 267]. Khái niệm này không chỉ cung cấp nội hàm ý nghĩa mà còn chỉ rõ vai trò của nhu cầu là *động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất và toàn xã hội phát triển*. Động lực trước tiên của nhu cầu là thúc đẩy hành động của con người, vì nhu cầu trước hết là của cá nhân. Liên kết các cá nhân sẽ trở thành nhu cầu cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trong Từ điển Tiếng Việt, nhu cầu là *“điều đòi hỏi của đời sống, tự nhiên và xã hội .Ví dụ: nhu cầu ăn mặc, thỏa mãn nhu cầu, không đáp ứng được nhu cầu của thị trường”*[87, tr, 933]. Nhu cầu là yếu tố, động lực bên trong kích thích, thúc đẩy con người hoạt động; là tiền đề và kết quả của

hoạt động, của sự phát triển.

Có thể hiểu: *Nhu cầu là đòi hỏi, mong muốn, khát vọng của con người về các yếu tố vật chất hoặc tinh thần, là động lực bên trong kích thích, thôi thúc, thúc đẩy con người hành động để tồn tại, phát triển.*

Nhu cầu có các đặc điểm cơ bản:

- *Một là, nhu cầu về hình thức có tính chủ quan nhưng về nguồn gốc mang tính khách quan:* nhu cầu bao giờ cũng xuất hiện từ bên trong, dù cơ sở nảy sinh nhu cầu bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống. Vì thế khi nói đến nhu cầu của con người, không thể không chú ý đến tính chủ quan của nó. Tuy nhiên nhu cầu còn mang tính khách quan, vì con người luôn chịu sự tác động của môi trường sống. Khi môi trường sống thay đổi, bản thân con người cũng thay đổi, nhu cầu của cá nhân và nhu cầu xã hội cũng sẽ thay đổi theo. Bởi con người tạo ra môi trường sống và con người cũng là sản phẩm của chính môi trường sống mà con người là một phần trong đó.

- *Hai là, nhu cầu có tính lịch sử - xã hội cụ thể:* tức là nói đến việc nhu cầu của con người không chỉ chịu những tác động chung từ môi trường sống của xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, mà nhu cầu còn bị chi phối bởi những tác động cụ thể từ môi trường hẹp hơn, gắn với các yếu tố lịch sử - xã hội cụ thể như điều kiện sống, yếu tố gia đình, trình độ, khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân trong mối quan hệ với các thành viên của cộng đồng nhỏ như gia đình, dòng họ, xóm làng... Thế nên nhu cầu con người mang tính lịch sử - xã hội cụ thể.

- *Ba là, nhu cầu có tính đối tượng:* đó là nội dung của chính nhu cầu. Khi hiểu nhu cầu là *một thuộc tính tâm lý của con người, là đòi hỏi, mong muốn, khát vọng của con người* thì có nghĩa nhu cầu luôn cần có đối tượng, tức là cần câu trả lời: muốn cái gì? Nhà tâm lý học A.N Lêônchiep đã khẳng định “*nhu cầu thực sự bao giờ cũng phải là nhu cầu về một cái gì đó*” [121, tr.220]. Đối tượng của nhu cầu nằm ngoài chủ thể, đồng thời là cái chứa đựng khả năng thỏa mãn nhu cầu. Tác giả Trần Thị Minh Ngọc cho rằng: “*Bản thân đối tượng đáp ứng nhu cầu luôn tồn tại một cách khách quan và không tự bộc lộ ra khi chủ thể có cảm giác thiếu hụt hay đòi hỏi. Đối tượng đáp ứng nhu cầu chỉ bộc lộ khi chủ thể tiến hành hoạt động, nhờ vậy mà nhu cầu có tính đối tượng*”[85, tr.5]. Tìm ra được đối tượng của nhu cầu là yếu tố có ý nghĩa quyết định để thỏa mãn nhu cầu, tức là hiểu được đòi

hỏi, mong muốn, khát vọng của con người là gì, mới có thể đáp ứng được *đòi hỏi, mong muốn, khát vọng* đó. Tính đối tượng khẳng định nhu cầu hình thành động cơ, thúc đẩy hoạt động của con người chiếm lĩnh đối tượng nhằm thỏa mãn nhu cầu.

- *Bốn là, nhu cầu có tính biến động*: con người luôn có xu hướng thay đổi nhu cầu, có thể theo chiều hướng từ thấp lên cao, từ ít sang nhiều, từ cũ sang mới, từ vật chất sang tinh thần, phù hợp với quy luật vận động và phát triển của hiện thực khách quan, phụ thuộc vào quy luật tâm lý. Con người thường không bằng lòng với cái hiện tại, muốn thay đổi bởi tâm lý nhàm chán dẫn đến nhu cầu cái mới, đẩy nhu cầu đi lên hoặc kích hoạt nhu cầu theo chiều hướng khác. Ví như con người khi trẻ chỉ thích ăn thích chơi, lớn lên có nhu cầu học tập để tích lũy tri thức, có nhu cầu lập gia đình để hưởng hạnh phúc, tích lũy của cải.

Nhu cầu rất phong phú, đa dạng với nhiều loại khác nhau. Nhu cầu có thể được chia thành 3 nhóm: (1) gồm các loại nhu cầu: ăn, uống, tình dục, chạy trốn, tự vệ; (2) gồm các loại nhu cầu: thống trị người khác, học tập, hiểu biết, quyền rũ; (3) là nhóm nhu cầu cho và nhận, nhu cầu thành đạt. Các nhu cầu thuộc nhóm thứ hai và nhóm thứ ba xuất hiện trong các mối quan hệ xã hội, bằng con đường học tập, có tính mục đích. Có ý kiến chia nhu cầu thành 2 nhóm: (1) nhu cầu tồn tại (sinh lý, an toàn và tham dự); (2) nhu cầu đạt mục đích sống (giàu có vật chất, quyền lực và danh vọng, kiến thức và sáng tạo, hoàn thiện tinh thần) [98]. Nhà tâm lý học người Mỹ A.Maslow đã đưa ra luận thuyết thứ bậc về nhu cầu - động cơ và chia nhu cầu thành năm thứ bậc. Đây cũng chính là những đặc trưng của nhân cách lý tưởng theo trường phái tâm lý học nhân văn thế kỷ XX. Quan điểm có tính tích cực của A.Maslow là hệ thống thứ bậc nhu cầu của con người luôn thay đổi để phù hợp với hoạt động của chủ thể, thích ứng với môi trường văn hóa, với hoàn cảnh và trạng thái tâm lý của con người. Theo thang nhu cầu của A.Maslow, tầm quan trọng của các nhu cầu được sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao: tầng *nhu cầu sinh học* là nhu cầu cơ bản nhất, đòi hỏi bắt buộc đối với mỗi cá nhân, mang tính chất bản năng, nghiêng về phương diện vật chất. Các tầng trên của tháp là nhu cầu tinh thần, thể hiện trình độ và phẩm chất, năng lực con người. Tầng *nhu cầu an toàn* là khi con người mong muốn có được cảm giác yên tâm về cá nhân, gia đình, cảm thấy bình yên trong cuộc sống. Tầng *nhu cầu được yêu thương* thể

hiện khát khao của con người được yêu thương, được giao lưu tình cảm, mọi người yêu quý và được tham gia các hoạt động xã hội. Tầng *nhu cầu được tôn trọng* thể hiện khát vọng của con người được khẳng định vai trò, vị thế cá nhân thông qua sự thừa nhận, tôn kính của cộng đồng. Nhu cầu *thể hiện toàn bộ tiềm năng* là nhu cầu cao trong tháp nhu cầu của con người, khi nhu cầu con người đã trở thành động lực bên trong kích thích, thúc đẩy con người hành động trong thực tiễn. Đây là khi con người tự ý thức để điều chỉnh hành vi với mục đích hoàn thiện nhân cách, tự khám phá, tìm hiểu để nâng cao kiến thức, sáng tạo và thể hiện bản thân trong các mối quan hệ xã hội.

Nhà tâm lý học Nguyễn Khắc Viện phân chia nhiều loại nhu cầu, đó là “*nhu cầu sinh lý, ăn uống, không khí trong lành, nước sạch...; cảm giác và vận động; về giới tính tình dục; về quan hệ xã hội và tình cảm, về văn hóa, lý tưởng, tín ngưỡng*” [117, tr. 201]. Các nhu cầu trong hệ thống thứ bậc nhu cầu của con người mà nhà nghiên cứu đề cập đến cũng có quan hệ biện chứng, tương tác với nhau, luôn biến đổi phù hợp với hoạt động của chủ thể, theo thời gian và hoàn cảnh, theo trạng thái tâm lý. Có nhu cầu và mong muốn thỏa mãn nhu cầu là động lực thúc đẩy hoạt động của mỗi người, vì thế nghiên cứu nhu cầu là để định hướng giáo dục nhân cách, bởi hiểu biết về nhu cầu sẽ kiểm soát được hành vi của con người.

Trong luận án này, NCS nghiên cứu vấn đề cụ thể, đó là nhu cầu TTCT của sinh viên. Nhu cầu đó thuộc lĩnh vực tinh thần, là nhu cầu xã hội cao, gồm các yếu tố: *nhận thức về đối tượng của nhu cầu và lợi ích từ đối tượng; hình thành ý chí, quyết tâm, thực hiện chiếm lĩnh đối tượng; hành động để thỏa mãn nhu cầu*. Nếu tiếp cận theo giai đoạn thì nhu cầu ấy bao gồm: kích thích nhu cầu, đáp ứng nhu cầu, phát triển và nâng cao nhu cầu. Khi nhu cầu được đáp ứng, nhu cầu mới cần được kích thích để tạo động lực cho con người có nhu cầu mới đòi hỏi đáp ứng. Cứ như vậy, cuộc sống của con người không ngừng vươn lên, thỏa mãn nhu cầu cũng là cách tự hoàn thiện mình.

1.1.2.2. Nhu cầu TTCT

Từ những phân tích trên về nhu cầu, về TTCT, có thể hiểu *nhu cầu TTCT là những khao khát, đòi hỏi cần phải được thỏa mãn của con người về hệ thống tri*

thức ở lĩnh vực chính trị đó là nội dung chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thông tin về hoạt động lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tình hình chính trị trong nước và quốc tế... nhằm nâng cao tri thức xây dựng, bồi đắp niềm tin, chuyển hóa thành hành động thực tiễn chính trị.

Khái niệm nhu cầu TTCT trên đây cho thấy đây là nhu cầu tất yếu của con người, chịu sự tác động của các yếu tố tâm lý, nhận thức và yếu tố khách quan như môi trường sống, sự phát triển của xã hội... Con người giống nhau ở chỗ luôn có nhu cầu, nhưng nhu cầu của mỗi người lại không giống nhau, hoặc thiên về vật chất hoặc thiên về tinh thần. Có thể nói nhu cầu là tất yếu của cuộc sống, vì con người sống thì phải có nhu cầu về cái ăn, cái mặc, cái ở và đi lại. Con người muốn tồn tại và phát triển có nhu cầu hiểu biết để khám phá, chiếm lĩnh, sáng tạo thế giới phục vụ cho đời sống của con người... Nhu cầu TTCT vừa diễn ra ở quy mô xã hội rộng lớn, nhưng đồng thời cũng diễn ra trong mỗi cá nhân con người. Khi nhu cầu cá nhân phù hợp với nhu cầu xã hội thì những nhu cầu đó sẽ được đảm bảo bằng chính nhu cầu cộng đồng, thuận chiều phát triển. Để nhu cầu TTCT của xã hội gặp gỡ nhu cầu cá nhân cần phải có các điều kiện đáp ứng. Khi nhu cầu được thỏa mãn thì nhu cầu trở thành hiện thực..

Nhu cầu TTCT có một số đặc điểm sau:

Nhu cầu TTCT có tính chủ quan và khách quan: tính chủ quan là một đặc điểm cố hữu của nhu cầu TTCT, vì nhu cầu bao giờ cũng xuất hiện từ bên trong, tức là nhu cầu cá nhân, trước khi nó được xã hội hóa. Quan điểm về tính chủ quan trong nhu cầu TTCT xuất phát từ năng lực nhận thức, quan niệm thẩm mỹ và điều kiện sống của mỗi người. Giới tính, lứa tuổi, tính cách, sở thích, lối sống, thói quen... đều tác động đến tính chủ quan của nhu cầu. Nhu cầu TTCT có tính khách quan vì con người sống trong xã hội luôn chịu sự tác động của môi trường xã hội, chịu sự quy định của những điều kiện khách quan. Yếu tố khách quan không phụ thuộc vào ý chí và hoạt động của cá nhân, nhưng lại ảnh hưởng sâu sắc đến nhu cầu TTCT của con người.

Nhu cầu TTCT có tính đối tượng liên quan đến đời sống chính trị, lợi ích chính trị: nhu cầu TTCT là đòi hỏi, mong muốn, khát vọng tự nhiên của con người trong đời sống chính trị, luôn có tính đối tượng của nó. Tính đối tượng của nhu

câu TTCT biểu hiện ở nội dung nhu cầu, là những gì con người muốn biết, muốn hiểu về đời sống chính trị như sự kiện, quan điểm, đường lối và hoạt động của Đảng, hoạt động của Nhà nước, của hệ thống chính trị xã hội... Tất cả đều trở thành nội dung nhu cầu TTCT gắn với sự kiện trong đời sống chính trị hiện nay.

1.1.3. Sinh viên và nhu cầu TTCT của sinh viên

1.1.3.1. Sinh viên

Sinh viên là thuật ngữ thường gặp trong xã hội học tập hiện nay, một khái niệm phản ánh lớp đối tượng hết sức quen thuộc. Thuật ngữ sinh viên có nguồn gốc tiếng La tinh, “*Studens*” có nghĩa là những người làm việc nhiệt tình để tìm hiểu và khai thác tri thức. Hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về sinh viên, thông thường người ta hiểu sinh viên là người đang học ở trường đại học. Theo Từ điển tiếng Việt, sinh viên là thuật ngữ dùng để chỉ những “người học ở bậc đại học” [87, tr.1107]. Ngoài việc học ở trường đại học, sinh viên còn có thể học ở các cơ sở giáo dục khác như trường cao đẳng, trung tâm, học viện, phân viện,... Hơn nữa, học sinh các lớp chuyên ngữ, chuyên toán, chuyên văn; học viên cao học, nghiên cứu sinh cũng có thể học ở trường đại học nhưng không phải là sinh viên. Có người quan niệm sinh viên là người học chương trình đại học. Theo NCS, quan niệm này cũng không đầy đủ, vì những người học ở các trường cao đẳng vẫn được gọi là sinh viên.

Có thể hiểu: *sinh viên là người đang theo học tại các cơ sở đào tạo và được đào tạo theo chương trình cao đẳng hoặc đại học*. Cách hiểu này giúp ta nhận diện được sinh viên, phân biệt họ với học viên cao học được đào tạo theo chương trình thạc sĩ và nghiên cứu sinh được đào tạo theo chương trình tiến sĩ. Muốn trở thành sinh viên phải có đủ điều kiện: đã tốt nghiệp phổ thông trung học, bổ túc trung học, hoặc trung học chuyên nghiệp, có đủ sức khỏe để học tập và lao động, đạt điểm tuyển chọn qua kỳ thi tuyển quốc gia. Sau đó họ học tập tại các trường đại học, cao đẳng. Tại các cơ sở giáo dục ấy, họ được truyền đạt kiến thức bài bản về một ngành nghề, chuẩn bị cho công việc sau này của họ.

1.1.3.2. Nhu cầu TTCT của sinh viên

Nhu cầu TTCT của sinh viên có vai trò quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của sinh viên. *Nhu cầu TTCT của sinh viên là những khao khát, đòi hỏi cần phải được thỏa mãn về hệ thống tri thức chủ*

nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thông tin về hoạt động lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, và các vấn đề thời sự chính trị trong nước và thế giới để hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị và nhân cách chính trị cho mình.

Nhu cầu TTCT của sinh viên trước hết gắn liền với việc tiếp thu các tri thức về tư tưởng, văn hóa Việt Nam, về tình hình chính trị, về các vấn đề xã hội....Nhu cầu TTCT của sinh viên không chỉ được đáp ứng trên giảng đường mà còn thông qua tiếp nhận các sự kiện chính trị trong đời sống. Nhu cầu TTCT xuất hiện từ thực tiễn cuộc sống, gắn với điều kiện cụ thể, xác định. Con người là sản phẩm của môi trường, chịu sự tác động của môi trường song, con người cũng là chủ thể của môi trường. Nếu không có biến cố là đại dịch COVID-19, chắc nhiều sinh viên không có nhu cầu TTCT về chủ trương của Chính phủ trong việc thực hiện nhiệm vụ kép. Có thể thấy đại dịch COVID-19 là thảm họa song cũng là cơ hội để sinh viên nhìn nhận lại cá nhân, về xã hội và các mối quan hệ, khiến sinh viên trưởng thành hơn, thay đổi suy nghĩ về cuộc sống theo chiều tích cực, có nhu cầu dành thời gian nhiều hơn cho gia đình, bạn bè, phát sinh nhiều nhu cầu mà trước đây họ chưa có. Hoặc sự kiện đầu năm 2020, Tổng bí thư, Chủ tịch nước đã đặc biệt lưu ý các cơ quan hữu quan tập trung chỉ đạo kết thúc điều tra và xét xử sơ thẩm 10 vụ án nghiêm trọng, khiến nhiều sinh viên phát sinh nhu cầu TTCT về các vụ trọng án. Hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với người phạm tội tương xứng với tính chất, mức độ mà họ đã gây ra, được nhân dân đồng tình, ủng hộ, cho thấy chủ trương của Đảng, Nhà nước trong công tác đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, kiên quyết xử lý mọi cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật là đúng đắn và kịp thời. Những thông tin về các vụ án được đông đảo sinh viên quan tâm, theo dõi, khẳng định nhu cầu TTCT có tính khách quan.

Nhu cầu TTCT của sinh viên là nhu cầu của cá nhân, vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan. Con người luôn chịu sự tác động của hoàn cảnh sống, của môi trường văn hóa xã hội xung quanh. Nhưng con người cũng có cá tính riêng, có quan điểm và lối sống được lựa chọn bởi nhu cầu và điều kiện cụ thể. Vì thế cá nhân có những nhu cầu về vật chất và nhu cầu về tinh thần, có nhu cầu cấp thiết và nhu cầu quan trọng, xuất phát từ sự tương tác của cá nhân với thế giới xung quanh và chi phối bởi trình độ, nhận thức, tâm lý mang tính chủ quan. Sinh viên có nhu cầu TTCT một phần bởi tuổi trẻ thích khám phá, mặt khác do tác

động của chính văn hóa học đường. Tính chủ quan trong nhu cầu TTCT thể hiện trong những hoàn cảnh khách quan, thông qua các hoạt động nhận thức và hành vi của sinh viên trong học tập và sinh hoạt. Tính chủ quan trong nhu cầu TTCT của sinh viên được thể hiện như một quan điểm của chính sinh viên về sự kiện chính trị hoặc hiện thực tác động vào sinh viên.

Quá trình phát triển của nhu cầu TTCT của sinh viên cũng đi từ nhận thức cảm tính đến lý tính. Về cơ bản nhận thức cảm tính và lý tính không tách bạch nhau mà luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Không có nhận thức cảm tính thì không có nhận thức lý tính. Không có nhận thức lý tính thì không thể nhận thức được bản chất thật của sự vật. Cho dù nhận thức lý tính có trừu tượng và khái quát đến đâu thì nội dung của nó cũng chứa đựng các thành phẩm của nhận thức cảm tính. Ngược lại nhận thức lý tính chi phối nhận thức cảm tính, làm cho nhận thức cảm tính trở nên sâu sắc hơn, nhạy bén hơn và chính xác hơn, có lựa chọn và ý nghĩa hơn. Nhận thức trở về thực tiễn được hiểu là tri thức được kiểm nghiệm là đúng hay sai. Vì thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, cơ sở động lực, mục đích của nhận thức. Mục đích cuối cùng của nhận thức không chỉ để giải thích và cải tạo thế giới mà còn có chức năng định hướng thực tiễn. Cho nên nhận thức là yếu tố cấu trúc quan trọng của nhu cầu TTCT của sinh viên.

Sinh viên có nhu cầu nắm bắt và hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về đường lối lãnh đạo của Đảng ta, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thể chế chính trị. Thể chế chính trị “là hệ thống các quy tắc, quy định, pháp luật, luật lệ với tư cách là những chuẩn mực điều chỉnh hành vi của các chủ thể chính trị, các bộ phận chức năng cấu thành hệ thống chính trị và cơ chế vận hành, điều chỉnh các hoạt động của các chủ thể trong hệ thống đó” [2, tr.5]. Theo đó, sinh viên có nhu cầu hiểu biết nội dung thể chế nhà nước, thể chế Đảng chính trị và các tổ chức chính trị xã hội. Sinh viên muốn nhận thức được hệ thống tri thức cốt lõi của những quan điểm cơ bản, nền tảng và mang tính chân lý bền vững của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin, hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống tri thức kết tinh những giá trị tinh thần cao quý của phương Đông và phương Tây, thể hiện con đường đúng đắn của dân tộc Việt Nam, nhằm mưu cầu hạnh phúc cho toàn dân tộc Việt Nam.

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin là môn học cơ bản

trong hệ thống các môn LLCT. Mục đích của việc học tập, nghiên cứu môn học này là nắm vững những quan điểm bản chất, khoa học, cách mạng, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị thể giới quan và phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, vận dụng sáng tạo nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, đáp ứng nhu cầu xây dựng con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công CNXH. Sinh viên có nhu cầu hiểu biết tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin vào những điều kiện cụ thể của nước ta, là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Vì môn học bắt buộc và kết quả môn học quyết định kết quả học tập chung nên những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nhu cầu TTCT của sinh viên.

Sinh viên có nhu cầu TTCT về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhu cầu TTCT về sự ra đời của Đảng, về đường lối của Đảng trong các giai đoạn cách mạng, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Bởi vì đối tượng nhu cầu liên quan đến các môn học bắt buộc trong chương trình như *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Luật Hành chính, Hiến pháp và luật tổ chức bộ máy nhà nước*. Từ nhu cầu học để có kết quả thi tốt, sinh viên sẽ tự tin hơn trong giao tiếp xã hội, thúc đẩy nhu cầu TTCT lên bậc cao hơn, say mê và thích thú khi tìm cách thỏa mãn sự hiểu biết của mình. Những nội dung trên giúp sinh viên xác định đúng đắn mối quan hệ của họ với các tổ chức chính trị trong nhà trường như tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, hình thành ở họ tinh thần và thái độ tích cực khi tham gia các tổ chức này cũng như ý thức tôn trọng kỷ luật của nhà trường, của các đoàn thể ở trường cũng như nơi cư trú.

Nhu cầu hiểu biết về thiết chế chính trị, về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các hoạt động khác trong hệ thống tổ chức chính trị cũng là nội dung nhu cầu TTCT của sinh viên. Thiết chế là toàn bộ các quy định chi phối một tổ chức, một đoàn thể; chỉ toàn bộ hệ thống tổ chức và hệ thống giám sát mọi hoạt động xã hội, nhờ đó mà các quan hệ xã hội kết hợp lại với nhau, đảm bảo cho các cộng đồng hoạt động nhịp nhàng. Về mặt tổ chức, thiết chế được hiểu là hệ thống tổ

chức bộ máy được thiết lập trên cơ sở thể chế quy định của Hiến pháp, pháp luật để thực hiện một hoạt động nào đó của xã hội; là hệ thống các cơ quan quyền lực, các đại diện cho cộng đồng, đảm bảo những hoạt động đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cộng đồng và cá nhân. Ngoài việc giám sát của các hệ thống tổ chức, còn có hệ thống giám sát không theo hình thức có tổ chức, đó là phong tục, tập quán, dư luận, luôn luôn đánh giá và điều chỉnh hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Thiết chế chính trị bao gồm Chính phủ, Quốc hội, các đảng phái và các tổ chức chính trị, tạo thành hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị thực thi những chức năng nhất định trong xã hội. Đó là Đảng chính trị: Đảng cầm quyền là lực lượng chủ yếu thực thi quyền lực nhà nước, quyết định chính sách quốc gia. Nhà nước được cấu thành bởi cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba cơ quan này thực thi quyền lực nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội là những tổ chức của công dân được lập ra nhằm thực hiện một mục tiêu nhất định, có thể tác động đến việc thực hiện quyền lực của Đảng cầm quyền, Nhà nước để bảo vệ lợi ích của tổ chức mình và lợi ích của các thành viên. Sinh viên trong nền giáo dục hiện đại có nhiều cơ hội để tiếp xúc với các thiết chế chính trị, về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các hoạt động khác trong hệ thống tổ chức chính trị, thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Lúc đầu họ tiếp nhận các thông tin một cách vô thức, hoặc vì hiếu kỳ, rồi dần nhận ra cần hiểu biết về thông tin như một nhu cầu thiết yếu vì chính lợi ích đối tượng nhu cầu đem lại cho sinh viên, tạo cho sinh viên khả năng nhập thân văn hóa xã hội, tự tin trong giao tiếp cộng đồng.

Nhu cầu hiểu biết về thực tiễn chính trị, về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trong nước và trên thế giới là nội dung trong nhu cầu TTCT của sinh viên, nguyên nhân chính là xuất phát từ sự năng động của tuổi trẻ, từ đặc tính tâm lý thích nắm bắt mọi chuyển động đang diễn ra trong cuộc sống, để thấy mình đang rất trẻ trung, không đứng ngoài cuộc sống đương thời. Sinh viên lại gắn bó với tích lũy tri thức, thích khám phá thế giới sôi động mà mọi vấn đề nội dung TTCT đều liên quan đến hoặc đều diễn ra dưới dạng các sự kiện, vì thế sự kiện là đối tượng phản ánh chủ yếu của TTCT, tác động trực tiếp vào nhận thức của sinh viên. Sự kiện bản thể là sự kiện nguyên dạng trong thực tế cuộc sống với đầy đủ các chi tiết vốn có của nó; sự kiện nhận thức là sự kiện đã được tái tạo thông qua lăng kính nhận thức của chủ thể. Mỗi sự kiện đều có tiềm năng thông tin, tiềm năng ấy có được khơi thức hay không là tùy thuộc vào năng lực nhận thức và bàn tay,

kỹ năng nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của chủ thể trong quá trình kích hoạt TTCT. Ví dụ: sự kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta hay ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 là những sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, ngày hội của toàn dân rất được quan tâm.

Tuy nhiên nội dung nhu cầu về sự kiện luôn thay đổi. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta diễn ra tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội là sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị Việt Nam. Mỗi người đều thường trực một nhu cầu muốn nắm bắt từng chi tiết cụ thể liên quan đến sự kiện này. Người ta có nhu cầu biết số lượng đại biểu tham gia, khi giới truyền thông đưa thông tin về việc Đại hội có thêm 80 đại biểu so với đại hội trước, ước tính sẽ có 1.590 đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII ...thì mỗi quan tâm của mọi người lại hướng về nhu cầu thông tin khác. Đó là nhu cầu muốn được thông tin đánh giá kết quả lãnh đạo và phát triển đất nước, quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội XIII và mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát về phát triển đất nước trong giai đoạn 2021–2025, tầm nhìn đến năm 2045. Khi Đại hội thành công rực rỡ, sinh viên lại có nhu cầu về những điểm mới trong các văn kiện Đại hội Đảng lần này so với các kỳ Đại hội trước đó...Sinh viên cũng có nhu cầu TTCT về các giá trị văn hóa truyền thống, về lịch sử dân tộc. Đó là nhu cầu muốn biết về những nét mang tính đặc trưng của văn hóa Việt Nam, về phẩm chất, giá trị cốt lõi tốt nhất là lòng yêu nước; tinh thần dân tộc; lòng nhân ái, thương người; tính cộng đồng làng xã; tính tinh tế. Khi nội dung nhu cầu này được đáp ứng, sinh viên sẽ biết kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của văn hóa Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

1.2. Cấu trúc và vai trò nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên

1.2.1. Cấu trúc nhu cầu TTCT của sinh viên

Đi liền với nhu cầu là lợi ích, gắn kết nội tại với nhu cầu là lợi ích. Theo tác giả Lương Khắc Hiếu, “khi nhu cầu xuất hiện, con người sẽ hướng nhận thức của mình vào thế giới khách quan để tìm kiếm cái thỏa mãn nhu cầu, đó là lợi ích. Khi lợi ích được tìm thấy và được nhận thức thì nó sẽ biến thành động cơ tư

tưởng” [49, tr.145]. Theo nhà nghiên cứu, lợi ích là động cơ tư tưởng trực tiếp thúc đẩy con người hành động, “về mặt nội dung, lợi ích là cái thỏa mãn nhu cầu, đáp ứng nhu cầu. Còn về bản chất lợi ích là một quan hệ - quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng của thế giới bên ngoài chủ thể với nhu cầu của chủ thể” [49, tr.149]. Như thế, “tác động và nhu cầu, lợi ích để thúc đẩy tính tích cực hành động của con người không chỉ đạt tới mục đích thực tiễn mà còn đạt tới mục đích tinh thần của công tác tư tưởng. Bởi vì, chính trong quá trình cải tạo hiện thực bằng hành động để dành lấy lợi ích, thỏa mãn nhu cầu, con người sẽ hoàn thiện nhân cách, hoàn thiện thế giới tinh thần, ý thức của mình” [49, tr.152]. Nhu cầu TTCT là cái đa dạng trong sự phản ánh đời sống chính trị.

Theo NCS, dưới góc độ chuyên ngành công tác tư tưởng, có thể nhận diện cấu trúc nhu cầu TTCT của sinh viên như sau:

Một là, nhận thức về đối tượng của nhu cầu TTCT: Nhu cầu chỉ đến khi người ta có nhận thức về nó, trở thành cái tôi thích, tôi cần, tôi muốn, tôi mong, tôi khát vọng... Việc thích, cần, muốn, mong, khát vọng không thể trừu tượng mà phải là cái cụ thể, trả lời câu hỏi *cái gì?* Nhu cầu TTCT có tính đối tượng vì vậy, nhận thức nhu cầu TTCT là nhận thức đối tượng được xác định của nhu cầu. Người ta sẽ có mong muốn tìm kiếm TTCT khi họ nhận thức đúng đắn, đầy đủ việc cần thiết phải có TTCT, coi nhu cầu TTCT như là một phần tất yếu của cuộc sống. Phải từ nhận thức đúng về TTCT thì mới nảy sinh nhu cầu được có TTCT, khi đó con người sẽ hiểu rõ vai trò, động cơ, ý nghĩa, mục đích của việc tiếp nhận TTCT đối với hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống của mình. Trong tháp nhu cầu TTCT, nhận thức là một quá trình đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng rồi trở về thực tiễn. Nói đến nhận thức về TTCT là nói đến nhận thức của sinh viên về nội dung phong phú, đa dạng, phức tạp với những phát triển khó lường trong tình hình chính trị thế giới, khu vực trong nước hiện nay. Đối với sinh viên chính là vấn đề kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, kiên định với đường lối đổi mới của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, về xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN.

Hai là, niềm tin và khát vọng chiếm lĩnh đối tượng của nhu cầu: Nhu cầu

là lợi ích được đáp ứng tác động đến xu hướng, hứng thú trong nhu cầu TTCT, tâm trạng chờ đón việc tiếp nhận các TTCT một cách hào hứng, say mê, thích thú với các TTCT, thích thú nghe và đọc để tiếp nhận TTCT từ các phương tiện truyền thông, hoạt động truyền thông, chủ động và tích cực tham gia các hoạt động như: các cuộc họp, các buổi học tập Nghị quyết, sinh hoạt chính trị xã hội, nghiên cứu tài liệu, trao đổi với mọi người để hiểu được những vấn đề lý luận trừu tượng về chính trị, tích lũy thông tin, hoặc tìm tòi, tham khảo những tài liệu có liên quan đến TTCT. Từ nhận thức đúng đắn về TTCT, sinh viên sẽ có tình cảm, thái độ tích cực với TTCT, biết cách kết hợp giữa nhiệt tình với đam mê, trân quý TTCT với suy nghĩ sâu sắc để hiểu thấu đáo những nội dung của TTCT, biết trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị, tìm phương pháp tiếp thu nhanh nhất về TTCT mà họ có nhu cầu muốn chiếm lĩnh. Tình cảm chính trị sẽ dẫn con người đến lựa chọn và xây dựng lý tưởng chính trị, hình thành lối sống đẹp cho mình và lan tỏa TTCT đến mọi người.

Ba là, ý chí thúc đẩy hành vi thỏa mãn nhu cầu: Là động cơ tư tưởng, thể hiện ở ý chí hành vi để sống có trách nhiệm, biết hành xử đúng đắn, biết phân biệt phải trái, biết đối nhân xử thế, giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm. Tích cực và tự giác thực hiện những nhiệm vụ được giao, chủ động làm những việc cần làm, không né tránh hay thờ ơ, đùn đẩy trách nhiệm cho người khác. Chấp hành luật pháp, thực hiện đúng nhiệm vụ của Đảng và nhà nước, thực hiện tốt quy định của nhà nước, của pháp luật, có trách nhiệm với gia đình và mọi người xung quanh, được mọi người xung quanh yêu quý. Ý chí thúc đẩy hành vi thỏa mãn nhu cầu TTCT thể hiện qua những thói quen đơn giản nhưng cần thiết đã bị nhiều người bỏ qua. Ví dụ trong bối cảnh đại dịch COVID -19 hiện nay, hành vi thỏa mãn nhu cầu TTCT không chỉ dừng lại ở nghe mà phải thực hiện tốt quy định 5K của Chính phủ. Mỗi cá nhân tự mình và phải lan tỏa hành vi cho cộng đồng, để hạn chế đại dịch COVID-19 lan rộng. Trước biến cố chính trị xã hội, nhu cầu TTCT không chỉ là biết, là nhận thức và tình cảm, mà phải biến thành ý chí hành động, thể hiện trong lối sống.

Ba biểu hiện: (1) *nhận thức về đối tượng của nhu cầu TTCT* thông qua tình cảm, thái độ; (2) *niềm tin và khát vọng chiếm lĩnh đối tượng của nhu cầu* thiên về xu hướng phân tích, lựa chọn nội dung và (3) *ý chí thúc đẩy hành vi thỏa mãn nhu*

cầu gắn liền với động cơ tư tưởng của nhu cầu TTCT thể hiện ở hứng thú tiếp nhận TTCT và biến TTCT thành ý chí hành vi, thành động lực cho bản thân là ba yếu tố cấu thành, ba tiêu chí để đánh giá nhu cầu TTCT của sinh viên. Các yếu tố này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau. Muốn đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, phải đáp ứng đồng thời cả ba yếu tố trên. Có như thế mới giải quyết được những hành vi lệch chuẩn trong nhu cầu TTCT của sinh viên, giúp sinh viên đưa ra quyết định đúng đắn dựa trên sự độc lập, vận động của chính sự thật khách quan vốn luôn phát triển.

1.2.2. Vai trò nhu cầu thông tin chính trị đối với sinh viên

1.2.2.1. Nhu cầu TTCT giúp sinh viên có động cơ học tốt các môn LLCT

Giáo dục LLCT là nội dung cơ bản và quan trọng trong chương trình đào tạo đại học, mục đích nhằm trang bị cho sinh viên tri thức cơ bản, có tính hệ thống về lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở nền tảng đó, sinh viên xây dựng được thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận khoa học, nâng cao trình độ tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng cho bản thân. Các môn học LLCT trong hệ thống giáo dục đại học gồm môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Muốn học tốt các môn LLCT, sinh viên cần có nhu cầu TTCT, vì nội dung TTCT không chỉ giúp cho người học nhận thức tốt các môn LLCT, hình thành tư duy khoa học, thái độ tích cực trong hoạt động thực tiễn mà còn giúp người học có kỹ năng vận dụng tri thức lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Chính TTCT sẽ góp phần hình thành, bồi dưỡng cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học, trang bị những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng, góp phần định hướng suy nghĩ, hành động và hoàn thiện nhân cách cho thế hệ trẻ. Sinh viên đến lớp không phải chỉ để nghe những quan điểm, tư tưởng, nguyên lý của các môn học, mà sinh viên còn phải biết đánh giá và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Để đạt hiệu quả, ngoài việc nghe giảng trên lớp sinh viên phải có phương pháp phù hợp để tự học, tự nghiên cứu và trước hết phải thực sự có nhu cầu muốn được học và phải có điều kiện để nhu cầu đó được thực hiện, đó là phải có nhu cầu TTCT. Nhu

cầu đó phải được đáp ứng, được kích thích và định hướng để đảm bảo đúng đắn, không sai lầm.

Việc kích thích, phát triển nhu cầu và thiết lập điều kiện học tập LLCT thuận lợi cho sinh viên có vai trò vô cùng quan trọng. Nhu cầu TTCT chính là tiền đề, là cơ sở để sinh viên học tốt các môn LLCT. Một khi có nhu cầu TTCT, sinh viên sẽ có nhận thức đúng đắn, đầy đủ sự cần thiết của việc học tập LLCT, hiểu rõ vai trò, động cơ, ý nghĩa, mục đích của việc học tập LLCT đối với hoạt động nghề nghiệp và với cuộc sống của mình, có tinh thần tự giác, nỗ lực vươn lên trong quá trình học tập. Nhu cầu TTCT giúp sinh viên nhiệt tình, hăng say trong học tập, chủ động, sáng tạo tiếp cận tri thức, trang bị cho mình những hiểu biết, kỹ năng trong học tập LLCT và cuộc sống. Từ đó sinh viên sẽ tích cực, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập LLCT, thích thú với các hình thức học tập: nghe giảng lý thuyết, tham gia thực hành, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi lên lớp... để hiểu được những vấn đề lý luận trừu tượng, hoặc tìm tòi, tham khảo những tài liệu có liên quan đến bài học. Khi đó, nhu cầu TTCT lại được kích thích như hiệu ứng tích cực, sinh viên sẽ có nhu cầu TTCT cao hơn, biết cách kết hợp giữa nhiệt tình với đam mê, yêu quý môn học với suy nghĩ sâu sắc để hiểu thấu đáo những nội dung mang tính triết lý cao của LLCT; tìm phương pháp tiếp thu nhanh nhất những luận cứ khoa học, những TTCT bổ ích.

1.2.2.2. Nhu cầu TTCT giúp sinh viên có hành vi học tập tích cực

Khi sinh viên có nhu cầu TTCT đúng, sinh viên sẽ có hành vi học tập tích cực như: đi học đầy đủ và đúng giờ, tập trung nghe giảng, ghi chép đầy đủ, tích cực xây dựng bài và đặt câu hỏi để nắm vững nội dung kiến thức môn học, nhất là các môn LLCT vốn bị coi là khó hiểu, khô khan. Khi sinh viên có nhu cầu TTCT đúng, họ sẽ thỏa mãn nhu cầu bằng cách tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin, thường xuyên tham khảo tài liệu, chuẩn bị các nội dung có liên quan đến các nội dung TTCT như nội dung thể chế chính trị, thiết chế chính trị, các sự kiện chính trị, các hoạt động chính trị của các chính trị gia trong nước và trên thế giới.. Họ sẽ độc lập suy nghĩ, trao đổi với giảng viên và bạn bè để mở rộng hiểu biết về TTCT, đáp ứng nhu cầu bản thân. Việc học tập LLCT đòi hỏi sinh viên phải biết kết hợp giữa lý thuyết với thực hành, giữa lý luận với thực tiễn, phải vừa học vừa trải nghiệm và chủ động vận dụng ngay vào cuộc sống hàng ngày... Phải ghi chép lại

những nội dung chưa hiểu và tra cứu qua tài liệu, sách vở, trao đổi với bạn bè hoặc phải tìm thầy để hỏi cho thông suốt. Hành vi học tập đúng sẽ mang lại kết quả tốt cho quá trình học tập LLCT, nhưng hành vi lại bắt đầu từ nhận thức, nhu cầu TTCT giúp sinh viên có hành vi học tập LLCT đúng vì đây là yếu tố bên trong của hành vi.

Hoạt động giáo dục chỉ thành công khi chuyển hóa được những yêu cầu học tập của giảng viên thành nhu cầu học tập của sinh viên, chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, học tập trở thành niềm hạnh phúc đối với sinh viên.. Tính tích cực học tập khơi dậy sự hứng thú và hứng thú sẽ tạo ra tính tích cực giúp sinh viên nhận thức trong quá trình học tập các môn LLCT, vì nội dung các môn học này đa phần là lý thuyết, rất khó phát huy tính chủ động sáng tạo học tập, giúp sinh viên chiếm lĩnh tri thức. Nhu cầu TTCT giữ một vai trò đặc biệt, vì vậy nghiên cứu và tìm ra những giải pháp nhằm định hướng, đáp ứng và kích thích nhu cầu TTCT của sinh viên là nhiệm vụ của nhà trường, để nhu cầu TTCT của sinh viên thực sự trở thành nguồn lực giúp sinh viên hiểu sâu sắc tài liệu học tập và biến nó thành giá trị riêng bằng cách kiên trì, nỗ lực hoạt động trí tuệ để tự khám phá tri thức. Khi đó sinh viên sẽ có nhu cầu TTCT.

1.2.2.3. Nhu cầu TTCT góp phần xây dựng văn hóa chính trị cho sinh viên

Văn hóa chính trị là yếu tố cốt lõi quyết định tính chất và hiệu quả của hoạt động chính trị. Muốn xã hội phát triển thì các chủ thể chính trị phải có trình độ văn hóa chính trị nhất định, không chỉ các nhà lãnh đạo, các nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp, mà mọi giai cấp, tầng lớp, mọi thành phần xã hội, mọi cá nhân sống trong đời sống chính trị nói chung đều cần có văn hóa chính trị. Sinh viên là một thành phần quan trọng trong xã hội và ngày càng có vai trò to lớn trong đời sống chính trị của đất nước, họ cũng cần được trang bị những kiến thức và năng lực chính trị nhất định. Văn hóa chính trị là một phạm trù cơ bản của chính trị học, là trình độ phát triển của con người thể hiện ở trình độ hiểu biết về chính trị, trình độ tổ chức quyền lực theo một chuẩn giá trị nhất định nhằm điều hòa các quan hệ lợi ích giữa các giai cấp và bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền, phù hợp với xu thế phát triển và tiến bộ xã hội. Văn hóa chính trị nói lên trình độ của chủ thể chính trị thông qua hiệu quả của hoạt động chính trị. Đối với cá nhân, văn hóa chính trị là sự thống nhất hữu cơ của ba thành tố cơ

bản đó là tri thức chính trị; niềm tin chính trị và hành động chính trị của cá nhân. Với sự phát triển của xã hội, chúng ta phải xây dựng, nâng cao trình độ văn hóa chính trị của mọi tầng lớp nhân dân. Hơn nữa, sự phát triển của kinh tế tri thức khiến cho sự đóng góp của tầng lớp trí thức vào đời sống chính trị ngày càng to lớn. Trong tầng lớp trí thức, sinh viên đóng một vai trò quan trọng, họ là tiền thân của lực lượng lao động có chất lượng trong tương lai, một phần trong số họ sẽ trở thành những cán bộ, công chức nhà nước, là lực lượng lãnh đạo nòng cốt. Vì thế văn hóa chính trị của sinh viên cũng cần chú trọng, trước hết là coi trọng định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên.

Nhu cầu TTCT giúp sinh viên có khả năng nắm bắt được những nội dung cơ bản về nền tảng tư tưởng chính trị của hệ thống chính trị Việt Nam. Từ đó họ được trang bị kiến thức nền về văn hóa chính trị, hình thành niềm tin chính trị. Họ sẽ có niềm tin vào chế độ XHCN, vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Họ có niềm tin vào tương lai đất nước, có tinh thần yêu nước, tinh thần đó trở thành động lực cho sinh viên vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập là nhiệm vụ chính trị cao nhất của sinh viên hiện nay. Nhu cầu TTCT giúp sinh viên có năng lực chính trị, họ đã và đang phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc, noi gương các thế hệ đi trước, ngày càng có những cống hiến cho Tổ quốc, đã và đang có những bước trưởng thành nhanh chóng. Họ tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị như bầu cử, góp ý vào dự thảo Hiến pháp và các bộ luật, tham gia các buổi lễ kỷ niệm do Đoàn trường và Nhà trường tổ chức, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước... Mặc dù hành động chính trị ở một số sinh viên chưa có tính tích cực, chủ yếu mới ở mức độ tham gia theo phong trào, nhưng vì thế mới cần nghiên cứu để định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tri thức khoa học từ đó hình thành thế giới quan, lập trường tư tưởng, niềm tin, tình cảm và thái độ với chế độ XHCN, tự giác và tích cực tham gia các hoạt động chính trị của đất nước phục vụ lợi ích của sinh viên và toàn xã hội.

1.2.2.4. Nhu cầu TTCT của sinh viên có vai trò trong phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới

Nhu cầu TTCT giúp sinh viên khảo nghiệm, chiếm lĩnh tri thức khoa học

và thực tiễn chính trị, hình thành và phát triển năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, biết lý giải, có tư duy phân biện vấn đề và có khả năng thích ứng cao với những biến đổi mạnh mẽ, phức tạp của cuộc sống đặt ra. Với những khả năng và chức năng như nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ,... TTCT đúng đắn đóng vai trò quyết định trong việc hình thành các phẩm chất, nhân cách ở con người; nuôi dưỡng và phát triển các khả năng của con người; góp phần ổn định và thúc đẩy sự phát triển xã hội. Cho nên nhu cầu TTCT có vai trò lớn trong phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới.

Muốn vượt qua những thách thức để phát triển, Việt Nam phải có nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc các lĩnh vực. Nguồn nhân lực ấy cần có tri thức hiện đại; có trình độ tay nghề ngày càng cao và thành thạo trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; có khả năng sáng tạo và óc phát minh khoa học; có khả năng tiếp thu và thích ứng nhanh với những thay đổi trong các lĩnh vực công nghệ cao; có khả năng đưa ra các quyết sách tầm vĩ mô kịp thời và phù hợp nhất nhằm mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao Đại hội XIII của Đảng xác định. Nguồn nhân lực ấy chỉ có được nhờ một hệ thống giáo dục đồng bộ, đổi mới, tiên tiến, biết kế thừa, phát huy các giá trị nhân văn cao cả và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, biết chắt lọc tinh túy trong kho tàng văn hóa của nhân loại, biết định hướng và đáp ứng đầy đủ nhu cầu TTCT đúng đắn của sinh viên. Đại hội XIII đã thẳng thắn thừa nhận: nhiệm vụ “phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế xã hội” [39, t.1, tr.65], song việc “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội” [39, t.1, tr.82-83]. Báo cáo Chính trị tại Đại hội XIII nêu rõ: “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước” [39, t.1, tr.115-116].

Nhu cầu TTCT có thể tác động đến chất lượng nguồn nhân lực tương lai chính là lực lượng sinh viên hiện nay. *Trước hết*, nhu cầu TTCT tác động đến khả năng nhận định, dự báo, phân tích, cũng như việc phát huy năng lực cá nhân trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục đến khoa

học - công nghệ. Tất cả những mặt ấy đều dựa trên một nền tảng là học vấn vững vàng, trình độ ngày càng cao, phù hợp với xu thế của thời đại mà điểm bắt đầu lại chính là nhu cầu TTCT. *Thứ hai*, nhu cầu TTCT đóng vai trò quan trọng trong định hướng cho các cá nhân và xã hội, nhất là sinh viên, hướng đến những giá trị cốt lõi Chân - Thiện - Mỹ trong truyền thống nhân văn của dân tộc ta thông qua nội dung đối tượng nhu cầu, nâng các giá trị ấy lên cho phù hợp với yêu cầu của thời đại. *Thứ ba*, nhu cầu TTCT có khả năng khơi dậy tính năng động, khả năng sáng tạo của sinh viên trong xu hướng phát triển văn hóa nói chung, chất lượng nguồn nhân lực nói riêng; xây dựng con người có phẩm chất về tư tưởng, lý tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là nhân cách văn hóa và khát vọng, đáp ứng những đòi hỏi của cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng như hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. *Thứ tư*, nhu cầu TTCT có khả năng *điều tiết* mọi mối quan hệ của con người với chính bản thân mình, với môi trường tự nhiên và cộng đồng xã hội. Chức năng điều tiết của nhu cầu TTCT thể hiện ở sự tác động đến *điều chỉnh* và *tự điều chỉnh* từ nhận thức, hành vi đến mọi hoạt động của mỗi người và của cả cộng đồng trong xã hội. Nhu cầu TTCT sẽ góp phần củng cố, bồi đắp và phát huy trí tuệ, năng lực, phẩm chất cho sinh viên để họ trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thời đại mới.

1.2.2.5. Nhu cầu TTCT giúp sinh viên kiên định bản lĩnh chính trị, kiên định nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, độc lập dân tộc và CNXH, đường lối đổi mới của Đảng và sự tất thắng của CNXH

Khi có TTCT đúng đắn, sinh viên sẽ kiên định bản lĩnh chính trị, kiên định nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, độc lập dân tộc và CNXH, đường lối đổi mới của Đảng và sự tất thắng của CNXH. Bởi khi TTCT đúng đắn sẽ giúp sinh viên nhận thức sâu sắc rằng: chỉ có con đường độc lập dân tộc và CNXH, Tổ quốc ta mới được độc lập tự do thực sự, nhân dân ta mới trở thành người làm chủ, tự quyết định vận mệnh của mình, quyết định con đường phát triển của đất nước. Độc lập dân tộc và CNXH là con đường hợp quy luật phát triển của lịch sử Việt Nam, của cách mạng Việt Nam để có một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, con đường hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Chỉ có kiên định con đường đi lên CNXH thì mới có công cuộc đổi mới, giữ vững được thành quả của cách mạng

và thực hiện tốt mục tiêu cách mạng, sáng tạo phương pháp mới, quan niệm mới để xây dựng CNXH phù hợp hơn, hiệu quả hơn trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Việc kiên định con đường đi lên CNXH hiện nay đòi hỏi Đảng ta không chỉ cần có bản lĩnh chính trị vững vàng mà phải có trình độ trí tuệ cao, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, biết nhìn xa trông rộng. Vì thế giới đang có những diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, khó đoán định, với nhiều bất ổn, thời cơ, thuận lợi và thách thức, khó khăn đan xen. Sự nghiệp xây dựng CNXH là một sự nghiệp lâu dài, khó khăn, gian khổ, đổi mới theo định hướng XHCN là một sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Đây là quá trình vừa làm vừa học, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm, khái quát thành lý luận trên cơ sở lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn của chân lý, từng bước khắc phục các quan niệm giáo điều, đơn giản về CNXH nên rất cần kiên định bản lĩnh chính trị, kiên định nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, độc lập dân tộc và CNXH, đường lối đổi mới của Đảng và sự tất thắng của CNXH.

TTCT sẽ giúp sinh viên hiểu rõ và tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của đất nước. Nhờ vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu, đồng tâm đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: “lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa...”[39, t.1, tr.103- 104]. Chính TTCT đúng đắn củng cố niềm tin để sinh viên kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Sinh viên sẽ biết kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN. Sinh viên sẽ tin tưởng rằng, Đảng ta sẽ có nhiều bổ sung, phát triển hơn nữa lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta nhằm “Nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước...Tiếp tục bổ sung, phát triển hệ thống các quan điểm về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam” [39, t.2, tr.234-235].

1.3. Các yếu tố tác động đến nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên

1.3.1. Yếu tố khách quan

1.3.1.1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là yếu tố khách quan tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội. Toàn cầu hóa thúc đẩy hội nhập quốc tế, các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết với nhau dựa trên sự chia sẻ về các mặt như: lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hay tổ chức quốc tế. Về chính trị, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là quá trình mà các nước tham gia vào các cơ chế quyền lực tập thể song phương hoặc đa phương nhằm theo đuổi những mục tiêu nhất định và hành xử phù hợp với các luật chơi chung. Đó là mức độ liên kết đặc biệt giữa các nước, sự chia sẻ với nhau về các giá trị cơ bản như tư tưởng chính trị, ý thức hệ, mục tiêu, lợi ích, nguồn lực và quyền lực chính trị. Một quốc gia có thể hội nhập quốc tế thông qua các ký kết hiệp ước với một hay một số quốc gia khác trên cơ sở thiết lập các mối liên kết quyền lực giữa họ.

Toàn cầu hóa đã đưa lại nhiều *cơ hội tốt* để sinh viên tích cực đổi mới tư duy chính trị, giao lưu với các nước trên thế giới, mở rộng quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao, hội nhập sâu rộng. Dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thế giới trong thế kỷ XXI đang mở ra những cơ hội to lớn cho sinh viên trong tiếp nhận TTCT. Thế giới trở nên “phẳng” hơn bởi sự phá vỡ các rào cản về sự khác biệt, công nghệ thông tin giúp sinh viên chiếm lĩnh tri thức nhân loại, trở nên thông minh hơn trong nhận thức về nhu cầu TTCT, trong thẩm định nội dung TTCT để tiếp nhận một cách tích cực. Vì thế điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên cũng được thực hiện hiệu quả hơn. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thể hiện bước tiến vượt bậc trong việc nâng cao năng suất nhờ biến đổi phương thức vận hành và mối quan hệ giữa các yếu tố của quá trình sản xuất, sinh ra nền kinh tế chia sẻ với sức ảnh hưởng rộng. Nhiều ngành nghề mới đã được công nhận và có những đóng góp nhất định cho cộng đồng, xã hội. Đây là cơ hội cho sinh viên, tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên bởi nghề nghiệp liên quan đến đời sống chính trị xã hội. Qua nhu cầu TTCT, sinh viên tìm kiếm cơ hội chọn nghề mới vì thu nhập và đam mê, muốn tận dụng cơ hội từ nghề nghiệp để phát triển năng lực chuyên môn, nâng cao mức thu nhập và khả năng gặp gỡ đối tác cùng chí hướng, kích thích nhu cầu TTCT.

Nhưng toàn cầu hóa cũng có tác động tiêu cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên. Do bị chi phối bởi các nước giàu, mà chủ yếu hiện nay bởi một siêu cường, nên bên cạnh những mặt tích cực nhất định đối với quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội nói chung, toàn cầu hóa hiện nay cũng có không ít những hạn chế khiếm khuyết, vừa tạo cơ hội cho sự phát triển và sự tiến bộ nhưng tạo ra không ít thách thức mà sinh viên phải đối mặt, nhất là lĩnh vực chính trị và văn hoá mà trong đó bao hàm TTCT. Các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất và hình thức ngày càng đa dạng và phức tạp khiến sinh viên hoang mang. Mặt trái của hội nhập quốc tế cũng sẽ làm xuất hiện lối sống thực dụng, lệch chuẩn, trái với thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Một số giá trị đạo đức truyền thống đang có nguy cơ bị mai một và tha hoá. Hiện tượng suy đồi đạo đức đang trở thành mối quan tâm chung của xã hội. Lối sống cộng đồng, trọng tình nghĩa vốn là một trong những giá trị đạo đức truyền thống của văn hóa Việt Nam đang bị đẩy lùi bởi sự lên ngôi của cá nhân ích kỷ, của sức mạnh vật chất.

Sự phát triển Internet và các biến động do cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm xáo trộn đời sống, khiến hoạt động giáo dục của các trường đại học thay đổi nội dung, phương thức. Đây chính là thách thức cho sinh viên trong tiếp nhận tri thức, thỏa mãn nhu cầu TTCT của mình vì sẽ không nhận thức được đâu là TTCT đúng đắn, bổ ích và đâu là thông tin sai lệch. Họ sẽ phải có sự đổi mới về tư duy và lối sống theo hướng thay đổi mạnh mẽ sang chủ động tìm kiếm TTCT để đón đầu và định hướng cho quan hệ xã hội, đón trước tương lai. Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động đến mọi khía cạnh và các cấp độ khác nhau đến nhu cầu TTCT của sinh viên, trong đó có những tác động tích cực thúc đẩy và kích thích nhu cầu, có những tác động tiêu cực cản trở nhận thức, làm lệch xu hướng tiếp nhận nội dung TTCT. Các thế lực thù địch lợi dụng mạng xã hội, dùng danh nghĩa các tổ chức “phi chính phủ”, các hoạt động “từ thiện” để lập Quỹ Đầu tư phát triển Mỹ (USAID), Quỹ Hỗ trợ dân chủ nhân quyền (NDI), Quỹ Quốc gia hỗ trợ dân chủ (NED)...hỗ trợ cho các tổ chức phản động tiến

hành chống phá, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Các trung tâm như Asia, Danlambao, Tiếng Dân News...thường đăng tải các thông tin, bài viết xuyên tạc lịch sử. Vì thế cần nhận diện các yếu tố tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên để có phương hướng, giải pháp định hướng nhu cầu, đáp ứng và kích thích nhu cầu TTCT cho sinh viên.

1.3.1.2. Bối cảnh xã hội Việt Nam tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên. Sau hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Nhờ có đường lối phát triển kinh tế đúng đắn và giải pháp phù hợp, Việt Nam đã được thế giới đánh giá cao bởi sức mạnh kinh tế của đất nước tăng lên; vị thế trên trường quốc tế ngày càng cao. Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được khởi sắc; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có bước đột phá; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh, độc lập, chủ quyền được giữ vững. Việt Nam đã có những bước tiến lớn trong nỗ lực phát triển kinh tế và đã nổi lên như một trong những nước có tốc độ tăng trưởng nhanh hàng đầu.

Hiện nay Việt Nam đang triển khai và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Trên con đường hội nhập quốc tế, chính thể hệ trẻ có vai trò là lực lượng xung kích, tiên phong và cũng là đội quân chủ lực. Việc sinh viên hội nhập quốc tế như thế nào sẽ có ý nghĩa quyết định quan trọng đối với tương lai của đất nước. Vì thế cần nhận thức đúng về tình hình quốc tế và môi trường hội nhập; về các cơ hội và thách thức đặt ra trong quá trình hội nhập, từ đó xác định rõ các nguyên tắc, phương châm định hướng và các giải pháp đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa, khẳng định con đường đi lên CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Môi trường giáo dục của Việt Nam cũng tác động trực tiếp đến nhu cầu TTCT của sinh viên. Xã hội Việt Nam đang là xã hội học tập, nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục XHCN, có mục tiêu giáo dục

toàn diện con người Việt Nam. Giáo dục đại học Việt Nam phát triển qua nhiều giai đoạn và chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều nền giáo dục trên thế giới. Hệ thống giáo dục Việt Nam thực hiện hai chức năng cơ bản, đó là bảo vệ, truyền bá văn hoá, tri thức và các giá trị văn hóa của dân tộc, của nhân loại; thay đổi và chuẩn bị cho tương lai: tác động vào sự thay đổi, phát triển của mỗi quốc gia, tổ chức, và cá nhân trong hiện tại và tương lai. Việc thực hiện các chức năng này được thể hiện qua việc hình thành và thực hiện hệ thống các mục tiêu giáo dục của quốc gia và của trường cũng như của từng chương trình giáo dục và đào tạo. Nền giáo dục Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, nhu cầu học tập của nhân dân được đáp ứng tốt hơn; thực hiện các mục tiêu chiến lược như nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chính sách xã hội về công tác giáo dục đã được thực hiện một cách có hiệu quả, những điều kiện đảm bảo để phát triển giáo dục được tăng cường. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đại học nhất quán: giáo dục là quốc sách, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, triết lý về giáo dục đại học đang có những thay đổi sâu sắc, đó là coi việc học thường xuyên và học suốt đời làm nền móng, dựa trên các mục tiêu tổng quát của việc học, căn cứ vào 4 trụ cột giáo dục của UNESCO, đó là học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để làm người.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay cũng tác động tiêu cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên. Tác động của kinh tế thị trường, của quá trình CNH, HĐH cũng dẫn đến những thực trạng như: lối sống của một bộ phận thanh niên sinh viên hiện nay có những diễn biến phức tạp, trong đó có cả sự suy thoái đạo đức, mặc dù đó là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Trong cơ chế thị trường, khi tiền bạc trở thành mục tiêu của cuộc sống thì những định hướng về mục đích, lý tưởng của con người cũng bị phụ thuộc vào đồng tiền. Với sự bùng nổ, non trẻ, trước những cám dỗ vật chất, sinh viên dễ bị cuốn vào các vòng xoáy của lợi ích vật chất tầm thường mà quên đi những giá trị làm người, đánh mất dần lương tâm, lương tri và danh dự. Những tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tạo nên những thách thức lớn trong nhu cầu TTCT của sinh viên. Niềm tin lý tưởng cộng sản, đạo đức cách mạng phải đấu tranh quyết liệt với với chủ nghĩa cá nhân, chủ

nghĩa thực dụng, phản ánh sự đối lập giữa cái tích cực và tiêu cực trong nhận thức của mỗi con người. Mặt trái của kinh tế thị trường ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tư tưởng của Đảng vì tạo ra sự lệch pha giữa lý luận và thực tiễn. Những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn chưa kịp tổng kết, khái quát về mặt lý luận để định hướng cho công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, làm xuất hiện sự mơ hồ, dao động trong một số sinh viên. Một số sinh viên chưa có chí hướng rõ ràng, chưa hiểu biết đầy đủ về truyền thống cách mạng của Đảng và dân tộc, ít quan tâm đến tình hình đất nước, có những sinh viên có biểu hiện giảm sút niềm tin, bản lĩnh non kém, bị lôi kéo, kích động tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật. Một số sinh viên thiếu ý thức rèn luyện, không tích cực tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, các phong trào hoạt động tập thể do nhà trường, địa phương tổ chức; lười học tập, lao động, không dám đấu tranh với sai trái, tiêu cực, thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác, ích kỷ, thiếu trách nhiệm với cộng đồng, thiếu quan tâm đến tình hình đất nước, không có nhu cầu TTCT.

1.3.2. Yếu tố chủ quan

1.3.2.1. Quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có tác động lớn đến nhu cầu TTCT của sinh viên, vì quan điểm lãnh đạo của Đảng, các chính sách của Nhà nước đảm bảo định hướng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên. Đây vừa là nội dung nhu cầu vừa là điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. *Đảng lãnh đạo bằng quan điểm và đường lối, Nhà nước cụ thể hóa quan điểm đường lối đó bằng hệ thống văn bản pháp luật.* Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động giáo dục nói chung, vấn đề nhu cầu TTCT của sinh viên nói riêng chính là vạch ra chủ trương, đường lối xây dựng nền văn hóa, định hướng giáo dục và động viên, tổ chức các lực lượng xã hội thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối đó. Nhà nước là chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên dựa trên nguyên tắc chung nhất là quản lý thông qua các nội dung: Lập kế hoạch xây dựng và phát triển văn hoá giáo dục; Xây dựng thể chế, chính sách văn hoá giáo dục; Hướng dẫn việc triển khai kế hoạch và các hoạt động giáo dục, tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động đó; Xây dựng và sử dụng nguồn lực, kinh phí cho các hoạt động giáo dục... Đảng đặt ra mục tiêu “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài... Thúc đẩy hoạt

động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới” [39, t.2, tr. 321- 322].

1.3.2.2. Các chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên

Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng là cơ quan có chức năng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng đối với các trường đại học, cao đẳng trong Khối thực hiện sáng tạo các nhiệm vụ chuyên môn nhiệm vụ chính trị dạy và học, nghiên cứu khoa học, các nhiệm vụ chính trị khác theo đúng định hướng CNXH của sự phát triển, là chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên.

Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên có chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo Quyết định số 88/QĐ-BGDĐT ngày 09/01/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT, quy định chức năng và nhiệm vụ: giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên; tổ chức quán triệt, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phối hợp xây dựng nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; theo dõi, xử lý các vấn đề về chính trị, tư tưởng trong sinh viên; hướng dẫn công tác phát triển Đảng trong sinh viên; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các đơn vị chuyên trách trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại các sở giáo dục và đào tạo; hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng internet, mạng xã hội vào mục đích học tập và giải trí lành mạnh; phòng chống tệ nạn xã hội, AIDS, ma túy, mại dâm; tư vấn học đường; công tác Đoàn, Hội, Đội và công tác thanh niên trong trường học... Vì thế đây là chủ thể định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên.

Ban Tuyên giáo các cấp là chủ thể có vai trò quan trọng trong giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên, vì thế hoạt động của chủ thể này trong đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên là vấn đề quan trọng. Ban Tuyên giáo có nhiệm vụ và quyền hạn liên quan trực tiếp đến định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học: nghiên cứu, tham mưu về chủ trương, quan điểm,

chính sách, nhiệm vụ và giải pháp của Đảng thuộc lĩnh vực tuyên giáo. Chủ trì, phối hợp kiểm tra về chính trị, tư tưởng trong giảng dạy LLCT trong các trường chính trị, hệ thống giáo dục quốc dân. Tổ chức biên soạn, phát hành tài liệu phục vụ học tập nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng, kiến thức về LLCT. Ban Tuyên giáo là chủ thể quan trọng trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, nhất là hiện nay, khi “nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn theo định hướng XHCN, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn” [39, t.2, tr. 321].

Các cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu, tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường là chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý là Đảng ủy, Ban Giám hiệu, theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo bằng quan điểm đường lối, Nhà trường quản lý bằng quy chế, nội quy. Sự nhận thức đầy đủ, sâu sắc của các cấp ủy, Ban Giám hiệu về nhu cầu TTCT của sinh viên có vai trò quyết định hàng đầu trong việc tạo môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên nhiệt huyết đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ này; đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chính trị để giảng dạy và thực hành các hoạt động chính trị cùng sinh viên. Gắn quá trình học với quá trình nghiên cứu và với thực tế đời sống, kết hợp việc học tập chính khóa với việc các chương trình ngoại khóa, gắn với từng nhóm đối tượng, nghiên cứu kỹ tâm tư nguyện vọng, trình độ của đối tượng để xác định nội dung, phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT cho phù hợp với thực tế. Đảng ủy, Ban Giám hiệu của các Nhà trường trong Khối các trường đại học chịu trách nhiệm trước Đảng, trước Đảng ủy Khối, trực tiếp cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước thành các Nghị quyết, chủ trương, kế hoạch, đề án, chương trình hành động để đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các chủ thể là tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn thanh niên; Hội sinh viên... là nhóm chủ thể hỗ trợ, góp phần đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, là trường học XHCN của sinh viên. Các chủ thể phối hợp là chính quyền, các ban, ngành đoàn thể địa phương, gia đình, người thân góp phần định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

Đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên giảng dạy các môn LLCT có vai trò lớn trong định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các môn LLCT

là những khoa học độc lập, góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho sinh viên; góp phần xây dựng và định hình ở người học một hệ tư tưởng khoa học, hệ tư tưởng của Đảng, phản ánh sự thống nhất cao về tính khoa học và tính cách mạng, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Giảng viên LLCT đồng thời đóng nhiều vai: là nhà sư phạm, nhà nghiên cứu, nhà hoạt động chính trị thực tiễn, nhà tuyên truyền, nhà quản lý - mới có thể hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Giảng viên phải truyền bá cho sinh viên thấu hiểu những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; những vấn đề cơ bản đường lối, chính sách văn hóa của Đảng... Giảng viên cần giáo dục lý tưởng cách mạng; giáo dục truyền thống văn hóa kết hợp chặt chẽ với trang bị kỹ năng sống cho sinh viên, bảo đảm cho các mặt giáo dục ấy phát triển cân đối phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục con người toàn diện.

Cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ thông tin và định hướng quá trình học tập, rèn luyện, thực hiện quy chế đào tạo, quyền và nghĩa vụ của sinh viên. Tham mưu cho lãnh đạo khoa, Nhà trường về các vấn đề liên quan đến công tác giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học của sinh viên và đào tạo theo nhu cầu xã hội. Cố vấn học tập là người nắm vững mục tiêu, chương trình giáo dục, quy trình đào tạo và quản lý sinh viên. Cố vấn học tập thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên, nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của họ giảm sút, giải đáp các thắc mắc của sinh viên, xem xét các yêu cầu của sinh viên để giải quyết theo đúng quy định; chủ trì tổ chức họp đầu kỳ và họp cuối kỳ với lớp sinh viên được phụ trách. Đây là người nắm bắt tình hình, phát hiện những bất cập trong học tập của sinh viên, kịp thời đề xuất với Khoa, Nhà trường bằng văn bản những biện pháp tháo gỡ những bất cập đó; giúp đỡ, khắc phục những biểu hiện bất thường đối với sinh viên, có vai trò lớn trong việc định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên.

1.3.2.3. Phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên

Một là, hoạt động giáo dục chính khóa trên giảng đường, chủ yếu thông qua các môn LLCT là phương thức quan trọng, vì với sinh viên, thời gian học trên giảng đường nhiều nhất. Chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên phải tận dụng tối đa thời gian trên lớp để chuyển tải những nội dung cơ bản, cốt lõi về TTCT và hướng dẫn cách tự học, tự nghiên cứu để sinh viên nắm được bản chất

của vấn đề, giúp sinh viên thỏa mãn nhu cầu TTCT. Hình thức này giúp cho sinh viên tiếp thu TTCT một cách có hệ thống, đi sâu vào những vấn đề nóng và phức tạp, có sự trao đổi thông tin nhiều chiều. Giảng viên phải chú ý đổi mới giảng dạy để kích thích và định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Hiện nay nhiều sinh viên chưa có nhu cầu TTCT tích cực, mặc dù sinh viên biết nhu cầu ấy kích thích hứng thú học tập, tạo ra niềm đam mê trong học tập, làm cho những vấn đề phức tạp trở nên dễ hiểu. Học tập LLCT là hoạt động bắt buộc đối với tất cả sinh viên, nếu có nhu cầu TTCT đúng thì sinh viên yêu thích. Khi đã tạo lập được hứng thú, sinh viên sẽ có ý thức trong học tập, tìm kiếm phương pháp tiếp cận, thỏa mãn nhu cầu TTCT. Trên cơ sở đó, thái độ tích cực trong học tập được hình thành và phát triển, tạo thành động cơ thúc đẩy tính tự giác trong học tập, giúp sinh viên chiếm lĩnh đối tượng của nhu cầu TTCT ở trình độ và chất lượng cao, đem lại niềm vui, hứng thú đối với việc học tập. Động lực đúng đắn và tính tự giác, sự say mê học tập ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên.

Hai là, các hoạt động ngoại khóa, ngoài giảng đường là phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT cần thiết đối với sinh viên, nhất là trong bối cảnh hiện nay, việc tổ chức và định hướng các hoạt động ngoại khóa là không thể thiếu đối với trường đại học theo phương châm gắn lý luận với thực tiễn. Giáo dục ngoại khóa có tác dụng bổ trợ cho hoạt động giáo dục chính khóa, nhất là sinh hoạt chính trị đầu khóa, nghe nói chuyện thời sự, báo cáo chuyên đề, học tập nghị quyết của Đảng, tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, Hội thảo khoa học về những vấn đề chính trị - xã hội... Thông qua các hoạt động phong trào đoàn thể, sinh viên có thể trao đổi kinh nghiệm học tập, nghiên cứu và mở mang thêm vốn sống thực tế, vận dụng kiến thức LLCT, đáp ứng nội dung TTCT mà họ đang có nhu cầu. Các chương trình ngoại khóa thường được tổ chức như: phong trào thi đua học tập tốt, rèn luyện tốt, thi tìm hiểu các kiến thức chính trị, các giá trị đạo đức, truyền thống của đất nước, của trường đại học, các sân chơi của sinh viên như thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin, thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... sẽ giúp nhu cầu TTCT thỏa mãn. Phong trào hoạt động tình nguyện, tình nghĩa, phong trào hiến máu nhân đạo vì cộng đồng, ủng hộ đồng bào lũ lụt, các hoạt động về nguồn cũng có tác dụng đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

Ba là, các hoạt động truyền thông cũng đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh

viên. Sinh viên tự học hỏi, tiếp thu, chắt lọc, tích lũy những tri thức, vốn sống từ bên ngoài một cách có hệ thống để phát triển nhu cầu TTCT của mình. Khi sinh viên ý thức tự giác cao về nhu cầu TTCT, vấn đề tìm kiếm TTCT trở thành nhu cầu tất yếu khách quan. Nếu có bản lĩnh, sinh viên sẽ tìm đến những tấm gương tốt để tác động vào tâm lý, tình cảm nhằm bắt chước những hành động được xã hội tôn vinh và ngăn ngừa những hành động đi ngược lại lợi ích xã hội. Nếu không có bản lĩnh, sinh viên sẽ lầm đường lạc lối, khi đó, nhu cầu TTCT sẽ không phát huy tác động tích cực với sinh viên.

Bốn là, mạng xã hội và giao tiếp xã hội là vấn đề cần quan tâm khi nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên. Những năm gần đây, mạng xã hội đã có bước phát triển vô cùng mạnh mẽ, tác động lớn đến đời sống xã hội ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Mạng xã hội góp phần tích cực vào sự phát triển nhận thức, tư duy và hình thành những kỹ năng sống cho sinh viên, trở thành nơi cung cấp tin tức, kiến thức về tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Khi mạng xã hội phát triển thì dòng chảy của những TTCT cũng trở nên mạnh mẽ hơn về tốc độ, cường độ, quy mô, tác động đến hầu hết sinh viên. Tình trạng nhiễu loạn TTCT trên mạng xã hội, hoạt động tung tin đồn, giật gân câu “like” ngày càng gia tăng, gây hoang mang trong dư luận, thu hút số lượng rất lớn người quan tâm, hình thành tâm lý đám đông, tạo áp lực dư luận và đôi khi nó còn tạo ra các giá trị lệch lạc hay khuynh hướng phức tạp trong tiếp nhận TTCT.

Giao tiếp xã hội cũng là phương thức đáp ứng TTCT của sinh viên. Giao tiếp xã hội là quá trình phát và nhận thông tin giữa các cá nhân, quá trình giao tiếp đó diễn ra có hiệu quả hay không là do người phát và người nhận thông tin có chung hệ thống mã hóa và giải mã hay không. Thông qua giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ con người trao đổi thông tin với nhau, hiểu được nhau, để hành động và ứng xử phù hợp với hoàn cảnh và những chuẩn mực do xã hội quy định. Môi trường giao tiếp rất quan trọng trong định hướng nhu cầu TTCT của sinh viên, để nhu cầu đó đảm bảo tính đúng đắn vì giao tiếp là điều kiện để tâm lý, nhân cách cá nhân phát triển. Môi trường gia đình rất quan trọng bởi đây là giáo dục nhân cách. Sinh viên chịu tác động về nhu cầu TTCT trước hết từ các thành viên trong gia đình. Nếu gia đình đó có bố mẹ là Đảng viên, sống có lý tưởng thì

sinh viên sẽ không tìm kiếm TTCT sai lệch. Bạn bè và những người thân cũng là những người đáp ứng, kích thích nhu cầu TTCT của sinh viên, có thể trở thành kênh thông tin đem đến cho sinh viên những TTCT đa chiều.

1.3.2.4. Tính thực tiễn trong mục tiêu và chương trình đào tạo đại học

Nhu cầu TTCT là nhu cầu ở bậc cao, không phải ai cũng có, không phải ai cũng cần. Nhưng sinh viên cần có nhu cầu TTCT là vì:

Một là, nội dung TTCT gắn liền với các môn khoa học xã hội nhân văn và các môn LLCT có trong cấu trúc chương trình đào tạo đại học. Quy định về chuẩn chương trình đào tạo đại học theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT chính thức có hiệu lực từ ngày 07/8/2021, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01/01/2022 có quy định về cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo, quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân. Trong đó có yêu cầu: “đối với chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành”. Như vậy, LLCT là nội dung bắt buộc trong chương trình giáo dục đại học, nên sinh viên phải tiếp nhận TTCT để hoàn thiện nội dung môn học.

Hai là, TTCT giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm tốt hơn, vì nhà trường đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo, gắn với vị trí việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học, ngày 22/6/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo. Thông tư là cơ sở giáo dục đại học xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Căn cứ vào Thông tư, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra về chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo; các bên liên quan và toàn xã hội giám sát hoạt động và kết quả đào tạo. Thông tư cũng là cơ sở để xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn chương trình đào tạo của các ngành, nhóm ngành của từng lĩnh vực để thực hiện Quyết định

số 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 về Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 – 2025. Trình độ LLCT là một tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo, gắn với chuẩn đầu ra và vị trí việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

Ba là, nhu cầu TTCT đáp ứng yêu cầu thực tiễn: sinh viên cần có hiểu biết về chính trị để làm việc, để tự tin trong hoạt động giao tiếp xã hội. Chiến lược phát triển giáo dục của Chính phủ đã xác định mục tiêu đào tạo của giáo dục đại học là: đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động. TTCT cần cho sinh viên trong kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, giúp sinh viên mở rộng những mối quan hệ xã hội mới, tăng cơ hội việc làm cho mình sau tốt nghiệp. Chính nhu cầu việc làm, sự quan tâm của xã hội đến tiêu chuẩn về hiểu biết chính trị là những yếu tố tạo ra nhu cầu TTCT của sinh viên.

1.3.2.5. Đặc điểm của sinh viên tác động đến nhu cầu TTCT

Đặc điểm tâm lý: Sinh viên tuổi đời còn trẻ, tâm lý dễ thay đổi, thích các hoạt động giao tiếp, dễ tiếp thu cái mới, thích sự tìm tòi và sáng tạo. Đây cũng là tầng lớp khá nhạy cảm với các vấn đề chính trị- xã hội, đôi khi cực đoan nếu không được định hướng tốt. Sinh viên thường theo học tập trung tại các trường đại học, sinh hoạt trong một cộng đồng chung đó là cộng đồng nhà trường, chủ yếu là những thành viên tương đối đồng nhất về tri thức, lứa tuổi, vì thế có những quan hệ có tính chất bạn bè khá gần gũi. Sinh viên xuất thân từ nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, đang ở độ tuổi đẹp nhất của con người. Đây là giai đoạn đang trưởng thành về thể chất và tinh thần, nhu cầu tình cảm và lý trí, về khả năng và năng lực tư duy hướng tới sự phát triển hài hoà về nhân cách. Tuy nhiên, lứa tuổi này cũng đang diễn ra mâu thuẫn giữa con người tự nhiên và con người xã hội. Họ cũng chịu sự tác động nhiều mặt từ các điều kiện kinh tế xã hội, trong đó có cả nhân tố truyền thống và nhân tố đương đại. Họ đang trong lứa tuổi thanh niên, có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với các giá trị của xã hội hiện đại, có xu hướng muốn bứt ra khỏi các giới hạn truyền thống để hòa nhập vào cuộc sống. Sinh viên có những hoài bão ước mơ, nhưng khi không đạt được mục đích, họ thất vọng và chán nản, thậm chí hoài nghi vì họ vốn nhạy cảm và dễ bị tổn thương.

Đặc điểm lối sống: Sinh viên là tầng lớp được hưởng một nền giáo dục đào tạo bậc cao nên họ có ý thức trong rèn luyện bản thân, nhưng cũng có những trường hợp sống buông thả, hoặc hiện tượng “nổi loạn” như là sự mong muốn khẳng định mình, cố ý làm ngược lại những gì mà nhiều người thừa nhận. Họ thường quan tâm tới bản thân, có khuynh hướng đề cao quá mức đối với xung quanh, muốn “nổi bật” trước mọi người, đôi khi trong cách ăn mặc, nói năng, đi đứng mang tính lập dị, khác người. Họ tưởng như đã biết làm chủ được cảm xúc và biết ngụy trang nó trước mặt người khác, tôn thờ thần tượng nào đó nhưng chỉ là biểu hiện của sự chưa thật chín chắn trong suy nghĩ và hành động. Nhìn chung phần lớn sinh viên có lối sống năng động, có xu hướng nghề nghiệp rõ ràng. Nội dung hướng nghiệp được biểu hiện tích cực, các động cơ liên quan đến nghề nghiệp tương lai được củng cố, có mong muốn thực hiện tốt trách nhiệm công việc; tăng cường khả năng giải quyết những vấn đề trong cuộc sống, những nhiệm vụ học tập nặng nề; có tình cảm nghề nghiệp và mong muốn đạt thành tích trong học tập cũng như mọi hoạt động.

Đặc điểm tư duy: Mặc dù mỗi trường đại học, cao đẳng có một cách đào tạo riêng nhưng đều phải thực hiện nhiệm vụ chung là tạo lập cho sinh viên của mình tính chủ động, sáng tạo trong tiếp thu các tri thức khoa học. Nhờ vậy sinh viên có khả năng tiếp thu tri thức, tiếp thu cái mới trên lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ, khả năng nhạy cảm đối với những vấn đề chính trị - xã hội, nắm bắt được thông tin từ nhiều nguồn, biết phân tích tìm tòi những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Trong tư duy của sinh viên vừa có sự thống nhất, có cả sự mâu thuẫn với nhau. Một mặt, họ là người có tri thức, nhạy cảm với cái mới và mong muốn khám phá cái mới, khẳng định bản thân; mặt khác, họ chưa đủ kinh nghiệm sống nên không phải mọi mục tiêu đặt ra đều được ý thức một cách rõ ràng, khi không thoả mãn họ dễ thay đổi mục tiêu đề ra, dẫn đến những biểu hiện cực đoan, dễ bị lôi kéo vào các hoạt động tiêu cực. Chính vì vậy, nhu cầu TTCT của sinh viên luôn là đối tượng quan tâm của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các trường đại học hiện nay để định hướng đúng.

Tiểu kết chương 1

Thông tin có vai trò quan trọng trong xã hội hiện nay, TTCT lại càng cần được nghiên cứu kỹ vì TTCT là nguồn gốc của nhận thức, cơ sở quyết định hành động của con người trong thực tiễn. TTCT là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị, bao gồm các thông tin về thể chế chính trị như chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thông tin về thiết chế và thực tiễn chính trị như các hoạt động lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tình hình chính trị trong nước và quốc tế...Nhu cầu là cảm giác thiếu hụt một cái gì đó mà con người cảm nhận được, mong muốn có được, là yếu tố thúc đẩy con người hoạt động, nhu cầu càng cấp bách thì khả năng chi phối con người càng cao. Nhu cầu TTCT là mong muốn được biết về nội dung TTCT, thỏa mãn đam mê.

Nhu cầu TTCT là nền tảng trong quá trình hình thành động cơ học tập và tính tự giác trong học tập, rèn luyện của sinh viên. Nhu cầu TTCT được thỏa mãn thông qua hoạt động, nhu cầu luôn có mối quan hệ mật thiết với động cơ và tính tự giác học tập của sinh viên, trở thành nền tảng, là điều kiện, là nguồn năng lượng bên trong chuyển thành động cơ, thành tính tự giác trong hoạt động học tập và rèn luyện. Nhu cầu TTCT của sinh viên không chỉ gắn với giảng đường mà còn gắn liền với các sự kiện chính trị trong đời sống, gắn với môi trường kinh tế- xã hội của đất nước. Nhu cầu đó vừa mang tính chủ quan vừa mang tính khách quan, chịu tác động bởi nhận thức và tình cảm cá nhân nhưng cũng bị tác động bởi các yếu tố ngoại cảnh, trong đó có môi trường sống.

Các yếu tố tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên rất đa dạng. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế khách quan tác động đến Việt Nam, đến nhu cầu TTCT của sinh viên. Điều kiện đáp ứng, kích thích nhu cầu TTCT cho sinh viên (Quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Nhận thức và năng lực của các chủ thể đáp ứng; Phương thức đáp ứng; Tính thực tiễn trong chương trình đào tạo và vị trí việc làm của sinh viên; Tâm lý, lối sống của sinh viên) tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên. Khi có nhu cầu TTCT đúng, sinh viên sẽ có động lực và ý thức học tập, chủ động khám phá để trang bị kiến thức cho mình, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có niềm tin vào Đảng, vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Chương 2

NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

2.1. Khái quát về các trường đại học và đặc điểm sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát của luận án

2.1.1. Khái quát về các trường đại học trong phạm vi khảo sát

2.1.1.1. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Academy of Journalism and Communication) là trường Đảng và cũng là trường đại học trọng điểm quốc gia của Việt Nam, được thành lập ngày 16/1/1962, theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá III. Năm 1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định số 406-HĐBT ngày 20/11/1990 công nhận đây là trường đại học. Năm 1993, theo quyết định số 61- QĐ/TW ngày 10/03/1993 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành trường đại học trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực LLCT, tư tưởng văn hóa, báo chí truyền thông, một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới. Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/ĐU ngày 14/3/2018 của Ban Thường vụ Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Mục đích, cơ sở chính trị pháp lý của việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy là nhằm giảm đầu mối, khắc phục tình trạng trùng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực hiện các biện pháp quản trị nhà trường theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và hội nhập quốc tế. Học viện Báo chí và Tuyên truyền có 29 đơn vị trực thuộc (18 khoa, viện giảng dạy và 11 đơn vị chức năng). Tổng số công chức, viên chức và lao động hợp đồng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là 416 người, trong đó có 364 cán bộ trong biên chế; đội ngũ giảng viên có 263

người. Tổ chức bộ máy của Học viện ngày càng phát triển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị mỗi thời kỳ, hoạt động của tổ chức bộ máy nhìn chung đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Chiến lược phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học trong 10 năm tới và tầm nhìn đến năm 2035 tập trung vào 3 lĩnh vực chủ yếu: lĩnh vực chính trị, báo chí truyền thông và một số ngành khoa học xã hội khác. Nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học đảm bảo quy mô tương đối hợp lý và đảm bảo chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, nguồn lực tập trung, phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Quyết nghị về Chiến lược phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050 về tất cả các mặt hoạt động đã khẳng định Học viện Báo chí và Tuyên truyền phấn đấu trở thành trường đại học hàng đầu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực LLCT, tư tưởng văn hóa, báo chí và truyền thông tại Việt Nam. Mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa thành những mục tiêu chung theo từng lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế và cơ sở vật chất. Theo đó, Học viện sẽ trở thành lựa chọn số 1 của sinh viên về báo chí và truyền thông, nơi sinh viên thực sự ở vị trí trung tâm của quá trình dạy học với những trải nghiệm tích cực, thú vị.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là môi trường làm việc nhân văn, dân chủ và văn minh với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, nhóm chuyên gia đầu ngành và giảng viên đạt chuẩn; là đối tác quốc tế uy tín, trách nhiệm, trong đó hợp tác quốc tế trở thành đòn bẩy, giải pháp chiến lược thúc đẩy hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học; có cơ sở tích lũy và quản lý nguồn lực chiến lược để xây dựng môi trường làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập thân thiện, hiện đại và sáng tạo. Đây là những yếu tố tác động tích cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên, vì bản thân nhà trường đã là trung tâm chính trị lớn. Học viện Báo chí và Tuyên truyền chú trọng cung cấp TTCT cho sinh viên thông qua hoạt động dạy và học LLCT, các sinh hoạt đoàn thể của sinh viên. Là một trường Đảng, có nhiệm vụ quan trọng nhất là đào tạo, bồi dưỡng giảng viên LLCT cho các trường Đảng và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức, tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giáo dục Việt Nam với tư cách là trường đại học trọng điểm của cả nước.

2.1.2.2. *Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội* (Hanoi University of Science and Technology) là trường đại học chuyên ngành kỹ thuật đầu ngành tại Việt Nam, được xếp vào nhóm đại học trọng điểm quốc gia của Việt Nam. Trường cũng là thành viên của Hiệp hội các trường đại học kỹ thuật hàng đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương AOTULE. Tầm nhìn trở thành một đại học nghiên cứu hàng đầu khu vực với nòng cốt là kỹ thuật và công nghệ, tác động quan trọng vào phát triển nền kinh tế tri thức và góp phần gìn giữ an ninh, hòa bình đất nước, tiên phong trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam (Công bố ngày 15/02/2017 kèm theo Quyết định số 244/QĐ-ĐHKBK-HCTH).

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội được thành lập theo Nghị định số 147/NĐ ngày 6/3/1956. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội hiện đang đào tạo 67 chuyên ngành đại học, 33 chuyên ngành cao học, 57 chuyên ngành tiến sĩ. Hiện nay Trường có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với trên 200 trường Đại học, trung tâm Nghiên cứu khoa học, viện nghiên cứu và tổ chức giáo dục của 32 quốc gia trên thế giới, là thành viên của 8 tổ chức mạng lưới đại học quốc tế. Thông qua hợp tác quốc tế, trường đã cử khoảng 500 cán bộ và sinh viên đi nước ngoài học tập, nghiên cứu, trao đổi, xây dựng hàng chục dự án quốc tế về đào tạo, trang bị, nghiên cứu khoa học để góp phần tăng cường cơ sở vật chất cho Trường. Cơ sở vật chất của Trường được cải tạo và nâng cấp một cách cơ bản, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đã khang trang sạch đẹp, trường đã đầu tư nhiều phòng thí nghiệm hiện đại, xây dựng và đang thực hiện nhiều dự án lớn phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học ở trình độ cao. Điều kiện làm việc và đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, sinh viên không ngừng được cải thiện. Ngày 01/2/2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 668/QĐ-BGDĐT phê duyệt Đề án: “Quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển trường Đại học Bách khoa Hà Nội giai đoạn 2006-2030”. Trường hiện có 17 Viện đào tạo chuyên ngành, 3 khoa chuyên môn về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Lý luận chính trị, 8 viện nghiên cứu và 5 trung tâm nghiên cứu. Khoảng 25.000 sinh viên đại học hệ chính quy, 5.000 học viên cao học và nghiên cứu sinh đang học tập tại trường dưới sự giảng dạy, hướng dẫn của 1.250 giảng viên, trong đó hơn 700 giảng viên có trình độ tiến sĩ. Những yếu tố trên là nguồn lực quan trọng để nhà trường định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT đúng đắn cho sinh viên tại trường.

2.1.2.3. Đại học Phòng cháy chữa cháy

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 30 về tổ chức lại hệ thống đào tạo của ngành Công an, ngày 2/9/1976 Bộ trưởng Bộ nội vụ ký Quyết định số 5062- NV/QĐ, tách phân hiệu Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy khỏi trường Cảnh sát nhân dân và thành lập Trường Hạ sĩ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy. Đây là dấu mốc lịch sử quan trọng, khẳng định nhà trường là một đơn vị độc lập trong hệ thống các trường CAND, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ có trình độ trung cấp phòng cháy chữa cháy cho lực lượng CAND, thời gian đào tạo 3 năm, cơ sở nghiên cứu khoa học kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy.

Ngày 19/6/1984, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 90/QĐ-HĐBT thành lập trường Cao đẳng Phòng cháy chữa cháy. Ngày 14/10/1999 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 203/1999/QĐ-TTg “Về việc thành lập trường Đại học Phòng cháy chữa cháy” trực thuộc Bộ Công an. Từ một cơ sở chỉ đào tạo một chuyên ngành ở trình độ trung cấp, đến nay nhà trường đã tổ chức đào tạo các trình độ thạc sĩ, đại học với 4 chuyên ngành hệ đại học và trung cấp (Phòng cháy; Chữa cháy; Cứu nạn cứu hộ; Phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ). Từ năm học 2017-2018 nhà trường tổ chức đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Phòng cháy chữa cháy. Đây là cơ sở duy nhất đào tạo cán bộ làm công tác phòng cháy, chữa cháy của Việt Nam. Trường đã đặt mối quan hệ với Học viện Phòng cháy, chữa cháy, Học viện Phòng vệ dân sự Quốc gia Nga; Học viện Phòng cháy, chữa cháy Belarus, Tổng cục Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn Nhật Bản; cơ quan Hợp tác quốc tế của Chính Phủ Nhật Bản...Hiện nay trường đang tích cực chủ động tăng cường mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học phòng cháy, chữa cháy với các nước.

Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy hiện có 3 cơ sở đào tạo. Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trình độ sau đại học, đại học và các trình độ thấp hơn; bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho cán bộ lãnh đạo, chỉ huy của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Bộ Công an; thực hiện công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế theo kế hoạch của Bộ trưởng; là trung tâm nghiên cứu khoa học của lực lượng Công an. Nhà trường nghiên cứu, xây dựng mục tiêu, chủ trương, định hướng, chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện. Đào tạo

cán bộ có trình độ đại học, sau đại học và các trình độ khác cho Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cho nhu cầu xã hội theo quy định của Nhà nước và của Bộ Công an. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy hiện nay gồm có Ban Giám hiệu, 10 phòng chức năng, 10 khoa, bộ môn, và 4 trung tâm. Đứng đầu trường Đại học Phòng cháy chữa cháy là Ban Giám hiệu gồm Hiệu trưởng và 6 phó Hiệu trưởng, chịu trách nhiệm trước Bộ Công an và Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND; chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện toàn bộ các mặt công tác của nhà trường theo Quyết định của Bộ Công an về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của trường. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy là cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, cũng là cơ sở đào tạo của Bộ Công an, môi trường giáo dục đặc thù này tác động tích cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên, có nhiều thuận lợi trong định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên tại trường, gắn với nội dung xây dựng nếp sống chính quy cho lực lượng vũ trang.

2.1.2.4. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội được thành lập tháng 6 năm 1996. Đây là cơ sở đào tạo đa ngành (trên 25 ngành); đa cấp (Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ), đa hình thức (Chính quy, Liên thông, Vừa học - vừa làm, Trục tuyến). Nhà trường xác định sứ mệnh của mình là đào tạo các nhà kinh tế thực hành, các nhà kỹ thuật- công nghệ thực hành; bác sỹ, dược sỹ, cử nhân điều dưỡng giỏi Y thuật và giàu Y đức tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trường là một tổ chức hợp tác của những người lao động trí óc, tự nguyện góp sức, góp vốn để xây dựng và phát triển trường bền vững, vì mục đích đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo các nhà kinh tế và kỹ thuật công nghệ thực hành, các bác sỹ, dược sỹ có tay nghề cao, tạo nguồn nhân lực cho việc hình thành một đội ngũ cán bộ chủ chốt của các tổ chức, doanh nghiệp trên mặt trận phát triển kinh tế, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH theo hướng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội là một trong ít những trường đại học ngoài công lập có cơ sở đào tạo riêng, đầu tư nghiêm túc cho cơ sở vật chất, coi đó là một trong những điều kiện cơ bản để tạo dựng một trường đại học đúng nghĩa. Đây cũng là một trong những thế mạnh của trường so với

các trường đại học ngoài công lập khác trên địa bàn Hà Nội nói riêng và toàn quốc nói chung, thuận lợi cho việc định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Qua 21 năm hoạt động, Trường đã tiếp nhận 122.700 sinh viên, hầu hết đều nhận được việc làm ngay sau khi ra trường, với mức lương tương đối cao. Đội ngũ quản lý và giảng dạy cơ hữu của trường gồm 1.116 giảng viên cơ hữu. Trong đó có: 79 Giáo sư, Phó Giáo sư; 105 Tiến sĩ và 675 Thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên tâm huyết với nghề, gần gũi với sinh viên đã góp phần tạo ra một môi trường học tập trung thực nhưng rất dân chủ và thân thiện. Trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội có điều kiện tốt để đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên thông qua đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại và môi trường học thuật cao.

2.1.2. Đặc điểm sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát

Luận án chọn sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội làm khách thể nghiên cứu vì sinh viên các trường này có đặc điểm chung của sinh viên, vừa có đặc điểm riêng gắn với môi trường văn hóa xã hội Hà Nội. Cả 4 trường đại học đều đóng trên địa bàn Hà Nội, đều chịu tác động đa chiều từ môi trường văn hóa xã hội của Thủ đô đến văn hóa lối sống, tích lũy tri thức, hoàn thiện nhân cách, đến nhu cầu TTCT của bản thân.

Hà Nội là trung tâm khoa học- giáo dục của cả nước, tập trung 68 cơ sở đào tạo trong đó có nhiều trường đại học trọng điểm và có khoảng hơn 80 vạn sinh viên. Các trường đại học hàng đầu của Hà Nội đã và đang thực sự trở thành các cơ sở giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với hệ thống các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phòng thí nghiệm hiện đại, đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên có trình độ cao, tâm huyết, gắn bó với nghề. Các trường đại học ở Hà Nội có cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực đào tạo rất đa dạng như: công nghệ thông tin, công nghệ vũ trụ, vật liệu mới, tự động hóa, báo chí, kinh tế - pháp lý, tài chính kế toán, ngân hàng, sư phạm... Nhiều trường đã tiên phong trong áp dụng chương trình, giáo trình đào tạo tiên tiến, chủ động thực hiện hợp tác, liên kết đào tạo với nước ngoài hướng tới sự đa dạng hóa, hiện đại hóa từng bước, phân

đầu đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Với lợi thế được sống, học tập tại thủ đô Hà Nội, nơi diễn ra hầu hết các sự kiện chính trị, đối ngoại, văn hóa lớn của cả nước nên sinh viên có nhiều cơ hội nắm bắt những sự kiện chính trị trong nước và quốc tế, nhu cầu TTCT của sinh viên cũng vì thế mà từng bước được nâng cao. Niềm tin của sinh viên Hà Nội vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố và tăng cường; một bộ phận sinh viên tiên tiến mong muốn và phấn đấu được đứng vào hàng ngũ của Đảng, nhiều sinh viên nhận thức rõ về vai trò học vấn, kiến thức chuyên môn, khả năng thực hành, kỹ năng công tác, ứng xử và rèn luyện phẩm chất đạo đức nên chăm chỉ học tập, ham hiểu biết, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

Sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát của luận án đang được học tại các trường đại học trên địa bàn Thủ đô, đang sống trong môi trường học thuật với các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học, khám phá thực tiễn... Họ có điều kiện tiếp cận với các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội *nên họ có tri thức chính trị xã hội, có nhu cầu TTCT cao hơn* so với các sinh viên cùng lứa khác đang học tập tại các tỉnh thành trên phạm vi cả nước. Với việc được trang bị những kiến thức khá bài bản về tri thức chính trị, cùng với việc được sinh sống trong một môi trường học tập tích cực, sinh viên có cơ sở để xây dựng niềm tin chính trị, kích thích nhu cầu TTCT nhằm khám phá, chiếm lĩnh tri thức. Bản thân sinh viên là những người khá độc lập về tư duy, họ có tri thức và bản lĩnh để phân biệt đúng, sai, đồng thời họ là những người trẻ, năng động, hoạt bát, cho nên khi sinh viên đã có được nhu cầu TTCT, họ trở thành lực lượng nòng cốt trong các hoạt động phong trào diễn ra trong trường học và trên mọi lĩnh vực của đời sống. Những lá phiếu bầu ra những người trẻ đại diện cho mình trong các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội sinh viên, các tổ chức chính trị của sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội thực sự thể hiện niềm tin chính trị, nhu cầu TTCT của họ.

Nhưng mặt khác sinh viên cũng có thể dễ bị chủ nghĩa cá nhân chi phối nếu không có bản lĩnh vững vàng. Trong tư duy của sinh viên các trường đại học

trên vừa có sự thống nhất, có cả sự mâu thuẫn với nhau. Một mặt, họ là người có tri thức, nhạy cảm với cái mới và mong muốn khám phá cái mới, khẳng định bản thân; mặt khác, họ chưa đủ kinh nghiệm sống nên không phải mọi mục tiêu đặt ra đều được ý thức một cách rõ ràng, khi không thoả mãn họ dễ thay đổi mục tiêu đề ra, dẫn đến những biểu hiện cực đoan, dễ bị lôi kéo vào các hoạt động tiêu cực. Những biến động phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, mặt trái của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, sự bùng nổ thông tin, của mạng internet và các mạng xã hội... đã khiến cho một bộ phận sinh viên dao động trong lập trường tư tưởng, có khuynh hướng xa rời các giá trị truyền thống, tiếp thu thiếu chọn lọc lối sống phương Tây, một số ít sinh viên có lối sống ích kỷ, quá đề cao cái tôi cá nhân, thích hưởng thụ, ứng xử thiếu văn hóa; thiếu kỹ năng và kiến thức xã hội, ý thức chấp hành pháp luật kém, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ vào các tệ nạn xã hội. Một số sinh viên bàng quan trước những biến động xã hội, những sự kiện chính trị trong nước và quốc tế; thậm chí những kiến thức cơ bản về địa lý, nhân văn Việt Nam, về biên giới quốc gia và chủ quyền lãnh thổ đất liền, trên không, trên biển đảo cũng không cập nhật. Đây thực sự là hiện tượng đáng lo ngại, là nguyên nhân của hiện tượng nhạt Đảng, xa Đoàn, khô chính trị của một bộ phận sinh viên, dẫn đến một số sinh viên hoặc không có nhu cầu TTCT, hoặc không xác định đúng đối tượng của nhu cầu.

Ngay việc học LLCT, nhiều sinh viên cũng quá nhấn mạnh vào ghi nhớ kiến thức theo kiểu thuộc lòng mà không nhấn mạnh vào việc học ở cấp độ cao như phân tích và tổng hợp, dẫn đến hậu quả sinh viên mất quá nhiều thời gian học ở lớp mỗi ngày và học quá nhiều môn trong một học kỳ mà không có thời gian để nghiên cứu tài liệu, không hiểu sâu các vấn đề chính trị xã hội. Một số sinh viên xuất thân từ nông thôn, từ các gia đình có thu nhập thấp quan tâm đến việc đi làm thêm hơn là lo học tập, không có thời gian để ôn lại kiến thức sau những giờ lên lớp, không có nhu cầu TTCT. Không có nhiều nguồn tài liệu viết hoặc nguồn tài liệu điện tử, cũng như các cán bộ hỗ trợ chuyên nghiệp để giúp sinh viên thoả mãn nhu cầu TTCT, tăng thêm tri thức về nội dung những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung các sự kiện chính trị.

2.2. Thực trạng nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát

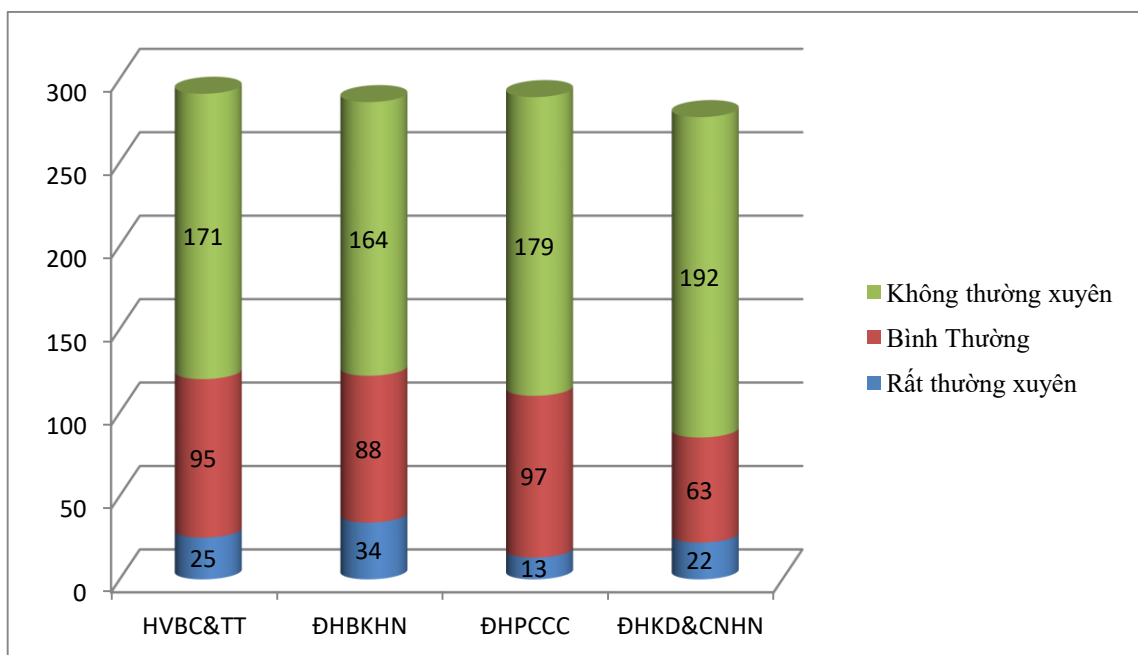
Trong chương này, NCS phân tích thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên tại các trường đại học trong phạm vi khảo sát trên hai phương diện: (1) thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên và (2) thực trạng đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Mục đích là để đánh giá ưu điểm và những hạn chế trong thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên, xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết nhằm định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên trong bối cảnh hiện nay.

2.2.1. Thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên được đánh giá ở kết quả nhận thức, niềm tin và thái độ hành động của sinh viên

Trong chương 1, NCS đã xác định ba tiêu chí để đánh giá nhu cầu TTCT của sinh viên: (1) *nhận thức về đối tượng của nhu cầu TTCT* thông qua tình cảm, thái độ; (2) *niềm tin và khát vọng chiếm lĩnh đối tượng nhu cầu TTCT* thiên về xu hướng phân tích, lựa chọn nội dung; (3) *ý chí thúc đẩy hành vi thỏa mãn nhu cầu TTCT*, gắn liền với động cơ tư tưởng của nhu cầu TTCT.

2.2.1.1. Nhận thức về đối tượng của nhu cầu TTCT

Để khảo sát nhận thức về đối tượng nhu cầu TTCT của sinh viên, NCS đã đưa ra câu hỏi: ***Bạn có thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự không?*** Kết quả khảo sát như sau:



Biểu đồ 2.1: Mức độ theo dõi chương trình thời sự của sinh viên

Phần lớn sinh viên đều trả lời rằng không thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự với 706/1143 phiếu, chiếm 61,77%. Có 30,01% số sinh viên trả lời rằng theo dõi các chương trình thời sự ở mức bình thường, chỉ có 8,22% số sinh viên tự tin trả lời mình rất thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự. Sắp xếp theo thứ tự thì đánh giá *không thường xuyên* chiếm số lượng nhiều nhất; mức độ *bình thường* xếp thứ 2; sau đó mức độ 1 *rất thường xuyên* đứng ở vị trí thứ 3. Trong số 94 sinh viên trả lời họ thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự, có 91 sinh viên đến từ Hà Nội và các thành phố lớn. Điều này cho thấy môi trường sống có ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu TTCT.

Xét riêng từng trường đại học, NCS nhận thấy rõ sự phân hóa trong sinh viên. Sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền có 120/291 bạn trả lời rằng họ có theo dõi các chương trình thời sự ở mức *Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần)* và *Bình thường (3-5 ngày/tuần)*, trong số đó có 98 sinh viên năm thứ 3; còn lại là sinh viên năm thứ 2 và năm thứ nhất. Có 134 sinh viên năm thứ nhất trả lời *Không thường xuyên* theo dõi các chương trình thời sự. Sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội phân hóa khác biệt hơn: 34/286 sinh viên trả lời có theo dõi các chương trình thời sự ở mức *Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần)* đều là sinh viên năm thứ 3; có 88 sinh viên trả lời họ có theo dõi các chương trình thời sự ở mức *Bình thường (3-5 ngày/tuần)* gồm sinh viên năm thứ nhất và thứ hai. Trong 164 ý kiến trả lời *Không thường xuyên* theo dõi các chương trình thời sự chiếm tới 57,34% tổng số sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội trong diện khảo sát, chuyên ngành kỹ thuật.

Sinh viên Đại học Phòng cháy chữa cháy có 110/289 sinh viên tự đánh giá *Rất thường xuyên* theo dõi các chương trình thời sự (*5-7 ngày/tuần*) và mức *Bình thường (3-5 ngày/tuần)* về theo dõi các chương trình thời sự, 179 sinh viên trả lời mức *không thường xuyên*. Trong môi trường giáo dục mang những nét đặc thù nhất định trong quá trình học tập, tu dưỡng và rèn luyện, họ chịu sự tác động bởi những nét văn hóa và lối sống có tính kỷ luật chặt chẽ nhằm đào tạo ra những sĩ quan CAND, có đủ năng lực về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có bản lĩnh chính trị vững vàng nhằm gánh vác trọng trách được Đảng và Nhà nước giao cho trong sự nghiệp bảo vệ An ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, các sinh viên phải *thường xuyên* theo dõi các chương trình thời sự để cập nhật thông tin. Các sinh viên khi vào trường

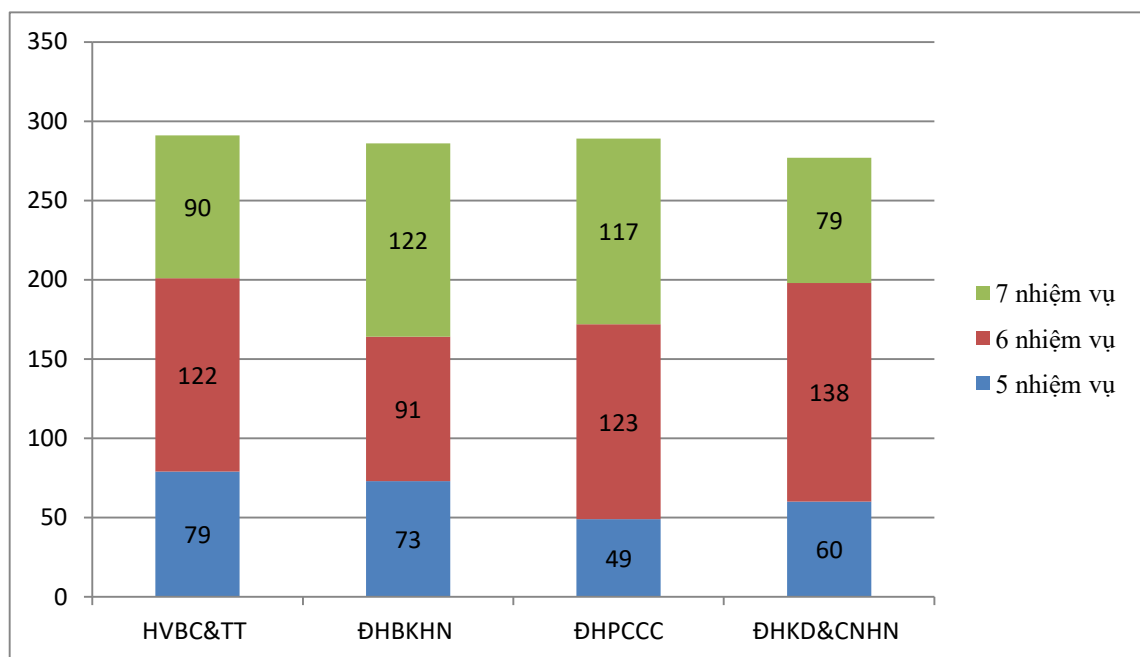
đã được thẩm tra, xác minh nguồn gốc, lý lịch chính trị bản thân, gia đình trước khi vào nhập học theo quy định bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng và của Bộ Công an. Tính kỷ luật cao được thể hiện qua việc sinh viên nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh CAND, học tập và thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy, ở việc chấp hành các nội quy, quy chế của nhà trường trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt. Việc rèn luyện thường xuyên, bài bản, khoa học đã hình thành tính tự giác kỷ luật cao trong sinh viên là yếu tố quan trọng đối với việc nhu cầu TTCT, hiểu biết về TTCT của sinh viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy cao hơn so với trường các trường, dù là mức độ chưa đáp ứng yêu cầu của sinh viên trường Công an.

Sinh viên trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội tham gia trả lời thấp nhất trong 4 trường luận án khảo sát, thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên cũng thấp hơn. Chỉ có 22/277 sinh viên tự đánh giá rất thường xuyên theo dõi các chương trình thời, 63 sinh viên trả lời ở mức *bình thường*, 192 sinh viên trả lời mức *không thường xuyên*. Đây là trường đại học ngoài công lập, các chuyên ngành đào tạo thiên về khoa học tự nhiên, nhận thức về đối tượng nhu cầu TTCT của sinh viên không cao.

So sánh các trường đại học trong diện được khảo sát, NCS nhận thấy sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Đại học Bách khoa Hà Nội tự nhận thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự hơn Đại học Phòng cháy chữa cháy và đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Cụ thể: 41,24% sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền và 42,66% sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự ở mức *bình thường* trở lên, so với chỉ 38,06% sinh viên Đại học Phòng cháy chữa cháy và 30,68% sinh viên đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Số sinh viên tự đánh giá mức độ thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự của mình là *không thường xuyên* của Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội là 69,31%, cao hơn nhiều so với Học viện Báo chí và Tuyên truyền (58,76%) hay Đại học Phòng cháy chữa cháy (57,34%), Đại học Bách khoa Hà Nội (61,94%). Trong các trường khảo sát, sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội có tỷ lệ cao nhất với 11,89% đánh giá mức độ theo dõi các chương trình thời sự ở mức *Rất thường xuyên*, đây là đánh giá của các sinh viên năm thứ 3 khi đã được tích lũy đầy đủ kiến thức LLCT trên giảng

đường và thông qua các hoạt động ngoại khóa. Sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền tự đánh giá ở mức 8,59%, sau đó là Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội và Đại học Phòng cháy chữa cháy. Tổng số 22 sinh viên của Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội tự đánh giá *thường xuyên* theo dõi các chương trình thời sự là sinh viên khoa Công nghệ thông tin năm thứ 3, nhu cầu TTCT do tính chất chuyên ngành đào tạo khơi nguồn.

Để có thêm cơ sở đánh giá nhận thức về đối tượng của nhu cầu TTCT, NCS đã hỏi: ***Theo bạn, Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ?*** Theo kết quả khảo sát, có 22,83% trong 1143 sinh viên được khảo sát chọn phương án 5 *nhiệm vụ*; 474 người khác trong số đó chọn phương án đúng là 6 *nhiệm vụ*, chiếm 41,47%; 408 người còn lại, tương đương 35,7% chọn *phương án 7 nhiệm vụ*. Có thể thấy sinh viên đã chú trọng đến TTCT, tuy nhiên hiểu biết còn hạn chế. Điều này cũng đúng với nhận định trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII: “bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm” [39, t.1, tr.79], trong đó có việc “Chưa chú trọng đúng mức đến phát triển phẩm chất và kỹ năng người học. Giáo dục “làm người”, đạo đức, lối sống còn bị xem nhẹ. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội” [39, t.1, tr.82]. Trong số 84 sinh viên lựa chọn đáp án không có nhu cầu về TTCT, có tới 34 sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Kết quả thể hiện ở biểu đồ sau:



Tuy nhiên có một đánh giá ảnh hưởng không nhỏ tới nhận thức, tư tưởng, thái độ cũng như nhu cầu của sinh viên sau giai đoạn 2016 – 2021. Tức sau covid 2019 (giai đoạn sau 2021) nhu cầu nhận thức của sinh viên về các vấn đề xã hội nói chung, chính trị xã hội cũng có thay đổi rõ rệt được biểu lộ trong kết quả khảo sát. Qua khảo sát, nghiên cứu, tác giả nhận thấy Covid19 có ảnh hưởng không nhỏ đến nhu cầu của con người nói chung, sinh viên nói riêng, có thể kể tên như: ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ảnh hưởng đến tâm lý và làm nảy sinh nhu cầu xã hội, ảnh hưởng đến nhu cầu thông tin xã hội.. làm cho thanh niên, sinh viên quan tâm nhiều hơn đến thông tin xã hội nói chung, thông tin chính trị xã hội nói riêng.

Biểu đồ 2.2: Mức độ hiểu biết của sinh viên về Đại hội Đảng lần thứ XIII

2.2.1.2. Niềm tin và khát vọng chiếm lĩnh đối tượng nhu cầu TTCT

NCS đã phân chia mục đích nhu cầu TTCT của sinh viên thành các nhóm, kết quả cho thấy nhiều sinh viên đã có niềm tin và khát vọng chiếm lĩnh đối tượng nhu cầu TTCT, thể hiện qua câu hỏi: ***Nhu cầu TTCT của bạn nhằm mục đích nào?***. Kết quả khảo sát theo mức độ từ cao xuống thấp là:

- *Nâng cao ý chí, nghị lực, bản lĩnh khi tham gia các hoạt động cách mạng* 275/1143 phiếu ưu tiên 1, tương đương 24,05%, 257/1143 phiếu ưu tiên 2, tương đương 22,48%. Tổng cộng có 532/1143 phiếu. Ý kiến này chủ yếu đến từ sinh viên năm thứ 3 của 4 trường đại học trong phạm vi khảo sát. Điều này cho thấy nhận thức và hiểu biết của sinh viên năm thứ 3 đã có độ chín, bởi đây là giai đoạn sinh viên chọn lựa bước ngoặt cuộc đời, học tiếp hay đi làm. Trong số 275 ý kiến ưu tiên mức 1 cho nội dung *Nâng cao ý chí, nghị lực, bản lĩnh khi tham gia các hoạt động cách mạng*, có 98 sinh viên của Đại học Phòng cháy chữa cháy, 98 sinh viên Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, 49 sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội, 30 sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- *Nâng cao năng lực tư duy lý luận để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn* 255/1143 phiếu ưu tiên 1, tương đương 22,3%, 240/1143 phiếu ưu tiên 2, tương đương 21%. Tổng cộng có 495/1143 phiếu. Trong số 255 ý kiến ưu tiên mức 1 cho nội dung *Nâng cao năng lực tư duy lý luận để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn*, có 129 sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội, 51 sinh viên Đại học Kinh

doanh và Công nghệ Hà Nội, 44 sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và 31 sinh viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy.

- *Nâng cao đạo đức và lý tưởng cách mạng* 178/1143 phiếu ưu tiên 1, tương đương 15,57%, 304/1143 phiếu ưu tiên 2, tương đương 26,59%. Tổng cộng có 482/1143 phiếu. Trong số 178 ý kiến ưu tiên mức 1 cho nội dung *Nâng cao đạo đức và lý tưởng cách mạng*, có 88 sinh viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, 52 sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 24 sinh viên Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, 14 sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội.

- *Nâng cao thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng* có 223/1143 phiếu lựa chọn đây là ưu tiên 1, tương đương 19,51% và 257/1143 phiếu lựa chọn đây là ưu tiên 2, tương đương 22,48%. Tổng cộng 480/1143 phiếu. Trong số 223 phiếu lựa chọn ưu tiên 1 có 162 sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 91 sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội, 81 sinh viên Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; 51 sinh viên Đại học Phòng cháy chữa cháy.

- *Nâng cao khả năng tham gia các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng* 50/1143 phiếu ưu tiên 1 tương đương 4,37% và 85/1143 phiếu ưu tiên 2 tương đương 7,43%. Tổng cộng có 135/1143 phiếu. Trong số 50 phiếu lựa chọn ưu tiên 1 có 23 sinh viên Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội và 21 sinh viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy; 3 sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 3 sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội.

Động lực và niềm tin rằng nhu cầu TTCT sẽ *Nâng cao khả năng tham gia các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng* được đánh giá thấp hơn vì sinh viên năm thứ nhất, thứ hai chưa hình dung đầy đủ về vai trò của TTCT trong giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn như công cụ tư duy sắc bén, giúp sinh viên phân tích và xử lý các tình huống xảy ra trong công việc. Tỷ lệ này thấp nhất ở sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Đại học Bách khoa Hà Nội cho thấy nhiều sinh viên chưa thật có định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường, bản thân chưa xác định rõ vì nhiều lý do. Họ cũng chưa có nhiều trải nghiệm thực tiễn. TTCT đến với họ chủ yếu qua hoạt động giáo dục LLCT tại trường. Như vậy cần định hướng để giúp sinh viên xác định đúng mục đích nhu cầu TTCT, gắn liền với cách thức tiếp nhận, sử dụng và lợi ích TTCT đem lại cho sinh viên, làm xuất hiện ý chí hành vi, xuất hiện động cơ thôi thúc hướng tới hành động.

2.2.1.3. Ý chí thúc đẩy hành vi thỏa mãn nhu cầu TTCT

Nhu cầu TTCT của sinh viên đi từ *nhận thức về đối tượng của nhu cầu TTCT* thông qua tình cảm, thái độ đến *niềm tin và khát vọng chiếm lĩnh đối tượng nhu cầu TTCT* thiên về xu hướng phân tích, lựa chọn nội dung thông tin. Bước thứ ba trong tháp nhu cầu TTCT của sinh viên là *ý chí thúc đẩy hành vi thỏa mãn nhu cầu TTCT*, gắn liền với động cơ tư tưởng của nhu cầu TTCT. Ý chí đó được thể hiện qua kết quả khảo sát được sắp xếp theo mức độ như sau:

- *Hình thành niềm tin, bản lĩnh và sự nhạy bén chính trị* được lựa chọn nhiều nhất với 621/1143 phiếu tương đương 54,33% lựa chọn ưu tiên 1, trong đó có 188 phiếu từ sinh viên Đại học Kinh doanh và Công nghệ, 181 phiếu từ sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Phòng cháy chữa cháy và 71 phiếu từ sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Số phiếu lựa chọn ưu tiên 2 cũng đạt 343/1143 phiếu, tương đương 30%.

- *Hình thành lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN* được lựa chọn bởi 384/1143 học viên, chiếm 33,59% số câu trả lời ưu tiên 1 và 548/1143 học viên lựa chọn ưu tiên 2, chiếm 47,49% số phiếu. Trong số 384 lựa chọn ưu tiên 1, có 118 phiếu của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 86 sinh viên Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Phòng cháy chữa cháy có 90 phiếu mỗi trường.

- Nhu cầu TTCT giúp sinh viên *Xây dựng lòng yêu nghề, khát vọng cống hiến cho đất nước* được 82/1143 phiếu lựa chọn ưu tiên 1, trong đó phần lớn là sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền với 62 phiếu, còn lại là 11 phiếu của Đại học Phòng cháy chữa cháy, 8 phiếu từ Đại học Bách khoa Hà Nội, 1 phiếu Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Số phiếu lựa chọn ưu tiên 2 đạt 131/1143 phiếu, tương đương 11,46%.

- *Hình thành thế giới quan khoa học* được chọn lựa là ưu tiên 1 bởi 56/1184 phiếu lựa chọn tương đương 4,7%, trong đó có 40 phiếu của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Số phiếu lựa chọn ưu tiên 2 đạt 125/1143 phiếu, tương đương 10,9%.

Kết quả cho thấy sinh viên tiếp nhận TTCT và biến TTCT thành ý chí hành vi, thành động lực cho hành động thỏa mãn nhu cầu TTCT phù hợp với đặc thù đào tạo của từng trường. Sinh viên trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội dù là trường ngoài công lập nhưng cũng nhận thức được lợi ích của TTCT, có nhu cầu TTCT. Nhiều sinh viên trong diện khảo sát của NCS đã xác

định tốt động lực của nhu cầu TTCT đối với sự phát triển của sinh viên. Nhiều sinh viên quan tâm đến các vấn đề chính trị, có ý chí vươn lên trong học tập, rèn luyện. Nội dung TTCT chính là đối tượng của nhu cầu TTCT, gắn liền với động cơ tư tưởng của sinh viên chính là nhu cầu về *thể chế chính trị, thiết chế chính trị và thực tiễn chính trị*. Cụ thể là sinh viên muốn quan tâm đến những vấn đề liên quan đến đời sống chính trị trên phương diện lý luận và thực tiễn, đây cũng là nội dung nhu cầu TTCT mà sinh viên được đáp ứng trong các trường đại học.

Để đánh giá thực trạng thực trạng nội dung nhu cầu TTCT được sinh viên quan tâm nhiều nhất, câu hỏi của NCS là ***Nội dung TTCT nào được bạn quan tâm nhất***, kết quả nội dung TTCT được sinh viên quan tâm là:

- *Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trên thế giới*: 483/1143 phiếu ưu tiên 1, chiếm 42,25%; 304/1143 phiếu ưu tiên 2, chiếm 26,59%, tổng cộng có 787 phiếu lựa chọn.

- *Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trong nước*: 395/1143 phiếu ưu tiên 1, chiếm 34,55%, số phiếu ưu tiên 2 là 350/1143 phiếu, chiếm 30,62%. Tổng cộng có 745 phiếu lựa chọn.

- *Thông tin về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị*: 249/1143 phiếu ưu tiên 1, chiếm 21,78%; 243/1143 phiếu ưu tiên 2, chiếm 21,25%, tổng cộng có 492 phiếu lựa chọn.

- *Thông tin về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước*: 45/1134 phiếu ưu tiên 1, chiếm 3,9%, 209/1143 phiếu ưu tiên 2, chiếm 18,28%. Tổng cộng có 254 phiếu lựa chọn.

- *Thông tin về các giá trị văn hóa truyền thống, về lịch sử dân tộc*: 11/1143 phiếu ưu tiên 1, chiếm 0,96% và 37/1143 phiếu ưu tiên 2, chiếm 3,23%. Tổng cộng có 48 lựa chọn.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy mối quan tâm của sinh viên khá đều giữa các nội dung thông tin, thể hiện đầy đủ về tất cả các mặt của TTCT. Tuy nhiên, quan tâm nhiều nhất của họ vẫn là về thực tiễn chính trị, phù hợp với đặc điểm về tư duy, lối sống của sinh viên mà NCS đã phân tích trong chương 1. Sự khác biệt giữa sinh viên của 4 trường đại học thuộc diện khảo sát trong câu hỏi khảo sát này không nhiều, các con số khảo sát không quá chênh lệch nhau. Điều

này cho thấy sự tương đồng về thái độ, tình cảm tiếp nhận nội dung TTCT của sinh viên. Qua số liệu khảo sát nhu cầu TTCT của sinh viên biểu hiện qua (1) *nhận thức về đối tượng của nhu cầu TTCT* thông qua tình cảm, thái độ; (2) *niềm tin và khát vọng chiếm lĩnh đối tượng của nhu cầu TTCT* thiên về xu hướng phân tích, lựa chọn nội dung; (3) *ý chí thúc đẩy hành vi thỏa mãn nhu cầu TTCT* gắn liền với động cơ tư tưởng của nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát của đề tài cho thấy:

- *Sinh viên có nhu cầu TTCT nhưng chưa cao*: chỉ có 8,22% số lượng sinh viên được hỏi thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự, trong khi đây là kênh thông tin đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên có độ tin cậy cao. Có đến 61,77% số sinh viên trả lời không thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự, có người giải thích lý do là không có tivi, có người ghi rõ lý do vì không thích, không hấp dẫn. Đại hội Đảng lần thứ XIII là sự kiện chính trị nổi bật vừa diễn ra nhưng sinh viên cũng nắm không chắc nội dung, dù Nghị quyết Đại hội Đảng được triển khai sâu rộng trong các môn học LLCT. Chỉ có 41,47% số sinh viên được hỏi trả lời đúng câu hỏi Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ. NCS đã hỏi: *Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính, đó là gì?* Đó là: Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Tuy nhiên kết quả thu được chỉ có 42% sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền đưa ra được đáp án đúng (122/291 phiếu), con số này lần lượt là 38,46% (110/286 phiếu) tại Đại học Bách khoa Hà Nội, 51,56% (149/289 phiếu) tại Đại học Phòng cháy chữa cháy, thấp nhất là 15,88% tương đương 44/277 phiếu tại Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

- *Nhận thức về nhu cầu TTCT; niềm tin, ý chí, động lực chiếm lĩnh đối tượng nhu cầu TTCT của sinh viên chưa cao*. Điều này được khẳng định từ số liệu khảo sát, từ những chia sẻ của sinh viên: “Chúng em không có nhu cầu tiếp nhận nhiều TTCT. Theo em thì những bài học trong các môn LLCT như Triết học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... đã trang bị khá đầy đủ về các TTCT cho chúng em rồi. Thời gian còn lại chúng em phải học các môn chuyên ngành, phải rèn luyện kỹ năng để ra trường thích ứng

với cuộc sống. Vì thế em không cần tìm kiếm thêm các TTCT nữa” [PVS.1, PL2]. Một sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội chia sẻ: “Em không thích chính trị nên không có nhu cầu TTCT. Vì chính trị gắn với quyền lực, dễ làm con người bị tha hóa. Em muốn tránh xa chính trị để mình luôn là chính mình. Em thích khoa học điện tử hơn vì nó rõ ràng lắm”, khi được hỏi tiếp về nội dung TTCT, bạn bày tỏ: “Em không thích tìm hiểu về chính trị Việt Nam mà chỉ thích tìm hiểu về chính trị thế giới. Bây giờ Việt Nam đã hội nhập quốc tế, nếu mình không tìm hiểu về các TTCT thế giới thì mình sẽ chẳng hiểu biết được làm thế nào để hội nhập mà không hòa tan” [PVS.2, PL2]. Một sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội chia sẻ: “Em học ngành Điện tử Viễn thông, sau này ra trường em sẽ làm việc trong môi trường khoa học kỹ thuật. Em không muốn làm chính trị gia nên không có nhu cầu TTCT, vì biết mấy thứ đó em thấy không cần thiết. Hơn nữa em không biết phân tích như thế nào. Trên lớp các thầy cô giảng LLCT em cũng không hiểu nhiều” [PVS.1, PL2]. Những chia sẻ thẳng thắn này cho thấy một số sinh viên chưa hiểu đúng về chính trị nên nhu cầu TTCT không cao. Sinh viên khối Kỹ thuật ở Đại học Bách Khoa Hà Nội có ít nhu cầu về TTCT hơn so với các sinh viên khối lý luận. Kết quả này sẽ là một chỉ dẫn để các chủ thể tìm giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trường mình.

- *Ý chí thực hành vì thỏa mãn nhu cầu TTCT* của sinh viên cũng chưa cao. Nhiều sinh viên không có nhận thức đúng đắn về việc học tập LLCT, hoặc xem là học cho xong nhiệm vụ, hoặc xem đó là một mục tiêu nhằm đạt điểm thi. Để có nhu cầu TTCT đúng, sinh viên phải biết định hướng nội dung TTCT, phải có nền tảng kiến thức khoa học xã hội. Tuy nhiên, trong những năm gần đây học sinh ít quan tâm đến các môn khoa học xã hội, trừ một số học sinh chọn khối thi đại học có các môn xã hội. Vì thế “Chúng em không có nhu cầu vì không hiểu lắm về nội dung TTCT. Vì khoảng trống về kiến thức xã hội ở phổ thông là một trở lực để sinh viên có thể tiếp thu kiến thức TTCT. Chúng em không chỉ thiếu nền tảng kiến thức xã hội, còn ít trải nghiệm thực tiễn, ít hiểu biết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội quốc tế và trong nước nên chủ yếu tiếp nhận TTCT qua học tập LLCT, nhưng nội dung những môn học này lại rất nặng với chúng em” [PVS.1, PL 2]. Các sinh viên lên lớp học thì không hiểu bài nên càng chán học.

“Cô giáo bảo về đọc giáo trình, nhưng kiến thức trong giáo trình được bố trí theo kiểu ép khung, không có tính gợi mở, không liên hệ thực tiễn nên sinh viên khó hiểu, khó lĩnh hội kiến thức” [PVS.2, PL2]. Điều đó dẫn tới việc sinh viên đã ngại học càng trở nên chán học, “tự tìm kiếm các thông tin qua các phương tiện truyền thông. Sinh viên đọc mạng để nắm bắt TTCT ở Việt Nam và trên thế giới nhưng nhiều khi chúng em không biết thật giả thế nào, không biết nội dung nào đúng để mình đọc và chia sẻ với bạn bè, như những thông tin về tổ chức Đảng, về tham nhũng.. Em thấy nội dung TTCT hay nhưng hiểu được thì rất khó. Vì thế em không hiểu nội dung TTCT và cũng không có nhu cầu. Em chỉ thích học tốt chuyên ngành mình đã chọn để có việc làm ổn định thôi.” [PVS.2, PL2].

Thái độ tiếp nhận và biến TTCT thành ý chí hành vi, thành động lực cho bản thân trong hoạt động thực tiễn là hành vi thỏa mãn nhu cầu gắn liền với động cơ tư tưởng của nhu cầu TTCT. Thế nhưng thái độ của sinh viên khi học tập các môn LLCT trên giảng đường chưa tích cực, chủ yếu là tham gia nhưng không hào hứng, không thường xuyên (63,52% - 726/1143 phiếu). Thái độ của sinh viên khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị cũng không tích cực, vì có đến 65,44% số sinh viên được hỏi chọn phương án trả lời là có tham gia nhưng không thường xuyên. Các hoạt động ngoại khóa cũng không thu hút được nhiều sinh viên, chỉ có 17,24% số sinh viên tham gia trả lời khẳng định họ chủ động và thích thú với hoạt động này, đa phần tham gia nhưng không thường xuyên, nghĩa là họ chưa thực sự biến nội dung TTCT thành ý chí hành vi, thành động lực cho hành động thỏa mãn nhu cầu TTCT của chính mình.

Kết quả này được khẳng định thêm từ các nguồn tư liệu mà NCS thu thập được trong quá trình triển khai luận án. Trong Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên Thủ đô năm học 2020 - 2021 của Ban Chấp hành Hội sinh viên thành phố Hà Nội có đánh giá: “Sinh viên đã có sự quan tâm và thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, tích cực chủ động trong học tập, sáng tạo và nghiên cứu khoa học. Phần lớn sinh viên đã có sự chọn lọc trong việc tiếp nhận thông tin, có ý thức trong việc phản biện các luận điệu sai trái từ các nguồn tin không chính thống trên mạng xã hội. Tuy vậy, vẫn còn một số bộ phận sinh viên sống thiếu lý tưởng, thiếu trách nhiệm, thực dụng;

ý thức chấp hành pháp luật, luật giao thông đường bộ chưa tốt, dễ bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội; chưa có ý thức xây dựng mục tiêu học tập, bằng lòng với điểm số trung bình, không có sự phấn đấu, dễ bị ảnh hưởng của những trào lưu văn hóa không lành mạnh” [10]. Điều này tương đồng với đánh giá từ nhóm nghiên cứu đề tài cấp Bộ của Đảng ủy Khối các trường Đại học về giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên trên địa bàn Hà Nội: “đa số sinh viên trả lời đều cho rằng công tác giáo dục lý tưởng cách mạng đã có tác động trên hầu hết các nội dung về tư tưởng chính trị (trên 60%). Trong đó, đáng chú ý có một số nội dung có tỷ lệ đánh giá tác động nhiều với tỷ lệ cao là: Hiểu hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh (85,5%); Niềm tin vào đường lối quan điểm của Đảng (84,7%); Niềm tin vào chủ nghĩa xã hội (80,2%). ... Tỷ lệ thấp nhất mà sinh viên lựa chọn cho các tác động của công tác giáo dục tư tưởng chính trị là niềm tin vào thắng lợi của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay (60,2%). Ngoài ra, do những luận giải về kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng còn nhiều vấn đề chưa thật rõ, do vậy sự hiểu biết và niềm tin của sinh viên cũng chưa thật cao. Cũng mới có 61,4% sinh viên tự đánh giá là mình hiểu hơn về nội dung quan điểm lý luận nay nhờ công tác tuyên truyền, giáo dục của các cơ quan Đảng và nhà trường” [31, tr.105, 106]. Một số sinh viên chưa hiểu biết sâu sắc, chưa có niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng, hiển nhiên họ cũng không có nhu cầu TTCT, nếu có thì cũng không đúng đắn. Họ cũng không có ý chí để biến nhận thức, niềm tin trong nhu cầu TTCT thành hành vi cụ thể, cho nên “hoạt động tham gia tuyên truyền và đấu tranh chống các luận điểm xuyên tạc của các thế lực thù địch, có tỷ lệ tác động thấp nhất, chỉ 67,5%” [31, tr.108].

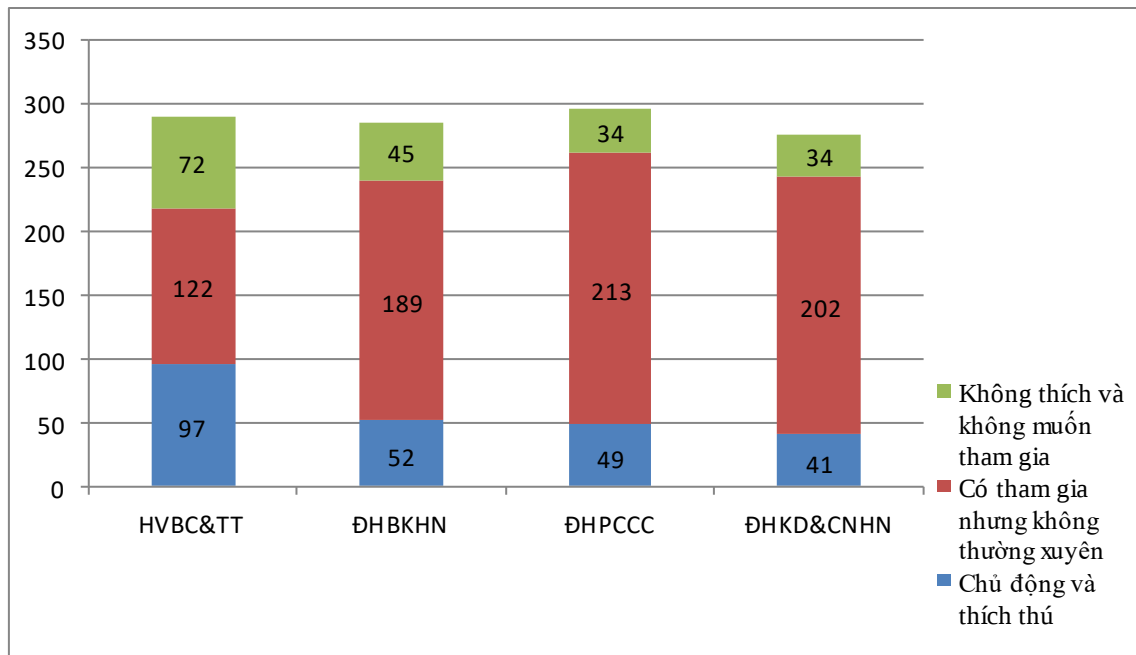
Mong muốn vào Đảng của sinh viên hiện nay cũng là một chỉ báo thể hiện nhu cầu TTCT của sinh viên. Hiện nay nhiều “sinh viên không muốn vào Đảng. Lý do không muốn vào Đảng vì không có lý tưởng, không thấy cần thiết cho bản thân; không thấy có lợi trong công việc; một số định hướng xin việc ngoài công lập nên không muốn vào Đảng” [31, tr.110]. Nhiều người lo lắng khi “sinh viên mong muốn đứng trong hàng ngũ của Đảng ngày càng giảm sút, họ không muốn phấn đấu, thậm chí họ ngại vào Đảng vì không thấy có lợi cho bản

thân, cho công việc do định hướng xin việc ngoài nhà nước; thủ tục quy trình vào Đảng phức tạp. Có em vào Đảng vì động cơ chưa tích cực, thể hiện mục đích vụ lợi, tính toán cho bản thân; vào Đảng không phải vì mong muốn cống hiến cho đất nước, cho Đảng” [PVS.13, PL2]. Thực tế “nhiều sinh viên có nhu cầu TTCT thấp hoặc chưa đúng, họ không biết rằng có nhu cầu TTCT và thỏa mãn nó là một cách tốt nhất để học tốt, rèn luyện tốt, để hạn chế và khắc phục những sai lầm trong thực tiễn, không coi khinh lý luận, hoặc lý luận suông” [PVS.10, PL2]. Khi nghiên cứu về hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội những năm gần đây, Đảng bộ Khối đã nhận định: “Một bộ phận sinh viên, học sinh còn thờ ơ chính trị; chưa xác định rõ lý tưởng cách mạng; lý tưởng nghề nghiệp, mơ hồ về tư tưởng, chính trị, lệch chuẩn về lý tưởng đạo đức và lý tưởng thẩm mỹ” [31, tr.70]. Khi sinh viên ngại học tập chính trị, xa rời lý tưởng của cách mạng, thì họ không có nhu cầu TTCT, hoặc có nhưng lại không đúng đắn thực sự là một thực trạng đáng báo động. Cũng theo báo cáo của Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, “có 36,8% cán bộ trả lời học sinh sinh viên có tư tưởng chính trị vững vàng. 28,7% cho rằng sinh viên, học sinh lập trường tư tưởng không ổn định, 34,5% cho rằng tư tưởng chính trị chưa thật tốt qua phỏng vấn; 60,8% nhận định tình hình tư tưởng chính trị của học sinh, sinh viên không ổn định. Chỉ 32,4% trả lời lập trường tư tưởng chính trị vững vàng. 6,8% cho rằng tư tưởng chính trị chưa thật tốt” [31, tr.72].

2.2.2. Thực trạng sử dụng các nguồn lực, các điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên

2.2.2.1. Hoạt động giáo dục LLCT trên giảng đường

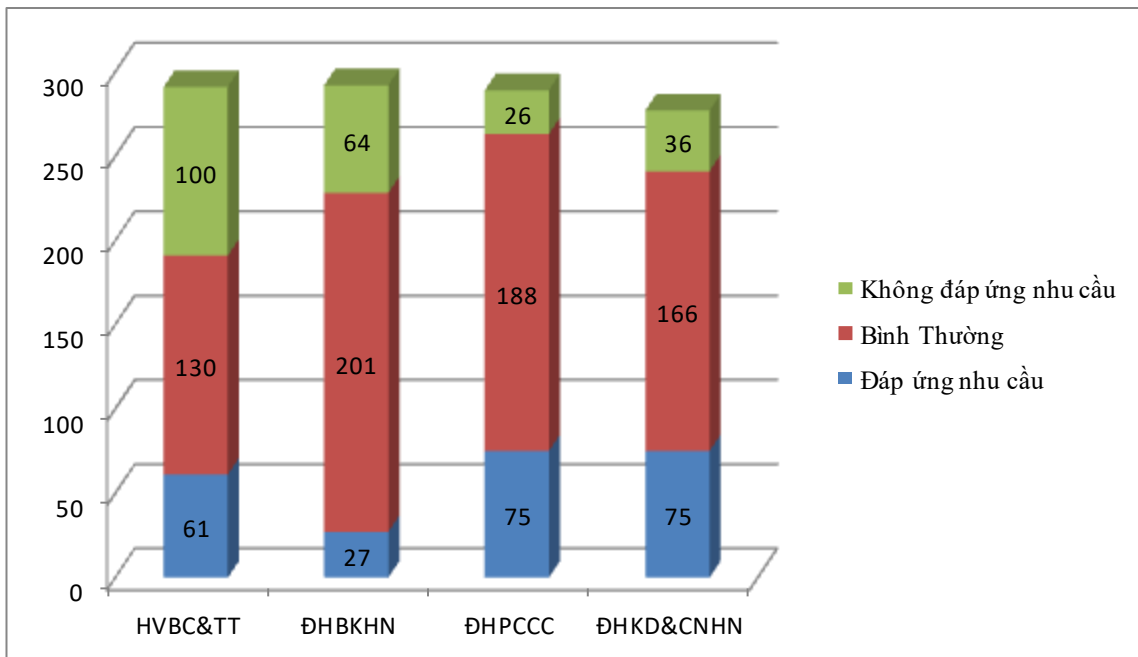
Nhu cầu TTCT của sinh viên chủ yếu được đáp ứng thông qua hoạt động giáo dục trên giảng đường, vì đây là hoạt động chủ yếu của các trường đại học. NCS đã nêu câu hỏi cho sinh viên về ***thái độ của bạn khi học tập các môn LLCT trên giảng đường***. Kết quả nhận được thể hiện:



Biểu đồ 2.4: Thái độ của sinh viên khi học tập các môn LLCT trên giảng đường

Từ kết quả khảo sát cho thấy sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền tỏ ra *chủ động và thích thú* nhất khi tham gia học tập các môn LLCT trên giảng đường, với 97/291 câu trả lời lựa chọn phương án 1: Chủ động và thích thú chiếm 33,33%. Con số này của Đại học Bách Khoa Hà Nội là 52/286 chiếm 18,18%, Đại học Phòng cháy chữa cháy là 49/289 chiếm 16,96%, Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội là 41/277 phiếu, chiếm 14,80%. Phần lớn các sinh viên trong diện khảo sát đều trả lời rằng thái độ của mình đối với việc học tập các môn LLCT trên giảng đường là *Có tham gia nhưng không thường xuyên*, với tỷ lệ 726/1143 phiếu, đạt 63,52%, cho thấy sinh viên chủ động và thích thú với phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT thông qua học tập các môn LLCT trên giảng đường không cao. Với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, có 72/291 sinh viên trả lời không thích và không muốn tham gia học tập các môn LLCT. Con số này ở trường Đại học Bách khoa Hà Nội 45/286, ở trường Đại học Phòng cháy chữa cháy là 34/289 và ở trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội là 34/277. Mặc dù LLCT là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục, nhưng thực tế sinh viên không có hứng thú, không có nhu cầu và không có đam mê trong học LLCT nên giảm nhu cầu TTCT.

Với câu hỏi: ***Đánh giá của bạn về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường bạn học***, kết quả cụ thể:



Biểu đồ 2.3: Đánh giá của sinh viên về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường

Chỉ có 238/1143 sinh viên thuộc diện khảo sát cho rằng hoạt động giáo dục LLCT tại trường đại học là *đáp ứng được nhu cầu* TTCT của sinh viên, chiếm 20,82%. Có 685/1143 người trong số đó cho rằng hoạt động này đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên ở mức *bình thường*, chiếm 59,9370% và 226/1143 sinh viên cho rằng hoạt động này *không đáp ứng* được nhu cầu TTCT của sinh viên. Như vậy, phần lớn sinh viên trong diện khảo sát có yêu cầu cao hơn về TTCT trong nội dung giảng dạy các môn LLCT ở trường đại học, vì hiện tại chỉ ở mức bình thường. Kết quả cho thấy một số sinh viên coi LLCT là khô khan, lý thuyết suông, vô bổ mà không tự nhận thấy chính là do bản thân mình đã không gắn LLCT với những vấn đề thực tiễn vốn rất sinh động. Đề tài khoa học của Đảng ủy Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội cũng có đánh giá tương đồng: “Một số nội dung được học tập có tỷ lệ đánh giá còn ở mức thấp là: Chống diễn biến hòa bình trong tư tưởng chính trị (39,6%); Đạo đức, lối sống người thanh niên cách mạng (40,1%); Tinh thần đại đoàn kết dân tộc (45,1%); Truyền thống yêu nước, tự cường dân tộc (47,1%). Có thể thấy, tuy đây là những nội dung quan trọng góp phần định hướng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên, sinh viên, song thực tế những nội dung này chưa được đưa vào chương trình giảng dạy như những nội dung quan trọng, thành những chuyên đề giảng chuyên sâu” [31, tr.84], dẫn đến việc sinh viên giảm sút nhu cầu TTCT,

đến “hiện tượng phai nhạt lý tưởng; một bộ phận sinh viên dễ bị các thế lực phản động lợi dụng, kích động, chạy theo lối sống cá nhân. Từ thực trạng này đặt ra yêu cầu cần phải bổ sung, điều chỉnh nội dung giáo dục tư tưởng chính trị cho thanh niên sinh viên hiện nay để đảm bảo giáo dục đúng hướng, phù hợp, thiết thực, hiệu quả” [31, tr.84]. Nhiều ý kiến cho rằng “Nhiều vấn đề lý luận chưa được phân tích, lý giải đầy đủ, sâu sắc với tất cả những chiều cạnh của nó” [31, tr.90], dẫn đến sinh viên không hứng thú học tập, giảm nhu cầu TTCT.

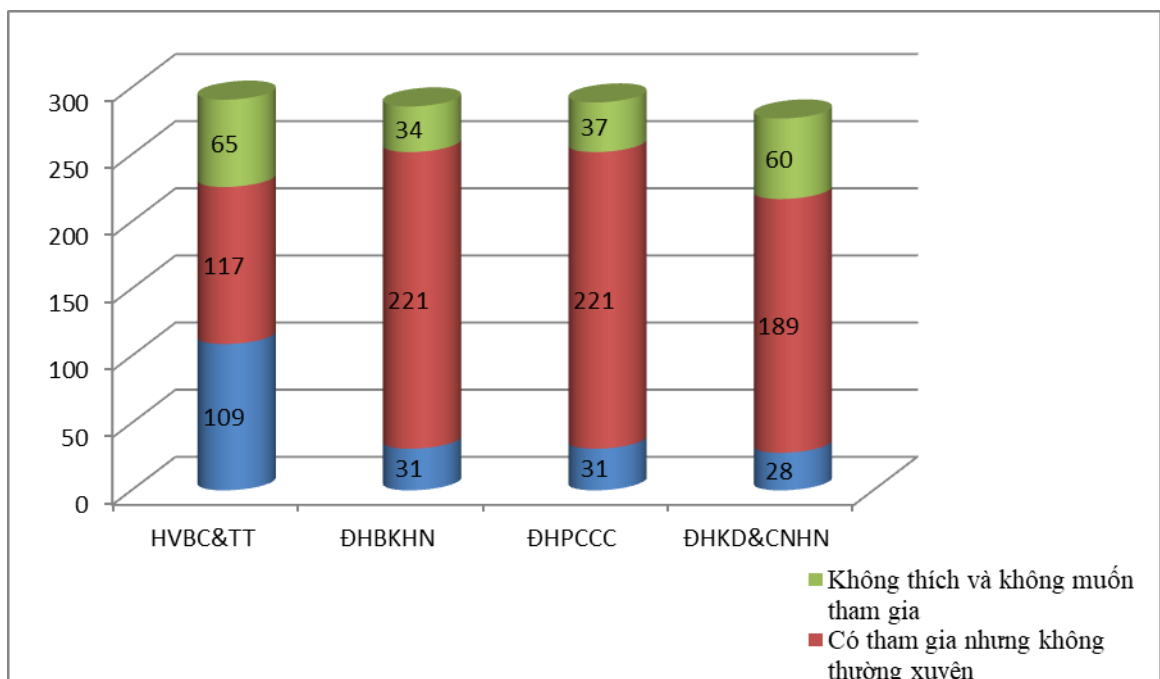
Bên cạnh những số liệu từ khảo sát và điều tra xã hội học của sinh viên các trường đại học, nghiên cứu sinh xin bổ sung, đánh giá thêm từ những tổng kết lý luận và thực tiễn có liên quan đến chủ đề nghiên cứu: Kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học “*Ý thức chính trị của sinh viên các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn Hà Nội*” của tác giả Dương Trung Ý [125], Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Giáo dục ý thức chính trị là một bộ phận quan trọng của giáo dục và đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng, là yêu cầu khách quan nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên; có tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, đạo đức và khả năng thực hành công việc của mỗi sinh viên trong thực tiễn cuộc sống. Điều đó lại càng quan trọng hơn khi tình hình trong nước và quốc tế trong thời gian gần đây đang có những diễn biến phức tạp, nhiều vấn đề trong quá trình xây dựng CNXH, về xác định con đường đi lên CNXH ở nước ta cần được làm sáng tỏ thêm về mặt lý luận.

Như vậy từ kết quả nghiên cứu của tác giả ta thấy, việc giáo dục ý thức chính trị, lý luận cách mạng cho sinh viên để đáp ứng thực được với tiến cách mạng nước ta hiện nay là một yêu cầu hết sức cấp thiết. Vấn đề cốt yếu nhất trong giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên nước ta hiện nay là thông qua LLCT giáo dục lý tưởng XHCN, xây dựng con người Việt Nam mới có nhân cách sống cao đẹp, có ý thức xây dựng và bảo vệ giai cấp công nhân, nhân dân lao động, bảo vệ những thành quả cách mạng. Vấn đề nhu cầu TTCT của sinh viên để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn được đặt ra.

2.2.2.2. *Thông qua các hoạt động ngoại khóa, các sinh hoạt chính trị*

Để đánh giá phương thức tiếp nhận TTCT qua các hoạt động sinh hoạt

chính trị, NCS đã hỏi sinh viên: ***Bạn có thái độ như thế nào khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị (học Nghị quyết, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, học chính trị đầu năm...)?*** Nhìn từ kết quả khảo sát, sinh viên Học viện Báo chí và tuyên truyền có *thái độ tích cực* nhất khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị với 109 phiếu, bỏ xa sinh viên các trường khác như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Phòng cháy chữa cháy 31 phiếu, Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội 28 phiếu. Sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đến 40.21% lựa chọn phương án *có tham gia nhưng không thường xuyên*, chủ yếu là sinh viên năm thứ nhất. Tâm lý của sinh viên là vào Học viện Báo chí và Tuyên truyền để được học nghề báo, được sáng tạo như tổ chức sự kiện, được học các môn thực hành... Nhưng khi vào trường, sinh viên đã được học về LLCT với số lượng tín chỉ phải nhiều hơn và chuyên sâu hơn so với khối không chuyên ngành hoặc so với các trường khác, lại phải tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị (học Nghị quyết, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, học chính trị đầu năm...) mà theo sinh viên cũng không hấp dẫn hơn các môn lý luận trên giảng đường.



Biểu đồ 2.5: Thái độ của sinh viên khi tham gia sinh hoạt chính trị

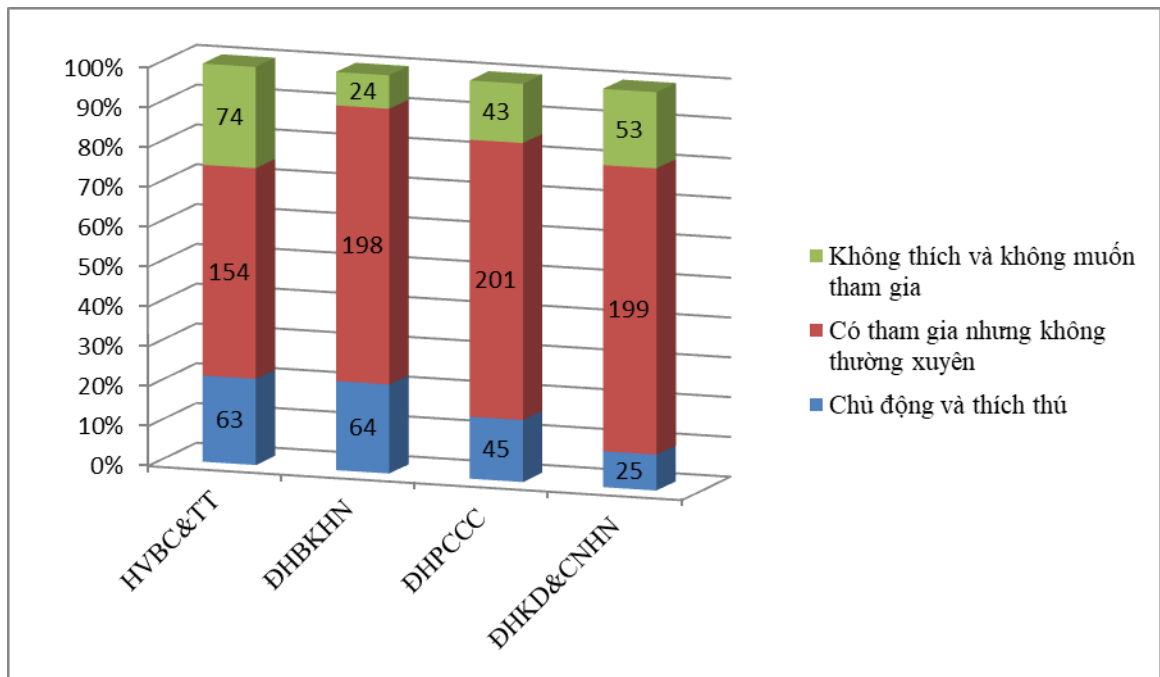
Sinh viên mong muốn: “Nếu các hoạt động sinh hoạt chính trị như học Nghị quyết, học chính trị đầu năm mà có thêm các hình thức thảo luận nhóm hay tổ chức trắc nghiệm bằng đồ vui thì chúng em thích hơn là ngồi cả ngày trong

Hội trường lớn nghe thầy cô giảng. Theo em, nên có các hình thức thi về nội dung Nghị quyết nhưng để Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức thì sẽ có hình thức phù hợp hơn, vì chúng em nói cho chúng em nghe thì dễ nói hơn ạ” [PVS.4, PL2]. Đây là chia sẻ của một sinh viên khác: “Là sinh viên thì ai cũng muốn tham gia các hoạt động ngoại khóa vì nó phù hợp với tính cách của chúng em. Nhưng hoạt động ngoại khóa phải được tổ chức phù hợp với tâm lý, lứa tuổi để qua đó chúng em tiếp nhận được các TTCT cần thiết, để hiểu biết thêm về đời sống văn hóa chính trị của đất nước, của thế giới. Chúng em không thích nghe thuyết trình, áp đặt một chiều về Nghị quyết cho dù báo cáo viên, tuyên truyền viên có nói hay đến mấy thì một lúc thôi là chúng em sẽ chán. Hoạt động ngoại khóa phù hợp với tính cách năng động của chúng em hơn”[PVS.3, PL2].

Kết quả nghiên cứu của Đảng ủy Khối về thực trạng giáo dục, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội cũng cho thấy: “một số hình thức thông tin giáo dục tuyên truyền khá hiệu quả như: Đưa các nội dung tư tưởng, chính trị vào các sinh hoạt xã hội và các hoạt động cộng đồng của sinh viên, có 65,1% sinh viên được hỏi đồng ý. Ngoài ra, việc học tập tuyên truyền giáo dục lý tưởng cách mạng cũng được các trường đại học thực hiện thông qua các sinh hoạt của các tổ chức, đoàn thể xã hội của sinh viên (56,9%), qua nội dung các phong trào thi đua (53,7%) hoặc lồng ghép vào nội dung các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ thể thao (54,9%)...”[31, tr.88]. Nhóm nghiên cứu cũng chỉ ra: hình thức tuyên truyền còn lạc hậu, truyền thông kém hấp dẫn, không thu hút được sinh viên tham gia. Theo nhóm nghiên cứu đánh giá, “Thông thường, các buổi học tập quán triệt nghị quyết của Đại hội Đảng được thực hiện đối với đối tượng đảng viên. Trong khi đó, trong đội ngũ sinh viên, tỷ lệ đã vào Đảng không nhiều. Thêm vào đó, các buổi học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội thường chỉ diễn ra 1 lần sau Đại hội, cách thức phổ biến là tập trung số lượng lớn tại Hội trường để nghe Nghị quyết, nếu có bài thu hoạch thì sinh viên làm với thái độ đối phó, sản phẩm mang tính hình thức để hoàn thành nhiệm vụ” [31, tr.88].

NCS đã hỏi sinh viên: *Bạn có thái độ như thế nào khi tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thanh niên tình nguyện, vận động hiến máu, tiếp sức mùa thi, ...)?* Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên có quan tâm đến các

hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thanh niên tình nguyện, vận động hiến máu, tiếp sức mùa thi, ...), với 52,92% sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền trả lời rằng mình có tham gia nhưng không thường xuyên; đối với trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Phòng cháy chữa cháy, Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, các em có tỷ lệ tham gia các hoạt động này ở mức rất cao, xấp xỉ 70%. Đây là kết quả trả lời của sinh viên:



Biểu đồ 2.6: Thái độ của sinh viên khi tham gia các hoạt động ngoại khóa

Đa số sinh viên đều chia sẻ rằng họ thích thú khi được tham gia các hoạt động ngoại khóa, vì khi đó họ được thể hiện năng lực sáng tạo của mình, được biến nhận thức và tình cảm trong nhu cầu TTCT thành hành vi chính trị, được trải nghiệm những hoạt động thực tiễn. Những hoạt động đó sẽ trở thành kỷ niệm trong đời sinh viên, giúp họ nhận ra trách nhiệm với cộng đồng. Số sinh viên thể hiện thái độ không thích và không muốn tham gia rất ít, tổng cộng cả 4 trường là 16,97%, tức là chỉ 194/1143 sinh viên. Khi trực tiếp trao đổi, các sinh viên đã giải thích lý do: vì không có điều kiện như thời gian, sức khỏe và cả tài chính, vì sợ không làm tốt công việc, ảnh hưởng đến phong trào...

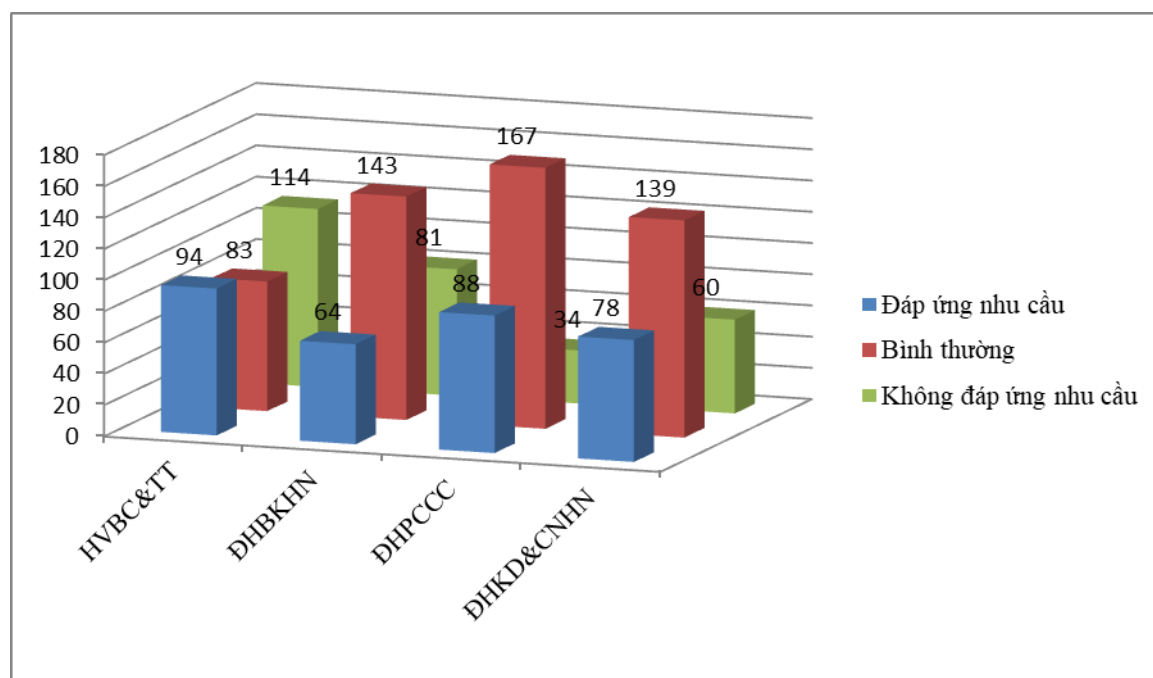
Đề tài của Đảng ủy Khối cũng nhận định: “Về mục tiêu và hiệu quả của chương trình ngoại khóa, đa số ý kiến cũng chỉ đánh giá ở mức trung bình. Số cho rằng chưa hiệu quả, tuy thấp, nhưng vẫn giữ tỷ lệ tương đối là 14,9% khi đánh giá về mục tiêu giáo dục; còn đánh giá về kết quả giáo dục, tỷ lệ này là

18,4%. Đánh giá về từng nội dung và hình thức của chương trình ngoại khóa, ý kiến của các nhóm sinh viên được hỏi đã cho thấy: Có tới 29,9% cho rằng, các chương trình ngoại khóa chưa hiệu quả. Đa số ý kiến đánh giá chỉ ở mức độ trung bình (50,6%). Số đánh giá hiệu quả, có tỷ lệ thấp, chỉ 19,5%” [31, tr.94]. Những số liệu này cho thấy đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên thông qua giáo dục tư tưởng chính trị, thông qua chương trình ngoại khóa ở các trường đại học hiện nay là chưa cao. Các chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên cần tìm những nội dung và hình thức thích hợp hơn để đạt hiệu quả cao nhất. Kết quả nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn sâu cũng cho thấy rõ thêm thực trạng này: “Các tổ chức trong hệ thống chính trị của Nhà trường, các phòng, ban chức năng, cũng như đội ngũ cán bộ, giảng viên thời gian qua chưa phối hợp chặt chẽ trong giáo dục chính trị tư tưởng, định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên thông qua các phong trào đoàn hội, các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”, “Sinh viên tình nguyện”, “Sinh viên với biển, đảo” và nhiều chương trình khác,..” [PVS.15, PL2].

2.2.2.3. Thông qua các phương tiện truyền thông đa dạng

Các trường đại học có thể cung cấp TTCT cho sinh viên thông qua các lớp tập huấn; các hoạt động tuyên truyền; các chương trình phát thanh; các sách hướng dẫn, bản tin nội bộ; đưa lên internet, mạng xã hội; tổ chức các buổi nói chuyện thời sự, chuyên đề; các cuộc thi tìm hiểu; qua bạn bè, người thân... Đây là những kênh thông tin đến nhanh, diện phổ biến rộng. Đây là những ưu điểm cơ bản của các phương tiện truyền thông đại chúng, có những tác động tích cực đối với sinh viên trong việc tiếp cận thông tin, trau dồi tri thức về những vấn đề tư tưởng chính trị trong điều kiện hiện nay; khi sinh viên thường xuyên tiếp xúc với internet và các mạng xã hội. Tuy nhiên, internet và mạng xã hội hiện có nhiều thông tin chưa chuẩn xác. Một số thế lực thù địch lại đang lợi dụng để tuyên truyền, kích động sinh viên. Vì thế phải có những hoạt động nhằm quản lý và điều chỉnh những thông tin trên Internet và mạng xã hội, giúp sinh viên tiếp cận TTCT và phân tích chính xác các nội dung thông tin được đưa ra để có những định hướng đúng trong thái độ và hành vi, trong nhu cầu TTCT với những vấn đề phức tạp.

NCS đã hỏi về mức độ đáp ứng: **Đánh giá của bạn về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?** Kết quả thể hiện ở biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.7: Đánh giá của sinh viên về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT

NCS nhận thấy sinh viên Đại học Phòng cháy chữa cháy tham gia nhiều nhất khi học các môn LLCT trên giảng đường nhất với 57,79%, tương đương với 167/289 phiếu. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy là trung tâm giáo dục đào tạo của Bộ Công an. Cùng với huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ, việc giáo dục nếp sống chính quy trở thành nhiệm vụ trọng tâm của trường Đại học Phòng cháy chữa cháy nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện của người cán bộ, chiến sĩ. Nếp sống là hình thức biểu hiện của lối sống, “là những quy ước được lặp đi lặp lại trở thành một thói quen trong sinh hoạt, phong tục tập quán, hành vi đạo đức. Nói đến nếp sống là nói đến một mặt nào đó trong lối sống” [1, tr.32]. Nếp sống chính quy tạo ra sự thống nhất về nhận thức tư tưởng chính trị, thống nhất ý chí và hành động của sinh viên, khiến sinh viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy tích cực tham gia học các môn LLCT trên giảng đường. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội có tỷ lệ này là 139/277 phiếu, đạt 50,18%, trường Đại học Bách khoa Hà Nội đạt 50% (143/286); ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền chỉ đạt 28,52% (83/291).

Để xác định sự chọn lựa của sinh viên về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT, NCS đã tiến hành điều tra xã hội học với câu hỏi: **Bạn tiếp nhận TTCT**

chủ yếu qua phương thức nào? Kết quả nhận được như sau:

- Phần lớn các sinh viên trong diện được hỏi đều sử dụng các phương thức chính là: *Tiếp nhận qua giáo dục lý luận chính trị ở trường đại học* với kết quả rất cao: 877/1143 sinh viên lựa chọn ưu tiên 1, chiếm 76,72% và 252/1143 sinh viên lựa chọn ưu tiên 2 chiếm 22,04%. Tổng cộng có 1129 phiếu lựa chọn.

- *Tiếp nhận qua hoạt động truyền thông* trong đó báo truyền hình và báo mạng điện tử là những phương thức chủ yếu là phương án được lựa chọn nhiều thứ 2 với lần lượt là 220/1143 phiếu ưu tiên 1, chiếm 19,24% và 657/1143 phiếu lựa chọn ưu tiên 2 tương đương 57,48%.

- Các phương thức tiếp nhận TTCT khác như: *Tiếp nhận qua mạng xã hội; Tiếp nhận qua sinh hoạt đoàn, đội nhóm, giao tiếp bạn bè; Tiếp nhận qua hoạt động ngoại khóa* không được sinh viên coi trọng. Số liệu khảo sát này cho thấy sinh viên đã bước đầu biết nhận diện phương tiện cung cấp TTCT. Trong giao tiếp bạn bè, sinh viên chú trọng tới những nội dung như trang phục, âm thực, du lịch mà ít chú ý tới nội dung TTCT. Sinh viên Đại học Bách Khoa Hà Nội với đặc thù là trường kỹ thuật, có tới 81,12% sinh viên được hỏi trả lời rằng họ tiếp nhận TTCT qua giáo dục LLCT ở trường đại học là ưu tiên 1, có 16,08% cho biết tiếp nhận qua hoạt động truyền thông.

2.3. Đánh giá chung và những vấn đề đặt ra

2.3.1. Đánh giá chung

2.3.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

Ưu điểm trong thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trong phạm vi khảo sát của NCS thể hiện ở những nội dung sau:

- Một là, nhu cầu TTCT của sinh viên trong các trường đại học mà luận án nghiên cứu ngày càng được nâng cao hơn. Sinh viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy có cách nhìn khác: “Em thích tìm hiểu các thông tin thời sự, các tin tức quốc tế và Việt Nam. Là người Việt Nam thì trước hết phải có nhu cầu TTCT về Việt Nam, phải nắm bắt được các sự kiện chính trị liên quan đến Đảng và nhà nước. Thời gian qua chúng em đã được sống trong môi trường văn hóa chính trị với các sự kiện quan trọng như Đại hội Đảng XIII, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Lần đầu tiên em được đi bầu cử, bây giờ em mới hiểu quyền bầu cử thiêng liêng đến mức nào,

mới hiểu Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ nghĩa là gì” [PVS.3, PL2]. Có sinh viên rất tự tin khi trả lời: “Là sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, em luôn có nhu cầu TTCT vì TTCT giúp em mở rộng kiến thức của cuộc sống, có thêm hiểu biết là có thêm niềm tin. Trường em là trường báo mà em lại đang học khoa Xã hội học nên TTCT rất cần thiết đối với chúng em” [PVS.5, PL2],

- Hai là, nhu cầu TTCT của sinh viên được đáp ứng ngày càng đúng, trúng hơn; thông qua nhiều hình thức, trước hết thông qua giảng dạy các môn khoa học xã hội nhân văn, nhất là các môn LLCT trong chương trình đào tạo. Các môn LLCT chính khóa ở các trường đại học bao gồm nội dung về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực của đời sống xã hội; truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, những nội dung này giữ vị trí quan trọng trong công tác giáo dục LLCT cho sinh viên, đồng thời cũng là đối tượng nhu cầu TTCT của sinh viên. TTCT giúp sinh viên rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; hướng người học đến hành động thực tiễn nhân văn, tiến bộ, khoa học; hun đúc cho sinh viên lòng yêu nước; tinh thần kiên định, vững vàng, không hoang mang, dao động trước những biến động phức tạp của đời sống xã hội. Nhiều sinh viên nhờ có TTCT đúng đắn mà có ý thức học tập tốt, có lập trường tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

- Ba là, sinh viên được tiếp nhận TTCT thông qua nhiều hoạt động, nhất là hoạt động thông tin tuyên truyền. Hoạt động thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của Nhà nước có tính chất chung, phổ biến và phổ rộng, bao quát nhiều nội dung của đời sống xã hội, có những tác động tích cực đối với sinh viên trong việc tiếp cận TTCT, trau dồi tri thức về những vấn đề tư tưởng chính trị. Hoạt động tuyên truyền nội bộ của các trường đại học được thực hiện qua nhiều kênh thông tin qua website, facebook, bản tin nội bộ, tuyên truyền qua loa phóng thanh, các cuộc thi theo chủ đề... tuyên truyền trực tiếp hơn, cụ thể hơn, sát đời sống thực tế của sinh viên từng trường. Các hoạt động thông tin này đều đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các sự kiện chính trị

quan trọng của đất nước, các ngày kỷ niệm quan trọng của Đảng, Đoàn và các đoàn thể chính trị - xã hội; các thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong sự nghiệp đổi mới... đến với sinh viên. Việc đa dạng hóa các nguồn thông tin cung cấp cho sinh viên đã đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong chuyển tải thông tin, góp phần đấu tranh phản bác quan điểm sai trái thù địch của các thế lực chống phá Việt Nam. Các vấn đề nổi cộm trong dư luận xã hội cũng được thông tin nhanh chóng, nhờ đó sinh viên được tiếp cận thông tin kịp thời, nắm bắt được những diễn biến chính trị - xã hội. Nhờ đổi mới theo hướng phong phú, sáng tạo, có tính thuyết phục và tính chiến đấu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với tâm lý và lối sống của sinh viên nên các TTCT nhìn chung được đưa chính xác, kịp thời và theo định hướng của Đảng.

Các hoạt động ngoại khóa đã tạo môi trường thực tiễn để sinh viên học tập, tu dưỡng, rèn luyện và trưởng thành về chính trị, nên một số sinh viên có nhu cầu TTCT đúng đắn, có ý thức quan tâm và coi trọng trong tổ chức các phong trào cách mạng, kiến thức thực tiễn. Hàng loạt chương trình tình nguyện, xung kích được đưa ra và đông đảo sinh viên đã tìm đến tổ chức Đoàn, coi phong trào thanh niên tình nguyện như trường học kỹ năng của tuổi trẻ để giúp họ trưởng thành. Phong trào hành động cách mạng của Đoàn đã trở thành phương thức hữu hiệu để Đoàn thực hiện chức năng “trường học xã hội chủ nghĩa” của sinh viên, cung cấp TTCT cho sinh viên. Phong trào thanh niên tình nguyện đã phát triển sâu rộng với nhiều nội dung đa dạng, hình thức phong phú, thu hút sinh viên tham gia, thông qua đó, nhu cầu TTCT được đáp ứng, kích thích và định hướng đúng. Sinh viên đã thấy được ý nghĩa và mục đích sống đích thực, sống có lý tưởng, có chuẩn mực đạo đức, biết bảo vệ bảo vệ cái đúng, cái tốt, lên án cái ác, cái xấu, có thái độ kiên quyết, dứt khoát đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi mọi biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức, lối sống trong nhà trường cũng như ngoài xã hội. Nhu cầu TTCT đã tác động đến niềm tin, định hướng tư tưởng của sinh viên, tăng niềm tin của sinh viên vào đường lối quan điểm của Đảng, niềm tin vào CNXH.

- Bốn là, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng đã tác động nhiều đến nhu cầu TTCT của sinh viên. Sinh viên đã cố gắng học tập, nắm vững và chấp hành nghiêm các chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy của Nhà trường, tích

cực học tập để nắm chắc kiến thức, kỹ năng chuyên môn, tích cực học tập, rèn luyện; tham gia đầy đủ, có trách nhiệm các phong trào thi đua được nhà trường và các tổ chức chính trị xã hội phát động, qua đó thỏa mãn nhu cầu TTCT của mình. “Nhiều sinh viên có nhu cầu TTCT, vì các bạn ấy hiểu TTCT sẽ giúp nâng cao ý thức chính trị, nhu cầu TTCT là nhằm củng cố niềm tin vào tiền đề cách mạng bằng các cơ sở khoa học, xác lập các công cụ nhận thức, nhằm giải quyết các vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Nhu cầu TTCT là nhằm làm cho sinh viên hiểu biết về quy luật phát triển của xã hội, về thế giới quan khoa học, về đường lối, chính sách của Đảng, biến nó thành niềm tin, lý tưởng, những nguyên tắc đạo đức, giúp sinh viên tiếp thu những tư tưởng mới tiến bộ, khoa học” [PVS.10, PL2]. Kết quả ghi nhận những chuyển biến tích cực là “có nhiều em quan tâm vì có trách nhiệm với cộng đồng, quan tâm vì muốn được hiểu biết, thực sự có nhu cầu TTCT một cách nghiêm túc, sâu sắc [PVS.13, PL2].

. Hội Sinh viên Thành phố xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cơ sở tổ chức thực hiện có hiệu quả việc “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức*” Năm là, công tác tuyên truyền, thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của nhà trường được Hội Sinh viên các cấp triển khai phong phú *úc, phong cách Hồ Chí Minh*” trong hội viên, sinh viên Thủ đô ngay từ đầu năm học. Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên ở các trường thực hiện chủ trương từ cấp Đoàn Thành phố cũng triển khai các hoạt động giáo dục về Đảng, về Đoàn, về truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng vào các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như: Ngày thành lập Đảng, cách mạng Tháng 8 và quốc khánh mừng 2/9, ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày thành lập Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam;... tổ chức gặp mặt truyền thống các thế hệ cán bộ Đoàn, gặp gỡ các nhân chứng lịch sử; tổ chức các diễn đàn trao đổi giáo dục về tâm lý lứa tuổi, về sức khỏe sinh sản, về tình yêu thời sinh viên; mở các lớp hướng dẫn kỹ năng mềm, kỹ năng xin việc. Kết quả là “phần lớn sinh viên nhận thức, tin tưởng và đồng thuận với đường lối chính sách của Đảng, chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, nỗ lực học tập, tu dưỡng rèn luyện và tích cực trong lao động sản xuất. Nhiều sinh viên có thái độ, nhận thức tốt và ý

thức chính trị cao, có ý chí vươn lên, phát huy mạnh mẽ truyền thống xung kích của những thế hệ thanh niên lớp trước, trở thành tấm gương sáng cho đông đảo thanh niên noi theo” [PVS.11, PL2].

Số liệu kết quả học tập của sinh viên các trường trong phạm vi khảo sát của NCS cũng góp phần khẳng định thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên, vì kết quả này dựa trên nhiều tiêu chí, trong đó có tiêu chí đạo đức, liên quan đến ý thức chính trị, đến hiểu biết về thiết chế, thể chế chính trị và thực tiễn chính trị. Đó cũng chính là đối tượng nhu cầu TTCT của sinh viên:

Năm	Sinh viên được lên lớp (tỉ lệ %)	Sinh viên tốt nghiệp	
		Đạt yêu cầu (tỉ lệ %)	Khá, giỏi (tỉ lệ %)
2017	96	98	44, 5
2018	96	98	46, 3
2019	97	98,5	45,2
2020	97	98	51,7

(Nguồn: NCS tổng hợp số liệu nguồn từ các phòng Đào tạo)

Tại các trường đại học được khảo sát, tỷ lệ sinh viên đủ điều kiện xét kết nạp vào Đảng tăng hàng năm. Số liệu thống kê chung của các trường cho thấy:

Năm học	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Đại học Bách khoa Hà Nội	Đại học Phòng cháy chữa cháy	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
2017-2018	16.504 (98%)	1,5%	0.5%	
2018-2019	18.027 (92.5)	6%	1.5%	
2019-2020	16.134 (91,3%)	8%	0.7%	

(Nguồn: NCS tổng hợp số liệu từ phòng Công tác sinh viên)

Nguyên nhân của những ưu điểm trên là:

- Vấn đề nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các chủ thể lãnh đạo, quản lý như Ban Tuyên giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội..., vì đây là nội dung trong giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Một khi có sự quan tâm, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, sự quản lý, kiến tạo của

các cấp chính quyền thì công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên sẽ thuận lợi, vấn đề nhu cầu TTCT của sinh viên sẽ được đáp ứng đúng định hướng chính trị, có chất lượng và đạt hiệu quả tốt. Thực hiện Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020”, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 410/QĐBGDDT ngày 4/2/2016 về Kế hoạch triển khai Quyết định số 1501/QĐ-TTg trong ngành Giáo dục. Các trường đại học đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung các Quyết định, Kế hoạch đến cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên; tuyên truyền sâu rộng về nội dung Đề án; phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc tham gia thực hiện Đề án nhằm khơi dậy nhu cầu TTCT của sinh viên và đáp ứng nhu cầu chính đáng đó.

- Hai là, tình hình kinh tế xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng tích cực tới nhu cầu TTCT của sinh viên. Sinh viên Hà Nội nói chung “có tinh thần yêu nước, tin tưởng và chấp hành mọi chủ trương, đường lối, sự lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, có phẩm chất đạo đức, tương thân tương ái giúp đỡ nhau, có tình nghĩa, cần cù, hiếu học, trung thực đoàn kết, lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động sáng tạo, tình nguyện vì cộng đồng. Nhiều sinh viên có lý tưởng cách mạng và ý chí phấn đấu cao, trở thành đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam” [31, tr.70]. Nhu cầu TTCT luôn gắn với đặc trưng đặc trưng địa phương, ngành, lĩnh vực sinh viên học tập, vì thế Hà Nội thuận tiện để kết hợp hài hòa lý tưởng cách mạng với lý tưởng cá nhân trong nhu cầu TTCT của sinh viên.

- Ba là, sự lãnh đạo, chỉ đạo quản lý của Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường Đại học đều có sự đổi mới, các trường đều quan tâm đến công tác tư tưởng trong sinh viên, quan tâm đến nội dung TTCT của sinh viên. Ngoài chương trình giảng dạy các môn LLCT đã được cố định, lãnh đạo các trường đều chú trọng nâng cao chất lượng của các hoạt động: Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa, đối thoại với sinh viên và các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên do các tổ chức chính trị- xã hội trong trường thực hiện. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng

viên khoa LLCT, các bộ môn khoa học xã hội, nhân văn và cán bộ hoạt động Đoàn, Hội cũng là nội dung mà Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường đại học quan tâm. Để đáp ứng với sự thay đổi chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học trên địa bàn Hà Nội đều được tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên khoa/bộ môn LLCT (hoặc Khoa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh) tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng, tham quan; khuyến khích, động viên cán bộ có kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; từng bước cải tiến phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn, tích cực hơn. Nhờ đó, đội ngũ giảng viên LLCT có những tiến bộ về chất lượng giảng dạy và ý thức trách nhiệm trong việc giáo dục, rèn luyện tư tưởng chính trị cho sinh viên và cho chính giảng viên, tác động tích cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên.

- Bốn là, các khoa, phòng, ban, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường đã có nhiều đổi mới, thể hiện ở hoạt động các phong trào dành cho sinh viên. Các trường đã tổ chức các phong trào thi đua: Phần đầu “sinh viên 5 tốt”, thi tìm hiểu các kiến thức LLCT, truyền thống cách mạng thông qua các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác- Lê nin, thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Rung chuông vàng, Theo dòng lịch sử... Các hoạt động liên hoan văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, văn nghệ xung kích, cuộc thi tiếng hát sinh viên các trường, cuộc thi sinh viên thanh lịch mang lại sự vui tươi, lạc quan, hướng tới giá trị chân thiện mỹ, khơi gợi tinh thần nhân văn, cách mạng rất hiệu quả cho sinh viên trong tìm kiếm TTCT. Đặc biệt, phong trào “Khởi nghiệp” đang thu hút nhiều sinh viên năng động, có hoài bão lập thân, lập nghiệp, lại càng thuận lợi cho nhu cầu TTCT của sinh viên.

- Năm là, công tác tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được các cấp bộ Đoàn thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, góp phần xây dựng ý thức chính trị và hành vi chính trị cho sinh viên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên đã thực hiện được vai trò là môi trường giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên, giúp cho sinh viên nhận thức sâu sắc hơn TTCT, xây dựng thái độ niềm tin vào cuộc sống, về đất nước đúng đắn, tích cực và biến thành các hoạt động tích cực

chính trị - xã hội. Các phong trào này được các trường đại học triển khai ngày càng hiệu quả. Các trường đã có nhiều phương pháp, hình thức thỏa mãn nhu cầu TTCT phong phú, nhất là các hình thức sôi động, có chiều sâu: như các hội thi, sân khấu hóa, văn hóa văn nghệ, các phong trào tự nguyện, sáng tạo, xung kích, cống hiến... Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0; internet, mạng xã hội với tính chất hai mặt đang tác động rất mạnh đến sinh viên. Nhiều sinh viên năng động đã chủ động với internet và mạng xã hội, vừa đấu tranh, hạn chế mặt tiêu cực, vừa sử dụng, phát huy mặt tích cực trong công tác tư tưởng, tìm kiếm TTCT đúng đắn.

2.3.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

Tuy nhiên, thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội vẫn còn *một số hạn chế*:

- Một là, một bộ phận sinh viên *không có nhu cầu TTCT*, “không có chí hướng rõ ràng, hiểu biết chưa đầy đủ truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, không quan tâm hoặc ít quan tâm đến tình hình của đất nước, quốc tế. Một bộ phận sinh viên “nhạt Đảng, phai Đoàn, xa chính trị”, không có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện, có những sinh viên giảm sút niềm tin, thiếu niềm tin, bản lĩnh non kém, thậm chí bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật. Một bộ phận sinh viên hiện chỉ quan tâm đến những lợi ích nhỏ nhất trước mắt, lợi ích cá nhân của mình. Số này chỉ quan tâm đến việc học tập chuyên môn; tập trung vào việc đi học, sau đó, đi làm thêm, ít quan tâm tới các vấn đề xã hội, chính trị; ít tham gia các phong trào, các hoạt động xã hội nên không có nhu cầu TTCT” [PVS.11, PL2]. Đây cũng là đánh giá của một lãnh đạo nhà trường: “nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay là có, nhưng chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của giáo dục chính trị. Do nhiều nguyên nhân khác nhau nên ở một bộ phận sinh viên có những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Một số sinh viên ngại học LLCT, nhìn nhận, đánh giá sai lệch các vấn đề chính trị xã hội, ít quan tâm đến tình hình chính trị trong nước và quốc tế, thiếu tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào, hoạt động chính trị xã hội. Không ít những sinh

viên do ảnh hưởng lối sống thực dụng nên có xu hướng sống hưởng thụ, không biết trân trọng các giá trị truyền thống dân tộc, không có nhu cầu TTCT” [PVS.15, PL2].

- Hai là, một bộ phận sinh viên *nhận thức không đúng về đối tượng của nhu cầu TTCT* vì chưa đủ tri thức và quan điểm tư tưởng chính trị; thiếu khả năng phân tích và luận giải những sự việc xã hội, chính trị phức tạp. Trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, mở cửa, hội nhập mạnh mẽ của đất nước và của thế giới, sự bùng nổ thông tin, mạng xã hội phát triển phát triển với nhiều chiều thuận, nghịch khác nhau. “Bên cạnh những mặt tích cực, tư tưởng chính trị của sinh viên chưa thật ổn định, vững vàng. Một bộ phận sinh viên còn dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động từ những hiện tượng tiêu cực của xã hội, cũng như các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch” [31, tr. 72]. Đây là điều cần chú trọng trong định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trong điều kiện hiện nay.

- Ba là, một số hoạt động của các tổ chức trong nhà trường đại học còn *hình thức, có yếu tố hành chính hóa*, “chưa cụ thể hóa giáo dục lý tưởng cách mạng vào sinh viên một cách sát thực cần thiết; công tác nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận trong sinh viên chưa được kịp thời; nắm bắt các xu hướng của sinh viên trên mạng Internet còn thiếu, yếu; công tác đấu tranh phòng, chống các luận điệu sai trái, xấu độc, phản động nhất là trên mạng và Internet chưa thực sự hiệu quả. Việc tổ chức các phong trào học tập, rèn luyện phấn đấu cho lý tưởng cách mạng chưa được quan tâm thường xuyên, không ít nơi thiếu thiết thực, còn hình thức, hiệu quả không cao. Phương hướng giáo dục còn áp đặt, một chiều cứng nhắc theo khuôn mẫu có sẵn, chưa có sự thuyết phục hấp dẫn, hiệu quả chưa cao” [31, tr.9].

- Bốn là, *điều kiện vật chất của các trường đại học chưa đầy đủ*, tác động tiêu cực đến nhu cầu TTCT và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay. Đây là hạn chế phải được quan tâm trong định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh hiện nay: “Các trường đại học cũng chưa có điều kiện để đáp ứng đầy đủ nhu cầu TTCT của sinh viên” [PVS.11, PL 2]. Điều này đặt ra

thách thức lớn đối với các trường đại học ở Hà Nội trong đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, vì mặc dù lâu nay giáo dục được xác định là quốc sách nhưng “Kết cấu hạ tầng đại học ít được đầu tư, nhất là các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành” [39, t2, tr.70]. Trong khảo sát của NCS, nhiều sinh viên cho rằng điều kiện cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu TTCT của sinh viên hiện tại mới dừng ở mức bình thường: 532/1143 phiếu (46,54%). Có đến 289/1143 phiếu khảo sát cho rằng điều kiện cơ sở vật chất hiện tại không đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, trong đó sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền (114/291 phiếu chiếm 39,18%), Đại học Bách khoa Hà Nội (81/286 phiếu đạt 28,32%), Đại học Phòng cháy chữa cháy (34/289 phiếu, đạt 11,76%) và Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (60/277 phiếu, đạt 21,66%).

Nguyên nhân của hạn chế trên xuất phát cả từ chủ quan và khách quan, trong đó nổi lên là những nguyên nhân sau:

- *Nhận thức chưa thật đầy đủ* về vai trò của nhu cầu TTCT đối với sinh viên và sự cần thiết phải định hướng, đáp ứng nhu cầu chính đáng đó của một số nhà lãnh đạo, quản lý giáo dục là nguyên nhân đầu tiên của những hạn chế trên. Thứ đến là *đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cố vấn học tập chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, chưa đáp ứng đúng và đủ nhu cầu TTCT của sinh viên*. Những chia sẻ của sinh viên cho thấy “Nhiều bài học em rất thích, nhất là những bài học về thực tiễn chính trị, về văn hóa xã hội. Chúng em rất thích tìm hiểu về lịch sử văn hóa dân tộc để hiểu thêm và tự hào về các thành tựu văn hóa kết tinh trí tuệ ông cha. Tuy nhiên, nhiều môn học thuộc khối LLCT chúng em không thích vì chương trình giảng dạy một số môn LLCT còn nặng nề, thiên về lý thuyết, hoạt động ngoại khóa đôi lúc chưa thực chất để cung cấp TTCT mà chỉ là giải trí đơn thuần, không định hướng nội dung TTCT” [PVS.5, PL2] làm giảm hứng thú và động lực học tập của sinh viên. Có bạn chia sẻ lý do chán học LLCT vì “một số giảng viên tuy có bằng cấp cao nhưng ít gắn lý luận với thực tiễn, có khi còn giáo điều, lý luận suông khiến nội dung khô khan, nội dung chưa gắn chặt với việc vận dụng vào thực tiễn, không thuyết phục được người học. Thực tiễn liên tục thay đổi, nhưng nội dung các môn LLCT còn nặng tính hàn lâm, ít có sự bổ sung, phát triển, nhiều vấn đề như: kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ, nhân quyền, hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức... còn rất mờ nhạt, làm cho

sinh viên cảm thấy khô cứng, khó hiểu, xa rời thực tiễn” [PVS.5, PL2]. Như vậy, trong các nguyên nhân dẫn đến nhu cầu TTCT của sinh viên còn thấp, có nguyên nhân đầu tiên từ nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu. *Môi trường kinh tế xã hội của Hà Nội* là nguyên nhân thứ hai được sinh viên nhận diện có tác động không tốt đến nhu cầu TTCT của sinh viên. *Cơ sở vật chất của nhà trường, công nghệ thông tin chưa đầy đủ, chưa được quản lý và khai thác hiệu quả* là nguyên nhân thứ ba. *Năng lực nhận thức của sinh viên* về đời sống chính trị chưa sâu sắc cũng là rào cản nhu cầu TTCT. Bản thân sinh viên cũng nhận thấy nếu không có ý thức học tập, rèn luyện thì sẽ không có hoặc có nhu cầu TTCT thấp. *Hoạt động của Đoàn và Hội sinh viên* cũng cần phải đổi mới để phù hợp hơn với tư duy thời đại mới của sinh viên. Đây cũng là một vấn đề cần xem xét khi tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên.

- Đề tài khoa học của Đảng ủy Khối chỉ ra nguyên nhân hạn chế nhu cầu TTCT của sinh viên là: “Còn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn (65,5%); tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch (62,7%); một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất (61,2%); pháp luật chưa được quán triệt và thực thi nghiêm (56,1%); sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân trong điều kiện mới (51,8%)...” [31, tr.142]. Đề tài cũng chỉ ra những “nguyên nhân được đưa ra với tỷ lệ lựa chọn cao như: Bản thân chưa hiểu đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của chương trình học tập LLCT nên ít tham gia (51,4%); phương pháp giáo dục, tuyên truyền thiếu hấp dẫn (50,6%)” hay “Chương trình học tập còn có chỗ khó tiếp thu, vận dụng (70,2%); thời gian dành cho việc học các môn LLCT còn ít (69,4%); sinh viên đang phải dành nhiều thời gian cho các môn chuyên môn (66,7%)” [31, tr.143]. Đây là những nguyên nhân chính có ảnh hưởng nhiều đến nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay, sẽ được NCS phân tích kỹ trong phần những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

2.3.2. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

2.3.2.1. Định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên là vấn đề quan trọng tuy nhiên nhận thức, năng lực của chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên còn nhiều hạn chế

“TTCT rất cần thiết trong giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên, đây là một bộ phận quan trọng của giáo dục và đào tạo ở bậc đại học, là yêu cầu khách

quan nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên. Nhu cầu TTCT của sinh viên có tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, đạo đức và khả năng thực hành công việc của sinh viên trong thực tiễn cuộc sống, vì khi các em có nhu cầu đúng và được đáp ứng, các em sẽ có ý thức chính trị tốt. Điều đó lại càng quan trọng hơn khi thời gian gần đây đang có những diễn biến phức tạp, nhiều vấn đề trong quá trình xây dựng CNXH, về xác định con đường đi lên CNXH ở nước ta cần được làm sáng tỏ thêm về mặt lý luận. Vì vậy, nhu cầu TTCT rất quan trọng trong giáo dục ý thức chính trị, bổ sung lý luận cách mạng cho sinh viên” [PVS.10, PL2]. Vì thế vấn đề đặt ra là “cần tăng cường định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên vì với vai trò tiên phong trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước, tầng lớp sinh viên là chủ nhân tương lai của đất nước, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng của đất nước ta hiện nay” [PVS.10, PL2] vì “bên cạnh việc giáo dục những kiến thức chuyên môn để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao gắn với nền kinh tế tri thức, thì cần tăng cường giáo dục LLCT, đặt ra yêu cầu bức thiết là phải tăng cường giáo dục về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là vấn đề nhu cầu TTCT cho sinh viên” và vì “hiện nay, một số sinh viên chưa thật sự có nhu cầu TTCT, một số có nhu cầu nhưng lại chưa đúng đắn”[PVS.11, PL2].

Như NCS đã xác định, trong các trường đại học, chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên là *Đảng ủy, Ban Giám hiệu, là đội ngũ cán bộ giảng viên mà quan trọng nhất là giảng viên LLCT, đội ngũ cố vấn học tập...* Tuy nhiên, tại các trường đại học mà NCS khảo sát, không phải chủ thể nào cũng nhận thức đúng về sự cần thiết phải đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Có người quan niệm đúng khi cho rằng “Trường Đại học là trung tâm chuyên về giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, vì thế cần phải tạo điều kiện cho sinh viên trở thành những người học tập thường xuyên, học tập suốt đời bằng cách xây dựng nhu cầu, động cơ nhận thức và kỹ năng tự học cho họ. Phát triển nhu cầu nhận thức và hình thành kỹ năng tự học, đáp ứng nhu cầu thông tin trong đó có TTCT cho sinh viên trong các trường Đại học là một trong những điều kiện quan trọng để góp phần xây dựng con người toàn diện” [PVS.6, PL2]. Nhưng vẫn có người cho rằng “TTCT tất nhiên cũng cần thiết nhưng ở mức độ vừa phải, theo tôi chỉ cần cung cấp TTCT từ hoạt động giáo dục LLCT cho sinh viên là đủ rồi. Vì các bạn sinh

viên cũng không mấy hứng thú với việc học lý thuyết mà chỉ thích khám phá, thử nghiệm về kỹ thuật thôi”, cho nên “việc đáp ứng nhu cầu TTCT là của sinh viên, sinh viên phải tự phát triển năng lực, xem tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững tri thức, kỹ năng, thái độ do chính người học tiến hành. Người học tự lập kế hoạch, tự lựa chọn nội dung đối tượng học tập, việc tự học có thể được tiến hành ở trên lớp hoặc ngoài lớp học. Đây là điều kiện cần thiết để thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận thông tin mọi lúc, mọi nơi, trong đó có các TTCT. Nhà trường xác định cần thiết phải trang bị cho người học những tri thức và kỹ năng học tập cơ bản” [PVS.7, PL2]. Sự thiếu nhất quán trong nhận thức về vai trò của nhà trường trong cung cấp TTCT cho sinh viên đã khiến một số chủ thể thiếu trách nhiệm trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Hoặc có chú ý nhưng chưa tương xứng với vị trí quan trọng của vấn đề, vì thế thực trạng đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên chưa đạt hiệu quả.

Đội ngũ giảng viên: Giảng viên là viên chức chuyên môn đảm nhiệm việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường đại học. Trong các trường đại học, giảng viên là nhà khoa học, nắm vững các phương pháp khoa học về giảng dạy và giáo dục, biết sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật trong giảng dạy, thường xuyên rèn luyện để nâng cao nghiệp vụ giảng dạy của mình, tham gia tích cực vào hoạt động nghiên cứu khoa học và đời sống xã hội. Để đào tạo được đội ngũ sinh viên năng động, có tri thức và phẩm chất đạo đức, có lý tưởng chính trị phải có được một đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt, thành thạo kỹ năng giảng dạy và có thái độ đúng đắn với nghề nghiệp. Vì thế, giảng viên có vai trò quan trọng trong công tác đào tạo nói chung, giảng dạy LLCT nói riêng mới đáp ứng đúng nhu cầu TTCT của sinh viên.

Khoa học LLCT đã được đưa vào giảng dạy trong các trường đại học và trở thành tên gọi chung của các môn như Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng. Trong bối cảnh hiện nay, giảng viên khoa học LLCT cần có những thay đổi nhất định. Tuy nhiên hiện nay, giảng viên dạy LLCT ở các trường đại học chưa thực sự đủ năng lực, chưa phải là nhà khoa học luôn chủ động nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc khoa học chuyên ngành mà mình giảng dạy, những vấn đề trong quá trình giảng dạy đặt ra cần giải quyết. Một số

người có tâm lý ngại đổi mới. Một số giảng viên có những biểu hiện như: thiếu trách nhiệm, thiếu tâm huyết, tận tâm, tận lực với nghề, vi phạm đạo đức, lối sống, ảnh hưởng không tốt tới uy tín của nhà giáo trong xã hội. Phương pháp dạy học chậm được đổi mới. Nội dung giảng dạy còn nặng về lý thuyết, sách vở, chưa phù hợp với đặc thù khác nhau của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, nội dung chưa gắn với đời sống kinh tế - xã hội; chưa chú trọng giáo dục kỹ năng sống, rèn luyện các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao trình độ ngoại ngữ và hoạt động xã hội, phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của sinh viên. Do đặc thù TTCT gắn với các môn học mang tính lý luận cao như lý luận Mác - Lênin, giảng viên cần đến kinh nghiệm sống, vốn hiểu biết xã hội rộng lớn, điều này cũng là một khó khăn của nhiều giảng viên trẻ. Sự tách rời giữa dạy - học với nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực LLCT là điều mà đáng lo ngại, vì nó không khơi gợi được nhu cầu TTCT của sinh viên. Tiềm lực khoa học thấp, sự tích lũy, bổ sung tri thức không trở thành một nhu cầu, động lực một sự thôi thúc trong nội tâm của không ít giảng viên, vì lẽ đó nó làm cho uy tín của đội ngũ giảng viên LLCT bị hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu TTCT thiết yếu của sinh viên. “Niềm tin và sự tâm huyết với nghề nghiệp của giảng viên cũng suy giảm. Những biểu hiện của tự diễn biến, tự chuyển hóa trong cán bộ, đảng viên trong đó có giảng viên LLCT đang có chiều hướng diễn biến ngày càng phức tạp. Không ít giảng viên có biểu hiện tâm lý chán nản, buông lơi tâm huyết, lý tưởng nghề nghiệp; chỉ giảng dạy chiếu lệ cốt làm sao truyền đạt đủ nội dung tinh thần của giáo trình mà thiếu sự đầu tư, tìm tòi nghiên cứu để tự làm mới mình, thậm chí coi việc đi giảng chỉ là kẻ sinh nhai, vì “cơm áo gạo tiền”. Trong đó, có hiện tượng giảng viên bỏ giờ; tác phong, kỷ luật không chuẩn mực” [31, tr 80] .

Cố vấn học tập: Trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, cố vấn học tập có vai trò rất quan trọng. Đây là một chuyên gia tư vấn về học tập và việc làm cho sinh viên, đồng hành cùng sinh viên trong suốt quá trình học tập, vì thế là chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Cố vấn học tập luôn tư vấn và định hướng quá trình học tập và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên, giám sát quá trình học tập và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên, tham mưu cho lãnh đạo trường, khoa và bộ môn các vấn đề liên quan đến công

tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và đào tạo theo nhu cầu xã hội. Vì mối quan hệ đặc biệt của cố vấn học tập trong các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, các trường đại học đã xây dựng quy trình công tác cố vấn học tập một cách khoa học. trong các trường đại học, cố vấn học tập đang quá tải về nhiệm vụ, vì họ là giảng viên, khi làm thêm chức cố vấn học tập là giảng viên phải gánh thêm nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm lớp như hướng dẫn về thủ tục hành chính, về sinh hoạt, về quần sinh...Do đó, “chất lượng công tác cố vấn học tập không đạt hiệu quả như mong muốn, khả năng đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên chưa cao” [PVS.8, PL2]. Vấn đề đang đặt ra là: cần phải khẳng định rằng cố vấn học tập có vai trò đặc biệt quan trọng, không thể thiếu trong đào tạo theo học chế tín chỉ nói chung, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên nói riêng.

Trong thực tế, cố vấn học tập vẫn là công việc kiêm nhiệm. Các trường chưa tổ chức lại công tác chủ nhiệm lớp, tách biệt với công tác cố vấn học tập. Đặc biệt, vai trò của cố vấn học tập trong việc tư vấn cho sinh viên về các thủ tục hành chính, các vấn đề về đời sống học đường, thông qua các hình thức tư vấn trực tiếp, tư vấn qua e-mail cũng chưa thực sự được quan tâm. Các trường chưa công khai hóa một cách đầy đủ các thủ tục liên quan đến sinh viên và hướng dẫn chi tiết trên website để sinh viên dễ dàng thực hiện nhằm giảm bớt nhiệm vụ cho cố vấn học tập. Vì thế cố vấn học tập vừa là giảng viên, vừa là cố vấn, lại đang phải gánh thêm nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm lớp như hướng dẫn về thủ tục hành chính. Do đó, chất lượng công tác cố vấn học tập tại các trường đại học chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Nguyên nhân chính vẫn là do các cơ sở giáo dục đại học chưa đánh giá đúng vai trò, chức năng và nhiệm vụ của cố vấn học tập. Nhà trường chưa thật quan tâm đúng mức đến đội ngũ cố vấn học tập, dù chính đội ngũ này đóng vai trò quan trọng trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, họ luôn gần gũi với sinh viên và tư vấn cho sinh viên hiệu quả. Vì thế “nhà trường cần quan tâm hơn đến đội ngũ giảng viên và cố vấn học tập, vì chính đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập trong nhà trường đóng vai trò quan trọng trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, thông qua việc tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho sinh viên, vì họ luôn gần gũi với sinh viên và tư vấn cho sinh viên hiệu quả” [PVS.7, PL2].

2.3.2.2. Sinh viên có nhu cầu được thường xuyên cập nhật nội dung TTCT nhưng thực tế nguồn tin từ chủ thể đến với sinh viên còn rất ít, chưa đáp ứng đủ nhu cầu, chưa thực sự hiệu quả

Nhu cầu TTCT cho sinh viên thể hiện qua các nội dung liên quan đến thể chế chính trị, thiết chế chính trị và thực tiễn chính trị. Phạm vi không gian bao gồm cả thế giới và Việt Nam. Như vậy nội dung nhu cầu TTCT của sinh viên là rất lớn. Sinh viên trong các trường đại học mà NCS nghiên cứu trong chuyên đề này có nhu cầu muốn biết thông tin về vai trò lãnh đạo của Đảng; Thông tin về hoạt động quản lý của nhà nước; Thông tin về quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội; Thông tin về các sự kiện chính trị trong nước; Thông tin về các sự kiện chính trị trên thế giới... Tất cả đều là nội dung nhu cầu TTCT của sinh viên, nhưng vấn đề là thông tin quá nhiều bởi hiện nay đang trong bối cảnh bùng nổ thông tin. Thông tin lại đang bị nhiễu do nguồn phát và kênh phát chịu nhiều tác động trong bối cảnh xã hội nhiều biến động.

Trong thực tế, nhu cầu này chưa được đáp ứng vì nội dung TTCT của sinh viên tại các trường đại học vẫn chủ yếu đến từ nội dung giảng dạy LLCT, còn hoạt động ngoại khóa vẫn mang tính phong trào, rèn luyện đạo đức là chủ yếu. Hoạt động truyền thông có những thế mạnh nhưng cũng bộc lộ nhiều bất cập vì hiệu quả của nó phụ thuộc nhiều vào tính tự giác, tính chủ động tích cực của sinh viên. Chỉ có nội dung TTCT thông qua các môn LLCT là bắt buộc với sinh viên. Hiện nay việc tích hợp các môn Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học đã hợp thành một môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đổi thành môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh được giữ nguyên. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa chương trình môn học như trên đã xuất hiện một số bất cập trong quá trình dạy và học. Sự hợp nhất trong nội dung môn học không đạt được sự thống nhất như mong muốn, bởi vì đã là một môn khoa học phải có đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu riêng của nó. Chương trình chưa được phân hóa theo từng khối ngành đào tạo, dẫn đến thiếu hiệu quả trong giảng dạy, học tập. Việc thực hiện học chế tín chỉ đã làm cho thời lượng học giảm nhiều trong khi

sinh viên chưa thực sự có ý thức tự học, tự nghiên cứu, TTCT đến với sinh viên không cập nhật nên không hấp dẫn.

Nội dung nhu cầu TTCT của sinh viên chưa đáp ứng được theo yêu cầu của TTCT về các lĩnh vực như thể chế chính trị, thiết chế chính trị và nhất là thực tiễn chính trị thông qua các hoạt động của chính trị gia, các sự kiện chính trị xã hội. Các vấn đề về nội dung nhu cầu TTCT cho sinh viên đang đặt ra cho các trường đại học bài toán khó. Tùy thuộc vào đặc điểm từng sinh viên, từng nhiệm vụ, từng thời điểm mà vấn đề này hay vấn đề khác nổi lên đóng vai trò như là mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu buộc các trường đại học trên địa bàn Hà Nội cần giải quyết. Nhà trường “Có thể cung cấp những thông tin thời sự trong nước và quốc tế; thông tin về dịch bệnh, thiên tai; thông tin về chính sách quản lý; thông tin về đường lối lãnh đạo của Đảng; về các hoạt động của chính quyền, đoàn thể, về các vấn đề an sinh xã hội, các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền... là những nội dung mang tính thời sự rất được sinh viên quan tâm, khi lồng vào nội dung LLCT, nội dung sẽ được đổi mới. Chính những thông tin thời sự này một mặt đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, mặt khác kích thích nhu cầu mới ở tầng sâu hơn, buộc sinh viên không chỉ tiếp nhận mà còn dùng lý trí phân tích, mở rộng thông tin, biến thông tin thành động lực cho ý chí hành vi của mình. Hoạt động ngoại khóa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung những kỹ năng và kinh nghiệm sống cho sinh viên, giúp họ có nhận thức và kỹ năng tốt trong tiếp nhận thông tin, đáp ứng nhu cầu TTCT của mình. Tôi nghĩ nên tăng cường hoạt động này thêm nữa” [PVS.8, PL2].

2.3.2.3. Cần phải đa dạng hóa phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT nhưng các trường đại học chưa đủ điều kiện đáp ứng, kích thích nhu cầu TTCT cho sinh viên

Nhu cầu TTCT của sinh viên có thể được đáp ứng qua nhiều phương pháp, cách thức, phương tiện khác nhau, tuy nhiên, đánh giá của 1143 sinh viên trong khảo sát cho thấy phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội chưa đạt hiệu quả, chưa phù hợp với nội dung của nhu cầu TTCT. Với đặc thù của sinh viên phần lớn thời gian gắn với giảng đường nên đáp ứng nhu cầu TTCT thông qua hoạt động giảng dạy là ưu thế. Phương pháp giảng dạy LLCT tuy có đã có nhiều đổi mới nhưng nhìn chung vẫn còn khá nặng về lý thuyết, một số nội dung chưa sát và chưa theo kịp những

vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Một số giảng viên, nhất là giảng viên kiêm chức do nhiều lý do khác nhau chưa được kiện toàn và bồi dưỡng kịp thời về phương pháp, kỹ năng, nghiệp vụ giảng dạy LLCT. Giảng viên có tuổi thì ngại đổi mới phương pháp giảng dạy, ngại sử dụng công nghệ thông tin. Một số giảng viên dạy với tinh thần hết nội dung kiến thức lý luận đã có trong giáo trình, sinh viên thụ động một chiều khi nghe và ghi chép nội dung truyền tải, nặng về lý thuyết. Giảng viên trẻ thì thiếu tri thức thực tiễn, bài giảng thiếu hấp dẫn hoặc quá lệ thuộc vào công nghệ thông tin. Qua khảo sát, NCS nhận thấy có giảng viên áp dụng cùng lúc nhiều phương pháp trong một tiết giảng, sử dụng quá nhiều slide, hình thức câu kỳ, from màu không phù hợp, cỡ chữ quá nhỏ khiến cho sinh viên khó theo dõi.

Công tác quản lý và tổ chức các hoạt động ngoại khóa còn thiếu chủ động. Nghiên cứu, quán triệt, học tập và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng là một trong những phương thức triển khai sự lãnh đạo của Đảng đối với đời sống xã hội, là điều kiện quan trọng để đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, ảnh hưởng lớn đến chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu, quán triệt, học tập và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong các trường đại học hiện nay. Một số cấp ủy cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác nghiên cứu, quán triệt, học tập, tuyên truyền, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cho sinh viên vì cho rằng đây chỉ là sinh hoạt chính trị, chỉ đánh giá ý thức chuyên cần mà không tính đến hiệu quả nội dung nhu cầu TTCT. Một số báo cáo viên, tuyên truyền viên còn hạn chế về trình độ, kỹ năng tuyên truyền miệng nên chất lượng các buổi học Nghị quyết chưa cao, chưa có sự đổi mới về phương thức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến trong sinh viên để sinh viên tự giác, tích cực và chủ động trong học Nghị quyết. Việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Đảng được cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện, tổ chức học tập, quán triệt cho sinh viên. Tuy nhiên đôi khi hoạt động này chưa bám sát những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo trong từng nghị quyết gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng trường, từng chuyên ngành đào tạo của sinh viên nên chưa thật phù hợp với đặc điểm tâm lý, lối sống và tư duy của sinh

viên từng ngành, từng khóa, dẫn đến triển khai chưa đảm bảo tính thiết thực. Công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung cốt lõi các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cũng chưa được tiến hành sâu rộng bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, chưa đưa nội dung các Nghị quyết vào thực tiễn giảng dạy hiệu quả. Các phương tiện truyền thông nội bộ trường cũng thiếu chuyên trang, chuyên mục để thường xuyên đưa tin, bài tuyên truyền về những nội dung cơ bản của từng chỉ thị, nghị quyết và quá trình tổ chức triển khai thực hiện ở các đơn vị trong nhà trường để giám sát, kiểm tra.

Với đặc thù của mình, sinh viên khối lý luận và nghiệp vụ đánh giá cao các yếu tố như đội ngũ giảng viên LLCT, vai trò của của cố vấn học tập, bên cạnh đó là các yếu tố môi trường xã hội như sự phát triển công nghệ thông tin và môi trường kinh tế của Hà Nội. Đây là đối tượng sinh viên được thường xuyên tiếp xúc với các TTCT và có nhu cầu TTCT, thế nên dễ hiểu khi các lựa chọn của sinh viên khối lý luận và nghiệp vụ đánh giá cao các hoạt động của đội ngũ giảng viên và cố vấn học tập trong việc cung cấp các thông tin phục vụ nhu cầu TTCT của sinh viên. Ngược lại, sinh viên khối kỹ thuật của Đại học Bách khoa Hà Nội có nhu cầu TTCT ít hơn, cũng ít có nhu cầu TTCT so với kiến thức chuyên ngành của mình, phần lớn đối tượng được hỏi đánh giá cao vai trò của công nghệ thông tin trong việc đáp ứng nhu cầu TTCT của mình, bởi trong thời đại công nghiệp 4.0, sinh viên có thể dễ dàng tìm được các thông tin mình cần thông qua không gian mạng. Tuy nhiên, việc quản lý thông tin trong môi trường mở của không gian mạng vẫn đặt ra mối lo ngại sâu sắc trong công tác. Khối lượng TTCT tiếp thu được thông qua hoạt động giảng dạy ở trường đại học là chưa đáp ứng nhu cầu, khiến sinh viên phải tìm đến các phương tiện khác. “Thời đại công nghệ thông tin nên chúng em thường xuyên vào mạng để đọc báo, để nắm thông tin. Nhưng đọc mạng là phải có phong kiến thức rộng thì mới hiểu nội dung thông tin chứ không là dễ bị dao động, mất phương hướng lắm! Vì thế em nghĩ nhà trường cần tăng cường quản lý mạng và cung cấp cho sinh viên kỹ năng khai thác TTCT trên mạng đúng cách” [PVS.3, PL2]. Điều này đặt ra vấn đề cấp bách “phải đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT, tăng cường các phương tiện thông tin nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu TTCT của sinh

viên trong thời đại mới.”[PVS.6, PL2].

2.2.3.4. Sinh viên cần có nhận thức và hiểu biết đúng về nhu cầu TTCT nhưng hiện nay một số sinh viên thiếu ý thức chính trị, không có tính tích cực, chủ động trong đáp ứng, kích thích nhu cầu TTCT

Nhu cầu TTCT vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan, vừa là nhu cầu cá nhân vừa là nhu cầu xã hội nhưng vì nhu cầu phát sinh từ bên trong, nên nhu cầu xã hội muốn thực hiện được phải do các cá nhân. Vì thế nhận thức của sinh viên có vai trò lớn trong nhu cầu TTCT. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là nhiều sinh viên không nhận thức đúng về nhu cầu TTCT, không có tính tích cực, chủ động trong đáp ứng, kích thích nhu cầu.

Bản chất trong hoạt động nhận thức của sinh viên là đi sâu, tìm hiểu những môn học, những chuyên ngành khoa học cụ thể để nắm rõ đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, quy luật của các khoa học đó, với mục đích trở thành những chuyên gia về các lĩnh vực nhất định. Hoạt động nhận thức của họ một mặt phải kế thừa một cách có hệ thống những thành tựu đã có, mặt khác lại phải tiệm cận với những thành tựu của khoa học đương đại và có tính cập nhật, thời sự. Chính vì vậy, họ có chung nhu cầu TTCT nhưng động cơ lại khác nhau, vì nhiều mục đích khác nhau. Vì thế bản thân sinh viên sẽ biết rõ nhất mục đích nhu cầu TTCT của mình, tìm cách thỏa mãn nó theo hướng phân tích, diễn giải, chứng minh các định đề khoa học bằng các phản đề một cách linh hoạt tùy theo từng hoàn cảnh có vấn đề. Họ phải ít thỏa mãn với những gì đã biết mà muốn đào sâu, suy nghĩ để nắm vấn đề sâu hơn, nên vượt qua thứ bậc thấp để tiếp tục có nhu cầu TTCT trong thứ bậc cao hơn của tháp nhu cầu.

Tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất của những loại tình cảm cao cấp như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ. Chính vì vậy, ý thức và năng lực của sinh viên trong tiếp nhận TTCT trở thành vấn đề, đó là mâu thuẫn giữa cảm xúc dễ thay đổi với tình cảm trí tuệ, khiến cho lượng tri thức mà sinh viên tích lũy được thường rất lớn, nhưng khả năng phân tích, đúc kết luận chứng lại không sâu. Trong khi đó nhân cách của sinh viên lại chưa phát triển toàn diện, sự tự đánh giá, tự ý thức, tự giáo dục ở sinh viên không phải khi nào cũng đúng. Nếu tự đánh giá sai thì việc tìm điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT cũng sai. Nhu cầu TTCT gắn liền với tính tích cực tự giác của sinh viên, bắt

nguồn từ nhận thức, động cơ. Nếu không có nhu cầu TTCT, sinh viên sẽ vô cảm với nội dung giáo dục LLCT, không muốn tham gia sinh hoạt chính trị, khi đó mọi nỗ lực cố gắng của chủ thể để đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trở nên vô ích. Hiện nay tính tích cực của sinh viên với nhận thức chính trị vẫn tiếp tục là một trở ngại cần giải quyết. Một bộ phận sinh viên có tâm lý thụ động, thiếu sáng tạo trong thực hành các hành vi chính trị, chỉ quan tâm đến những vấn đề có liên quan đến lợi ích thiết thân của họ. Nhiều sinh viên lười đọc sách chính trị; thích lựa chọn kênh thông tin trên mạng internet nhưng sinh viên cũng chưa biết cách thu thập và xử lý thông tin đa dạng, nhiều chiều, để từ đó thu được những kiến thức thật sự cần thiết và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu TTCT cho bản thân.

Tiểu kết chương 2

Nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội đã được NCS phân tích. Trên cơ sở phân tích các yếu tố tác động đa chiều đến nhu cầu TTCT của sinh viên, thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền; trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội được phân tích từ các yếu tố cơ bản như nhận thức, hiểu biết về lợi ích của đối tượng nhu cầu, ý chí hành vi của sinh viên để chiếm lĩnh nội dung đối tượng; phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Thực trạng được phân tích trên cơ sở điều tra xã hội học với 1143 sinh viên tại 4 trường, được củng cố thêm bởi nội dung từ các phỏng vấn sâu sinh viên, giảng viên, cố vấn học tập, các nhà quản lý, lãnh đạo nhà trường và các nhận định từ các chủ thể khác. Nhìn chung, một số sinh viên các trường trong phạm vi khảo sát có nhận thức, tình cảm tốt về TTCT, hiểu biết về lợi ích nhu cầu TTCT đem lại cho bản thân, có động cơ tư tưởng tốt, có ý chí hành vi phù hợp nhận thức. Nội dung nhu cầu TTCT mà sinh viên tiếp nhận được đánh giá tích cực, phương thức đáp ứng nhu cầu được đánh giá khả quan.

Tuy nhiên cũng cần đa dạng hóa nội dung, phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT hơn, nhất là trong bối cảnh thế giới nhiều biến động hiện nay. Thông qua thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên, NCS đã nhận diện những vấn đề cơ bản đặt ra cần giải quyết. Cần có giải pháp đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và tổ chức sắp xếp lớp học các môn học LLCT, các sinh hoạt ngoại khóa, các phương tiện

truyền thông phù hợp để nâng cao chất lượng nhu cầu TTCT của sinh viên, khi chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đang là một trong những trọng điểm chống phá quyết liệt của các thế lực phản động, thù địch. Thực trạng này cho thấy nhu cầu TTCT chưa thực sự thấm sâu một cách tự giác vào ý thức của sinh viên, chưa thường trực trong đời sống của sinh viên. Cần có giải pháp định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, khi các phương tiện truyền thông khác như mạng xã hội tiềm ẩn nhiều rủi ro trong cung cấp các thông tin, dễ dàng bị làm sai lệch thông tin, đưa tới các thông tin chưa được kiểm chứng. Những phân tích trên củng cố các nhận định và cung cấp thêm cơ sở để NCS đề xuất các quan điểm, giải pháp để định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trong chương sau của luận án.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỊNH HƯỚNG, ĐÁP ỨNG NHU CẦU THÔNG TIN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

3.1. Quan điểm định hướng, đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội

3.1.1. Định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên phải gắn liền với tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đảm bảo định hướng công tác tư tưởng trong từng giai đoạn cụ thể

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định rất rõ: “Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng... Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng dao động.” [39, t1, tr.33]. Đây cũng là vấn đề được ghi nhận trong Đề án *Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng* ngày 28/8/2015 số 1501/QĐ của Chính phủ. Đề án xác định rõ phương hướng và nội dung thực hiện, đó là: nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giác ngộ lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng cho thanh niên, sinh viên. Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay nhằm tạo chuyển biến căn bản về đạo đức, lối sống phát triển toàn diện; yêu gia đình, có đạo đức trong sáng, lối sống văn hóa; yêu nước, tự hào dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; có ý thức tuân thủ pháp luật; có năng lực và bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức và kỹ năng lao động, trở thành những công dân có ích, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Do đó, cần nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm

mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh hiện nay, sinh viên cần có nhu cầu TTCT để nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện Chỉ thị số 23 CT-TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư. Cần thường xuyên học hỏi, cập nhật các nội dung chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Coi trọng kỹ năng tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trên sách, báo, tạp chí, trên Internet, chọn lọc những thông tin chính thống, khai thác không gian mạng như một công cụ hữu ích đáp ứng nhu cầu TTCT của bản thân. Công tác đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng còn rất nhiều khó khăn, thách thức mà chúng ta phải đối mặt. Đấu tranh phòng, chống các luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới, rất cần đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, góp phần nâng cao sức mạnh của cả hệ thống chính trị Việt Nam. Đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên phải gắn liền với tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi Đảng và Nhà nước ta đã chỉ rõ: giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng trong giáo dục đại học. Chủ nghĩa Mác- Lê-nin vẫn là kim chỉ nam cho hành động của chúng ta vì chính giá trị của học thuyết này trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội. Nghiên cứu, giảng dạy, học tập, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin có vai trò quan trọng trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

Định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên cần đảm bảo định hướng công tác tư tưởng trong từng giai đoạn cụ thể, vì TTCT không chỉ làm thỏa mãn mong muốn của sinh viên về các sự kiện chính trị, mà thông qua sự kiện chính trị đó nhằm cho sinh viên giác ngộ sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm chắc đường lối, quan điểm của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước. Đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên nhất thiết phải gắn liền với tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên vì mục tiêu của công tác giáo dục chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là làm cho sinh viên sống có lý tưởng cách mạng, từ đó sẽ có nhận thức và tình cảm tốt trong nhu cầu TTCT, có hành vi đúng trong thực tiễn. Thực tiễn cho thấy kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ tư tưởng Hồ chí Minh là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chính môi trường học tập của sinh viên. Chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng đối với sinh viên. Sinh viên phải nâng cao ý chí quyết tâm, biết nhận thức đúng sai để không mắc mưu kẻ địch, có kỹ năng bút chiến để vạch trần luận điệu xảo trá, tinh vi của các thế lực thù địch. Phải gắn kết nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, làm cơ sở để phát triển lý luận, nâng cao nhận thức cho sinh viên về nền tảng tư tưởng của Đảng. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng ta. Đây là nhận thức đúng đắn, sâu sắc về mối quan hệ giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là cơ sở để chúng ta bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Cần định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên vì “TTCT cùng với các thông tin khoa học khác và các hoạt động chính trị - xã hội góp phần bồi dưỡng nhân sinh quan cộng sản, lý tưởng cách mạng và niềm tin vào các giá trị của CNXH, để sinh viên có hành động chính trị - xã hội tích cực mang tính nhân văn và tiến bộ” [PVS.10, PL2].

3.1.2. Định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên phải gắn với quan điểm của Đảng về giáo dục con người toàn diện trong bối cảnh hiện nay

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định rõ: “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới” nhằm “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước” [39, t2,

tr.329-330]. Giáo dục đạo đức theo quan điểm của Hồ Chí Minh là hoạt động của các cá nhân và thiết chế xã hội nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức ổn định, những nhu cầu, niềm tin, tình cảm, thói quen trong hành vi đạo đức trên cơ sở nhận thức lý tưởng đạo đức và những nguyên tắc đạo đức xã hội. Thông qua giáo dục đạo đức, các giá trị đạo đức được nhận thức sâu sắc hơn, hành động của con người sẽ phù hợp hơn với các chuẩn mực xã hội, con người có khả năng tự kiểm tra, đánh giá, thẩm định và điều chỉnh hành vi của mình. Đạo đức có quan hệ chặt chẽ với lối sống. Đạo đức là mặt nội dung, quy định lối sống, còn lối sống là mặt thể hiện của đạo đức. Do đó, giáo dục đạo đức chính là định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Đây cũng là quan điểm chỉ đạo của Đảng ta hiện nay, khi đất nước đang “có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [39, t2, tr.322]. Tuy nhiên, “Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội” [39, t2, tr.320]. Điều này đặt ra “nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn” [39, t2, tr.321], trong đó có vấn đề đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, để biến nhận thức, tình cảm về TTCT thành hành vi chính trị theo quan điểm, định hướng của Đảng.

Mục tiêu giáo dục được quy định tại điều 39, Luật Giáo dục Việt Nam: “1. Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. 2. Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân” [91]. Vì thế cần đảm bảo “tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học.” [91]. Các yếu tố đó liên quan trực tiếp đến những điều kiện định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT.

Điều 2 Luật Giáo dục chỉ rõ: “Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” [91]. Điều 7 trong Luật giáo dục quy định: “1. Nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học. 2. Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên” [91]. Chương trình giáo dục phải phù hợp với tính chất, nguyên lý giáo dục: “1. Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. 2. Hoạt động giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội” [91]. Đây là cơ sở định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, tạo lập các điều kiện để thực hiện và kích thích nhu cầu TTCT cho sinh viên.

3.1.3. Định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên phải gắn với cách mạng công nghiệp 4.0 và tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

Hiện nay, tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đang được triển khai tích cực trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ làm thay đổi cả thế giới. Chúng ta đang “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam” [39, t2, tr.331, 332]. Bước phát triển mới của toàn cầu hóa gắn với sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp 4.0 kéo theo những đổi mới các định chế

toàn cầu hiện có và có thể ra đời những định chế quản trị toàn cầu mới. Đối cảnh này đặt ra những yêu cầu mới đối với quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, buộc chúng ta phải nhận thức đầy đủ hơn về hội nhập quốc tế, làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách giáo dục, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Cần thấy rõ bước phát triển mới của toàn cầu hóa và sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tính toán sách lược, chiến lược trong tiến trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tận dụng lợi thế và khắc phục hạn chế của quá trình này đến nhu cầu TTCT của sinh viên.

Việt Nam hiện tham gia các mặt đời sống chính trị - xã hội quốc tế, tiến trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đưa Việt Nam trở thành bộ phận cấu thành của chính thể thế giới về phương diện kinh tế, chính trị và văn hóa thế giới. Các phương tiện truyền thông xã hội ngày càng có vai trò lớn trong quảng bá văn hóa, lan tỏa các giá trị văn hóa. Nhưng chính nó cũng làm mất các giá trị văn hóa, gây bất ổn xã hội. Bên cạnh tăng cường quản lý nhà nước đối với các phương tiện truyền thông xã hội, chúng ta cần chủ động sử dụng và phát huy vai trò kênh thông tin, công cụ quản trị của các phương tiện truyền thông này để nhu cầu TTCT của sinh viên được định hướng đúng quan điểm của Đảng. Bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sẽ tạo ra tác động kép đối với phát triển giáo dục con người Việt Nam. Nếu chúng ta biết tận dụng thời cơ, nó sẽ đem lại nhiều thuận lợi, nó sẽ tạo ra lực cản nếu chúng ta không chủ động gắn nhu cầu TTCT của sinh viên vào bối cảnh này. Trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, có nội dung quan trọng: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” [39, t2, tr.338], luôn coi trọng nhân tố con người và vai trò của văn hóa trong phát triển.

Đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên không thể tách rời với nhiệm vụ xây dựng con người và phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Bởi vì xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một thành tựu lý luận mới, mở ra những cách nhìn sâu hơn, toàn diện hơn, khoa học hơn về vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống như một tiền đề quan trọng để đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Tuy nhiên trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xuất hiện không ít vấn đề nhận thức sai về vai trò của văn hóa, trong khi chúng ta “chưa có giải

pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội. Hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều hạn chế, một số cơ quan báo chí xa rời tôn chỉ và có biểu hiện thương mại hóa; quản lý mạng xã hội còn bất cập” [39, t1, tr.85]. Định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên là đề: “Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng” [39, t2, tr.127-128].

3.1.4. Định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên phải gắn với quan điểm, định hướng phát triển của thành phố Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VIII và Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô, Nghị quyết số 15/2008/QH12 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan, Hà Nội đạt được nhiều thành tựu to lớn, thế và lực của thành phố phát triển mạnh mẽ, vị thế, uy tín của Thủ đô ngày càng được nâng cao. Thành phố Hà Nội tiếp tục duy trì vai trò là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước. Diện mạo của Thủ đô có nhiều thay đổi, ngày càng văn minh, hiện đại hơn. Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư, một số công trình, dự án có quy mô lớn, hiện đại được thực hiện và hoàn thành. Công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đất đai, quản lý đô thị, trật tự, an toàn giao thông, trật tự, kỷ cương xã hội được tăng cường; nếp sống văn minh đô thị có nhiều chuyển biến tích cực. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày càng phong phú, chất lượng dịch vụ thụ hưởng được nâng cao. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy được triển khai thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả quan trọng.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 97/2019/QH14, ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV “Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội”, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo, bản lĩnh, quyết tâm vượt khó trong xây dựng, phát triển thành phố. Thành phố Hà Nội đang đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, khu nhà ở theo hướng đồng

bộ, văn minh, hiện đại, làm thay đổi diện mạo kiến trúc Thủ đô. Hiện nay trên địa bàn Hà Nội, có rất nhiều trường đại học nổi tiếng, khiến Hà Nội trở thành trung tâm giáo dục quan trọng, thành nhân tố căn bản để “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững” [39, t2, tr.324] theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ XIII.

Sự phát triển ở Hà Nội là tạo ra nhiều cơ hội cho sinh viên được giao lưu, hợp tác phát triển và học hỏi nhiều kiến thức mới, kiến thức hội nhập. Việc tiếp cận những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại và chuyển giao công nghệ kích thích thanh niên đổi mới, phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ vào học tập. Sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội có cơ hội được giao lưu, tiếp xúc dễ dàng với các nền văn hóa khác nhau, có những luồng văn hóa tốt, có ảnh hưởng tích cực tới tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên. Tuy nhiên sự phát triển của kinh tế - xã hội của Hà Nội cũng tác động tiêu cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn. Nhiều di sản nghệ thuật đang dần biến mất, khiến Hà Nội là một thành phố phát triển không đồng đều với giữa các khu vực như giữa các quận nội thành và huyện ngoại thành, nhiều nơi người dân vẫn chưa có những điều kiện sinh hoạt thiết yếu. Số lượng sinh viên đông, từ khắp các tỉnh, thành phố đến Hà Nội học tập, sinh sống và làm việc nên rất khó quản lý, đây là một nguy cơ gây ra tình trạng mất trật tự xã hội. Có những luồng văn hóa phản động, những TTCT có nội dung không lành mạnh, trái quan điểm chính trị của Đảng sẽ tác động xấu về mặt tư tưởng, đạo đức, lối sống sinh viên. Mặt trái của cơ chế thị trường cũng tác động sâu sắc đến từng gia đình, đến các quan hệ xã hội, quan hệ cộng đồng, làm nảy sinh nhiều biểu hiện tích cực trong đời sống xã hội, trong khi sự đổi mới về công tác quản lý và tổ chức hoạt động văn hóa - xã hội chưa thích ứng kịp thời, dẫn đến những thay đổi về nếp sống, lối sống, giá trị sống cũng ảnh hưởng đến nhu cầu TTCT của sinh

viên. Quá trình đô thị hóa và phát triển về kinh tế với tốc độ cao làm nảy sinh và gia tăng các tệ nạn xã hội mới, phức tạp hơn. Nếu không chủ động có biện pháp ứng phó sẽ trở thành nguy cơ đối với quá trình phát triển văn hóa xã hội, tác động xấu đến nhận thức và làm giảm nhu cầu TTCT hoặc làm lệch chuẩn nhu cầu TTCT của sinh viên, tác động tiêu cực đến nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay.

Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) của Đảng bộ thành phố Hà Nội khẳng định rõ mục tiêu tổng quát: “Đến năm 2045, Hà Nội có chất lượng cuộc sống cao; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, bền vững; là thành phố kết nối toàn cầu, có sức cạnh tranh quốc tế, GRDP/người đạt trên 36.000 USD” [97, tr.202- 203]. Nghị quyết cũng xác định những định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá để thực hiện mục tiêu trên, đó là “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, nhân lực quản lý xã hội, quản trị kinh tế, nhân lực ngành văn hóa, du lịch. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái học tập sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút, trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế...Đưa văn hóa và con người Hà Nội thực sự trở thành giá trị tinh thần to lớn, nguồn lực quan trọng quyết định phát triển Thủ đô” [97, tr.207-208]. Đảng bộ thành phố Hà Nội cũng đã xác định 5 nhiệm vụ quan trọng, trong đó có “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô” [97, tr. 206].

Hà Nội sẽ trở thành trung tâm phát triển về mọi mặt theo hướng CNH, HĐH. Vốn văn hóa, tiềm năng văn hóa của Hà Nội là thế mạnh không chỉ là tạo ra sản phẩm văn hóa, mà còn là lợi thế cho phát triển kinh tế - xã hội, làm cho Hà Nội trở nên hấp dẫn. Đây là lợi thế lớn cho các trường đại học trên địa bàn đổi mới sáng tạo, xây dựng các giải pháp có tính khả thi nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu TTCT cho sinh viên. Đổi mới sáng tạo đang trở thành yếu tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của các trường đại học, để nâng cao vị thế và kiến tạo giá trị mang bản sắc Thủ đô, đóng góp cho sự phồn thịnh của xã hội. Những chính sách và hướng đi phù hợp trong quá trình xây dựng đại học đổi mới sáng tạo giúp phát huy nguồn trí tuệ và tâm huyết của đội ngũ nhà khoa học để tạo

thành sức mạnh và năng lượng cho phát triển, đặc biệt là trong khoa học, công nghệ. Vì thế định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên phải gắn với định hướng phát triển của các trường đại học. “Đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên để đáp ứng thực được với tiền cách mạng nước ta hiện nay là một yêu cầu hết sức cấp thiết, nhằm cung cấp những tri thức khoa học trong lĩnh vực chính trị để góp phần hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, hướng đến xây dựng nhân cách trong sáng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của quá trình hội nhập và phát triển Thủ đô” [PVS.10, PL2].

3.2. Giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên

Căn cứ vào các quan điểm đã xác định trên, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, dựa trên khung lý thuyết và kết quả nghiên cứu thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên, NCS đề xuất một số giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh hiện nay như sau:

3.2.1. Tăng cường vai trò chỉ đạo của các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo

Ban Tuyên giáo là cơ quan tham mưu của Đảng trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, chủ trương, quan điểm và chính sách của Đảng trong lĩnh vực tuyên truyền, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và một số lĩnh vực xã hội; đồng thời là cơ quan chuyên môn - nghiệp vụ về các lĩnh vực công tác này của Đảng. Đảng ta luôn coi trọng công tác tuyên giáo, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và có tính chất mở đường về tư tưởng chính trị, góp phần xây dựng, bồi đắp nền tảng tư tưởng cách mạng, nền tảng chính trị của Đảng, nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần đưa đường lối đổi mới của Đảng đi vào cuộc sống, mở rộng dân chủ, khơi dậy sáng tạo của mọi ngành, mọi địa phương, các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc.

Để định hướng, đáp ứng đúng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, cần tăng cường vai trò chỉ đạo của Ban Tuyên giáo các cấp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, đồng bộ, thường xuyên. Sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo các cấp sẽ giúp các trường đại học giải quyết từ sớm, từ gốc

những vấn đề có thể dẫn đến nảy sinh những bức xúc về tư tưởng trong sinh viên, giúp sinh viên “tự đề kháng”, “tự miễn dịch” trước thông tin xấu độc, sai trái, tự bản thân và vận động bạn bè tiếp nhận TTCT đúng đắn. “Vấn đề cốt yếu nhất trong định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên là giáo dục lý tưởng XHCN, xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Sinh viên là những thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng, là tầng lớp tri thức chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở đất nước ta hiện nay. Việc giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện LLCT cho sinh viên có liên quan đến xu thế phát triển trong tương lai của dân tộc, đến sự thành bại của cách mạng, đến định hướng XHCN” [PVS.11, PL2]. Bức xúc về tư tưởng bắt nguồn từ nhận thức sẽ hạn chế quá trình thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tác động đến tư tưởng, tâm lý một bộ phận sinh viên. Nếu không được thông tin kịp thời, đúng đắn, để sinh viên hiểu đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì bức xúc sẽ không được giải tỏa, tạo áp lực tâm lý khiến sinh viên mất niềm tin, mất nhu cầu nắm bắt thông tin hoặc sai lầm, chệch hướng trong tiếp nhận. Vì vậy, công tác tuyên giáo phải đi trước để định hướng nhu cầu TTCT của sinh viên, nắm chắc tình hình để giải quyết dứt điểm những vướng mắc về tư tưởng, đúc kết kinh nghiệm, kích thích nhu cầu TTCT chính đáng, đúng đắn cho sinh viên.

Để tăng cường vai trò chỉ đạo của Ban Tuyên giáo trong định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, Ban Tuyên giáo các cấp phải đổi mới công tác quán triệt, tuyên truyền thực hiện các nghị quyết của Đảng, đảm bảo tính khoa học, tính chiến đấu và tính thuyết phục; quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công tác tuyên giáo để họ thực sự trở thành bạn đường tin cậy của sinh viên. Thời gian tới việc tổ chức nghiên cứu, học tập Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ XIII cần được đổi mới theo hướng phân tầng nội dung, phân loại đối tượng sinh viên phù hợp. Ví dụ sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền được đào tạo các chuyên ngành sâu như Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước cần nghiên cứu sâu, trao đổi kỹ những lĩnh vực mà Nghị quyết đề cập để thấm nhuần đầy đủ, chuẩn xác những định hướng của Đảng, xác định đúng những nội dung cốt lõi cần và có thể vận dụng sát hợp với điều kiện của chuyên ngành, lĩnh vực của mình, định hướng cho việc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện. Những

sinh viên ở các lĩnh vực, chuyên ngành khác cần nắm vững những quan điểm cơ bản, cần hiểu những tinh thần cốt lõi của Nghị quyết sẽ phải có cách học tập, quán triệt, tuyên truyền khác. Việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch hành động quán triệt Nghị quyết cần được Ban Tuyên giáo các cấp cụ thể hóa, nêu rõ trọng tâm, trọng điểm, giải pháp đột phá, các điều kiện, cơ chế, chính sách, nguồn lực bảo đảm, lộ trình triển khai, phân công rõ tổ chức, cá nhân đảm nhiệm. Học tập Nghị quyết phải dành thời gian thỏa đáng để thảo luận, giải đáp những vấn đề đặt ra, tạo sự đồng thuận, thể hiện quyết tâm chính trị cao, để sinh viên không thấy nặng nề khi phải ngồi nghe lý luận.

Đối tượng của công tác tuyên giáo mà luận án đang đề cập là sinh viên, hoạt động tuyên giáo là tác động vào tư tưởng, tình cảm, nhận thức của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội vốn có tư duy khá nhạy cảm, nên để đạt được hiệu quả, phải có tính thuyết phục cao. Ban Tuyên giáo cần đổi mới phương thức tổ chức lực lượng, hình thức, phương pháp tuyên truyền miệng, tăng cường đối thoại trực tiếp, phản bác trên các phương tiện truyền thông tin đại chúng, nhất là trên mạng internet để định hướng TTCT cho sinh viên. Xây dựng đội ngũ chuyên gia theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp, kết nối, hiện đại, có cơ chế đặc thù trong vận hành, phối hợp nhịp nhàng giữa những người làm công tác tuyên giáo, nghiên cứu lý luận, an ninh tư tưởng - văn hóa, công nghệ thông tin, bảo vệ chính trị nội bộ và các cơ quan hữu quan khác, đầu mối gắn kết thường xuyên là ban Tuyên giáo các cấp, Đảng ủy, Ban giám hiệu các trường đại học dưới sự chỉ đạo chặt chẽ, trực tiếp thường xuyên của thường trực Ban Bí thư, của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phát huy vai trò và thế mạnh của mình, phát huy vai trò là đầu mối kết nối, quy tụ, tập hợp và phát huy vai trò của các lực lượng, sức mạnh các binh chủng của ngành Tuyên giáo, tạo ra sức tự đề kháng cho sinh viên trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, nhất là đấu tranh trên không gian mạng. Chú trọng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) và Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị

(khóa XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tích cực đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng thiết thực, hiệu quả, khắc phục các biểu hiện “lười” nghiên cứu, học tập LLCT. Cập nhật những nội dung, hình thức mới; tầm nhìn, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 238-QĐ/TW, ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư (khóa XII) về Quy chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm trên địa bàn Hà Nội mà sinh viên quan tâm, coi đây là một nhiệm vụ cấp bách, quan trọng để phát huy vai trò của ngành Tuyên giáo trong định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Công tác tuyên giáo phải luôn được đổi mới, càng phải linh hoạt, mềm dẻo, tránh áp đặt, một chiều, phải chuyển hóa mạnh mẽ từ độc thoại sang đối thoại, lắng nghe, tôn trọng ý kiến của sinh viên, không tránh né những vấn đề nhạy cảm. Tăng cường tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, trao đổi, đối thoại, tranh luận với những người có quan điểm trái chiều, ý kiến khác, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau để tìm ra chân lý, đó là con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách sự khác biệt về nhận thức và gần gũi với nhau hơn, từ đó tăng cường tính định hướng tư tưởng và đồng thuận trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

Thành ủy Hà Nội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ thành phố Hà Nội, có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố; các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương, lãnh đạo cụ thể hóa nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh; các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Thành ủy Hà Nội cần đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương tham mưu xây dựng một chiến lược công tác tư tưởng cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố trong thời kỳ cách mạng 4.0. Trong chiến lược cần chú ý xây dựng nội dung định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên và chủ động

đề sinh viên “miễn dịch” với những luận điệu sai trái, xuyên tạc, xấu độc ảnh hưởng từ sự tuyên truyền của các thế lực thù địch chống phá Đảng và Nhà nước.

Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng; *Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên* là cơ quan có chức năng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng đối với các trường đại học, cao đẳng trong Khối cần kết hợp hiệu quả với Ban Tuyên giáo, Thành ủy Hà Nội, tăng cường chỉ đạo các nhiệm vụ chuyên môn nhiệm vụ chính trị dạy và học, nghiên cứu khoa học, các nhiệm vụ chính trị khác theo đúng định hướng CNXH của sự phát triển, nhằm tăng cường định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo này cũng cần tăng cường phối hợp với Đảng ủy, Ban giám hiệu các trường đại học trên địa bàn để định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

3.2.2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò của các khoa chủ quản, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường

3.2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường

Theo quan điểm của Mác – Lênin, trong xã hội có giai cấp và còn đấu tranh giai cấp, giai cấp nào thống trị xã hội về kinh tế, chính trị thì tất yếu thống trị cả về đời sống tinh thần, tư tưởng. Đây cũng là điều C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định trong *Tuyên ngôn đảng cộng sản*: “Lịch sử tư tưởng chứng minh gì, nếu không phải chứng minh rằng sự sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất. Những tư tưởng của giai cấp thống trị của một thời đại bao giờ cũng là tư tưởng của giai cấp thống trị” [122, t4, tr.625]. Trong xã hội Việt Nam, nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ đã được xác lập. Khoản 1, Điều 4, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” [47, tr.9]. Đảng ta là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội nên việc Đảng lãnh đạo lĩnh vực giáo dục và cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu các trường đại

học lãnh đạo, định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên là tất yếu khách quan, là hợp hiến, hợp pháp.

Đảng ủy nhà trường nắm quyền lãnh đạo mặt trận văn hóa tư tưởng và Ban Giám hiệu nhà trường phải tăng cường quản lý nội dung nhu cầu TTCT của sinh viên là vấn đề có tính nguyên tắc chính trị. Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường tăng cường lãnh đạo, quản lý để hướng nhu cầu TTCT của sinh viên vào đúng định hướng, để củng cố, phát triển hệ tư tưởng XHCN, xây dựng chế độ mới và con người mới là một đòi hỏi tất yếu, khách quan. Đó là nhiệm vụ chính trị, cũng là trách nhiệm cao quý của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường trong hoạt động giáo dục. Vai trò của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên là góp phần phát triển tư tưởng cách mạng, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, cổ vũ sinh viên tham gia vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường. Sự lãnh đạo của Đảng đối với giáo dục chính là Đảng vạch ra chủ trương, đường lối xây dựng nền giáo dục và động viên, tổ chức các lực lượng xã hội đặc biệt là đội ngũ giảng viên thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối đó. Đảng ủy nhà trường lãnh đạo hoạt động giáo dục trong trường đại học một cách toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và chuyên môn, lãnh đạo chính trị, vạch ra đường lối, chủ trương phát triển nhà trường phù hợp với đường lối của Đảng, phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường. Ban Giám hiệu nhà trường thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng bằng quy định, nội quy của nhà trường.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong nhà trường đối với công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên để đáp ứng nhu cầu TTCT đòi hỏi các trường đại học phải đưa vấn đề nhu cầu TTCT của sinh viên vào nội dung hoạt động của nhà trường. Nội dung đó phải được cụ thể hóa thành những tiêu chuẩn, tiêu chí để định hướng, đánh giá khi phân tích đối tượng của nhu cầu và các điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, để nhu cầu đó phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường. Các trường cần xây dựng một cơ chế phù hợp để tăng cường sự quan tâm của Ban Giám hiệu, các khoa chủ quản và các phòng, ban chức năng đến nhu cầu TTCT của sinh viên, xem đây là nhiệm vụ

chính trị của nhà trường. Ban Giám hiệu cần có cơ chế theo dõi thường xuyên các buổi họp cán bộ lớp trong toàn trường để nghe phản hồi từ phía sinh viên về nhu cầu TTCT nhằm điều chỉnh, giải đáp kịp những thắc mắc của sinh viên, uốn nắn và định hướng cho sinh viên, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Ban Giám hiệu cần xây dựng chiến lược giáo dục lý tưởng chính trị cho sinh viên. Lý tưởng “là mục tiêu cuộc sống được phản ánh vào ý thức con người dưới dạng một hình mẫu và có tác dụng lôi cuốn mạnh mẽ toàn bộ cuộc sống của con người trong một thời gian dài để vươn tới mục tiêu đó. Lý tưởng là cái cần phải hướng tới của mỗi đời người, là động lực thúc đẩy con người hành động vươn tới chân, thiện, mỹ.”[49, tr.171-172]. Lý tưởng chính trị là cơ sở động lực của hoài bão lớn cho sinh viên, giúp sinh viên có thái độ tích cực trong nhận thức, nồng nhiệt trong tình cảm, mãnh liệt trong ý chí, quyết tâm trong hành động. Sinh viên cần được định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT của mình như lời dạy của Hồ Chủ tịch: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và toàn thế giới” [57, tr.37]. Giáo dục lý tưởng chính trị nhằm đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên là một trong những nội dung quan trọng trong công tác giáo dục của trường đại học, nhất thiết phải đặt dưới sự lãnh đạo, quản lý của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường.

Đảng ủy, Ban giám hiệu cần thống nhất và đưa nội dung nhu cầu TTCT vào trong nội dung kế hoạch năm học một cách cụ thể để kết hợp hài hòa trong việc thực hiện các phong trào thi đua. Nhà trường cần biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân giáo viên và sinh viên có thành tích xuất sắc trong việc giáo dục, học tập, rèn luyện theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể trong hoạt động giáo dục, coi giáo dục tư tưởng là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của nhà trường. Đảng ủy, Ban giám hiệu phải xem đây là khâu mở đường, là giải pháp quan trọng để tạo ra sự chuyển biến lớn về nhận thức và thói quen trong hoạt động trong nhà trường. Bản thân giảng viên phải trở thành những tấm gương sáng về đạo đức nhân văn cho sinh viên noi theo, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “một tấm gương sáng còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [58, tr.284]. Có thể khẳng

định đây là giải pháp trọng tâm, có tính đột phá trong công tác định hướng và đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên ở nhà trường hiện nay.

3.2.2.2. Phát huy vai trò của các khoa chủ quản, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường

Các trường đại học trong phạm vi nghiên cứu của NCS đều có các khoa Giáo dục lý luận chính trị, Giáo dục pháp luật, các môn khoa học Xã hội và Nhân văn, phòng Công tác sinh viên, phòng Công tác Chính trị, Văn phòng Đảng, Đoàn thanh niên; Hội sinh viên...nhưng cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các khoa chủ quản, các khoa phòng trong việc định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các trường đại học vốn có ưu thế về số lượng và chất lượng chủ thể, nếu biết phối hợp đồng bộ, kết hợp với việc khơi dậy và phát huy tốt vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giảng viên, các bộ phận, tổ chức, thì vấn đề đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên sẽ đạt hiệu quả. Hiện nay, một số phòng ban đang có tâm lý cho rằng vấn đề nhu cầu TTCT không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của họ. Họ chỉ nghĩ đến phối hợp mà quên rằng để phát huy được sức mạnh tổng hợp ấy trước hết mỗi tổ chức, cá nhân phải chủ động làm tốt vai trò và trách nhiệm của mình. Ban Giám hiệu nhà trường cần phân định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong vấn đề đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, để các bộ phận, tổ chức, cá nhân thực thi trách nhiệm một cách tự giác, chủ động, tích cực. Khi đã phân định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân thì từng chủ thể sẽ biết mình phải làm gì, phối hợp với ai để tiến hành thực thi các điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên hiệu quả nhất. Đây thực sự là một giải pháp cần thiết đối với các trường đại học như Học viện Báo chí và Tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

“Cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, quản lý các cấp trong hệ thống các nhà trường, học viện, nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm phối hợp giữa phòng công tác sinh viên và với các khoa, bộ môn giảng dạy về LLCT, cổ vấn học tập. Phải coi công tác đấu tranh bảo vệ Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch là một bộ phận cơ bản trong các tài liệu, giáo trình, bài giảng LLCT. Đồng thời, phối hợp, chủ động

tổ chức hội thảo, các buổi giao lưu, trao đổi, tọa đàm về đạo đức cách mạng trong giáo dục LLCT với sự tham gia của các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực này, nhằm tăng cường bản lĩnh chính trị, năng lực đấu tranh của sinh viên đối với các quan điểm sai trái, phản động, cung cấp TTCT cho sinh viên, giúp họ nắm bắt được những kiến thức cơ bản, kết hợp với việc liên hệ thực tiễn, từ đó có tư duy độc lập, đúng đắn, hành động phù hợp trong cuộc sống, qua đó sinh viên có được phương pháp tiếp cận, nắm bắt thông tin, kiến thức một cách hiệu quả” [PVS.11, PL2]. Lãnh đạo quản lý các Khoa, Phòng, Ban là những chủ thể trực tiếp tham gia quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động giáo dục sinh viên trong nhà trường. Trực tiếp lên kế hoạch, tổ chức chỉ đạo thực hiện, giám sát kiểm tra, xử lý kết quả của hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục tư tưởng cho sinh viên nói riêng; quán triệt những chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng cho sinh viên; chỉ đạo các chủ thể giáo dục khác trong nhà trường như giảng viên, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên..., để các chủ thể này truyền đạt đến từng sinh viên những quy định của Nhà trường về mục đích, nội dung giáo dục, về tiêu chí đánh giá nhu cầu TTCT. Thiết lập các kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội ngoài nhà trường, triển khai Chỉ thị 05/CT-TW (15/05/2016) của Bộ chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để sinh viên nhận thức đúng, tích cực học tập, rèn luyện theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

3.2.3. Đổi mới nội dung đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên

3.2.3.1. Đổi mới nội dung giảng dạy LLCT

Trong các trường đại học mà NCS khảo sát, đánh giá của sinh viên về phương thức tiếp nhận TTCT nhiều nhất chính là qua các môn học LLCT. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải đổi mới nội dung giảng dạy LLCT cho sinh viên, “Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” [38, tr.128]. Mục đích giảng dạy LLCT là làm rõ, phân tích, lý giải hệ thống quan điểm tư tưởng chính thống, làm cho người học hiểu biết, cảm thụ và thực hiện những tư tưởng, quan điểm đây một cách phù hợp, chuẩn mực và khoa học, hình thành tư tưởng, nhân cách tốt đẹp cho người học. Giáo dục LLCT có vai trò to lớn vì lý luận là “Hệ thống những tri thức đã

được khái quát, tạo ra một quan niệm hoàn chỉnh về các quy luật và về mối liên hệ cơ bản của hiện thực” [61, t2, tr.686]. Còn chính trị là “là sự biểu hiện tập trung nhất của kinh tế (Lênin), đồng thời chính trị có vị trí độc lập và tác dụng to lớn đối với kinh tế” [61, t1, tr.603]. Trong các trường đại học, LLCT nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn của sinh viên, hướng dẫn họ vận dụng hiểu biết ấy vào cuộc sống, hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp tư duy biện chứng và hành động khoa học, góp phần phát huy tính tích cực của sinh viên trong nhu cầu TTCT.

Nội dung giảng dạy là thành tố quan trọng trong toàn bộ quá trình giảng dạy, là “mặt bên trong của sự vật hiện tượng được hình thức chứa đựng và biểu hiện” [87, tr.738]. Đó là “hệ thống kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, tình cảm, thái độ mà đối tượng giáo dục cần tiếp nhận, nắm vững để đạt mục đích của hoạt động giáo dục” [49, tr.154]. Nội dung giảng dạy LLCT cho sinh viên hiện nay là: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Thời lượng dạy và học các môn LLCT là 10 tín chỉ. Những nội dung này được triển khai 10 năm qua, đã có kết quả nhất định. Tuy nhiên trước yêu cầu của thực tiễn, ngày 28/3/2014, Ban Bí thư đã có kết luận số 94-KL/TW về đổi mới nội dung giảng dạy các môn LLCT. Ban Tuyên giáo Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 và Kế hoạch số 319-KH/BTGTW ngày 3/4/2015 về triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW. Các nội dung triển khai Kết luận số 94-KL/TW của Ban Bí thư được thực hiện theo kết luận cuộc họp, xác định một số yêu cầu trong triển khai thực hiện. Quá trình biên soạn chương trình, giáo trình các môn LLCT phải phù hợp với tinh thần Nghị quyết 29 của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; về yêu cầu của môn học, phải chuyển tải những nội dung căn bản của môn học; phù hợp với giảm tải thời gian chung của bậc đại học hiện nay (giảm tổng thể chương trình đào tạo từ 4-6 năm còn 3-5 năm). Mâu thuẫn này phải được khắc phục trên cơ sở biên soạn nội dung của môn học kết hợp với việc quản lý giảng dạy, học tập, đổi mới nội dung giảng dạy và đề cao yêu cầu tự học tập, tự nghiên cứu của sinh viên.

Chương trình LLCT cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 5 môn học: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị

Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương trình LLCT cho sinh viên chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 5 môn học trên với số lượng tín chỉ phải nhiều hơn và chuyên sâu hơn so với khối không chuyên ngành. Bố trí thời gian cho việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển, các học thuyết, lý thuyết mới, các vấn đề của thế giới đương đại. Nội dung của môn học phải lựa chọn những vấn đề khoa học, cốt lõi có giá trị, sát với thực tiễn, với bối cảnh tình hình hiện nay, gắn với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Tính liên thông của các môn học phải thiết kế sao cho tránh trùng lặp giữa các cấp học, bậc học và sau khi tốt nghiệp đại học, trình độ LLCT của người học tương đương với trình độ sơ cấp LLCT và là cơ sở, điều kiện để học tiếp trung cấp và cao cấp LLCT. Đổi mới nội dung giảng dạy LLCT phải đảm bảo nguyên tắc giáo dục, không phải là phủ nhận nội dung trước đây, mà là tiếp tục khẳng định những nội dung đúng, loại bỏ những vấn đề không còn phù hợp, bổ sung nhận thức mới, đáp ứng nhu cầu của bối cảnh mới. Đổi mới nội dung là cung cấp tri thức mới, cách luận giải mới cho những môn học vốn bị coi là khô khan, để chúng được làm mới bằng các tri thức bổ sung từ chính thực tiễn.

Tại các trường đại học mà NCS nghiên cứu, sự tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, sự bùng nổ thông tin qua Internet, các mạng xã hội; sự du nhập ào ạt các trào lưu văn hóa, quan niệm sống lai căng cùng với sự chống phá, lôi kéo từ hệ tư tưởng thù địch với những sản phẩm mang danh văn hóa đã khiến một bộ phận sinh viên chạy theo lối sống thực dụng, không có ý chí vươn lên hoàn thiện bản thân. Xuất hiện “Nhiều biểu hiện tiêu cực trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo làm cho xã hội lo lắng như sự suy thoái đạo lý trong quan hệ thầy trò, bè bạn, môi trường sư phạm xuống cấp; lối sống thiếu lý tưởng, hoài bão, ăn chơi, nghiện ma túy, tệ nạn xã hội...ở một bộ phận học sinh, sinh viên; việc coi nhẹ giáo dục đạo đức, thẩm mỹ và coi nhẹ các bộ môn chính trị, khoa học xã hội và nhân văn” [35, tr.47]. Đảng ta nhận định: “Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ” [38, tr.125]. Chính vì thế tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên là giải pháp cần thiết, điều kiện căn cốt để định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không dừng lại ở

những nhận thức cảm tính mà phải chuyển hoá thành tình cảm, ý chí, niềm tin chính trị, động cơ và hành động, tạo cơ sở cho sinh viên nhận biết và xử lý kịp thời, linh hoạt những vấn đề phức tạp trong cuộc sống, trong học tập, sinh hoạt hàng ngày. Đây cũng là điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên hiện nay. Khi có niềm tin chính trị, họ sẽ xác định đúng nhu cầu TTCT, sẽ biết nội dung TTCT mình cần quan tâm, biết chọn lựa thông tin, biết phân tích và chiếm lĩnh nội dung các thông tin đó theo lập trường mang tính Đảng.

Để tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, các trường cần nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên LLCT. Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để họ luôn cập nhật thông tin về các sự kiện chính trị xã hội trong đời sống, trong nước và thế giới, có khả năng phân tích và định hướng cho nhu cầu tiếp nhận TTCT của sinh viên. Chính họ cũng sẽ tạo ra sự đa dạng trong phương thức tiếp nhận TTCT để thỏa mãn nhu cầu chính đáng của sinh viên thông qua những buổi học chính khóa trên giảng đường hay ngoại khóa thông qua các hoạt động bổ ích dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chính đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập đóng vai trò quan trọng trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, nên cần “chăm sóc đến đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập là những người luôn gần gũi với sinh viên” [PVS.8, PL2], tư vấn cho sinh viên hiệu quả nhất về TTCT. Từ tư vấn của họ, sinh viên sẽ biết chọn lựa phương tiện truyền thông nào để tiếp nhận TTCT, tự tin chọn lọc thông tin qua mạng xã hội một cách chủ động, chọn lựa đối tượng giao tiếp phù hợp với nhu cầu TTCT của mình, đáp ứng và kích thích nhu cầu TTCT chính đáng của mình.

3.2.3.2. Bổ sung, cập nhật những nội dung trong thực tiễn đời sống chính trị- xã hội cho sinh viên

Đổi mới nội dung giảng dạy LLCT phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản, có tính nguyên tắc, phải bám sát quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, nội dung phải đi vào những vấn đề cơ bản, trọng tâm, phù hợp với xu thế của thời đại, bám sát thực tiễn. Không thể phủ nhận giá trị của tri thức khoa học được tích lũy trong lịch sử, nhưng cũng phải chú trọng đến tính mới, tính thời sự của những thông tin chính trị xã hội trong hoạt động giảng dạy LLCT. Bám sát quan điểm,

chủ trương, đường lối của Đảng là phải thường xuyên quan tâm đời sống chính trị xã hội, triển khai kịp thời quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào nội dung giảng dạy LLCT, bổ sung các luận điểm mới, soi chiếu vào thực tiễn để phân tích, luận giải các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các trường đại học phải căn cứ vào nội dung của Nghị quyết Đảng để xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cập nhật bổ sung, hoàn thiện chương trình. Giáo trình giảng dạy LLCT phải sát với từng đối tượng cụ thể, khai thác và truyền tải nội dung phù hợp với đặc điểm đối tượng và tính đặc thù của người học, làm tăng khả năng ứng dụng vào hoạt động thực tiễn của người học trên cơ sở đảm bảo thống nhất giữa tính lý luận và thực tiễn, đảm bảo định hướng chính trị.

Trong đổi mới nội dung giảng dạy LLCT, cần cung cấp thông tin thời sự cho sinh viên về các thiết chế chính trị, các sự kiện chính trị thế giới, thể chế chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Để làm cho TTCT thỏa mãn nhu cầu của sinh viên, nội dung TTCT có thể đưa ra mô hình chính trị của các nước trên thế giới để sinh viên phân tích, so sánh. Có thể thấy sự tương đồng và khác biệt trong thiết chế chính trị phương Đông và phương Tây. Có thể cung cấp những thông tin thời sự trong nước và quốc tế; thông tin về dịch bệnh, thiên tai; thông tin về chính sách quản lý; thông tin về đường lối lãnh đạo của Đảng; về các hoạt động của chính quyền, đoàn thể, về các vấn đề an sinh xã hội, các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền. Đây là những nội dung thời sự được sinh viên quan tâm, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, kích thích nhu cầu mới ở tầng sâu hơn. Sinh viên tiếp nhận bằng tình cảm, dùng lý trí phân tích, mở rộng thông tin, biến thành động cơ tư tưởng, ý chí hành vi của mình.

Sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội rất quan tâm đến các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Thủ đô, vì thế các trường đại học nên đưa vào giảng dạy thêm môn Việt Nam học, môn Hà Nội học. Đây là những môn học lý thú, cung cấp cho sinh viên nhiều TTCT mà họ quan tâm, nhưng lại chưa có mặt trong các môn được học. Những môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên thông tin về lịch sử văn hóa Việt Nam từ góc độ chính trị, cung cấp các yếu tố về văn hóa xã hội của Thủ đô có tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên các

trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Cần tích cực giáo dục truyền thống lịch sử Việt Nam, lịch sử Hà Nội cho sinh viên như là một nội dung TTCT, một phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT hiện nay, cung cấp những thông tin lịch sử, văn hóa xã hội cho sinh viên góp phần nâng cao kiến thức, hình thành ý thức trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn, bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử. Đó là nguồn kiến thức quan trọng, phương tiện trực quan quý giá giúp hình thành nhân cách, lý tưởng sống cho sinh viên. Những giá trị lịch sử truyền thống quý báu đó giúp sinh viên có lòng tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo và linh hoạt của Đảng. Đây cũng là nội dung quan trọng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay. Cần lồng ghép nội dung những ngày lễ lớn, kỷ niệm ngày sinh/mất của các anh hùng dân tộc, những nhà lãnh tụ lớn của đất nước vào mỗi bài giảng ở từng môn học, phần học một cách sáng tạo, phù hợp và thực hiện tốt kỹ năng sư phạm. Đây cũng là hoạt động góp phần giáo dục đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, là đổi mới nội dung giảng dạy LLCT tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay.

Các trường cần tăng cường cung cấp cho sinh viên tri thức về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua nội dung giáo dục và các hoạt động tại trường. Đối với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại học Phòng cháy, chữa cháy; Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội hiện nay, tri thức chính trị được hình thành chủ yếu bằng nỗ lực của bản thân trong quá trình trong học tập và nhận thức lý luận chính trị tại nhà trường; thông qua hoạt động chính trị trong xã hội. Nhu cầu TTCT của sinh viên không những được thể hiện nhận thức đúng những biến động chính trị xã hội, xử lý đúng các quan hệ chính trị, mà còn được thể hiện ở khả năng nhận rõ những giá trị chính trị trên nhiều lĩnh vực xã hội trong cuộc sống. Vì vậy, giáo dục đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thực chất là đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Khi đó sinh viên không chỉ quan tâm mà còn tích cực hưởng ứng những phong trào do Đảng, Nhà nước phát động, nghiêm túc thực thi Hiến pháp và chính sách pháp luật của Nhà nước, hưởng ứng mạnh mẽ các phong trào do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phát động. Khi niềm tin được củng cố vững chắc, sinh viên sẽ biến tình cảm, niềm tin

thành hành động chính trị, thể hiện trách nhiệm của mình khi tham gia các hoạt động chính trị, xã hội phù hợp với khả năng và trình độ của mình.

3.2.4. Đổi mới phương pháp đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên

3.2.4.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy trên giảng đường

Phương pháp là “hệ thống các nguyên tắc vận dụng những nguyên lý, lý luận phản ánh hiện thực khách quan, nhằm chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người...” [61, t3, tr.515]. Phương pháp là cách thức, chuẩn mực, quy trình giúp cho con người hành động để đạt mục đích đã định, vừa mang tính chủ quan, vừa mang tính khách quan, là cách thức với quy luật vận động nội tại của tư duy, phản ánh quy luật vận động của đối tượng khách quan, được con người sử dụng có ý thức. Theo đó, phương pháp giảng dạy là hệ thống cách thức tác động của giảng viên đối với sinh viên, dựa trên tính quy luật của các quá trình nhận thức, nhằm thực hiện mục đích của giảng dạy. Đó là con đường, là cách thức chuyển tải nội dung giảng dạy đến người học, tác động đến lý trí và tình cảm người học để nâng cao hiểu biết, từ đó thay đổi thái độ, hành vi của sinh viên. Phương pháp giảng dạy khoa học sẽ giúp giảng viên và sinh viên phát huy hết khả năng của mình trong tiếp nhận TTCT và phát triển tư duy, làm thay đổi vai trò của người thầy, tạo nên sự hứng thú, say mê và sáng tạo của sinh viên trong nhu cầu TTCT. Đối tượng sẽ có sự độc lập, chủ động, sáng tạo đối với tác động của chủ thể, tác động trở lại đối với giảng viên, đòi hỏi giảng viên phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện phương pháp giảng dạy nhằm cung cấp thông tin, đáp ứng và kích thích nhu cầu TTCT của mình.

Tại các trường đại học mà NCS khảo sát, giảng viên đang sử dụng các phương pháp cơ bản: thuyết trình kết hợp phương pháp quy nạp; phát vấn kết hợp với trực quan; dạy học nêu vấn đề; dạy học cùng tham gia; thảo luận nhóm; sermina....Đội ngũ giảng viên đang có nhiều nỗ lực để áp dụng phương pháp hiện đại, kết hợp các phương tiện hỗ trợ giảng dạy, vận dụng linh hoạt, áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp ứng dụng các phương tiện công nghệ hiện đại: phương pháp Chuyên gia, Sàng lọc, Lấy ý kiến ghi lên bảng, Hỏi đáp, Bể cá vàng...Gần đây các giảng viên thường sử dụng phương pháp dạy học mới đó là Lớp học đảo ngược. Giáo viên sẽ ghi âm, ghi hình hoặc chuẩn bị nội dung bài giảng và đưa lên Internet. Sinh viên xem, nghe bài giảng trước khi đến

lớp. Có thể làm một số bài tập đơn giản ngay tại nhà. Sinh viên có thể thảo luận với nhau và với giáo viên online. Thời gian ở lớp sẽ được dùng cho sinh viên thảo luận, trình bày sự tìm hiểu của mình và thực hiện các nhiệm vụ phức tạp hơn. Điều này giúp sinh viên học sâu hơn, họ trở thành trung tâm của lớp học, giảng viên đóng vai trò quan sát, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, dành thời gian để hỗ trợ nhiều hơn cho các sinh viên cần hỗ trợ. Cần “tăng cường phương pháp thảo luận nhóm, TTCT giúp em nhận thức các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội đầy đủ hơn; trưởng thành về văn hóa ứng xử, biết chia sẻ và hợp tác. Đây là chương trình theo hướng mở, phát huy phẩm chất và năng lực người học khiến sinh viên rất hứng thú, kích thích nhu cầu TTCT của sinh viên. Chương trình mới được thiết kế với 30% thời lượng thảo luận, 70% lý thuyết, sinh viên có nhận thức lý luận sâu sắc hơn, đi vào thực chất của vấn đề, từ đó đạt kết quả cao trong học tập. Ngoài ra, chương trình được thiết kế theo hình thức đào tạo tín chỉ. Sinh viên chủ động thiết kế kế hoạch học tập cho mình, được quyền lựa chọn tiến độ học tập thích hợp với khả năng, sở trường và hoàn cảnh riêng. Cùng với việc trao quyền chủ động cho sinh viên, học chế tín chỉ cũng đòi hỏi sinh viên chủ động trong việc học, nhu cầu TTCT ngày càng được nâng cao” [PVS.12, PL2].

Việc kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp giúp hoạt động giảng dạy sinh động, phong phú hơn với nhiều tình huống, để giảng viên và sinh viên thảo luận làm rõ các nội dung nghiên cứu, tăng cường đối thoại giữa giảng viên và sinh viên, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo. Cách thức này thực sự đã tạo ra động lực để nâng cao tính năng động, tích cực, sáng tạo của người học, chính là ưu thế phương pháp giảng dạy tích cực mang lại nhằm đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Tuy nhiên kế thừa có sáng tạo và cải tiến các phương pháp giảng dạy truyền thống để thích ứng với điều kiện giảng dạy mới nhằm đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên cũng là cách đổi mới, trên cơ sở đánh giá từng phương pháp, lọc thô lấy tinh, giữ lấy những gì có giá trị của các phương pháp cũ, cải tạo nó cho phù hợp với điều kiện mới. “Với đặc thù của môn LLCT, giáo viên cần tạo điều kiện cho sinh viên cơ hội được nói, bày tỏ, thể hiện quan điểm, chính kiến của mình bằng nhiều hình thức khác nhau. Thảo luận nhóm là phương pháp hiệu quả, để sinh viên có dịp bày tỏ quan điểm của họ về một vấn đề nào đó. Với phương pháp này, giáo viên là người tổ chức và thiết kế hoạt động,

thành lập các nhóm, đề ra nhiệm vụ của từng nhóm, đồng thời là người điều hành, giám sát, hướng dẫn các nhóm tự nghiên cứu, hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình. Giáo viên còn là người chủ trì hoạt động thảo luận chung toàn lớp và tổng kết, gợi ý định hướng kiến thức cho sinh viên. Tương ứng với các hoạt động trong một giờ dạy như: Khởi động, khám phá, vận dụng, tổng kết, giáo viên thiết kế trò chơi học tập phù hợp. Ví dụ với hoạt động khởi động, giáo viên có thể tổ chức trò chơi đoán chữ dựa trên những hình ảnh/ đoạn nhạc... để sinh viên tìm ra từ khóa. Từ khóa này phù hợp với kiến thức của bài học để dẫn nhập vào bài” [PVS.14, PL2],

Trong giảng dạy, phương pháp thuyết trình vẫn có một vị trí quan trọng, là phương pháp nền tảng trong quá trình cung cấp TTCT cho sinh viên. Nó chỉ lỗi thời nếu thuyết trình suông, nên cần làm mới nó bằng cách kể thừa có sáng tạo, bổ sung, kết hợp nhiều phương pháp dạy học trong cùng một đối tượng, một nội dung, tạo sự hứng thú học tập cho sinh viên. Cần kết hợp đổi mới phương pháp giảng dạy với nội dung trong chương trình, phù hợp với trình độ, nhu cầu, tâm lý đối tượng. Sinh viên đa phần chưa trải qua thực tiễn, chưa có kinh nghiệm, nhưng quá trình nhận thức, lĩnh hội TTCT lại rất nhanh. Trong học tập, họ thường có xu hướng thích tranh luận. Giảng viên cần chú trọng soạn bài giảng, chuẩn bị tốt những nội dung cốt lõi mà sinh viên ghi nhớ ngay trong buổi học, tránh dàn trải nội dung. Việc “neo chốt” sau từng nội dung cần được chú trọng, bằng nhiều hình thức như hình ảnh, sơ đồ hóa, video, chốt lại các ý chính để sinh viên nắm bắt, ghi nhớ tại chỗ nội dung bài học cũng là cách đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

3.2.4.2. Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Đổi mới phương pháp Seminnar, viết tiểu luận trong giảng dạy khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, để sinh viên phải chủ động suy nghĩ trong giờ học, giúp sinh viên huy động tối đa năng lực tích cực tư duy của mình trong trong học tập LLCT cũng chính là để đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Đổi mới phương pháp ôn tập, kiểm tra, thi hết học phần nhằm đánh giá chất lượng học tập các môn LLCT. Việc kiểm tra, ôn luyện cần phải được duy trì thường xuyên thông qua kết thúc các buổi học, giảng viên cần khái quát, chốt lại những kiến thức cơ bản của môn học để sinh viên tự ôn luyện tại nhà; giảng viên có thể biên

soạn lại phần hướng dẫn ôn tập cho phù hợp với đặc thù của trường mình; thi kết thúc học phần môn học có thể đổi mới bằng hình thức thi trắc nghiệm để tránh sinh viên học tủ, học vẹt. Với cách tiếp cận môn học từ nhiều hình thức khác nhau tạo cho sinh viên hứng thú, niềm say mê, có cái nhìn tổng thể và sâu sắc hơn đối với khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cùng với việc đổi mới phương pháp giảng dạy để động viên, khuyến khích sinh viên tích cực tự giác học tập, rèn luyện, các trường đại học cần xây dựng một cơ chế kiểm tra, đánh giá. Mỗi trường đại học, mỗi khoa chủ quản cần phải tích cực trong việc đổi mới, kiểm tra, đánh giá bằng những hình thức đa dạng, phù hợp để sinh viên tăng cường tinh thần tự giác học tập, tự giác rèn luyện, chứ không chỉ bằng những giờ học ở trên lớp. Trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên, cần đưa nội dung TTCT vào chuẩn đầu ra, thành tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên, hướng tới trở thành tiêu chí trong tuyển dụng công chức, viên chức, người lao động, góp phần minh bạch trong cơ chế sử dụng nguồn lao động sau khi sinh viên ra trường. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn chương trình đào tạo cho các lĩnh vực và ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Theo đó, chuẩn đầu vào của giáo dục đại học phải xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra của giáo dục đại học phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về những hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực và ngành đào tạo. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học. Nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình

để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

3.2.4.3. Tăng cường hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, đưa sinh viên vào hoạt động thực tiễn để kích thích, định hướng nhu cầu TTCT

Bên cạnh học tập trung trên lớp, các trường cần đa dạng hóa các hình thức, phối kết hợp các hình thức, phương pháp, tăng cường hoạt động ngoại khóa, phát triển công nghệ thông tin... Đây là một biện pháp quan trọng để định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trong xã hội bùng nổ thông tin như ngày nay. Hoạt động ngoại khóa thường được hiểu là những hoạt động được tổ chức ngoài giờ học chính khóa, mang tính chất tự nguyện hơn là bắt buộc. Thực tế hoạt động ngoại khóa là sự tiếp nối hoạt động dạy - học trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hành động của sinh viên, là việc tổ chức giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn như hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, văn hóa văn nghệ, thẩm mỹ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí... “Hoạt động ngoại khóa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung những kỹ năng và kinh nghiệm sống cho sinh viên, giúp họ có nhận thức và kỹ năng tốt trong tiếp nhận thông tin, đáp ứng nhu cầu TTCT của mình”[PVS.9, PL2]. Có thể nói hoạt động ngoại khóa là nơi sinh viên thể hiện bản thân mình, khẳng định vị trí của mình và xác định phương hướng phát triển trong tương lai. Tham gia các hoạt động ngoại khóa là cách để sinh viên có thêm tri thức thực tiễn, giúp sinh viên thể hiện đúng con người của mình với những thể mạnh, sở trường, hứng thú, đam mê... Ngoài ra, hoạt động ngoại khóa còn củng cố vững chắc những kiến thức đã được học trên giảng đường, để từ đó tiếp tục hình thành và phát triển năng lực: năng lực tự hoàn thiện, năng lực thích ứng, năng lực giao tiếp, năng lực hoạt động chính trị - xã hội, khả năng quản lý, đánh giá TTCT mình đã tiếp nhận.

Hà Nội là bảo tàng lịch sử văn hóa nên các hoạt động ngoại khóa sẽ giúp sinh viên có cơ hội tìm hiểu môi trường học tập mới thông qua hoạt động khám phá về Hà Nội, tham gia các buổi nói chuyện về định hướng tương lai với các thầy cô giáo nhiều kinh nghiệm. Từ đây sinh viên sẽ thấy thoải mái hơn trong môi trường học tập mới, hiểu biết về cách tiếp cận của giáo dục bậc đại học, bước đầu làm quen với những giá trị căn bản của văn hóa chính trị để có định

hướng nhu cầu TTCT đúng. Tham gia các hoạt động dã ngoại, sinh viên được rèn luyện những kỹ năng làm việc nhóm, thể hiện tinh thần đoàn kết, có ý thức hoàn thành công việc đạt kết quả cao. Với chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh hay Hiến máu nhân đạo, sinh viên sẽ có cơ hội phát triển những giá trị về tâm hồn, hoàn thiện nhân cách, biết sẻ chia và có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng thông qua việc giúp đỡ người dân tại những vùng còn nhiều khó khăn, hiến máu cứu người mang những giọt máu nghĩa tình đến với những bệnh nhân từng ngày đang giành lấy sự sống. Hoặc là tổ chức những chương trình văn nghệ - thể dục thể thao như: Tìm kiếm tài năng sinh viên; Văn hóa học đường, giao lưu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,... Đây là nơi để sinh viên thể hiện bản lĩnh, sự tự tin của mình, những hoạt động này giúp sinh viên mở rộng các mối quan hệ, giao lưu và học hỏi nhiều điều hay từ những người bạn xung quanh. Không chỉ vui chơi trong môi trường lành mạnh, sinh viên còn bổ sung, hoàn thiện những kiến thức được học trên lớp thông qua các những buổi trao đổi, trò chuyện với các chuyên gia uy tín trong từng lĩnh vực, những chuyến đi thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất, tuần lễ định hướng nghề nghiệp cho sinh viên với chuỗi các hoạt động hướng nghiệp, giao lưu với các doanh nhân, chuyên gia kinh tế, được các nhà tuyển dụng trực tiếp phỏng vấn... Hoạt động này là điều kiện định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên.

Hoạt động ngoại khóa của sinh viên Đại học Phòng cháy chữa cháy mang tính đặc thù; không chỉ là giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ngoài giờ lên lớp mà sinh viên còn phải tham gia các hoạt động ngoại khóa từ 16g00 đến 17g00 thứ 3 và thứ 5 hàng tuần. Qua tổ chức các hoạt động ngoại khóa đã góp phần nâng cao sức khỏe, khả năng phối hợp, hiệp đồng, giúp đỡ nhau trong quá trình học tập rèn luyện tại nhà trường. Đây là mô hình cần được áp dụng tại các trường khác, vì việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa không chỉ là sân chơi giúp sinh viên giảm bớt căng thẳng, tạo tinh thần thoải mái sau giờ học chính khóa mà còn giúp họ nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tăng cường đoàn kết, cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ khóa học. Các trường cũng nên tăng cường tổ chức các buổi nói chuyện, mời các chính trị gia hoặc các báo cáo viên, tuyên truyền viên nói chuyện thời sự. Tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề để sinh viên nói cho sinh viên nghe, tạo không khí dân chủ. Tăng cường các kênh thông tin chính thống của trường, sử dụng mạng xã hội thông minh cũng là cách để sinh viên có được TTCT

đúng, không bị lôi kéo bởi nạn tin giả, tin rác trên mạng xã hội, không bị lôi kéo bởi thông tin xấu từ các thế lực thù địch.

3.2.4.4. Tăng cường sức mạnh của công nghệ thông tin

Đây là hướng đi của các trường để đáp ứng đúng nhu cầu TTCT của sinh viên. Ngày 14/10/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử. Thực hiện chủ trương này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thiện kiến trúc Chính phủ điện tử trong ngành giáo dục và đào tạo, được hiểu như một bản thiết kế hệ thống tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm trao đổi kinh nghiệm áp dụng công nghệ thông tin, tăng cường công tác quản lý, kết nối thông tin giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Các trường cần tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư, đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí và thời gian triển khai của cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong giáo dục, các trường đại học phải phát triển và theo kịp, chủ động đón nhận.

Trong những năm qua, các trường đại học đã tích cực triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, bước đầu đã xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục và đào tạo phục vụ thông tin quản lý giáo dục. Triển khai phần mềm quản lý trường học trực tuyến, kết nối nhà trường với phụ huynh, sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử,...Tham gia các hệ thống công nghệ thông tin dùng chung của ngành như: PCGD XMC, EMIS, EQMS, cũng đã triển khai quản lý hành chính điện tử (e-office); triển khai họp, tập huấn chuyên môn qua mạng, tích cực triển khai dịch vụ công trực tuyến (phục vụ sinh viên, giảng viên...Trong đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, vai trò của công nghệ thông tin càng thể hiện rõ. Tuy nhiên, việc này cần có lộ trình, cách thức thực hiện phù hợp. Trong thời gian tới, để thực hiện tốt hơn việc ứng dụng công nghệ thông tin trong ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, các trường cần nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên, cho đội ngũ cán bộ, giảng viên – nhất là cố vấn học tập, bởi nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin này có vai trò quyết định trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho

sinh viên. Ngoài ra, cần triển khai các lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin cho viên chức các phòng ban, cán bộ quản lý, bám sát nhu cầu ứng dụng trong công việc, đảm bảo chuẩn ứng dụng cơ bản, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, kỹ năng khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin trong nhà trường và đẩy mạnh phương thức tập huấn qua mạng. “Trong điều kiện phát triển rất nhanh của thông tin, truyền thông, cần triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, sinh viên trên môi trường mạng đến năm 2025”, được phê duyệt theo Quyết định số 3296/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo” ”[PVS.15, PL2].

Các trường đại học cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, những phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học của giảng viên và sinh viên, giúp cho sinh viên chủ động, tích cực, sáng tạo độc lập trong suy nghĩ, tìm tòi, trau dồi khả năng tư duy của sinh viên. Xây dựng các phòng học công nghệ với các bị hỗ trợ hoạt động dạy và học như máy tính được kết nối Internet, các phần mềm giảng dạy, máy chiếu Projecter, đầu đĩa DVD, tivi, hệ thống âm thanh, ánh sáng... nhằm giúp giảng viên từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy. Đây là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tư tưởng cho sinh viên trong các trường đại học, nâng cao sức đề kháng cho sinh viên, giúp họ biết lựa chọn những TTCT đúng.

3.2.5. Xây dựng môi trường văn hóa, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong phối hợp đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên

Trường đại học là một thiết chế xã hội quan trọng trong hệ thống giáo dục, môi trường văn hóa trong trường học có ý nghĩa lớn trong việc nâng cao trình độ nhận thức, nâng cao tri thức chính trị cho sinh viên, từ đó định hướng tích cực cho nhu cầu TTCT của sinh viên. Các trường đại học như Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại học Phòng cháy, chữa cháy Bộ Công an; Đại học Kinh doanh và Công nghệ đều nằm trên địa bàn Hà Nội, nơi có môi trường văn hóa thuận lợi cho nhu cầu TTCT của sinh viên, nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro nếu không được định hướng tốt. Để khắc phục những hạn chế và bất cập trên, các trường phải xây dựng môi trường văn hóa, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục sinh viên. Nhà trường cần tích cực thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua trong sinh viên, gắn phong

trào thi đua với nội dung xây dựng môi trường văn hóa, giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên. Tạo những sân chơi bổ ích, có sức thu hút mạnh đối với sinh viên như: Tổ chức các câu lạc bộ như CLB Triết học; CLB Tuyên truyền; CLB Truyền thông; CLB Sáng tạo khoa học...để sinh viên được rèn luyện trí tuệ và thể hiện kỹ năng, củng cố nhận thức và tình cảm trong nhu cầu TTCT, biến thành hành vi đúng định hướng.

Các trường đại học cần đề ra các Quy chế khen thưởng đối với những sinh viên có thành tích tốt trong việc học tập, rèn luyện theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kỷ luật những cá nhân có những biểu hiện vi phạm đạo đức, lối sống. Với những sinh viên tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, có kết quả tốt trong các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có thể coi đó là một tiêu chí quan trọng xét học cảm tình Đảng, tham gia bầu vào các Ban chấp hành Hội sinh viên, Đoàn Thanh niên...Các trường đại học trên địa bàn Hà Nội cũng hoạt động theo quy định tại Điều 18 trong Luật giáo dục: “Trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Trường của lực lượng vũ trang nhân dân có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân quốc phòng; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước về nhiệm vụ và kiến thức quốc phòng, an ninh.” [91]. Các trường đại học không chỉ có nhiệm vụ đào tạo chuyên môn, mà còn phải chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống; giáo dục con người toàn diện vì trong bối cảnh hiện nay, nguồn lực con người là “nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc” [39, t2, tr.325] theo quan điểm của Đảng ta.

Để đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, các trường đại học cần tăng cường xây dựng môi trường văn hóa, đầu tư các điều kiện hỗ trợ như: nhà truyền thống, thư viện điện tử, phòng học công nghệ, các phương tiện, giáo cụ trực quan như tranh ảnh, sơ đồ, phim tư liệu...phục vụ cho giảng dạy, học tập, sinh hoạt. Các trường cần xây dựng tủ sách bao gồm các tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V. Lênin, Hồ Chí Minh, các công trình nghiên cứu về tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp cách mạng Hồ Chí Minh của các học giả trong và ngoài nước. Tủ sách kinh điển này là nguồn tài liệu chính thống, phong phú giúp cho việc học

tập, nghiên cứu để định hướng nhu cầu TTCT của mình theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng. Thiết kế các băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về văn hóa Đảng, về tư tưởng Hồ Chí Minh, về văn hóa học đường trong nhà trường. Những băng rôn, khẩu hiệu này thường là những đoạn trích trong các Nghị quyết của Đảng, trong các bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh hàm chứa các giá trị sâu sắc. Những khẩu hiệu tuyên truyền này để ở khuôn viên nhà trường, ký túc xá, trong lớp học hàng ngày tác động đến trực giác sinh viên và dần tạo thành tình cảm, mục tiêu, phương châm sống trong quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên, giúp sinh viên có được nhận thức đúng đắn trong nhu cầu TTCT của bản thân.

Các trường đại học cần phát huy tốt vai trò của Nhà truyền thống của nhà trường trong việc đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên thông qua hoạt động nghiên cứu và giáo dục bằng hiện vật, hình ảnh, tư liệu. Đó là con đường đi từ nhận thức đến tác động và hình thành, hoàn thiện nhân cách sinh viên. Với những hình ảnh và hiện vật được trưng bày trong nhà truyền thống, sinh viên có thể nhận thức một cách tổng thể, khái quát về quá trình hình thành và phát triển của nhà trường, sinh viên tự hào về nhà trường để rồi suy nghĩ về trách nhiệm của bản thân mình với nhà trường, với nhân dân, với xã hội, từ đó điều chỉnh hành vi của mình trong hiện tại và tương lai. Phòng truyền thống của trường Đại học Bách khoa hay của Đại học Phòng cháy, chữa cháy cũng chính là nơi nhà trường nơi lưu giữ các hiện vật lịch sử, nơi trưng bày những hiện vật liên quan đến quá trình hình thành và phát triển. Đây là nơi để giáo dục đạo đức cách mạng, giáo dục lý tưởng để đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các trường đại học cần chú trọng đẩy mạnh công tác sưu tầm, bảo quản các tài liệu, hiện vật, tranh ảnh và duy trì hoạt động thường xuyên của phòng truyền thống, thu hút đông đảo sinh viên đến tham quan, tìm hiểu truyền thống, lịch sử của nhà trường. Theo khảo sát thực tế, hơn 70% sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho rằng phòng truyền thống của trường mình đã đáp ứng yêu cầu cho nhu cầu TTCT của sinh viên. Vì thế, các trường nên nâng cao hơn nữa vai trò của thiết chế văn hóa đặc thù này.

Đi đôi với việc phát triển mạng xã hội cần phải có sự quản lý, định hướng của các cơ quan chức năng để mạng xã hội trở thành công cụ hữu hiệu trong nhu cầu TTCT của sinh viên. Một khi sinh viên tự miễn dịch với virus độc hại từ mạng

xã hội, sức đề kháng của sinh viên sẽ tăng cao, họ sẽ biết thỏa mãn và kích thích đúng nhu cầu TTCT của mình. Đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó có vai trò quan trọng của các trường đại học. Bởi vì trường đại học với tư cách là một tổ chức chuyên nghiệp được giao trọng trách đào tạo và giáo dục sinh viên theo một kế hoạch chương trình định sẵn, với một nội dung khoa học đã được chọn lọc kỹ càng, cùng với những trang thiết bị kỹ thuật đặc thù phục vụ cho công tác giáo dục đào tạo do các nhà sư phạm đảm nhiệm, giữ vị trí chủ đạo trong đáp ứng đúng và đủ nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các trường cần “đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng thông qua các phương tiện thông tin, truyền thông. Cần xây dựng chuyên trang, chuyên mục, hình ảnh, video clip tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên trên mạng xã hội, website của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, các khoa, phòng, ban chức năng, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tuyên truyền, định hướng tư tưởng chính trị cho sinh viên thông qua các diễn đàn trên Internet, mạng nội bộ, trang thông tin (Fanpage), nhóm (Group, Confession) trên mạng xã hội. Bên cạnh đó, cần tổng hợp các bài viết, hình ảnh, thông tin tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng từ nguồn tin chính thống tại các trang thông tin, cơ quan báo chí của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội ở Trung ương và địa phương để chia sẻ đến sinh viên thông qua môi trường mạng; tuyên truyền, giáo dục thông qua email, điện thoại, tin nhắn viễn thông” [PVS.15, PL2].

Cần tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội như là điều kiện tích cực để đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình, để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không tốt. Giáo dục là việc chung của gia đình, trường học và xã hội. Kết quả giáo dục tùy thuộc rất nhiều vào sự tham gia tích cực, sự giúp đỡ thiết thực và sự giác ngộ về trách nhiệm đối với giáo dục của các ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng như của cha mẹ học sinh và của các lực lượng xã hội. Vì thế các trường đại học phải liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục gia đình, nhà

trường và xã hội, tăng cường phối hợp giữa ba môi trường giáo dục trên nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động tích cực đến quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên, định hướng và đáp ứng tốt cho nhu cầu TTCT của sinh viên.

Sự cần thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ là điều Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, vì mỗi một môi trường đều có thế mạnh và thuận lợi riêng, những ưu thế đó chỉ được phát huy triệt để khi được kết hợp với nhau nhằm bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Nhà trường cần gửi kết quả học tập, rèn luyện định kỳ hàng năm về cho gia đình; kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên được đưa lên mạng Internet trên các trang Web của nhà trường, mở các diễn đàn để phụ huynh tham gia cùng nhà trường giáo dục sinh viên. Gia đình phải quan tâm giáo dục con cái, thường xuyên liên lạc với nhà trường để nắm bắt tình hình học tập, sinh hoạt của con em vừa tìm hiểu nội dung, hình thức giáo dục của nhà trường, cùng phối hợp với nhà trường giúp các em có được nhu cầu TTCT đúng đắn và được thỏa mãn nhu cầu đó. Sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức chính trị, đoàn thể tại địa phương thông qua các hoạt động xã hội như tuyên truyền giáo dục pháp luật, tìm hiểu lịch sử, truyền thống địa phương, giao lưu văn hóa, văn nghệ... cũng cần được các trường tăng cường thực hiện.

3.2.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường, quản lý mạng xã hội nhằm định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên

Kiểm tra, giám sát là chức năng quan trọng của các trường đại học, cũng là công cụ sắc bén góp phần nâng cao hiệu quả định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Việc kiểm tra, xem xét, đánh giá, giám sát các hoạt động giáo dục, điều kiện dạy và học của các chủ thể giáo dục trong phạm vi nhà trường với quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động giáo dục cho sinh viên nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động giáo dục diễn ra đúng yêu cầu, điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên được tạo lập tốt. Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo tính định hướng chính trị nhu cầu TTCT của sinh viên, trong nhận thức và hoạt động của sinh viên, nắm bắt chính xác các thông tin về nhu cầu TTCT của sinh viên cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu TTCT của sinh viên, để từ đó tìm ra nguyên nhân và đề ra giải pháp kịp thời, hiệu quả đáp ứng và kích thích nhu cầu đó. Mục đích của việc

kiểm tra, giám sát là xem xét các chủ thể giáo dục có nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo, các chủ trương của nhà trường đối với hoạt động giáo dục này; xem xét những khó khăn vướng mắc để có những điều chỉnh kịp thời trong hoạt động giáo dục, đồng thời xử lý những sai phạm cũng như kịp thời biểu dương những cá nhân, tập thể có thành tích trong định hướng nhu cầu TTCT chính đáng cho sinh viên. “Để việc kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường phát huy hiệu quả, hoạt động kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, liên tục; kế hoạch kiểm tra phải được xây dựng ngay từ đầu năm học, nội dung và lộ trình phải phù hợp với điều kiện, yêu cầu của nhà trường, công tác kiểm tra phải được tiến hành toàn diện, đầy đủ” [PVS.9, Phụ lục 2].

Các phòng, Ban trong nhà trường, đặc biệt là phòng Đào tạo cần phát huy vai trò của mình trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình đào tạo, xem các chủ thể giáo dục có đảm bảo các yêu cầu của hoạt động giảng dạy, giáo dục cho sinh viên không; trong quá trình giảng dạy có phát sinh vấn đề gì về nhu cầu TTCT không. Các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong nhà trường cũng cần phát huy vai trò kiểm tra, giám sát việc rèn luyện đạo đức, lối sống của sinh viên thông qua các hoạt động thực tiễn, trong sinh hoạt đoàn thể, xác định đúng nội dung, phương thức nhu cầu TTCT để lựa chọn phương án, điều kiện đáp ứng. Đội ngũ giảng viên là những chủ thể trực tiếp đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, tham gia kiểm tra nhu cầu TTCT thông qua hoạt động giáo dục. Giám sát, kiểm tra nhu cầu TTCT của sinh viên có thể được tiến hành qua các hoạt động chính trị - xã hội như tổ chức cho sinh viên tham gia các cuộc thi về Đảng, về Bác Hồ, các cuộc thi Olympic các môn; thi tìm hiểu Nghị quyết, pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu truyền thống, tham gia phong trào chống tệ nạn xã hội, tham gia tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong nhân dân... Các hoạt động này giúp sinh viên có điều kiện thực hiện các hoạt động thực tiễn ngay trong trường đại học, qua đó củng cố tình cảm, niềm tin trong nhu cầu TTCT để hướng tới xây dựng lý tưởng chính trị cao đẹp cho mình. Thông qua các cuộc thi, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường nắm bắt được năng lực và nhận thức của sinh viên về sự kiện chính trị, nhu cầu tiếp nhận TTCT của sinh viên. Từ thực tiễn đó, nhà trường sẽ có những uốn nắn, bổ sung kịp thời để nhu cầu TTCT của sinh viên được đáp ứng tốt nhất.

Các hình thức tổ chức các hoạt động phải bảo đảm lôi cuốn được đông đảo sinh viên tham gia, các hình thức tổ chức phải phong phú và mang ý nghĩa chính trị. Nếu được tổ chức thường niên, định kỳ sẽ tạo không khí tham gia tích cực, thu hút đông đảo sinh viên tham gia, sẽ khơi dậy được ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với giá trị văn hóa truyền thống thông qua các sinh hoạt cộng đồng, tính chủ động sáng tạo sẽ được phát huy. Nhà trường vừa theo dõi giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện; vừa kịp thời phát hiện, có những hình thức biểu dương khen thưởng xứng đáng đối với những trường hợp tích cực, tự giác trong nhu cầu TTCT; kịp thời nhắc nhở, uốn nắn sinh viên khi bị lôi kéo vào những biểu hiện lệch lạc của diễn biến hòa bình, tự mình diễn biến, tự chuyển hóa tư tưởng, tìm kiếm những thông tin xuyên tạc chế độ, chống lại Đảng ta. “Để việc kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường phát huy hiệu quả, hoạt động kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, liên tục; kế hoạch kiểm tra phải được xây dựng ngay từ đầu năm học, nội dung và lộ trình phải phù hợp với điều kiện, yêu cầu của nhà trường, công tác kiểm tra phải được tiến hành toàn diện, đầy đủ” [PVS.9. Phụ lục 2].

Các trường đại học cần có phương pháp, hình thức đánh giá nhu cầu và điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên một cách hiệu quả, tránh đánh giá hình thức dẫn đến nhiều bất cập trong giáo dục sinh viên. Hiện nay việc đánh giá nhu cầu TTCT của sinh viên đang được áp dụng nhiều phương pháp, phương tiện hiện đại: sử dụng mạng internet, mạng xã hội để điều tra, sử dụng các phần mềm để xử lý và phân tích các số liệu, đo lường nhu cầu TTCT của sinh viên thông qua nghiên cứu trường hợp... Trường đại học Bách khoa Hà Nội mỗi năm đều lựa chọn một số sinh viên có tính đại diện để tiến hành điều tra, đánh giá nhu cầu TTCT qua sự chuyển biến về nhận thức, thái độ và hành vi sau tác động của nhà trường, thường là sau khi sinh viên kết thúc đợt học các môn lý luận chính trị chung. Đây là phương pháp đánh giá mang tính chất định tính, khi đánh giá có thể lựa chọn điển hình ở các mức độ khác nhau để nghiên cứu. Tuy nhiên vì lựa chọn các trường hợp điển hình nên tính chính xác của nhu cầu TTCT không cao, vì thế các điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên cũng chưa thật sự hiệu quả. Trường đại học Bách khoa Hà Nội kiểm tra, giám sát nhu cầu TTCT của sinh viên theo cách khác, đó là chọn một số đối tượng ngẫu nhiên hoặc một số tập thể

trong toàn bộ các đối tượng cần đánh giá để lấy tư liệu, từ đó suy ra nhận định chung về tất cả các đối tượng cá nhân và tập thể sinh viên cần đánh giá về nhu cầu TTCT. Do số lượng sinh viên đông, vấn đề TTCT không nằm trong cấu trúc chương trình môn học cụ thể nên nhu cầu TTCT của sinh viên thường được đánh giá xác suất một cách ngẫu nhiên, không đảm bảo khách quan.

Các trường đại học trên địa bàn Hà Nội có thể kết hợp sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá toàn bộ một lần, đánh giá thường xuyên hoặc đánh giá nhanh. Sử dụng phương pháp nào còn tùy thuộc vào thực tiễn của nhà trường, có thể sử dụng linh hoạt, mềm dẻo và hợp lý. Mục đích của việc kiểm tra, giám sát là xem xét các chủ thể giáo dục có nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo, các chủ trương của nhà trường đối với hoạt động giáo dục này; xem xét những khó khăn vướng mắc để có những điều chỉnh kịp thời trong hoạt động giáo dục, xử lý những sai phạm cũng như kịp thời biểu dương những cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động giáo dục tư tưởng, đạo đức. Để việc kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường phát huy hiệu quả, hoạt động kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, liên tục; kế hoạch kiểm tra phải được xây dựng phù hợp với điều kiện, yêu cầu của nhà trường, công tác kiểm tra phải được tiến hành toàn diện.

Phòng Đào tạo cần phát huy vai trò của mình trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình đào tạo, chương trình môn học các môn học nói chung, môn LLCT nói riêng đối với các khoa, các giảng viên để các chủ thể giáo dục này đảm bảo yêu cầu của hoạt động giảng dạy. Các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong nhà trường cũng cần phát huy vai trò kiểm tra, giám sát việc rèn luyện của sinh viên thông qua các hoạt động thực tiễn, trong sinh hoạt đoàn thể. Giảng viên là những chủ thể trực tiếp tham gia vào hoạt động giáo dục tư tưởng cho sinh viên, do vậy phát huy sự giám sát của các giảng viên đối với giảng viên, sự giám sát của sinh viên đối với giảng viên thông qua phiếu đánh giá giờ giảng là biện pháp quan trọng để nâng cao sự gương mẫu, tự giác, nghiêm túc trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của mình góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục tư tưởng cho sinh viên. *Thông qua chế độ giao ban, báo cáo để nắm bắt tư tưởng, đánh giá xếp loại sinh viên trong tháng.* Đây là Hội nghị các lớp trưởng và bí thư các lớp với Ban Chủ nhiệm khoa, cố vấn

học tập. Có khi thành viên được mời tham dự là Đoàn Thanh niên; Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên; Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hướng nghiệp, khởi nghiệp và việc làm sinh viên. Đây là các hình thức phổ biến nhất trong các trường đại học, được các trường áp dụng hiệu quả, ví dụ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Mỗi tháng một lần, hội nghị Giao ban sinh viên đã được duy trì kết hợp với giao ban các khoa phòng, báo cáo định kỳ và đột xuất theo định kỳ; chế độ đánh giá xếp loại sinh viên hàng tháng giúp cho việc đánh giá nhu cầu TTCT của sinh viên diễn ra kịp thời, mang tính khách quan.

Nên tổ chức *tọa đàm, diễn đàn, hội thảo* để trao đổi trực tiếp về các vấn đề cần quan tâm, nắm bắt nhận thức và thái độ, tư tưởng, hành vi của sinh viên. Tiến hành *trao đổi riêng* với những người có liên quan như: người quản lý, cố vấn học tập, thủ lĩnh các đội, hội, câu lạc bộ, người thân hoặc với đối tượng chủ nhân sự việc, hiện tượng cần quan tâm để nắm bắt tình hình tư tưởng, thái độ, ý kiến của tập thể và cá nhân sinh viên để có những phương pháp giáo dục, định hướng phù hợp, đúng đắn. Phương pháp này áp dụng đối với những sinh viên có biểu hiện không tích cực trong tiếp nhận TTCT, ví dụ thích đọc các tin tức thiếu chính thống ở các trang mạng xã hội như facebook, zalo, twitter, instagram... *Nghiên cứu tài liệu* liên quan đến hoạt động của tập thể và cá nhân để chất lọc, nắm bắt thông tin là phương pháp cần được chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, thường là phòng Công tác chính trị, phòng Công tác sinh viên, phòng Đào tạo, cố vấn học tập của các khoa... Trên cơ sở nắm bắt những xu thế mới, những vấn đề phức tạp nảy sinh trong các khoa đào tạo, có thể mời chuyên gia tâm lý, các học giả có chuyên môn để luận giải, đánh giá tình hình, tư vấn, đề xuất, kiến nghị. Có thể tận dụng chế độ báo cáo thống nhất để *thống kê* các số liệu quan trọng phản ánh đặc trưng và quy luật của sự việc để đánh giá nhằm thông qua đó phân tích kết quả học tập, hoạt động phong trào để đưa ra các hình thức khen thưởng, kỷ luật kịp thời. *Trắc nghiệm khách quan* là cách các chủ thể đáp ứng nhu cầu TTCT dùng phương thức điều tra bằng phiếu hỏi, bảng hỏi với các câu hỏi mở và câu hỏi đóng để sinh viên trả lời để tìm hiểu nhận thức và thái độ, quan niệm của sinh viên về TTCT một cách khách quan nhất. *Tổng kết thực tiễn, điều tra xã hội học* bằng các phương pháp định tính và định lượng để có kết quả khách quan, khoa học nhằm xác định rõ nhu cầu TTCT của sinh viên để tạo lập điều kiện đáp ứng nhu cầu.

Tăng cường quản lý mạng xã hội sẽ giúp sinh viên tránh được cạm bẫy từ môi trường mạng xã hội đang tràn lan thông tin thiếu kiểm soát. Hoạt động tung tin đồn, giật gân câu “like” trên mạng xã hội ngày càng gia tăng, gây hoang mang trong dư luận. Một số vụ việc trên mạng xã hội thu hút số lượng rất lớn người quan tâm, theo dõi, hình thành tâm lý đám đông, áp lực dư luận, có thể tạo ra các khuynh hướng phức tạp trong nhu cầu TTCT của sinh viên như vụ Khá Bảnh hay Phúc X.O, Huân hoa hồng... Mạng xã hội đang trở thành công cụ, môi trường nguy hiểm để tội phạm lợi dụng hoạt động, được các đối tượng phạm tội về hình sự, kinh tế, ma túy lợi dụng để hoạt động như tạo tài khoản ảo để kết bạn, làm quen sau đó lừa đảo chiếm đoạt tiền, tài sản; tiến hành đánh cắp mật khẩu, chiếm giữ quyền kiểm soát tài khoản trái phép để đánh cắp, trục lợi. Không ít người bị dẫn dắt bởi các thông tin độc hại trên mạng xã hội, tin theo những luận điệu của chúng, bị mua chuộc rồi trở thành công cụ phục vụ cho mưu đồ của các thế lực thù địch. Các thế lực thù địch và bọn tội phạm đang biến mạng xã hội thành công cụ hoạt động, lập ra và sử dụng nhiều trang mạng xã hội và sử dụng chúng để tuyên truyền phá hoại tư tưởng, xuyên tạc, nói xấu chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Nhiều trang mạng xã hội đăng tải những bài viết tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, suy diễn xuyên tạc, làm người đọc hoang mang, mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Nhiều trang mạng xã hội đã lợi dụng những sai sót của một số cán bộ, Đảng viên để kích động dư luận, hình thành tâm lý phản kháng, tư tưởng chống đối, làm xuất hiện các điểm nóng chính trị xã hội. Nhiều trang mạng đã đưa tin không đúng nội dung, kích động người dân bạo loạn, nhiều đối tượng đã đăng tải lại các tài liệu liên quan theo cách hiểu sai lệch trên mạng xã hội, tạo diễn đàn xuyên tạc, nói xấu chính quyền. Tăng cường quản lý mạng xã hội là để sinh viên nâng cao sức đề kháng, miễn nhiễm với virus độc hại trên mạng xã hội, định hướng đúng cho nhu cầu TTCT của chính mình. “ Vì vậy định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay là nhiệm vụ có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm hướng tới việc xây dựng con người trong thời kỳ cách mạng mới với những phẩm chất cách mạng và lý tưởng cao đẹp. Cần quản lý thông tin và định hướng TTCT của sinh viên sao cho đúng quan điểm của Đảng, để sinh viên hiểu đúng các TTCT” [PVS.10, PL2]

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, NCS đã xác định quan điểm và đề xuất các giải pháp tăng cường điều kiện để định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các phương hướng mà NCS đề xuất là căn cứ vào đường lối lãnh đạo của Đảng, vào định hướng phát triển giáo dục nhằm đào tạo con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Phương hướng tăng cường điều kiện để đáp ứng, kích thích nhu cầu TTCT cho sinh viên còn dựa vào định hướng phát triển của thủ đô Hà Nội trong những năm tới. Tầm nhìn, sứ mệnh và triết lý phát triển của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội cũng là một trong những căn cứ để NCS xác định phương hướng tăng cường điều kiện để đáp ứng, kích thích nhu cầu TTCT cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay.

NCS đề xuất giải pháp định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Đó là: (1) Tăng cường vai trò chỉ đạo của Ban Tuyên giáo các cấp và Thành ủy Hà Nội. (2) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò của các khoa chủ quản, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường. (3) Đổi mới nội dung đối tượng nhu cầu TTCT cho sinh viên, bao gồm đổi mới nội dung giảng dạy LLCT, bổ sung những nội dung cập nhật trong thực tiễn đời sống chính trị- xã hội cho sinh viên. (4) Đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, bao gồm đổi mới phương pháp giảng dạy trên giảng đường, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, tăng cường hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, đưa sinh viên vào hoạt động thực tiễn để kích thích, định hướng nhu cầu TTCT, tăng cường sức mạnh của công nghệ thông tin. (5) Xây dựng môi trường văn hóa, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong phối hợp đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. (6) Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường, quản lý mạng xã hội nhằm định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các giải pháp này muốn phát huy hiệu quả phải được áp dụng triển khai trong tính đồng bộ, vì chúng có mối quan hệ biện chứng, quyết định lẫn nhau nên không thể xem nhẹ giải pháp nào. Hiệu quả các giải pháp trên phụ thuộc vào sự lãnh đạo của Ban Tuyên giáo các cấp, của các chủ thể định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, chất lượng đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập, điều kiện vật chất của từng trường, vào chính ý thức và năng lực tư duy của sinh viên.

KẾT LUẬN

Luận án nghiên cứu nhu cầu TTCT của sinh viên của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, thông qua các trường hợp cụ thể, đó là Học viện Báo chí và Tuyên truyền; trường Đại học Bách khoa Hà Nội; trường Đại học Phòng cháy, chữa cháy; trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Trên cơ sở lý luận và nghiên cứu thực trạng, NCS rút ra một số kết luận sau:

1. Nhu cầu TTCT là cơ sở quyết định hành động của sinh viên trong thực tiễn vì TTCT là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị, bao gồm các thông tin về thể chế chính trị như chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thông tin về thiết chế và thực tiễn chính trị như các hoạt động lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tình hình chính trị trong nước và quốc tế... Một trong những yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên để có nhu cầu TTCT đúng đắn là rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng và năng lực trí tuệ. Tuy nhiên, hiện nay một số sinh viên không nhận thức đầy đủ về nhu cầu TTCT, thiếu niềm tin vào sự phát triển của đất nước, ngại tham gia các hoạt động cộng đồng, sống thực dụng, thiếu ý thức rèn luyện, phấn đấu để vươn lên, không thấu suốt chủ trương, nghị quyết của Đảng, không vận dụng được các nguyên lý cơ bản và chân chính của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tư duy khoa học khách quan vào cuộc sống. Từ đó dẫn đến suy thoái về đạo đức, lối sống, tiềm ẩn những mối nguy hại đối với Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị.

2. Sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội có nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn trong nhu cầu TTCT của mình vì những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nhu cầu TTCT là nền tảng hình thành động cơ học tập và tính tự giác trong học tập, rèn luyện của sinh viên. Nhu cầu TTCT trở thành điều kiện, thành nguồn năng lượng bên trong, thành động cơ thúc đẩy tính tự giác trong học tập và rèn luyện. Nhu cầu TTCT của sinh viên không chỉ gắn với giảng đường mà còn gắn liền với các sự kiện chính trị trong đời sống, gắn với môi trường kinh tế- xã hội của đất nước, liên quan đến nhận thức, tình cảm, lợi ích và ý chí hành vi, động cơ tư tưởng của sinh viên. Nhu cầu đó vừa mang tính chủ quan vừa mang tính khách quan, chịu tác động bởi nhận thức và tình cảm cá

nhân nhưng cũng bị tác động bởi các yếu tố ngoại cảnh, trong đó có môi trường sống. Nhu cầu được xem xét từ động cơ của nhu cầu, nội dung của nhu cầu và phương thức đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu đó. Để nhu cầu TTCT trở thành động lực tự thân, phải có nhận thức đúng về TTCT, có tình cảm đúng, phải coi nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là nhiệm vụ của sinh viên. Đề cao trách nhiệm chính trị, tính tự giác, chủ động nâng cao nhu cầu TTCT ở mọi nơi, mọi lúc để bổ sung, làm phong phú thêm bằng những kết luận mới rút ra trong thực tiễn, làm cho nhận thức của sinh viên đối với các vấn đề trong thực tiễn chính trị được nâng cao hơn, kết quả hành động sẽ tốt hơn.

3. Thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền; trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội được phân tích trên cơ sở điều tra xã hội học với 1143 sinh viên, được củng cố thêm bởi nội dung từ các phỏng vấn sâu sinh viên, giảng viên, cố vấn học tập, các nhà quản lý, lãnh đạo nhà trường, các văn bản có liên quan. Kết quả cho thấy một bộ phận sinh viên các trường trong phạm vi khảo sát có nhận thức, tình cảm khá tốt về TTCT, hiểu biết về lợi ích nhu cầu TTCT đem lại cho bản thân, có động cơ tư tưởng tốt, có ý chí hành vi phù hợp nhận thức. Nội dung nhu cầu TTCT mà sinh viên tiếp nhận về thể chế và thiết chế chính trị, về thực tiễn chính trị thông qua các hoạt động của các chính trị gia, các sự kiện chính trị trong nước và trên thế giới được đánh giá tích cực, phương thức đáp ứng nhu cầu được đánh giá khả quan. Các hoạt động giảng dạy LLCT, các hoạt động ngoại khóa, học Nghị quyết được sinh viên hứng thú vì cung cấp và đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên. Các phương tiện truyền thông cũng được sinh viên khai thác, sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu TTCT của mình.

4. Tuy nhiên, mặc dù được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường quan tâm nhưng nhu cầu TTCT của sinh viên vẫn có nhiều vấn đề cơ bản đặt ra cần giải quyết trong bối cảnh hiện nay. Đó là một số sinh viên hoặc không có nhu cầu TTCT, hoặc có nhu cầu TTCT nhưng không đúng đắn. Nhận thức và năng lực của chủ thể lãnh đạo, quản lý; đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Nội dung và phương thức đáp ứng nhu cầu cũng

chưa hoàn thiện, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên cũng còn nhiều việc phải bàn. Tính tích cực của sinh viên cũng là vấn đề đặt ra, vì hiện nay nhu cầu TTCT chưa là điều kiện, là nguồn năng lượng bên trong chuyển thành mục tiêu trong hoạt động học tập và rèn luyện. Như vậy, vấn đề đặt ra trong đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học là cần phải có những giải pháp phù hợp với đặc điểm sinh viên và điều kiện cụ thể của từng trường, gắn kết chặt chẽ giữa yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục chuyên môn với thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị trung tâm là dạy học và nghiên cứu khoa học.

5. Trên cơ sở lý luận và phân tích thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên và thực trạng đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên của các trường đại học trong phạm vi khảo sát, NCS đã xác định 4 quan điểm và đề xuất 6 giải pháp tăng cường điều kiện để định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay. Các phương hướng căn cứ vào đường lối lãnh đạo của Đảng, vào định hướng phát triển sự nghiệp giáo dục, định hướng phát triển của thủ đô Hà Nội, căn cứ vào sứ mệnh và triết lý phát triển của các trường đại học trên địa bàn Thủ đô. Để nhu cầu TTCT của sinh viên được định hướng và đáp ứng hiệu quả, các trường cần áp dụng các giải pháp mà NCS đề xuất một cách linh hoạt, biện chứng và khoa học. Các trường đều nhận thức sự cần thiết phải đáp ứng đầy đủ nhu cầu TTCT cho sinh viên, tăng cường giáo dục để sinh viên có nhận thức chính trị sâu sắc, nắm rõ bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xem đây là yếu tố nền tảng của mọi hoạt động trong cuộc sống thường ngày. Từ nền tảng chính trị tư tưởng và phẩm chất đạo đức, sinh viên cần phải có trình độ học vấn; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, có khả năng nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học vào trong thực tiễn của đời sống, có định hướng giá trị đúng đắn để xây dựng đất nước phát triển ổn định, nhanh, bền vững.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Văn Việt – Nguyễn Đức Toàn: *Tăng cường công tác định hướng chính trị - tư tưởng cho sinh viên*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, số tháng 7/2018
2. Nguyễn Văn Việt – Ngô Quang Thái: *Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục LLCT cho cán bộ, đảng viên hiện nay*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, số tháng 5/2019
3. Nguyễn Văn Việt: *Giáo dục đạo đức cách mạng cho sinh viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Xây dựng Đảng, 31/10/2021
4. Nguyễn Văn Việt: *Thực trạng nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên các trường đại học*, Tạp chí Lý luận Chính trị, số tháng 2/2022

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị An (2013), *Xây dựng nếp sống chính quy cho học viên*, Tạp chí Nhà trường quân đội, số 4.
2. Lưu Văn An (2012), *Thế chế chính trị Việt Nam – Lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội
3. Đào Duy Anh (1996), *Giản yếu - Hán - Việt từ - điển*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Anh (2006), *Giáo dục lý luận Mác Lênin với việc hình thành và phát triển nhân cách ở sinh viên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh;
5. Phan Văn Ba (2017), *Đánh giá nhu cầu của học viên đối với nội dung chương trình cao cấp lý luận chính trị (theo đề án 1677) trên địa bàn các tỉnh thành vùng Tây Nam Bộ hiện nay*, Học viện Chính trị khu vực IV
6. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2008), Thông báo kết luận số 125-TB-TW về đề án Tình hình giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng, chủ trương và giải pháp cho thời gian tới, Hà Nội.
7. Ban Bí thư (2014), Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 Về tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.
8. Ban Bí thư (2018), Chỉ thị số 23 về Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.
9. Ban Chấp hành Hội sinh viên thành phố Hà Nội (2021), Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên Thủ đô năm học 2020 - 2021, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương (2015), Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030. Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương, (2015), Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016).
12. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Bảo tàng Hồ Chí Minh (2006), Về công tác giáo dục lý luận chính trị, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Ban Tuyên giáo Trung ương (2010), *Đề án Công tác, giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác-Lênin trong các trường đại học và cao đẳng*, Hà Nội.
14. Ban Tuyên giáo Trung ương (2011), *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của đảng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên giáo lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2014), *Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Duy Bắc (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn MácLênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Vũ Thanh Bình (2012), *Vấn đề chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học, Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Hà Nội.
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Công văn số 83/BGDĐT - ĐH&SDH, *Hướng dẫn thực hiện chương trình các môn khoa học Mác Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng*, Hà Nội.
20. Nguyễn Mạnh Cầm (2013), *Đổi mới và phát triển giáo dục hướng tới xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
21. Định Thị Vân Chi (2001), *Nhu cầu giải trí của thanh niên (nghiên cứu khuôn mẫu giải trí của thanh niên và đáp ứng nhu cầu giải trí tại Hà Nội)*, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV.
22. Nguyễn Thị Chi (2013), *Đề tài Nghiên cứu nhu cầu tin và khả năng đáp ứng nhu cầu thông tin tại thư viện trường Đại học Phương Đông* Luận văn ThS. Chuyên ngành: Khoa học Thư viện, Trường Đại học KHXH&NV.
23. Nguyễn Thị Kim Chung (2015), *Vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị tại các trường đại học*, Hội thảo khoa học Quốc gia, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

24. Đỗ Thị Coong (2004), *Nghiên cứu tính tích cực học tập môn tâm lý học của sinh viên đại học sư phạm Hải Phòng*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
25. Hoàng Đình Cúc (2008), *Đào tạo giảng viên các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
26. Hoàng Trần Doãn (2006), *Nghiên cứu nhu cầu điện ảnh của sinh viên*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Đại học sư phạm Hà Nội
27. Trần Bá Dung (2003), *Tạo điều kiện tiếp nhận thông tin báo chí cho sinh viên một phương thức góp phần nâng cao chất lượng đại học*, Hội thảo khoa học *Điều kiện tiếp nhận sản phẩm báo chí của sinh viên Hà Nội, Phân Viện Báo chí và Tuyên truyền*
28. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), *Nghiên cứu nhu cầu thông tin của sinh viên Đại học khoa học Xã hội và nhân văn Hà Nội*, Tạp chí Thư viện Việt Nam
29. Vũ Phương Dung (2005), *Đề tài khoa học Nghiên cứu nhu cầu tiếp nhận truyền hình của sinh viên Hà Nội khảo sát các chương trình truyền hình trên sóng VTV1, VTV2, VTV3 - Đài truyền hình Việt Nam*
30. Vũ Tuấn Dũng – Nguyễn Chí Mỹ (2019), *Nghĩ về phai nhạt lý tưởng cách mạng*, Tạp chí Báo cáo viên, Ban Tuyên giáo Trung ương số 4.
31. Vũ Tuấn Dũng (2020), *Đề tài khoa học Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội hiện nay*, mã số: 01X-11-2018-2 năm 2020, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội là Cơ quan chủ trì
32. Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (2012), *Từ điển Xã hội học Oxford*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977): *Văn kiện Đảng 1930-1945*, Nxb Sự thật, Hà Nội
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2 tập.
40. Trần Thị Anh Đào (2010), *Công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Nguyễn Đình Đức (1996), *Những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến tư tưởng chính trị của sinh viên, thực trạng và giải pháp*, LAPTSKH, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh
42. Trần Thanh Giang (2017), "Tăng cường giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Triết học*, (2), tr.73 - 78.
43. Hoàng Thị Thu Hà (2003), *Nhu cầu học tập của sinh viên sư phạm*, luận án Tiến sĩ Tâm lý học, trường Đại học sư phạm Hà Nội.
44. Ngô Văn Hà (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy và việc xây dựng đội ngũ giảng viên đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Nguyễn Thị Mai Hà (2012), *Động cơ học tập và những yếu tố tác động tới động cơ học tập của người lớn*, tạp chí Giáo dục, (kì 1-2), 19-22.
46. Phạm Minh Hạc (2005), *Tuyển tập Tâm lý học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, H. 2013
48. Lương Khắc Hiếu (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, 2 tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Lương Khắc Hiếu (2017), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng Sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội
50. Hồ Thị Hoa (2000), *Vấn đề nâng cao vai trò nhân tố chủ quan trong giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông trung học ở nước ta hiện nay*, Luận văn Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
51. Lê Thị Duy Hoa (2001), *Thông tin và vấn đề tiếp nhận xử lý thông tin của tư duy người Việt Nam*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
52. Hà Thị Bình Hòa (2001), *Tìm hiểu nhu cầu thông tin của khách thể tuyên truyền*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, trường Đại học sư phạm Hà Nội.
53. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013): *Tập bài giảng Chính trị học – hệ CCLLCT* - Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

54. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2011), *Đổi mới phương pháp giảng dạy và học các môn chuyên ngành giáo dục chính trị ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
55. Hà Học Hợi, Ngô Văn Thạo (2002), *Đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
56. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2017), *Hội thảo khoa học Quốc gia: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Tuyên giáo trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội
57. Hội đồng quốc gia (2003): *Từ điển bách khoa Việt Nam*, (4 tập), Trung tâm biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội.
58. Hội Sinh viên Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2013-2018*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
59. Đỗ Văn Hùng (2018), “Nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên trong kỷ nguyên số”, *Tạp chí thông tin và tư liệu* (số 3)
60. Quang Hùng (2016), *Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
61. Trần Hùng (2000) *Hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp*, Luận án tiến sĩ
62. Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 Về tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.
63. Khoa Chính trị học – Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (2001), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
64. Phạm Đình Khuê (2016), *Ý thức chính trị của sinh viên nước ta hiện nay - thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
65. Đặng Xuân Kỳ (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
66. Phạm Huy Kỳ (chủ biên) (2010), *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
67. Hoàng Thúc Lân (2014), *Phát triển năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
68. Phạm Minh Lăng (2004), *Freud và phân tâm học*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.

69. Hoài Linh (2021), *Hỗn loạn thông tin ở Việt Nam - một năm đối phó*, Tạp chí Tia Sáng – số 4
70. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Hữu Châu (2013), *Giáo dục đại học Việt Nam- những vấn đề về chất lượng và quản lý*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
71. Trương Đại Lượng (2015), *Phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Thông tin thư viện, trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
72. Hồ Chí Minh(1982), *Về giáo dục thanh niên*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội
73. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1
74. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội, t.5
75. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội, t.11
76. Nguyễn Bá Minh (2001), *Nhu cầu và vấn đề điều khiển hành vi*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “35 năm khoa Tâm lý giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội”
77. Nguyễn Chí Mỹ (2017), *Nghĩ về phai nhạt lý tưởng cách mạng*, Báo Hà Nội mới điện tử, ngày 28/03/2017.
78. Nguyễn Chí Mỹ (2019), *Niềm tin của nhân dân về chủ nghĩa xã hội và đổi mới công tác tuyên truyền*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội
79. Nguyễn Hoài Nam (2002), *Nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng mạng thông tin số ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ
80. Tạ Văn Nam (2017), *Đề tài khoa học cấp bộ Điều tra, khảo sát nhu cầu về đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp tại các vùng kinh tế trọng điểm*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
81. Chu Thị Hằng Nga (2018), *Vai trò của thông tin đối với cán bộ làm công tác tạp chí ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, Đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
82. Ngô Thị Thu Nga (2011), *Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
83. Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học giáo dục*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
84. Mai Đức Ngọc (2016), *Giáo trình Soạn thảo văn bản về công tác tư tưởng*, Nxb Chính Trị, Hà Nội

85. Trần Thị Minh Ngọc (2010), *Nhu cầu và thái độ học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
86. Dương Thị Kim Oanh (2009), *Động cơ học tập của sinh viên (nghiên cứu trên sinh viên các ngành KHKH)*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội.
87. Hoàng Phê (2009), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
88. Trình Phú, Dư Bân (2013), *Thông tin những vấn đề lý luận*, Tạp chí số 9, 10
89. Nguyễn Văn Phương (2009), *Kỹ năng học tập các môn lý luận chính trị của học viên cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện chính trị khu vực II*, Luận án Tiến sĩ tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội.
90. Thân Minh Quế (2016), "Vai trò và trách nhiệm người thầy giáo dục lý luận chính trị", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (11).
91. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
92. Nguyễn Thanh Sơn (2012), Đề tài cấp Bộ *Phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng Hà Nội – Thực trạng và giải pháp* do Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội thuộc Thành ủy Hà Nội chủ trì
93. Lê Hữu Tầng (1997), *Về động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
94. Nguyễn Thanh Thảo (2016), *Nhu cầu và điều kiện học tập lý luận chính trị của sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, luận án Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền
95. Nguyễn Thị Phương Thảo (2013), *Hành vi tìm kiếm thông tin của nhóm độc giả các tạp chí, bản tin của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ, Trường ĐH KHXH và Nhân văn
96. Ngô Văn Thạo (2008), *Phương pháp giảng dạy lý luận chính trị* (chương trình bồi dưỡng chuyên đề dành cho giảng viên giảng dạy các chương trình lý luận chính trị tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện), NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.
97. Thành ủy Hà Nội (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025*, Nxb Thông tấn, Hà Nội

98. Ngô Ngọc Thắng, (2008), *Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và công tác giáo dục lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài khoa học Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
99. Trần Thị Thìn (2004), *Động cơ học tập của sinh viên sư phạm - Thực trạng và phương pháp giáo dục*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Chiến lược và Chương trình dạy học.
100. Hữu Thọ - Đào Duy Quát (2001), *Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Nguyễn Thị Thùy (2018), *Nhu cầu tự khẳng định của sinh viên*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
102. Đoàn Thị Thanh Thúy (2018), *Thông tin lý luận chính trị đối với công tác giảng dạy ở Học viện Chính trị quốc gia hồ Chí Minh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
103. Lã Thị Thu Thủy (2006), *Nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của trí thức trẻ*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện tâm lý học.
104. Nguyễn Thị Thu Thủy (2014), *Quản lý đào tạo giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu thời kỳ đổi mới hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Đại học Giáo dục, Hà Nội.
105. Nguyễn Danh Tiên, (2010), *Đảng lãnh đạo công tác tư tưởng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
106. Phạm Thị Thanh Tịnh (2012), *Nhu cầu và điều kiện tiếp nhận thông tin phát thanh của công chúng nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sĩ
107. Nguyễn Thị Mỹ Trang (2001), *Xây dựng đội ngũ đảng viên là thanh niên sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Tp Hà Nội trong thời kỳ mới*, Luận án tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
108. Nguyễn Phú Trọng, "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam", Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ, ngày 16/5/2021
109. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (2012), *Từ điển Xã hội học Oxford*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

110. Hoàng Thanh Tú (2008), *Xây dựng môi trường học tập tích cực cho sinh viên sư phạm*, tạp chí Giáo dục (kỳ 1-4);
111. Đỗ Minh Tuấn (2016), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường Đại học ở Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
112. Đào Duy Tùng (1999), *Một số vấn đề về công tác tư tưởng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
113. Nguyễn Trọng Tứ (2015), "Thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10).
114. Nguyễn Quang Uẩn (2007), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
115. Trần Thị Thanh Vân (2018), *Nhu cầu tin của người khiếm thị tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Khoa học – Thông tin, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
116. Viện Chính trị học (2013), *Tập bài giảng Chính trị học (Hệ cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị hành chính, Hà Nội
117. Nguyễn Khắc Viện (1991), *Từ điển Tâm lý*, Nxb Ngoại văn, Trung tâm nghiên cứu trẻ em Hà Nội
118. Kim Ngọc Việt (2009), *Hai mặt phải trái của cơn lốc công nghệ thông tin và công tác tư tưởng hiện nay*, tạp chí Tuyên giáo, (6);
119. Lương Ngọc Vĩnh (2012), *Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong Học viên các học viện quân sự ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Công tác tư tưởng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
120. Dương Trung Ý (2007), *Ý thức chính trị của sinh viên các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn Hà Nội*, Đề tài khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tài liệu nước ngoài

121. A.N. Lêônchep (1989), *Hoạt động ý thức nhân cách*, Phạm Minh Hạc, Phạm Hoàng Gia, Phạm Huy Châu dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
122. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995): *Toàn tập*, Nxb CTQG, tập 4, Hà Nội
123. E. Landsberger (2008), *Học tập cũng cần chiến lược*, Nguyễn Thanh Hương, Đào Tú Anh... dịch, Nxb Lao động-xã hội, Hà Nội.
124. L.X.Vurgóttxki (1997), *Tuyển tập tâm lý học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
125. Ph. Ăngghen, Chông Đuy ring, *Mác-Ăngghen toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.1994

126. Philippe Breton, Serge Proulx, *Bùng nổ truyền thông*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1996.
127. V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
128. V.Lênin (1980), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tập 21

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Xin chào các bạn !

Chúng tôi đang tìm hiểu về vấn đề “*Nhu cầu thông tin chính trị của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay*” để đưa ra những nhận định, đánh giá về thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên, nhằm đề xuất phương hướng và điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên trong bối cảnh hiện nay. Những thông tin bạn cung cấp sẽ được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, không dùng cho bất cứ công việc nào khác. Bạn hãy cho chúng tôi biết những thông tin của bản thân:

- Giới tính, độ tuổi:

- Quê quán:

- Sinh viên năm thứ:

Câu 1. Bạn có thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự không?

- ☐ 1. Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần)
- ☐ 2. Bình thường (3-5 ngày/tuần)
- ☐ 3. Không thường xuyên (0-3 ngày/tuần)

Câu 2. Theo bạn, Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ?

- ☐ 1. 5
- ☐ 2. 6
- ☐ 3. 7

Câu 3. Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính, đó là gì:

- ☐ 1. Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.
- ☐ 2. Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước; Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia
- ☐ 3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Quyết định chính sách dân tộc của Nhà nước;

Câu 4. Nhu cầu TTCT của bạn nhằm mục đích nào? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

Nội dung	Xếp hạng
1. Nâng cao thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng	
2. Nâng cao đạo đức và lý tưởng cách mạng	
3. Nâng cao năng lực tư duy lý luận để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn	
4. Nâng cao ý chí, nghị lực, bản lĩnh khi tham gia các hoạt động cách mạng	
5. Nâng cao khả năng tham gia các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng	

Câu 5. Bạn quan tâm nhất đến TTCT nào trong số các nội dung sau (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng):

STT	Nội dung	Xếp hạng
1	Thông tin về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	
2	Thông tin về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị	
3	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trên thế giới	
4	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trong nước	
5	Thông tin về các giá trị văn hóa truyền thống, về lịch sử dân tộc	

Câu 6. Thái độ của bạn khi học tập các môn lý luận chính trị trên giảng đường?

- ☐ 1. Chủ động và thích thú
- ☐ 2. Có tham gia nhưng không thường xuyên
- ☐ 3. Không thích và không muốn tham gia

Câu 7. Bạn có thái độ như thế nào khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị (học nghị quyết, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, học chính trị đầu năm...)?

- ☐ 1. Chủ động và thích thú
- ☐ 2. Có tham gia nhưng không thường xuyên
- ☐ 3. Không thích và không muốn tham gia

Câu 8. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thanh niên tình nguyện, vận động hiến máu, tiếp sức mùa thi, ...)?

- ☐ 1. Chủ động và thích thú
- ☐ 2. Có tham gia nhưng không thường xuyên
- ☐ 3. Không thích và không muốn tham gia

Câu 9. Theo bạn, nhu cầu TTCT giúp gì cho sinh viên ? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

Nội dung	Xếp hạng
Hình thành thế giới quan khoa học	
Hình thành niềm tin, bản lĩnh và sự nhạy bén chính trị	
Hình thành lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN	
Xây dựng lòng yêu nghề, khát vọng cống hiến cho đất nước	

Câu 10. Bạn tiếp nhận TTCT chủ yếu qua phương thức nào? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

Nội dung	Xếp hạng
1. Tiếp nhận qua giáo dục lý luận chính trị	
2. Tiếp nhận qua hoạt động ngoại khóa	
3. Tiếp nhận qua hoạt động truyền thông	
4. Tiếp nhận qua mạng xã hội	
5. Tiếp nhận qua sinh hoạt đoàn, đội nhóm, giao tiếp bạn bè	

Câu 11. Đánh giá của bạn về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường bạn học?

1. Đáp ứng nhu cầu	☐
2. Bình thường	☐
3. Không đáp ứng nhu cầu	☐

Câu 12. Đánh giá của bạn về điều kiện vật chất đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

1. Đáp ứng nhu cầu tốt	☐
2. Bình thường	☐
3. Không đáp ứng nhu cầu	☐

Câu 13. Đánh giá của bạn về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

1. Đáp ứng nhu cầu tốt	☐
2. Bình thường	☐
3. Không đáp ứng nhu cầu	☐

Câu 14. Theo bạn, yếu tố nào tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên hiện nay? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

Nội dung	Xếp hạng
1. Môi trường kinh tế xã hội của Hà Nội	
2. Cơ sở vật chất của nhà trường, công nghệ thông tin	
3. Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cố vấn học tập	
4. Vai trò của đoàn thanh niên và hội sinh viên, bạn bè	
5. Năng lực nhận thức của sinh viên	

Câu 15. Theo bạn, giải pháp đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên hiện nay?

Nội dung	Lựa chọn
Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường	☐
Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	☐
Đổi mới nội dung giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	☐
Đổi mới phương thức giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	☐
Xây dựng môi trường văn hóa học đường, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên	☐
Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động giáo dục của nhà trường về các phương thức đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên	☐
Phát huy vai trò chủ động của sinh viên	☐

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA BẠN!

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Số phiếu phát ra: 300

Số phiếu thu về: 291

Câu 1. Bạn có thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự không?

STT	Nội dung	SL	%
1	Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần)	25	8.59%
2	Bình thường (3-5 ngày/tuần)	95	32.65%
3	Không thường xuyên (0-3 ngày/tuần)	171	58.76%

Câu 2. Theo bạn, Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ?

STT	Nội dung	SL	%
1	5	79	27.15%
2	6	122	41.92%
3	7	90	30.93%

Câu 3. Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính, đó là?

STT	Nội dung	SL	%
1	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.	122	41.92%
2	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước	108	37.11%
3	Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.	61	20.96%

Câu 4. Mục đích nhu cầu TTCT của bạn? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Nâng cao thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng	162	55.67%	74	25.43%
2	Nâng cao đạo đức và lý tưởng cách mạng	52	17.87%	124	42.61%
3	Nâng cao năng lực tư duy lý luận để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn	44	15.12%	61	20.96%
4	Nâng cao ý chí, nghị lực, bản lĩnh khi tham gia các hoạt động cách mạng	30	10.31%	29	9.97%
5	Nâng cao khả năng tham gia các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng	3	1.03%	3	1.03%

Câu 5. Bạn quan tâm nhất đến TTCT nào trong số các nội dung sau (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Thông tin về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	20	6.87%	70	24.05%
2	Thông tin về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị	61	20.96%	49	16.84%
3	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trên thế giới	118	40.55%	67	23.02%
4	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trong nước	91	31.27%	94	32.30%
5	Thông tin về các giá trị văn hóa truyền thống, về lịch sử dân tộc	1	0.34%	11	3.78%

Câu 6. Thái độ của bạn khi học tập các môn lý luận chính trị trên giảng đường?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	97	33.33%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	122	41.92%
3	Không thích và không muốn tham gia	72	24.74%

Câu 7. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị (học nghị quyết, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, học chính trị đầu năm...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	109	37.46%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	117	40.21%
	Không thích và không muốn tham gia	65	22.34%

Câu 8. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thanh niên tình nguyện, vận động hiến máu, tiếp sức mùa thi, ...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	63	21.65%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	154	52.92%
3	Không thích và không muốn tham gia	74	25.43%

Câu 9. Theo bạn, nhu cầu TTCT giúp gì cho sinh viên ? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Hình thành thế giới quan khoa học	40	13.75%	49	16.84%
2	Hình thành niềm tin, bản lĩnh và sự nhạy bén chính trị	71	24.40%	84	28.87%
3	Hình thành lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN	118	40.55%	61	20.96%
4	Xây dựng lòng yêu nghề, khát vọng cống hiến cho đất nước	62	21.31%	97	33.33%

Câu 10. Bạn tiếp nhận TTCT chủ yếu qua phương thức nào? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Tiếp nhận qua giáo dục lý luận chính trị	201	69.07%	90	30.93%
2	Tiếp nhận qua hoạt động ngoại khóa	2	0.69%	8	2.75%
3	Tiếp nhận qua hoạt động truyền thông	84	28.87%	186	63.92%
4	Tiếp nhận qua mạng xã hội	3	1.03%	7	2.41%
5.	Tiếp nhận qua sinh hoạt đoàn, đội nhóm, giao tiếp bạn bè	1	0.34%	0	0.00%

Câu 11. Đánh giá của bạn về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường bạn học

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	61	20.96%
2	Bình thường	130	44.67%
3	Không đáp ứng nhu cầu	100	34.36%

Câu 12. Đánh giá của bạn về điều kiện vật chất đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	94	32.30%
2	Bình thường	83	28.52%
3	Không đáp ứng nhu cầu	114	39.18%

Câu 13. Đánh giá của bạn về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	76	26.12%
2	Bình thường	76	26.12%
3	Không đáp ứng nhu cầu	139	47.77%

Câu 14. Theo bạn, yếu tố nào tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên hiện nay? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Môi trường kinh tế xã hội của Hà Nội	91	31.27%	61	20.96%
2	Cơ sở vật chất của nhà trường, công nghệ thông tin	14	4.81%	4	1.37%

3	Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cố vấn học tập	129	44.33%	45	15.46%
4	Vai trò của đoàn thanh niên và hội sinh viên, bạn bè	3	1.03%	7	2.41%
5.	Năng lực nhận thức của sinh viên	54	18.56%	174	59.79%

Câu 15. Theo bạn, giải pháp quan trọng nhất đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên hiện nay?

Nội dung	SL	%
Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường	74	25.43%
Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	62	21.31%
Đổi mới nội dung giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	38	13.06%
Đổi mới phương thức giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	29	9.97%
Xây dựng môi trường văn hóa học đường, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên	61	20.96%
Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động giáo dục của nhà trường về các phương thức đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên	13	4.47%
Phát huy vai trò chủ động của sinh viên	14	4.81%

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA BẠN!

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Đại học Bách khoa Hà Nội

Số phiếu phát ra: 300

Số phiếu thu về: 286

Câu 1. Bạn có thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự không?

STT	Nội dung	SL	%
1	Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần)	34	11.89%
2	Bình thường (3-5 ngày/tuần)	88	30.77%
3	Không thường xuyên (0-3 ngày/tuần)	164	57.34%

Câu 2. Theo bạn, Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ?

STT	Nội dung	SL	%
1	5	73	25.52%
2	6	91	31.82%
3	7	122	42.66%

Câu 3. Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính, đó là?

STT	Nội dung	SL	%
1	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.	110	38.46%
2	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước	107	37.41%
3	Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.	69	24.13%

Câu 4. Mục đích nhu cầu TTCT của bạn? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Nâng cao thể giới quan khoa học và nhân sinh	91	31.82%	106	37.06%

	quan cách mạng				
2	Nâng cao đạo đức và lý tưởng cách mạng	14	4.90%	44	15.38%
3	Nâng cao năng lực tư duy lý luận để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn	129	45.10%	45	15.73%
4	Nâng cao ý chí, nghị lực, bản lĩnh khi tham gia các hoạt động cách mạng	49	17.13%	84	29.37%
5	Nâng cao khả năng tham gia các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng	3	1.05%	7	2.45%

Câu 5. Bạn quan tâm nhất đến TTCT nào trong số các nội dung sau (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Thông tin về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	7	2.45%	31	10.84%
2	Thông tin về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị	14	4.90%	76	26.57%
3	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trên thế giới	154	53.85%	84	29.37%
4	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trong nước	108	37.76%	84	29.37%
5	Thông tin về các giá trị văn hóa truyền thống, về lịch sử dân tộc	3	1.05%	11	3.85%

Câu 6. Thái độ của bạn khi học tập các môn lý luận chính trị trên giảng đường?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	52	18.18%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	189	66.08%
3	Không thích và không muốn tham gia	45	15.73%

Câu 7. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị (học nghị quyết, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, học chính trị đầu năm...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	31	10.84%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	221	77.27%
3	Không thích và không muốn tham gia	34	11.89%

Câu 8. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thanh niên tình nguyện, vận động hiến máu, tiếp sức mùa thi, ...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	64	22.38%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	198	69.23%
3	Không thích và không muốn tham gia	24	8.39%

Câu 9. Theo bạn, nhu cầu TTCT giúp gì cho sinh viên ? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Hình thành thế giới quan khoa học	7	2.45%	32	11.19%
2	Hình thành niềm tin, bản lĩnh và sự nhạy bén chính trị	181	63.29%	76	26.57%
3	Hình thành lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN	90	31.47%	164	57.34%
4	Xây dựng lòng yêu nghề, khát vọng cống hiến cho đất nước	8	2.80%	14	4.90%

Câu 10. Bạn tiếp nhận TTCT chủ yếu qua phương thức nào? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Tiếp nhận qua giáo dục lý luận chính trị	232	81.12%	54	18.88%
2	Tiếp nhận qua hoạt động ngoại khóa	0	0.00%	0	0.00%
3	Tiếp nhận qua hoạt động truyền thông	46	16.08%	164	57.34%
4	Tiếp nhận qua mạng xã hội	8	2.80%	67	23.43%
5.	Tiếp nhận qua sinh hoạt đoàn, đội nhóm, giao tiếp bạn bè	0	0.00%	1	0.35%

Câu 11. Đánh giá của bạn về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường bạn học

STT	Nội dung	SL	%
-----	----------	----	---

1	Đáp ứng nhu cầu	27	9.44%
2	Bình thường	201	70.28%
3	Không đáp ứng nhu cầu	64	22.38%

Câu 12. Đánh giá của bạn về điều kiện vật chất đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	64	22.38%
2	Bình thường	143	50.00%
3	Không đáp ứng nhu cầu	81	28.32%

Câu 13. Đánh giá của bạn về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	41	14.34%
2	Bình thường	81	28.32%
3	Không đáp ứng nhu cầu	164	57.34%

Câu 14. Theo bạn, yếu tố nào tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên hiện nay? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Môi trường kinh tế xã hội của Hà Nội	41	14.34%	54	18.88%
2	Cơ sở vật chất của nhà trường, công nghệ thông tin	34	11.89%	126	44.06%
3	Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cố vấn học tập	158	55.24%	67	23.43%
4	Vai trò của đoàn thanh niên và hội sinh viên, bạn bè	8	2.80%	1	0.35%
5.	Năng lực nhận thức của sinh viên	45	15.73%	38	13.29%

Câu 15. Theo bạn, giải pháp đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên hiện nay?

Nội dung	SL	%
Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường	77	26.92%
Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;	13	4.55%

giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước		
Đổi mới nội dung giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	121	42.31%
Đổi mới phương thức giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	32	11.19%
Xây dựng môi trường văn hóa học đường, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên	7	2.45%
Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động giáo dục của nhà trường về các phương thức đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên	22	7.69%
Phát huy vai trò chủ động của sinh viên	14	4.90%

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA BẠN!

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Đại học Phòng cháy chữa cháy

Số phiếu phát ra: 300

Số phiếu thu về: 289

Câu 1. Bạn có thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự không?

STT	Nội dung	SL	%
1	Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần)	13	4.50%
2	Bình thường (3-5 ngày/tuần)	97	33.56%
3	Không thường xuyên (0-3 ngày/tuần)	179	61.94%

Câu 2 Theo bạn, Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ?

STT	Nội dung	SL	%
1	5	49	16.96%
2	6	123	42.56%
3	7	117	40.48%

Câu 3. Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính, đó là?

STT	Nội dung	SL	%
1	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.	149	51.56%
2	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước	88	30.45%
3	Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.	52	17.99%

Câu 4. Mục đích nhu cầu TTCT của bạn? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Nâng cao thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng	51	17.65%	54	18.69%
2	Nâng cao đạo đức và lý tưởng cách mạng	88	30.45%	67	23.18%
3	Nâng cao năng lực tư duy lý luận để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn	31	10.73%	67	23.18%
4	Nâng cao ý chí, nghị lực, bản lĩnh khi tham gia các hoạt động cách mạng	98	33.91%	64	22.15%
5	Nâng cao khả năng tham gia các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng	21	7.27%	37	12.80%

Câu 5. Bạn quan tâm nhất đến TTCT nào trong số các nội dung sau (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Thông tin về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	9	3.11%	54	18.69%
2	Thông tin về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị	108	37.37%	84	29.07%
3	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trên thế giới	68	23.53%	72	24.91%
4	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trong nước	98	33.91%	71	24.57%
5	Thông tin về các giá trị văn hóa truyền thống, về lịch sử dân tộc	6	2.08%	8	2.77%

Câu 6. Thái độ của bạn khi học tập các môn lý luận chính trị trên giảng đường?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	49	16.96%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	213	73.70%

3	Không thích và không muốn tham gia	34	11.76%
---	------------------------------------	----	--------

Câu 7. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị (học nghị quyết, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, học chính trị đầu năm...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	31	10.73%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	221	76.47%
3	Không thích và không muốn tham gia	37	12.80%

Câu 8. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thanh niên tình nguyện, vận động hiến máu, tiếp sức mùa thi, ...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	45	15.57%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	201	69.55%
3	Không thích và không muốn tham gia	43	14.88%

Câu 9. Theo bạn, nhu cầu TTCT giúp gì cho sinh viên ? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Hình thành thế giới quan khoa học	7	2.42%	32	11.07%
2	Hình thành niềm tin, bản lĩnh và sự nhạy bén chính trị	181	62.63%	76	26.30%
3	Hình thành lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN	90	31.14%	164	56.75%
4	Xây dựng lòng yêu nghề, khát vọng cống hiến cho đất nước	11	3.81%	17	5.88%

Câu 10. Bạn tiếp nhận TTCT chủ yếu qua phương thức nào? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Tiếp nhận qua giáo dục lý luận chính trị	232	80.28%	54	18.69%
2	Tiếp nhận qua hoạt động ngoại khóa	0	0.00%	0	0.00%
3	Tiếp nhận qua hoạt động truyền thông	46	15.92%	164	56.75%
4	Tiếp nhận qua mạng xã hội	11	3.81%	71	24.57%
5.	Tiếp nhận qua sinh hoạt đoàn, đội nhóm, giao	0	0.00%	0	0.00%

	tiếp bạn bè				
--	-------------	--	--	--	--

Câu 11. Đánh giá của bạn về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường bạn học ?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	75	25.95%
2	Bình thường	188	65.05%
3	Không đáp ứng nhu cầu	26	9.00%

Câu 12. Đánh giá của bạn về điều kiện vật chất đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	88	30.45%
2	Bình thường	167	57.79%
3	Không đáp ứng nhu cầu	34	11.76%

Câu 13. Đánh giá của bạn về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	78	26.99%
2	Bình thường	178	61.59%
3	Không đáp ứng nhu cầu	33	11.42%

Câu 14. Theo bạn, yếu tố nào tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên hiện nay? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Môi trường kinh tế xã hội của Hà Nội	24	8.30%	14	4.84%
2	Cơ sở vật chất của nhà trường, công nghệ thông tin	39	13.49%	126	43.60%
3	Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cố vấn học tập	172	59.52%	88	30.45%
4	Vai trò của đoàn thanh niên và hội sinh viên, bạn bè	8	2.77%	1	0.35%
5.	Năng lực nhận thức của sinh viên	46	15.92%	60	20.76%

Câu 15. Theo bạn, giải pháp đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên hiện nay?

Nội dung	SL	%
----------	----	---

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường	78	26.99%
Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	34	11.76%
Đổi mới nội dung giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	89	30.80%
Đổi mới phương thức giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	23	7.96%
Xây dựng môi trường văn hóa học đường, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên	37	12.80%
Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động giáo dục của nhà trường về các phương thức đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên	14	4.84%
Phát huy vai trò chủ động của sinh viên	14	4.84%

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA BẠN!

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Số phiếu phát ra: 300

Số phiếu thu về: 277

Câu 1. Bạn có thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự không?

STT	Nội dung	SL	%
1	Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần)	22	7.94%
2	Bình thường (3-5 ngày/tuần)	63	22.74%
3	Không thường xuyên (0-3 ngày/tuần)	192	69.31%

Câu 2. Theo bạn, Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ?

STT	Nội dung	SL	%
1	5	60	21.66%
2	6	138	49.82%
3	7	79	28.52%

Câu 3. Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính, đó là?

STT	Nội dung	SL	%
1	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.	44	15.88%
2	Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước	166	59.93%
3	Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.	67	24.19%

Câu 4. Mục đích nhu cầu TTCT của bạn? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Nâng cao thể giới quan khoa học và nhân sinh quan	81	29.24%	23	8.30%

	cách mạng				
2	Nâng cao đạo đức và lý tưởng cách mạng	24	8.66%	69	24.91%
3	Nâng cao năng lực tư duy lý luận để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn	51	18.41%	67	24.19%
4	Nâng cao ý chí, nghị lực, bản lĩnh khi tham gia các hoạt động cách mạng	98	35.38%	80	28.88%
5	Nâng cao khả năng tham gia các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng	23	8.30%	38	13.72%

Câu 5. Bạn quan tâm nhất đến TTCT nào trong số các nội dung sau (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Thông tin về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	9	3.25%	54	19.49%
2	Thông tin về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị	66	23.83%	34	12.27%
3	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trên thế giới	103	37.18%	81	29.24%
4	Thông tin về các sự kiện chính trị xã hội đang diễn ra trong nước	98	35.38%	101	36.46%
5	Thông tin về các giá trị văn hóa truyền thống, về lịch sử dân tộc	1	0.36%	7	2.53%

Câu 6. Thái độ của bạn khi học tập các môn lý luận chính trị trên giảng đường?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	41	14.80%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	202	72.92%
3	Không thích và không muốn tham gia	34	12.27%

Câu 7. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị (học nghị quyết, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, học chính trị đầu năm...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	28	10.11%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	189	68.23%
3	Không thích và không muốn tham gia	60	21.66%

Câu 8. Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thanh niên tình nguyện, vận động hiến máu, tiếp sức mùa thi, ...)?

STT	Nội dung	SL	%
1	Chủ động và thích thú	25	9.03%
2	Có tham gia nhưng không thường xuyên	199	71.84%
3	Không thích và không muốn tham gia	53	19.13%

Câu 9. Theo bạn, nhu cầu TTCT giúp gì cho sinh viên ? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Hình thành thế giới quan khoa học	2	0.72%	12	4.33%
2	Hình thành niềm tin, bản lĩnh và sự nhạy bén chính trị	188	67.87%	107	38.63%
3	Hình thành lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN	86	31.05%	159	57.40%
4	Xây dựng lòng yêu nghề, khát vọng cống hiến cho đất nước	1	0.36%	3	1.08%

Câu 10. Bạn tiếp nhận TTCT chủ yếu qua phương thức nào? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Tiếp nhận qua giáo dục lý luận chính trị	212	76.53%	54	19.49%
2	Tiếp nhận qua hoạt động ngoại khóa	1	0.36%	3	1.08%
3	Tiếp nhận qua hoạt động truyền thông	44	15.88%	143	51.62%
4	Tiếp nhận qua mạng xã hội	11	3.97%	71	25.63%
5.	Tiếp nhận qua sinh hoạt đoàn, đội nhóm, giao tiếp bạn bè	9	3.25%	6	2.17%

Câu 11. Đánh giá của bạn về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường bạn học?

STT	Nội dung	SL	%
-----	----------	----	---

1	Đáp ứng nhu cầu	75	27.08%
2	Bình thường	166	59.93%
3	Không đáp ứng nhu cầu	36	13.00%

Câu 12. Đánh giá của bạn về điều kiện vật chất đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	78	28.16%
2	Bình thường	139	50.18%
3	Không đáp ứng nhu cầu	60	21.66%

Câu 13. Đánh giá của bạn về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn?

STT	Nội dung	SL	%
1	Đáp ứng nhu cầu	71	25.63%
2	Bình thường	168	60.65%
3	Không đáp ứng nhu cầu	38	13.72%

Câu 14. Theo bạn, yếu tố nào tác động đến nhu cầu TTCT của sinh viên hiện nay? (Chọn 02 phương án và đánh số thứ tự theo 1, 2 theo mức độ quan trọng)

STT	Nội dung	1		2	
		SL	%	SL	%
1	Môi trường kinh tế xã hội của Hà Nội	23	8.30%	24	8.66%
2	Cơ sở vật chất của nhà trường, công nghệ thông tin	49	17.69%	143	51.62%
3	Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cố vấn học tập	166	59.93%	67	24.19%
4	Vai trò của đoàn thanh niên và hội sinh viên, bạn bè	8	2.89%	1	0.36%
5.	Năng lực nhận thức của sinh viên	31	11.19%	42	15.16%

Câu 15. Theo bạn, giải pháp đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên hiện nay?

Nội dung	SL	%
Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức trong nhà trường	69	24.91%
Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;	19	6.86%

giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước		
Đổi mới nội dung giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	91	32.85%
Đổi mới phương thức giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên	30	10.83%
Xây dựng môi trường văn hóa học đường, phát huy vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên	47	16.97%
Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động giáo dục của nhà trường về các phương thức đáp ứng nhu cầu thông tin chính trị cho sinh viên	9	3.25%
Phát huy vai trò chủ động của sinh viên	12	4.33%

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA BẠN!

TỔNG HỢP CHUNG

Bảng 1: Bạn có thường xuyên theo dõi các chương trình thời sự không?
(Mức độ: 1: Rất thường xuyên (5-7 ngày/tuần); 2: Bình thường (3-5 ngày/tuần);
3: Không thường xuyên (0-3 ngày/tuần))

Tên trường Nội dung		HVBC & TT 291		ĐHBKHN 286		ĐHPCCC 289		ĐHKD & CNHN 277		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Mức độ	1	25	8.59	34	11.89	13	4.50	22	7.94	94	8.22
	2	95	32.65	88	30.77	97	33.56	63	22.74	343	30.01
	3	171	58.76	164	57.34	179	61.94	192	69.31	706	61.77

Bảng 2: Theo bạn, Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ?
(Mức độ: 1: 5; 2: 6; 3: 7)

Tên trường Nội dung		HVBC & TT 291		ĐHBKH N 286		ĐHPCCC 289		ĐHKD & C NHN 277		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Số nhiệm vụ	1	79	27.15	73	25.52	49	16.96	60	21.66	261	22.83
	2	122	41.92	91	31.82	123	42.56	138	49.82	474	41.47
	3	90	30.93	122	42.66	117	40.48	79	28.52	408	35.70

Bảng 3: Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động TTCT?

(Mức độ: 1: Chủ động và thích thú; 2: Có tham gia nhưng không thường xuyên;
3: Không thích và không muốn tham gia)

Tên trường Nội dung		HVBC&T T 291		ĐHBKHN 286		ĐHPCCC 289		ĐHKD& CNHN 277		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Thái độ của bạn khi học tập các môn lý luận chính trị trên giảng đường	1	97	33.33	52	18.18	49	16.96	41	14.80	239	20.91
	2	122	41.92	189	66.08	213	73.70	202	72.92	726	63.52
	3	72	24.74	45	15.73	34	11.76	34	12.27	185	16.19
Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động sinh hoạt chính trị	1	109	37.46	31	10.84	31	10.73	28	10.11	199	17.41
	2	117	40.21	221	77.27	221	76.47	189	68.23	748	65.44
	3	65	22.34	34	11.89	37	12.80	60	21.66	196	17.15
Thái độ của bạn khi tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên	1	63	21.65	64	22.38	45	15.57	25	9.03	197	17.24
	2	154	52.92	198	69.23	201	69.55	199	71.84	752	65.79
	3	74	25.43	24	8.39	43	14.88	53	19.13	194	16.97

Bảng 4: Đánh giá của bạn về đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn học?
(Mức độ: 1: Đáp ứng nhu cầu; 2: Bình thường; 3: Không đáp ứng nhu cầu)

Tên trường Nội dung		HVBC&T T 291		ĐHBKHN 286		ĐHPCCC 289		ĐHKD&CN HN 277		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đánh giá của bạn về nội dung TTCT tiếp thu được ở trường bạn học	1	61	20.96	27	9.44	75	25.95	75	27.08	238	20.82
	2	130	44.67	201	70.28	188	65.05	166	59.93	685	59.93
	3	100	34.36	64	22.38	26	9.00	36	13.00	226	19.77
Đánh giá của bạn về điều kiện vật chất đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn	1	94	32.30	64	22.38	88	30.45	78	28.16	324	28.35
	2	83	28.52	143	50.00	167	57.79	139	50.18	532	46.54
	3	114	39.18	81	28.32	34	11.76	60	21.66	289	25.28
Đánh giá của bạn về phương thức đáp ứng nhu cầu TTCT ở trường bạn	1	94	32.3	64	22.38	88	30.45	78	28.16	324	28.35
	2	83	28.52	143	50	167	57.79	139	50.18	532	46.54
	3	114	39.18	81	28.32	34	11.76	60	21.66	289	25.28

PHỤ LỤC 2

PHỎNG VẤN SÂU

PVS.1: Phỏng vấn bạn Vũ Tuấn M. - sinh viên khoa Điện tử Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Bạn vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của bạn ?

Trả lời: Chúng em không có nhu cầu tiếp nhận nhiều TTCT. Theo em thì những bài học trong các môn lý luận chính trị như Triết học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... đã trang bị khá đầy đủ về các TTCT cho chúng em rồi. Thời gian còn lại chúng em phải học các môn chuyên ngành, phải rèn luyện kỹ năng để ra trường thích ứng với cuộc sống. Vì thế em không cần tìm kiếm thêm các TTCT nữa.

Câu hỏi: Vì sao bạn không có nhu cầu TTCT, có thể chia sẻ với chúng tôi lý do được không ?

Trả lời: Chúng em không có nhu cầu vì không hiểu lắm về nội dung TTCT. Vì khoảng trống về kiến thức xã hội ở phổ thông là một trở lực để sinh viên có thể tiếp thu kiến thức TTCT. Chúng em không chỉ thiếu nền tảng kiến thức xã hội, còn ít trải nghiệm thực tiễn, ít hiểu biết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội quốc tế và trong nước nên chủ yếu tiếp nhận TTCT qua học tập lý luận chính trị, nhưng nội dung những môn học này lại rất nặng với chúng em.

Câu hỏi: Nhưng TTCT rất cần thiết mà em ?

Trả lời: Em học ngành Điện tử Viễn thông, sau này ra trường em sẽ làm việc trong môi trường khoa học kỹ thuật. Em không muốn làm chính trị gia nên không có nhu cầu TTCT, vì biết mấy thứ đó em thấy không cần thiết. Hơn nữa em không biết phân tích như thế nào. Trên lớp các thầy cô giảng lý luận chính trị em cũng không hiểu nhiều.

Cảm ơn bạn đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.2: Phỏng vấn bạn Lê Đức T. - sinh viên khoa Cơ Điện tử, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Bạn vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của bạn ?

Trả lời: Em không thích chính trị nên không có nhu cầu TTCT. Vì chính trị gắn với quyền lực, dễ làm con người bị tha hóa. Em muốn tránh xa chính trị để mình luôn là chính mình. Em thích khoa học điện tử hơn vì nó rõ ràng lắm.

Câu hỏi: Thế nếu được chọn lựa để học thì em thích tìm hiểu về chính trị Việt Nam hay chính trị thế giới?

Trả lời: Em không thích tìm hiểu về chính trị Việt Nam mà chỉ thích tìm hiểu về chính trị thế giới. Bây giờ Việt Nam đã hội nhập quốc tế, nếu mình không tìm hiểu về các TTCT thế giới thì mình sẽ chẳng hiểu biết được làm thế nào để hội nhập mà không hòa tan.

Câu hỏi: Có thể chia sẻ cho chúng tôi vì sao em không thích chính trị Việt Nam không ?

Trả lời: Vì lên lớp thì chúng em không hiểu bài, thời gian học thì ít. Cô giáo bảo về đọc giáo trình, nhưng kiến thức trong giáo trình được bố trí theo kiểu ép khung, không có tính gợi mở, không liên hệ thực tiễn nên sinh viên khó hiểu, khó lĩnh hội kiến thức.

Câu hỏi: Thế em làm thế nào để thi hết môn lý luận chính trị?

Trả lời: Tự tìm kiếm các thông tin qua các phương tiện truyền thông. Sinh viên đọc mạng để nắm bắt TTCT ở Việt Nam và trên thế giới nhưng nhiều khi chúng em không biết thật giả thế nào, không biết nội dung nào đúng để mình đọc và chia sẻ với bạn bè, như những thông tin về tổ chức Đảng, về tham nhũng. Em thấy nội dung TTCT hay nhưng hiểu được thì rất khó. Vì thế em không hiểu nội dung TTCT và cũng không có nhu cầu. Em chỉ thích học tốt chuyên ngành mình đã chọn để có việc làm ổn định thôi, để giúp đỡ gia đình.

Cảm ơn bạn đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.3: Phỏng vấn bạn Hoàng A. - sinh viên khoa Chỉ huy chữa cháy, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Bạn vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của bạn ?

Trả lời: Em thích tìm hiểu các thông tin thời sự, các tin tức quốc tế và Việt Nam. Em nghĩ mình là người Việt Nam thì trước hết phải có nhu cầu TTCT về Việt Nam, phải nắm bắt được các sự kiện chính trị liên quan đến Đảng và nhà nước. Thời gian qua chúng em đã được sống trong môi trường văn hóa chính trị với các sự kiện quan trọng như Đại hội Đảng XIII, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Lần đầu tiên em được đi bầu cử, bây giờ em mới hiểu quyền bầu cử thiêng liêng đến mức nào, mới hiểu Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ nghĩa là gì.

Câu hỏi: Ngoài việc thích thú tìm hiểu và thích học lý luận chính trị ở trường, bạn có thích các hoạt động khác nữa không?

Trả lời: Là sinh viên thì ai cũng muốn tham gia các hoạt động ngoại khóa vì nó phù hợp với tính cách của chúng em. Nhưng hoạt động ngoại khóa phải được tổ chức phù hợp với tâm lý, lứa tuổi để qua đó chúng em tiếp nhận được các TTCT cần thiết, để hiểu biết thêm về đời sống văn hóa chính trị của đất nước, của thế giới. Chúng em không thích nghe thuyết trình, áp đặt một chiều về Nghị quyết cho dù báo cáo viên, tuyên truyền viên có nói hay đến mấy thì một lúc thôi là chúng em sẽ chán. Hoạt động ngoại khóa phù hợp với tính cách năng động của chúng em hơn.

Câu hỏi: Bạn có tìm kiếm TTCT qua mạng xã hội không?

Trả lời: Thời đại công nghệ thông tin nên chúng em thường xuyên vào mạng để đọc báo, để nắm thông tin. Nhưng đọc mạng là phải có phong kiến thức rộng thì mới hiểu nội dung thông tin chứ không là dễ bị dao động, mất phương hướng lắm ! Vì thế em nghĩ nhà trường cần tăng cường quản lý mạng và cung cấp cho sinh viên kỹ năng khai thác TTCT trên mạng đúng cách.

Cảm ơn bạn đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.4: Phỏng vấn bạn Trần Thu H. - sinh viên khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Bạn vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của bạn ?

Trả lời: Em thích tìm hiểu các TTCT vì thấy hiểu biết nhiều. Trước khi vào trường, em không biết nhiều về TTCT, cứ nghĩ nó là các thông tin về đời sống xã hội chung như các thông tin về các vụ án... Học rồi em mới hiểu thế nào là vụ án dân sự, thế nào là vụ án hình sự, thông tin nào mang tính chính trị và thông tin nào chỉ là tính xã hội đời thường.

Câu hỏi: Bạn có thích học lý luận chính trị ở trường không?

Trả lời: Nói chung là có nội dung thích, có nội dung không thích. Cái chính là chương trình giảng dạy một số môn lý luận chính trị còn nặng nề, thiên về lý thuyết, hoạt động ngoại khóa đôi lúc chưa thực chất để cung cấp TTCT mà chỉ là giải trí đơn thuần, không định hướng nội dung TTCT làm giảm hứng thú và động lực học tập của sinh viên. Một số giảng viên tuy có bằng cấp cao nhưng ít gắn lý luận với thực tiễn, có khi còn giáo điều, lý luận suông khiến nội dung khô khan, nội dung chưa gắn chặt với việc vận dụng vào thực tiễn, không thuyết phục được người học.

Câu hỏi: Bạn có thích các sinh hoạt chính trị không?

Trả lời: Em thích nhưng không lâu ă, vì nghe cả ngày mệt lắm. Nếu các hoạt động sinh hoạt chính trị như học Nghị quyết, học chính trị đầu năm mà có thêm các hình thức thảo luận nhóm hay tổ chức trải nghiệm bằng đó vui thì chúng em thích hơn là ngồi cả ngày trong Hội trường Lớn nghe thầy cô giảng. Hội trường rộng, sinh viên đông, các bạn ấy chỉ nghe một lúc đầu, sau đó làm việc riêng như sử dụng điện thoại hoặc nói chuyện, hiệu quả không cao ! Theo em, nên có các hình thức thi về nội dung Nghị quyết nhưng để Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức thì sẽ có hình thức phù hợp hơn, vì chúng em nói cho chúng em nghe thì dễ nói hơn ă.

Cảm ơn bạn đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.5: Phỏng vấn bạn Nguyễn Thị Hải H. - sinh viên khoa Xã hội học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Bạn vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của bạn ?

Trả lời: Là sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, em luôn có nhu cầu TTCT vì TTCT giúp em mở rộng kiến thức của cuộc sống, có thêm hiểu biết là có thêm niềm tin. Trường em là trường báo mà em lại đang học khoa Xã hội học nên TTCT rất cần thiết đối với chúng em.

Câu hỏi: Bạn có thích thú khi học các môn lý luận chính trị trên giảng đường không?

Trả lời: Nhiều bài học em rất thích, nhất là những bài học về thực tiễn chính trị, về văn hóa xã hội. Chúng em rất thích tìm hiểu về lịch sử văn hóa dân tộc để hiểu thêm và tự hào về các thành tựu văn hóa kết tinh trí tuệ ông cha. Tuy nhiên, nhiều môn học thuộc khối lý luận chính trị chúng em không thích vì chương trình giảng dạy một số môn lý luận chính trị còn nặng nề, thiên về lý thuyết, hoạt động ngoại khóa đôi lúc chưa thực chất để cung cấp TTCT mà chỉ là giải trí đơn thuần, không định hướng nội dung TTCT.

Câu hỏi: Lý do vì sao các bạn không có hứng thú với các môn lý luận chính trị?

Trả lời: lý do chán học lý luận chính trị vì một số giảng viên tuy có bằng cấp cao nhưng ít gắn lý luận với thực tiễn, có khi còn giáo điều, lý luận suông khiến nội dung khô khan, nội dung chưa gắn chặt với việc vận dụng vào thực tiễn, không thuyết phục được người học. Thực tiễn đã có nhiều thay đổi, nhưng trong nội dung các môn lý luận chính trị vẫn nặng tính hàn lâm, ít có sự bổ sung, phát triển, nhiều vấn đề về kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ, nhân quyền, hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức... còn rất mờ nhạt, làm cho sinh viên cảm thấy khô khan, khó hiểu, xa rời thực tiễn.

Cảm ơn bạn đã chia sẻ cùng chúng tôi!

VS.6: Phỏng vấn cô Nguyễn Thị H, giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, nguyên Trưởng khoa.

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa bà, tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Bà vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của sinh viên theo đánh giá của bà?

Trả lời: Tôi thấy sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn có nhu cầu TTCT và các em sinh viên hiểu rõ lợi ích của nhu cầu TTCT, nắm vững nội dung nhu cầu TTCT từ nội dung lý luận được học và từ các hoạt động thực tiễn, sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt chính trị. Các điều kiện đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền càng ngày càng tốt hơn. Các cấp lãnh đạo, quản lý của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã rất nỗ lực trong xây dựng môi trường văn hóa học đường, đầu tư cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu TTCT ngày càng cao của sinh viên. Đội ngũ, giảng viên, đội ngũ cố vấn học tập cũng luôn cố gắng trau dồi kiến thức, kỹ năng để đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trường mình.

Câu hỏi: Theo bà, có cần thiết phải tăng cường nhu cầu TTCT cho sinh viên không, và nếu cần thì giải pháp là gì ạ?

Trả lời: Tăng cường nhu cầu TTCT cho sinh viên là tất yếu bởi xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đời sống chính trị, nhu cầu của phát triển thông tin. Theo tôi phải đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị, tăng cường các phương tiện thông tin nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu TTCT của sinh viên trong thời đại mới. Trường Đại học là trung tâm chuyên về giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, vì thế cần phải tạo điều kiện cho sinh viên trở thành những người học tập thường xuyên, học tập suốt đời bằng cách phát triển nhu cầu, động cơ nhận thức và kỹ năng tự học cho họ. Phát triển nhu cầu nhận thức và hình thành kỹ năng tự học, đáp ứng nhu cầu thông tin trong đó có TTCT cho sinh viên trong các trường Đại học là một trong những điều kiện quan trọng để góp phần xây dựng con người toàn diện

Cảm ơn bà đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.7: Phỏng vấn ông Trần Tiến D, giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội.

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa ông, tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Ông vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của sinh viên theo đánh giá của ông?

Trả lời: Sinh viên trường Đại học Bách khoa của tôi được học tập để sau này làm thầy và làm thợ, tức là đào tạo khoa học tự nhiên. TTCT tất nhiên cũng cần thiết nhưng ở mức độ vừa phải, theo tôi chỉ cần cung cấp TTCT từ hoạt động giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên là đủ rồi. Vì các bạn sinh viên cũng không mấy hứng thú với việc học lý thuyết mà chỉ thích khám phá, thử nghiệm về kỹ thuật thôi.

Câu hỏi: Thưa ông, trong môi trường xã hội hiện nay, công nghệ thông tin phát triển nhanh và mạnh với những ứng dụng ngày càng nhiều của nó giúp con người có điều kiện học tập và làm việc thuận lợi hơn, sinh viên Đại học Bách khoa có cần tăng cường nhu cầu TTCT không?

Trả lời: Việc đáp ứng nhu cầu TTCT là của sinh viên là cần thiết, nhưng theo tôi sinh viên phải tự phát triển năng lực, xem tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững tri thức, kỹ năng, thái độ do chính người học tiến hành. Người học tự lập kế hoạch, tự lựa chọn nội dung đối tượng học tập, việc tự học có thể được tiến hành ở trên lớp hoặc ngoài lớp học. Đây là điều kiện cần thiết để thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận thông tin mọi lúc, mọi nơi, trong đó có các TTCT. Nhà trường xác định cần thiết phải trang bị cho người học những tri thức và kỹ năng học tập cơ bản. Theo tôi thì nhà trường cần quan tâm hơn đến đội ngũ giảng viên và cố vấn học tập, vì chính đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập trong nhà trường đóng vai trò quan trọng trong đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, thông qua việc tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho sinh viên, vì họ luôn gần gũi với sinh viên và tư vấn cho sinh viên hiệu quả.

Cảm ơn ông đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.8: Phỏng vấn ông Nguyễn Văn Đ, giảng viên Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, cố vấn học tập.

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa ông, tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Ông vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của sinh viên đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội theo đánh giá của ông?

Trả lời: Theo tôi sinh viên của trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội rất năng động và thông minh. Các em có nhu cầu TTCT và luôn biết cách tự đáp ứng nhu cầu bằng các phương tiện, phương thức khác nhau. Nhà trường cũng rất quan tâm đến vấn đề đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, đầu tư công nghệ thông tin, cơ sở vật chất, chăm sóc đến đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập là những người luôn gần gũi với sinh viên. Tuy nhiên chất lượng công tác cố vấn học tập không đạt hiệu quả như mong muốn, khả năng đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên chưa cao.

Câu hỏi: Thưa ông, vậy thì làm cách nào để đáp ứng nhu cầu TTCT tốt nhất cho sinh viên?

Trả lời: Có thể cung cấp những thông tin thời sự trong nước và quốc tế; thông tin về dịch bệnh, thiên tai; thông tin về chính sách quản lý; thông tin về đường lối lãnh đạo của Đảng; về các hoạt động của chính quyền, đoàn thể, về các vấn đề an sinh xã hội, các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền... là những nội dung mang tính thời sự rất được sinh viên quan tâm, khi lồng vào nội dung lý luận chính trị, nội dung sẽ được đổi mới. Chính những thông tin thời sự này một mặt đáp ứng nhu cầu TTCT của sinh viên, mặt khác kích thích nhu cầu mới ở tầng sâu hơn, buộc sinh viên không chỉ tiếp nhận mà còn dùng lý trí phân tích, mở rộng thông tin, biến thông tin thành động lực cho ý chí hành vi của mình. Hoạt động ngoại khóa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung những kỹ năng và kinh nghiệm sống cho sinh viên, giúp họ có nhận thức và kỹ năng tốt trong tiếp nhận thông tin, đáp ứng nhu cầu TTCT của mình. Tôi nghĩ nên tăng cường hoạt động này thêm nữa.

Cảm ơn ông đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.9: Phỏng vấn bà Nguyễn Thị Thu T, giảng viên Đại học Phòng cháy chữa cháy, P. Bí thư chi bộ.

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa bà, tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Bà vui lòng cho biết nhu cầu tiếp nhận TTCT của sinh viên Đại học Phòng cháy chữa cháy theo đánh giá của bà?

Trả lời: Trường đại học Phòng cháy chữa cháy luôn chú trọng giáo dục bản lĩnh chính trị, giáo dục nếp sống chính quy cho sinh viên. Một trong những yêu cầu bắt buộc là sinh viên của trường thường xuyên cập nhật TTCT và luôn được đáp ứng yêu cầu về TTCT để giữ vững niềm tin, để xây dựng phong cách người Công an nhân dân vì nước quên thân vì dân phục vụ.

Câu hỏi: Thưa bà, làm cách nào để tăng cường đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay?

Trả lời: Để đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên, nhà trường cần phải giải quyết nhiều vấn đề. Ví dụ nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị, xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, tổ chức các hoạt động ngoại khóa có ý nghĩa giáo dục. Hoạt động ngoại khóa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung những kỹ năng và kinh nghiệm sống cho sinh viên, giúp họ có nhận thức và kỹ năng tốt trong tiếp nhận thông tin, đáp ứng nhu cầu TTCT của mình... Ngoài ra nhà trường cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, những phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của giảng viên và sinh viên, giúp cho sinh viên chủ động, tích cực, sáng tạo độc lập trong suy nghĩ, tìm tòi, trau dồi khả năng tư duy, từ đó sẽ giúp các em nắm vững, hiểu sâu nội dung của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Để việc kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường phát huy hiệu quả, hoạt động kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, liên tục; kế hoạch kiểm tra phải được xây dựng ngay từ đầu năm học, nội dung và lộ trình phải phù hợp với điều kiện, yêu cầu của nhà trường, công tác kiểm tra phải được tiến hành toàn diện, đầy đủ.

Cảm ơn bà đã chia sẻ cùng chúng tôi!

PVS.10: Phỏng vấn ông Nguyễn Việt Th. – Hội đồng Lý luận Trung ương

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại cơ quan

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa ông, tôi đang nghiên cứu đề tài khoa học về nhu cầu TTCT của sinh viên. Xin ông vui lòng cho biết vai trò của TTCT đối với sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay?

Trả lời: TTCT rất cần thiết trong giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên, đây là một bộ phận quan trọng của giáo dục và đào tạo ở bậc đại học, là yêu cầu khách quan nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên. Nhu cầu TTCT của sinh viên có tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, đạo đức và khả năng thực hành công việc của sinh viên trong thực tiễn cuộc sống, vì khi các em có nhu cầu đúng và được đáp ứng, các em sẽ có ý thức chính trị tốt. Điều đó lại càng quan trọng hơn khi thời gian gần đây đang có những diễn biến phức tạp, nhiều vấn đề trong quá trình xây dựng CNXH, về xác định con đường đi lên CNXH ở nước ta cần được làm sáng tỏ thêm về mặt lý luận. Vì vậy, nhu cầu TTCT rất quan trọng trong giáo dục ý thức chính trị, bổ sung lý luận cách mạng cho sinh viên.

Đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên để đáp ứng thực được với tiến cách mạng nước ta hiện nay là một yêu cầu hết sức cấp thiết, nhằm cung cấp những tri thức khoa học trong lĩnh vực chính trị để góp phần hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, hướng đến xây dựng nhân cách trong sáng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của quá trình hội nhập và phát triển Thủ đô. TTCT cùng với các thông tin khoa học khác và các hoạt động chính trị - xã hội góp phần bồi dưỡng nhân sinh quan cộng sản, lý tưởng cách mạng và niềm tin vào các giá trị của CNXH, để sinh viên có hành động chính trị - xã hội tích cực mang tính nhân văn và tiên bộ.

Câu hỏi: Xin ông cho biết đánh giá của ông về thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay ?

Trả lời: Nhiều sinh viên có nhu cầu TTCT, vì các bạn ấy hiểu TTCT sẽ giúp nâng cao ý thức chính trị, nhu cầu TTCT là nhằm củng cố niềm tin vào tiền đề cách mạng bằng các cơ sở khoa học, xác lập các công cụ nhận thức,

nhằm giải quyết các vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Nhu cầu TTCT là nhằm làm cho sinh viên hiểu biết về quy luật phát triển của xã hội, về thế giới quan khoa học, về đường lối, chính sách của Đảng, biến nó thành niềm tin, lý tưởng, những nguyên tắc đạo đức, giúp sinh viên tiếp thu những tư tưởng mới tiến bộ, khoa học. Tuy nhiên, nhiều sinh viên có nhu cầu TTCT thấp hoặc chưa đúng, họ không biết rằng có nhu cầu TTCT và thỏa mãn nó là một cách tốt nhất để học tốt, rèn luyện tốt, để hạn chế và khắc phục những sai lầm trong thực tiễn, không coi khinh lý luận, hoặc lý luận suông.

Câu hỏi: Thưa ông, quan điểm của ông về vấn đề này như thế nào ạ?

Trả lời: Theo tôi, cần tăng cường định hướng, đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên vì với vai trò tiên phong trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước, tầng lớp sinh viên là chủ nhân tương lai của đất nước, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng của đất nước ta hiện nay. Để hoàn thành được sứ mệnh to lớn này, sinh viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ và có lý tưởng cách mạng, tuyệt đối trung thành với đường lối lãnh đạo của Đảng, kiên định với con đường đi lên CNXH mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, có niềm tin thắng lợi vào công cuộc đổi mới mà Đảng và nhân dân ta đang thực hiện. Vì vậy, định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên các trường đại học hiện nay là nhiệm vụ có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm hướng tới việc xây dựng con người trong thời kỳ cách mạng mới với những phẩm chất cách mạng và lý tưởng cao đẹp. Cần quản lý thông tin và định hướng TTCT của sinh viên sao cho đúng quan điểm của Đảng, để sinh viên hiểu đúng các TTCT.

Xin cảm ơn ông đã trả lời phỏng vấn của chúng tôi !

PVS.11: Phỏng vấn ông Nguyễn Đức L.– Ban Tuyên giáo Trung ương
 Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa ông, xin ông vui lòng cho biết đánh giá của ông về nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay?

Trả lời: Nhu cầu TTCT có liên quan chặt chẽ đến giáo dục LLCT là một bộ phận trong công tác tư tưởng của Đảng nói chung và công tác giáo dục đào tạo ở các trường đại học ở nước ta nói chung, các trường đại học trên địa bàn Hà Nội nói riêng. Vấn đề cốt yếu nhất trong định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên là giáo dục lý tưởng XHCN, xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Sinh viên là những thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng, là tầng lớp tri thức chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở đất nước ta hiện nay. Việc giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện LLCT cho sinh viên có liên quan đến xu thế phát triển trong tương lai của dân tộc, đến sự thành bại của cách mạng, đến định hướng XHCN...Do đó, bên cạnh việc giáo dục những kiến thức chuyên môn để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao gắn với nền kinh tế tri thức, thì cần tăng cường giáo dục LLCT, đặt ra yêu cầu bức thiết là phải tăng cường giáo dục về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là vấn đề nhu cầu TTCT cho sinh viên.

Thực tế hiện nay, một số sinh viên chưa thật sự có nhu cầu TTCT, một số có nhu cầu nhưng lại chưa đúng đắn. Các trường đại học cũng chưa có điều kiện để đáp ứng đầy đủ nhu cầu TTCT của sinh viên. Ban Tuyên giáo cũng nhận thấy phần lớn sinh viên tin tưởng và đồng thuận với đường lối chính trị của Đảng, chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, ra sức học tập, rèn luyện và lao động sản xuất. Nhiều sinh viên có thái độ, nhận thức tốt và ý thức chính trị cao, có ý chí vươn lên, phát huy mạnh mẽ truyền thống xung kích của những thế hệ thanh niên lớp trước, trở thành tấm gương sáng cho đông đảo thanh niên noi theo. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một bộ phận sinh viên không có chí hướng rõ ràng, chưa hiểu biết đầy đủ truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, ít quan tâm đến tình hình của đất nước, quốc tế. Một bộ phận sinh viên “nhạt Đảng, phai Đoàn, xa chính trị”, không có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện, có những sinh viên giảm

sút niềm tin, thiếu niềm tin, bản lĩnh non kém, thậm chí bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật. Một bộ phận sinh viên hiện đang chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt, lợi ích cá nhân của mình. Số này chỉ quan tâm đến việc học tập chuyên môn; tập trung vào việc đi học, sau đó, đi làm thêm, ít quan tâm tới các vấn đề xã hội, chính trị; ít tham gia các phong trào, các hoạt động xã hội nên không có nhu cầu TTCT. Một bộ phận sinh viên còn chịu tác động ảnh hưởng của các hoạt động tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch; tư tưởng còn bị dao động; nhiều lúc còn mơ hồ, thiếu kiên định, thiếu hoài bão, không tích cực tham gia các phong trào và hoạt động xã hội, nhu cầu TTCT không đúng đắn.

Câu hỏi: Theo ông, giải pháp nào để khắc phục tình trạng này ạ ?

Trả lời: Trong thời gian tới, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, quản lý các cấp trong hệ thống các nhà trường, học viện, nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm phối hợp giữa phòng công tác sinh viên và với các khoa, bộ môn giảng dạy về LLCT, cổ vũ học tập. Phải coi công tác đấu tranh bảo vệ Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch là một bộ phận cơ bản trong các tài liệu, giáo trình, bài giảng LLCT. Đồng thời, phối hợp, chủ động tổ chức hội thảo, các buổi giao lưu, trao đổi, tọa đàm về đạo đức cách mạng trong giáo dục LLCT với sự tham gia của các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực này, nhằm tăng cường bản lĩnh chính trị, năng lực đấu tranh của sinh viên đối với các quan điểm sai trái, phản động, cung cấp TTCT cho sinh viên, giúp họ nắm bắt được những kiến thức cơ bản, kết hợp với việc liên hệ thực tiễn, từ đó có tư duy độc lập, đúng đắn, hành động phù hợp trong cuộc sống, qua đó sinh viên có được phương pháp tiếp cận, nắm bắt thông tin, kiến thức một cách hiệu quả.

Xin cảm ơn ông đã trả lời phỏng vấn của chúng tôi !

PVS.12: Đối tượng phỏng vấn là bà Nguyễn Thu Thủy – Vụ Giáo dục Đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại cơ quan

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa bà, bà đánh giá thế nào về nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay ạ ?

Trả lời: Theo tôi, nhiều sinh viên nhận thức có nhu cầu TTCT và được thỏa mãn nhu cầu đó là rất cần thiết, vì trong thời gian học tại trường đại học, sinh viên không chỉ cần kiến thức chuyên môn vững vàng mà cần phải có phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng và lý tưởng sống cao đẹp. Nhu cầu TTCT đặc biệt quan trọng với sinh viên các trường công an, quân đội. Hiện các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn, nhắm vào thế hệ trẻ để lôi kéo, kích động chạy theo lối sống thực dụng, làm mất phương hướng chính trị. Chính TTCT giúp sinh viên nhận thức âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch để chủ động phòng tránh, vì thế họ có nhu cầu. Một số sinh viên các trường kỹ thuật như Trường Đại học Bách khoa Hà Nội cũng có nhận thức đúng về nhu cầu TTCT, dù học ngành kỹ thuật nhưng các em thấy các môn lý luận chính trị là cần thiết để sinh viên có nhận thức đầy đủ, khách quan về xã hội. Trong chương trình mới tăng cường phương pháp thảo luận nhóm, TTCT giúp em nhận thức các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội đầy đủ hơn; trưởng thành về văn hóa ứng xử, biết chia sẻ và hợp tác. Đây là chương trình theo hướng mở, phát huy phẩm chất và năng lực người học khiến sinh viên rất hứng thú, kích thích nhu cầu TTCT của sinh viên. Chương trình mới được thiết kế với 30% thời lượng thảo luận, 70% lý thuyết, sinh viên có nhận thức lý luận sâu sắc hơn, đi vào thực chất của vấn đề, từ đó đạt kết quả cao trong học tập. Ngoài ra, chương trình được thiết kế theo hình thức đào tạo tín chỉ. Sinh viên chủ động thiết kế kế hoạch học tập cho mình, được quyền lựa chọn tiến độ học tập thích hợp với khả năng, sở trường và hoàn cảnh riêng. Cùng với việc trao quyền chủ động cho sinh viên, học chế tín chỉ cũng đòi hỏi sinh viên chủ động trong việc học, nhu cầu TTCT ngày càng được nâng cao.

Xin cảm ơn bà đã trả lời phỏng vấn của chúng tôi!

PVS.13: Đối tượng phỏng vấn là Ông Bùi Văn Linh - Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác Học sinh- sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại cơ quan

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa ông, ông nhận định như thế nào về ý thức chính trị của sinh viên các trường đại học hiện nay ạ ?

Trả lời: Trong những năm gần đây, ý thức chính trị của sinh viên các trường đại học ngày càng cao hơn. Việc dạy và học các môn khoa học Mác-Lênin của các trường đại học từng bước thực hiện theo hướng chuyển dần từ việc truyền đạt tri thức thụ động sang lối giảng đối thoại, gợi mở; chú trọng dạy cho sinh viên phương pháp tự học; tăng cường tính chủ động, tích cực của sinh viên trong quá trình học tập. Theo phương pháp học tập mới này, sinh viên phải nghiên cứu giáo trình trước khi lên lớp, đọc tài liệu, suy nghĩ, thảo luận nhiều hơn. Giảng viên chú trọng hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kết hợp giảng dạy lý luận với giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức nâng cao trình độ nhận thức, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Câu hỏi: Có ý kiến cho rằng sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay không có nhu cầu TTCT hoặc có thì đa phần là lệch lạc, không đúng đắn. Ông có đồng quan điểm như vậy không ạ?

Trả lời: Đúng là một số không quan tâm, một số quan tâm vì tò mò. Tại các trường đại học, sinh viên mong muốn đứng trong hàng ngũ của Đảng ngày càng giảm sút, họ không muốn phấn đấu, thậm chí họ ngại vào Đảng vì không thấy có lợi cho bản thân, cho công việc do định hướng xin việc ngoài nhà nước; thủ tục quy trình vào Đảng phức tạp. Có em vào Đảng vì động cơ chưa tích cực, thể hiện mục đích vụ lợi, tính toán cho bản thân; vào Đảng không phải vì mong muốn cống hiến cho đất nước, cho Đảng. Nhưng cũng có nhiều em quan tâm vì có trách nhiệm với cộng đồng, quan tâm vì muốn được hiểu biết, thực sự có nhu cầu TTCT một cách nghiêm túc, sâu sắc.

Xin cảm ơn ông đã trả lời phỏng vấn của chúng tôi!

PVS.14: Đối tượng phỏng vấn là Ông Vũ Tuấn D - Bí thư Đảng ủy khối các trường đại học Hà Nội

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại cơ quan

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa ông, trong các trường đại học, các môn LLCT thường khiến sinh viên chán học dẫn đến thiếu hụt nhu cầu TTCT. Vậy giải pháp nào để các môn LLCT sẽ kích thích nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay ạ ?

Trả lời: Với đặc thù của môn LLCT, giáo viên cần tạo điều kiện cho sinh viên cơ hội được nói, bày tỏ, thể hiện quan điểm, chính kiến của mình bằng nhiều hình thức khác nhau. Thảo luận nhóm là phương pháp hiệu quả, để sinh viên có dịp bày tỏ quan điểm của họ về một vấn đề nào đó. Với phương pháp này, giáo viên là người tổ chức và thiết kế hoạt động, thành lập các nhóm, đề ra nhiệm vụ của từng nhóm, đồng thời là người điều hành, giám sát, hướng dẫn các nhóm tự nghiên cứu, hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình. Giáo viên còn là người chủ trì hoạt động thảo luận chung toàn lớp và tổng kết, gợi ý định hướng kiến thức cho sinh viên. Tương ứng với các hoạt động trong một giờ dạy như: Khởi động, khám phá, vận dụng, tổng kết, giáo viên thiết kế trò chơi học tập phù hợp. Ví dụ với hoạt động khởi động, giáo viên có thể tổ chức trò chơi đoán chữ dựa trên những hình ảnh/ đoạn nhạc... để sinh viên tìm ra từ khóa. Từ khóa này phù hợp với kiến thức của bài học để dẫn nhập vào bài.

Thứ đến là tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Giáo viên có thể sử dụng trò chơi như: Ô chữ bí mật, đuổi hình bắt chữ, đường lên đỉnh Olympia, rung chuông vàng... trong các phần tổng kết bài hay ôn tập của chương, giúp sinh viên không chỉ nắm bắt được kiến thức của bài học mà còn tạo hứng thú cho người học, không khí lớp học trở nên sôi động hơn. Qua thời gian thực hiện chương trình mới, sinh viên hào hứng hơn với các môn LLCT. Trong thời gian tới, thầy cô giáo tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tăng tính hiệu quả, hấp dẫn với học phần LLCT, trong đó có việc tổ chức mô hình Câu lạc bộ sinh viên yêu thích các môn LLCT, áp dụng phương thức B-Learning trong giảng dạy môn học này...

Xin cảm ơn ông đã trả lời phỏng vấn của chúng tôi!

PVS.15: Đối tượng phỏng vấn là ông Phạm Văn Năm – Phó Hiệu trưởng trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

Hình thức phỏng vấn: trực tiếp tại trường

Thời gian thực hiện:

Người thực hiện: Tác giả luận án

Câu hỏi: Thưa ông, thực trạng nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay đang bị đánh giá không thống nhất. Có ý kiến cho rằng sinh viên không có nhu cầu, ý kiến khác khẳng định là có. Ông đánh giá như thế nào ạ ?

Trả lời: Theo tôi, nhu cầu TTCT của sinh viên các trường đại học hiện nay là có, nhưng chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của giáo dục chính trị. Do nhiều nguyên nhân khác nhau nên ở một bộ phận sinh viên có những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Một số sinh viên ngại học LLCT, nhìn nhận, đánh giá sai lệch các vấn đề chính trị xã hội, ít quan tâm đến tình hình chính trị trong nước và quốc tế, thiếu tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào, hoạt động chính trị xã hội. Không ít những sinh viên do ảnh hưởng lối sống thực dụng nên có xu hướng sống hưởng thụ, không biết trân trọng các giá trị truyền thống dân tộc, không có nhu cầu TTCT.

Câu hỏi: Nhu cầu TTCT của sinh viên là gì, thưa ông?

Trả lời: Nói đến nhu cầu TTCT của sinh viên là nói đến sự nhận thức về những vấn đề liên quan đến đời sống chính trị xã hội; là thái độ, niềm tin, lý tưởng, ý chí, bản lĩnh chính trị. Các yếu tố của ý thức chính trị ảnh hưởng, quy định lẫn nhau và có vai trò định hướng cho hành động của con người trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Nhu cầu TTCT của sinh viên không thể tách rời ý thức chính trị chung, nhưng sinh viên là một bộ phận đặc thù của xã hội, có đặc điểm về tâm lý, nhận thức, môi trường học tập, sinh hoạt, do đó nhu cầu TTCT của sinh viên có những biểu hiện riêng. Trước hết là nhu cầu hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Nhu cầu TTCT của sinh viên thể hiện ở tinh thần yêu nước, yêu CNXH; sự tự tôn dân tộc, tự hào với truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước, với truyền thống vẻ vang của Đảng, thể hiện ở tình cảm, niềm tin, lý tưởng cách

mạng, cũng như ý chí, bản lĩnh chính trị của sinh viên. Có thể nhận ra nhu cầu TTCT của sinh viên thông qua nhận thức, thái độ của họ đối với các sự kiện, các vấn đề chính trị của đất nước, của dân tộc và thời đại, sự tham gia của sinh viên vào đời sống chính xã hội.

Câu hỏi: Thưa ông, các trường đại học cần làm gì để tăng cường định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên?

Trả lời: Cần tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên. Những năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các trường đại học rất quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên. Thực hiện Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020”, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 410/QĐ-BGDĐT ngày 4/2/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1501/QĐ-TTg của ngành Giáo dục. Các trường đại học cần tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung các Quyết định, Kế hoạch đến cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên; tuyên truyền sâu rộng về nội dung Đề án; phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc tham gia thực hiện Đề án. Các tổ chức trong hệ thống chính trị của Nhà trường, các phòng, ban chức năng, cũng như đội ngũ cán bộ, giảng viên thời gian qua chưa phối hợp chặt chẽ trong giáo dục chính trị tư tưởng, định hướng và đáp ứng nhu cầu TTCT cho sinh viên thông qua các phong trào đoàn hội, các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”, “Sinh viên tình nguyện”, “Sinh viên với biển, đảo” và nhiều chương trình khác...

Thứ hai, cần phát huy vai trò của các cấp lãnh đạo, quản lý, các tổ chức đoàn thể trong định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Các cấp lãnh đạo, quản lý, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong định hướng nhu cầu TTCT cho sinh viên. Trong điều kiện phát triển rất nhanh của thông tin, truyền thông, cần triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, sinh viên trên môi trường mạng đến năm 2025”, được phê duyệt theo Quyết định số 3296/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các cấp ủy Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo

dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên. Các đơn vị, tổ chức trong Nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với nhau và phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong hoạt động quản lý, giáo dục sinh viên. Phòng Công tác Chính trị và học sinh, sinh viên cần làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước cho sinh viên; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục sinh viên. Các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cần xác định các nội dung thiết thực và đa dạng hóa các hình thức hoạt động để nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

Thứ ba, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng thông qua các phương tiện thông tin, truyền thông. Cần xây dựng chuyên trang, chuyên mục, hình ảnh, video clip tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên trên mạng xã hội, website của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, các khoa, phòng, ban chức năng, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tuyên truyền, định hướng tư tưởng chính trị cho sinh viên thông qua các diễn đàn trên Internet, mạng nội bộ, trang thông tin (Fanpage), nhóm (Group, Confession) trên mạng xã hội. Bên cạnh đó, cần tổng hợp các bài viết, hình ảnh, thông tin tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng từ nguồn tin chính thống tại các trang thông tin, cơ quan báo chí của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội ở Trung ương và địa phương để chia sẻ đến sinh viên thông qua môi trường mạng; tuyên truyền, giáo dục thông qua email, điện thoại, tin nhắn viễn thông.

Xin cảm ơn ông đã trả lời phỏng vấn của chúng tôi!